

# Màn hiển thị đa năng John Deere G5<sup>Plus</sup> và Màn hiển thị đa năng G5

Phiên bản phần mềm: 11.1.3967-XXX



JOHN DEERE

## HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH

Màn hiển thị đa năng G5Plus và Màn  
hiển thị đa năng G5 của John Deere

OMPFP27140 VẤN ĐỀ B6 (VIETNAMESE)

John Deere Ag Management Solutions

# Giới thiệu

## Lời nói đầu

CẢM ƠN QUÝ KHÁCH đã mua sản phẩm của John Deere.

HÃY ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG để biết cách vận hành và bảo dưỡng sản phẩm đúng cách. Việc không thực hiện theo quy trình này có thể gây thương tích cho người hoặc gây hư hỏng thiết bị. Hướng dẫn sử dụng và các biển báo an toàn trên sản phẩm này cũng có cho các ngôn ngữ khác. Truy cập [www.techpubs.deere.com](http://www.techpubs.deere.com) (Ag&Turf/JDPS), [www.johndeereinfo.com](http://www.johndeereinfo.com) (C&F) hoặc liên hệ đại lý John Deere của bạn để đặt hàng.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG NÀY là một phần không thể tách rời và luôn đi kèm sản phẩm khi bán.

CÁC SỐ ĐO trong hướng dẫn sử dụng này được đưa ra bằng cả đơn vị hệ mét và hệ Mỹ. Chỉ sử dụng các phụ tùng thay thế và ốc vít chính xác. Sử dụng cỡ lê chuyên dụng hệ inch hoặc mét để vặn các ốc có thông số hệ inch và mét.

Xác định phía BÊN TRÁI VÀ BÊN PHẢI dựa trên hướng theo chiều di chuyển về phía trước của sản phẩm hoặc thiết bị.

GHI MÃ NHẬN DẠNG SẢN PHẨM (PIN) trong phần Thông số kỹ thuật hoặc Số hiệu sản phẩm. Ghi chính xác tất cả số hiệu để giúp truy tìm sản phẩm trong trường hợp bị mất cắp. Thông tin mã PIN rất hữu ích khi đặt hàng bộ phận. Lưu trữ mã nhận dạng ở nơi an toàn, không được ghi trên sản phẩm.

BẢO HÀNH là một phần trong chương trình hỗ trợ của John Deere dành cho khách hàng vận hành và bảo dưỡng thiết bị như đã mô tả trong hướng dẫn sử dụng này. Chính sách bảo hành được nêu rõ trên giấy chứng nhận bảo hành hoặc biên bản bảo hành mà bạn đã nhận được khi mua sản phẩm.

Chính sách bảo hành này bảo đảm rằng John Deere sẽ hỗ trợ sản phẩm nếu phát sinh hư hỏng trong thời hạn bảo hành. Trong một số trường hợp, John Deere cũng đưa ra những cải tiến thực địa, thường miễn phí cho khách hàng, ngay cả khi sản phẩm đã hết hạn bảo hành. Nếu thiết bị bị lạm dụng hoặc bị sửa đổi để thay đổi hiệu suất vượt quá thông số kỹ thuật ban đầu của nhà sản

xuất, chính sách bảo hành sẽ mất hiệu lực và nhà sản xuất có thể từ chối cung cấp các cải tiến thực địa.

Nếu bạn không phải là chủ sở hữu ban đầu của sản phẩm này, vui lòng liên hệ và thông báo cho đại lý John Deere biết số sêri của máy. Điều này sẽ giúp John Deere thông báo cho bạn biết về bất kỳ vấn đề nào hoặc các cải tiến liên quan đến sản phẩm.

DX,IFC5E-83-05NOV25

## John Deere hân hạnh phục vụ



TS201—UN—15APR13

Sự hài lòng của khách hàng rất quan trọng đối với John Deere.

Các đại lý của chúng tôi cố gắng cung cấp các phụ tùng và dịch vụ nhanh chóng, hiệu quả:

- Phụ tùng bảo dưỡng và bảo trì để hỗ trợ thiết bị của bạn.
- Kỹ thuật viên bảo trì được đào tạo, cùng với các dụng cụ chẩn đoán và sửa chữa cần thiết để bảo trì thiết bị của bạn.
- **John Deere cung cấp phụ tùng thay thế, dịch vụ sửa chữa và thông tin về dịch vụ bảo dưỡng hoặc sửa chữa. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập [deere.com](http://deere.com) hoặc [deere.ca](http://deere.ca).**

DX,IFC,JDS-83-30SEP25

## Thương hiệu

| Thương hiệu    |                                 |
|----------------|---------------------------------|
| AutoTrac™      | Thương hiệu của Deere & Company |
| CommandCenter™ | Thương hiệu của Deere & Company |
| Field Doc™     | Thương hiệu của Deere & Company |
| FurrowVision™  | Thương hiệu của Deere & Company |
| GreenStar™     | Thương hiệu của Deere & Company |
| iGrade™        | Thương hiệu của Deere & Company |
| iPad™          | Thương hiệu của Apple           |
| iTEC™          | Thương hiệu của Deere & Company |
| JDLink™        | Thương hiệu của Deere & Company |
| John Deere     | Thương hiệu của Deere & Company |
| RowSense™      | Thương hiệu của Deere & Company |

## Giới thiệu

|                  |                                 |
|------------------|---------------------------------|
| SeedStar™        | Thương hiệu của Deere & Company |
| Service ADVISOR™ | Thương hiệu của Deere & Company |
| StarFire™        | Thương hiệu của Deere & Company |
| Voyager®         | Thương hiệu của ASA Electronics |

ch177nn,1728451133747-83-28MAY25

## Mức sử dụng màn hình và tiếp xúc

### **QUAN TRỌNG: Không lau mạnh tay hay nhúng Màn hiển thị John Deere G5e CommandCenter vào nước.**

Màn hiển thị John Deere G5e CommandCenter và các đầu nối đi kèm, khi được kết nối hoặc cắm, có khả năng chịu nước và chống bụi IP65 để chịu được các điều kiện thường thấy trong các ứng dụng nông nghiệp. Có thể sử dụng màn hình này trong ca-bin kín hoặc hở. Nên tránh các tác động quá mạnh, như lau mạnh tay hoặc nhúng màn hình vào nước. Tháo màn hình khỏi máy khi không sử dụng để tránh tiếp xúc trong thời gian dài với các yếu tố.

ch177nn,1676275764495-83-04MAR25

## Kho sách thông tin kỹ thuật của John Deere

Chức năng của sản phẩm có thể không được thể hiện đầy đủ trong tài liệu này do có những thay đổi về sản phẩm xảy ra sau thời gian in. Đọc Hướng dẫn vận hành mới nhất trước khi vận hành. Để có được bản sao, hãy ghé thăm đại lý của bạn hoặc truy cập vào techpubs.deere.com.

CZ76372,000071F-83-04AUG25

## Hướng dẫn vận hành trên màn hình

Bạn có thể tìm thấy Hướng dẫn vận hành Màn hình G5 trong ứng dụng Trung tâm trợ giúp. Tham khảo Trợ giúp trên màn hình trong phần Giới thiệu màn hình.

AL70325,000063C-83-04MAR25

## Tải xuống bản cập nhật phần mềm

Đảm bảo màn hình được cập nhật với phần mềm mới nhất. Bản cập nhật phần mềm có sẵn để tải xuống từ:

**<https://my.deere.com/software-downloads/software-manager/>**

CZ76372,000071E-83-17JUN14

# Mục lục

Trang

Trang

## An toàn

|                                                          |       |
|----------------------------------------------------------|-------|
| Nhận biết thông tin an toàn .....                        | 02A-1 |
| Hiểu rõ từ ngữ cảnh báo .....                            | 02A-1 |
| Thực hiện theo hướng dẫn an toàn .....                   | 02A-1 |
| Thực hiện bảo dưỡng an toàn .....                        | 02A-2 |
| Sử dụng thang tiếp cận và tay nắm cho<br>đúng cách ..... | 02A-2 |
| Xử lý các bộ phận điện và giá đỡ an toàn .....           | 02A-2 |
| Sử dụng màn hình điện tử đúng cách .....                 | 02A-2 |
| Tránh xa các thiết bị thu hoạch .....                    | 02A-3 |
| Vận hành máy kéo an toàn .....                           | 02A-3 |
| Vận hành hệ thống điều khiển an toàn .....               | 02A-4 |
| Sử dụng đai an toàn ghế ngồi đúng cách .....             | 02A-5 |
| Đồ máy an toàn .....                                     | 02A-5 |
| Ghế hướng dẫn .....                                      | 02A-5 |
| Vận hành hệ thống tự động hóa thiết bị an<br>toàn .....  | 02A-5 |
| Tránh đầu cao áp .....                                   | 02A-6 |
| Đọc Hướng dẫn vận hành bộ điều khiển<br>ISOBUS .....     | 02A-6 |
| Tránh tai nạn khi lùi xe .....                           | 02A-6 |
| Ngăn ngừa điện giật và hỏa hoạn .....                    | 02A-6 |
| Tránh các đường dây điện .....                           | 02A-7 |
| Khoảng cách thích hợp khi vận hành tự động ....          | 02A-7 |
| Lái máy trong quá trình vận hành tự động .....           | 02A-7 |

## Dấu hiệu an toàn

|                                                              |       |
|--------------------------------------------------------------|-------|
| An toàn khi vận hành tự động .....                           | 02B-1 |
| Cảnh báo an toàn — AutoTrac được phát hiện ....              | 02B-1 |
| Cảnh báo an toàn — Đường biên không thể<br>vượt qua .....    | 02B-1 |
| Cảnh báo an toàn — Bộ điều khiển ISOBUS .....                | 02B-1 |
| Cảnh báo an toàn — Vận hành không đúng<br>cách ISO Aux ..... | 02B-2 |
| Cảnh báo an toàn — Cấu hình ISO Aux .....                    | 02B-2 |
| Cảnh báo an toàn — Hướng dẫn ISO Aux .....                   | 02B-2 |
| Cảnh báo an toàn — Khởi động lại hệ thống .....              | 02B-2 |
| Cảnh báo an toàn — Cài đặt phần mềm .....                    | 02B-3 |
| Thiết bị điện và điện tử thái bỏ .....                       | 02B-3 |

## Nhãn an toàn không có văn bản

|                                             |       |
|---------------------------------------------|-------|
| Vị trí nhãn an toàn .....                   | 02C-1 |
| Hiểu về Nhãn an toàn không có Văn bản ..... | 02C-1 |
| Đọc Hướng dẫn người vận hành .....          | 02C-1 |

## Thông tin công bố

|                                                                                  |      |
|----------------------------------------------------------------------------------|------|
| Tên Model và Nhãn .....                                                          | 03-1 |
| Xác định mã ngày .....                                                           | 03-1 |
| Thông báo của Ủy ban Truyền thông Liên<br>bang .....                             | 03-1 |
| Thông báo của Ủy ban Truyền thông Liên<br>bang (FCC) Hoa Kỳ tới người dùng ..... | 03-2 |

|                                          |       |
|------------------------------------------|-------|
| Cộng đồng Kinh tế Á Âu — EAC .....       | 03-2  |
| Cộng đồng Kinh tế Á Âu — EAC .....       | 03-5  |
| Tuyên bố tuân thủ — EU .....             | 03-8  |
| Tuyên bố tuân thủ — EU .....             | 03-9  |
| Tuyên bố tuân thủ - Vương quốc Anh ..... | 03-10 |
| Tuyên bố tuân thủ - Vương quốc Anh ..... | 03-11 |

## Vận hành - Giới thiệu về màn hiển thị

|                                                       |       |
|-------------------------------------------------------|-------|
| Màn hiển thị đa năng John Deere G5 và<br>G5Plus ..... | 04A-1 |
| Cấu trúc Trang vận hành .....                         | 04A-2 |
| Trình đơn .....                                       | 04A-2 |
| Trợ giúp trên màn hình .....                          | 04A-3 |
| Trung tâm trạng thái .....                            | 04A-3 |
| Phím chức năng lỗi tắt .....                          | 04A-3 |
| Giấy phép Màn hiển thị .....                          | 04A-3 |

## Vận hành—Thiết lập màn hiển thị

|                                    |        |
|------------------------------------|--------|
| Cài đặt hiển thị .....             | 04B-1  |
| Trình quản lý Bố cục .....         | 04B-5  |
| Người dùng và Quyền truy cập ..... | 04B-7  |
| Cài đặt không dây .....            | 04B-9  |
| Cài đặt cổng COM .....             | 04B-10 |
| Màn hình GreenStar ban đầu .....   | 04B-11 |

## Vận hành—Thiết lập công việc và hiện trường

|                                               |        |
|-----------------------------------------------|--------|
| Trình quản lý thiết bị .....                  | 04C-1  |
| Chọn cánh đồng .....                          | 04C-3  |
| Thiết lập cánh đồng .....                     | 04C-3  |
| Cánh đồng và Đường biên .....                 | 04C-5  |
| Lập bản đồ .....                              | 04C-13 |
| Cờ .....                                      | 04C-15 |
| Cờ lỗi vào .....                              | 04C-16 |
| Thiết lập công việc .....                     | 04C-16 |
| Tổng khối lượng công việc .....               | 04C-17 |
| Màn hình làm việc .....                       | 04C-18 |
| Ghi chép dữ liệu công việc .....              | 04C-19 |
| Chia sẻ .....                                 | 04C-19 |
| Video .....                                   | 04C-20 |
| Thiết lập các bộ điều khiển .....             | 04C-22 |
| Trình quản lý Cài đặt .....                   | 04C-22 |
| Nguyên lý hoạt động của Chạy không tải máy .. | 04C-22 |
| Điều khiển đường xe điện .....                | 04C-22 |

## Vận hành—Trình quản lý tệp

|                          |       |
|--------------------------|-------|
| Trình quản lý tệp .....  | 04D-1 |
| Ổ đĩa USB .....          | 04D-5 |
| Chụp hình màn hình ..... | 04D-5 |

Tiếp theo trang kế

Hướng dẫn gốc. Mọi thông tin, minh họa và thông số kỹ thuật trong hướng dẫn sử dụng này được dựa trên thông tin mới nhất có sẵn tại thời điểm công bố. Bảo lưu quyền thay đổi tại bất kỳ thời điểm nào mà không cần thông báo.

|                                                                   | Trang  |                                                                                          | Trang |
|-------------------------------------------------------------------|--------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| <b>Vận hành—Trình quản lý phần mềm</b>                            |        | Đường chạy gài .....                                                                     | 04J-7 |
| Trình quản lý phần mềm .....                                      | 04E-1  | <b>Vận hành—Điều khiển vùng chông</b>                                                    |       |
| Cập nhật phần mềm màn hình và bộ điều khiển .....                 | 04E-2  | Điều khiển chông chéo .....                                                              | 04K-1 |
| Kích hoạt phần cứng và phần mềm không phải màn hình .....         | 04E-4  | Đ.khiển phần nổi chông thủ công .....                                                    | 04K-1 |
| <b>Vận hành—ISOBUS VT</b>                                         |        | <b>Vận hành—Điều khiển vùng làm việc</b>                                                 |       |
| ISOBUS VT .....                                                   | 04F-1  | Điều khiển vùng làm việc .....                                                           | 04L-1 |
| <b>Vận hành—Bộ thu StarFire</b>                                   |        | Mô-đun trạng thái vùng làm việc .....                                                    | 04L-3 |
| Bộ thu GPS StarFire .....                                         | 04G-1  | Cài đặt chông chéo .....                                                                 | 04L-3 |
| Cập nhật phần mềm từ xa StarFire .....                            | 04G-1  | <b>Vận hành—Tự vận hành</b>                                                              |       |
| <b>Vận hành—Dẫn hướng AutoTrac</b>                                |        | Tổng quan về ứng dụng Tự vận hành .....                                                  | 04M-1 |
| AutoTrac .....                                                    | 04H-1  | <b>Vận hành - Truy cập màn hiển thị từ xa</b>                                            |       |
| Vận hành hệ thống điều khiển an toàn .....                        | 04H-2  | Truy cập màn hình từ xa .....                                                            | 04N-1 |
| Phương thức dẫn hướng AutoTrac .....                              | 04H-2  | Các bước để khởi tạo Truy cập màn hiển thị từ xa cho Điều khiển màn hiển thị từ xa ..... | 04N-1 |
| AutoPath .....                                                    | 04H-7  | <b>Điều chỉnh và tối ưu hóa—Dẫn hướng AutoTrac</b>                                       |       |
| Rãnh xê dịch .....                                                | 04H-10 | Cài đặt rãnh tròn .....                                                                  | 05A-1 |
| Thông báo thay đổi chiều rộng làm việc .....                      | 04H-11 | Tối ưu hóa lái .....                                                                     | 05A-1 |
| Đường đánh dấu .....                                              | 04H-12 | Cài đặt rãnh đường cong .....                                                            | 05A-4 |
| Tín hiệu Chia sẻ .....                                            | 04H-12 | <b>Điều chỉnh và tối ưu hóa—Điều khiển vùng làm việc</b>                                 |       |
| Công tắc đi trên đường và tiếp tục .....                          | 04H-12 | Cài đặt nâng cao .....                                                                   | 05B-1 |
| Khoảng cách hai rãnh .....                                        | 04H-12 | Tinh chỉnh hiệu suất .....                                                               | 05B-1 |
| Chọn rãnh dẫn hướng .....                                         | 04H-12 | <b>Xử lý sự cố—Màn hiển thị</b>                                                          |       |
| Hoán đổi rãnh .....                                               | 04H-12 | Trung tâm chẩn đoán .....                                                                | 06A-1 |
| Bộ rãnh .....                                                     | 04H-13 | Phục hồi hệ thống .....                                                                  | 06A-5 |
| Cài đặt dải đèn .....                                             | 04H-13 | <b>Xử lý sự cố—AutoTrac</b>                                                              |       |
| Chi tiết bản đồ AutoPath .....                                    | 04H-13 | Thông báo đã nhả AutoTrac .....                                                          | 06B-1 |
| Hình tròn trạng thái AutoTrac .....                               | 04H-13 | Xử lý sự cố .....                                                                        | 06B-2 |
| Cài đặt rãnh dẫn hướng .....                                      | 04H-14 | <b>Xử lý sự cố—AutoTrac Turn Automation</b>                                              |       |
| Bật AutoTrack .....                                               | 04H-15 | Xử lý sự cố với Dẫn hướng dụng cụ đang hoạt động .....                                   | 06C-1 |
| Gài AutoTrac .....                                                | 04H-15 | <b>Bảo dưỡng—Hiệu chuẩn</b>                                                              |       |
| Công tắc khôi phục .....                                          | 04H-15 | Bảo dưỡng và Hiệu chuẩn .....                                                            | 07A-1 |
| Cài lại AutoTrac trên hành trình kế tiếp .....                    | 04H-16 | Kiểm tra bảo dưỡng .....                                                                 | 07A-1 |
| Tốc độ Tối thiểu và Tối đa .....                                  | 04H-16 | Khoảng bảo dưỡng .....                                                                   | 07A-1 |
| Trình dự báo rẽ .....                                             | 04H-18 | Hiệu chỉnh .....                                                                         | 07A-1 |
| Điều hướng xung quanh vật cản .....                               | 04H-18 | <b>Bảo dưỡng—Bảo trì</b>                                                                 |       |
| Thông báo đã nhả AutoTrac .....                                   | 04H-19 | Vệ sinh màn hình .....                                                                   | 07B-1 |
| Dẫn hướng dụng cụ AutoTrac (Thụ động) .....                       | 04H-20 | Cài đặt lại dữ liệu gốc .....                                                            | 07B-1 |
| AutoTrac RowSense .....                                           | 04H-21 |                                                                                          |       |
| Tắt AutoTrac khi không sử dụng .....                              | 04H-22 |                                                                                          |       |
| Nhả và tắt hệ thống .....                                         | 04H-22 |                                                                                          |       |
| Cài đặt Hướng dẫn .....                                           | 04H-23 |                                                                                          |       |
| Tín hiệu theo dõi .....                                           | 04H-23 |                                                                                          |       |
| Ghi một Đường thẳng hoặc Điều hướng quanh vật cản .....           | 04H-23 |                                                                                          |       |
| Ghi một đường thẳng trong phạm vi một Đường cong thích nghi ..... | 04H-24 |                                                                                          |       |
| <b>Vận hành—AutoTrac Turn Automation</b>                          |        |                                                                                          |       |
| Tự động rẽ AutoTrac .....                                         | 04I-1  |                                                                                          |       |
| Tự động rẽ AutoTrac máy kéo .....                                 | 04I-2  |                                                                                          |       |
| Tự động rẽ AutoTrac liên hợp .....                                | 04I-4  |                                                                                          |       |
| AutoTrac Turn Automation của máy phun .....                       | 04I-6  |                                                                                          |       |
| <b>Vận hành—Đồng bộ máy</b>                                       |        |                                                                                          |       |
| Đồng bộ máy .....                                                 | 04J-1  |                                                                                          |       |
| Khả năng tương thích của Đồng bộ máy .....                        | 04J-2  |                                                                                          |       |
| Điều khiển đồng bộ máy .....                                      | 04J-4  |                                                                                          |       |
| Thực hiện đồng bộ máy — Đầu dẫn .....                             | 04J-5  |                                                                                          |       |
| Thực hiện đồng bộ máy — Đầu được kéo .....                        | 04J-6  |                                                                                          |       |

# An toàn

## Nhận biết thông tin an toàn



T81389—UN—28JUN13

Đây là ký hiệu cảnh báo an toàn. Khi thấy ký hiệu này trên máy hay trong hướng dẫn sử dụng này, hãy cảnh giác về khả năng gây thương tích cho người.

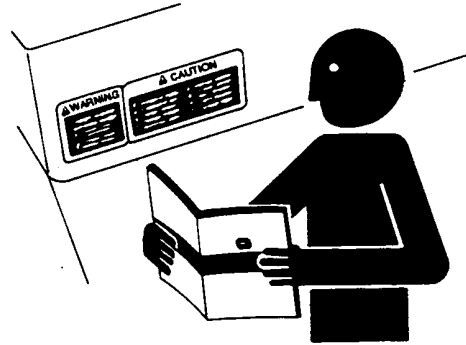
Thực hiện theo các biện pháp phòng ngừa đề nghị và ứng dụng vận hành an toàn.

DX,ALERT-83-03OCT22

TRỌNG còn yêu cầu chú ý đến các thông báo an toàn trong hướng dẫn này.

DX,SIGNAL-83-05OCT16

## Thực hiện theo hướng dẫn an toàn



TS201—UN—15APR13

Hãy đọc cẩn thận tất cả thông báo an toàn trong hướng dẫn sử dụng và trên các biển báo an toàn trên máy. Bảo quản các biển báo an toàn ở tình trạng tốt. Thay các biển báo an toàn bị mất hoặc hư hỏng. Bảo đảm các bộ phận thiết bị và phụ tùng sửa chữa có các biển báo an toàn hiện hành. Đại lý John Deere luôn có sẵn biển báo an toàn thay thế.

Có thể có bổ sung thông tin an toàn về các phụ tùng hay bộ phận có nguồn gốc từ nhà cung cấp mà không được in lại trong sách hướng dẫn vận hành này.

Tìm hiểu cách vận hành máy và phương thức điều khiển phù hợp. Không để bất kỳ ai vận hành máy mà chưa được hướng dẫn.

Duy trì máy ở tình trạng làm việc phù hợp. Việc điều chỉnh máy trái phép có thể làm giảm chức năng và/hoặc sự an toàn và ảnh hưởng đến tuổi thọ của máy.

Nếu không hiểu bất kỳ phần nào trong hướng dẫn sử dụng này và cần trợ giúp, hãy liên hệ đại lý John Deere của bạn.

DX,READ-83-01AUG22

## Hiểu rõ từ ngữ cảnh báo

**⚠ NGUY HIỂM**

**⚠ CẢNH BÁO**

**⚠ THẬN TRỌNG**

TS187—83—24MAY19

**NGUY HIỂM;** từ tín hiệu NGUY HIỂM cho biết các tình huống nguy hiểm, nếu không thận trọng, sẽ gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

**CẢNH BÁO;** từ tín hiệu CẢNH BÁO cho biết các tình huống nguy hiểm, nếu không thận trọng, có thể gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

**THẬN TRỌNG;** từ tín hiệu THẬN TRỌNG cho biết các tình huống nguy hiểm, nếu không thận trọng, có thể gây thương tích nhỏ hoặc vừa phải. Tín hiệu THẬN TRỌNG cũng có thể được dùng để cảnh báo tránh các thao tác thực hành không an toàn liên quan đến các sự cố có thể gây thương tích cho người.

Từ tín hiệu—NGUY HIỂM, CẢNH BÁO hoặc THẬN TRỌNG—được dùng chung với ký hiệu cảnh báo an toàn.

DANGER cho biết các mối nguy hiểm nghiêm trọng nhất. Biển báo an toàn DANGER hay WARNING được đặt gần các mối nguy cụ thể. Biện pháp phòng ngừa chung được liệt kê trên biển báo an toàn CAUTION. Từ tín hiệu THẬN

## Thực hiện bảo dưỡng an toàn



TS218—UN—23AUG88

Hiểu quy trình sửa chữa, bảo dưỡng trước khi làm việc. Giữ gìn khu vực sạch sẽ và khô ráo.

Không tra dầu mỡ, sửa chữa, bảo dưỡng hoặc điều chỉnh máy trong khi máy di chuyển. Không được để tay, chân và quần áo gần các bộ phận truyền lực. Ngắt tất cả thiết bị điều khiển vận hành và cơ để giảm áp lực. Hạ thiết bị xuống đất. Dừng động cơ và cố định máy. Nếu được trang bị, hãy rút chìa khóa, ngắt kết nối ắc-quy và để cho máy nguội.

Đỡ an toàn mọi bộ phận máy ở vị trí cao giúp cho công tác sửa chữa bảo dưỡng.

Bảo quản tất cả phụ tùng ở tình trạng tốt và được lắp ráp đúng cách. Sửa chữa ngay những bộ phận bị hư hỏng. Thay thế bộ phận bị hỏng hoặc mòn. Dọn sạch bất kỳ vết tụ của mỡ, dầu hoặc mảnh vụn cây trồng.

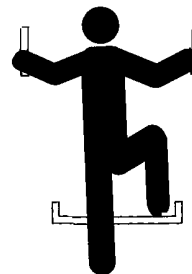
Tại thiết bị tự quay, ngắt dây tiếp mát ắc quy (-) trước khi điều chỉnh hệ thống điện hoặc hàn tại máy.

Tại bộ phận kéo, ngắt hệ thống dây khỏi máy kéo trước khi sửa chữa các bộ phận của hệ thống điện hoặc hàn tại máy.

Rơi khi vệ sinh hoặc làm việc ở độ cao có thể gây thương tích nghiêm trọng. Dùng thang hoặc bậc để dễ tiếp cận từng vị trí. Dùng chỗ để chân và tay nắm chắc chắn và an toàn.

DX,SERV-83-20JAN26

## Sử dụng thang tiếp cận và tay nắm cho đúng cách



T133468—UN—15APR13

Tránh té vào mặt máy khi bước lên hay xuống. Luôn giữ tiếp xúc 3 điểm với bậc, tay nắm và tay vịn.

Chú ý đặc biệt khi ở trong tình trạng có bùn, tuyết hay độ ẩm vì trơn trượt. Giữ các bậc thang sạch và không dính dầu mỡ. Không được nhảy khi ra khỏi máy. Không được gần hoặc tháo máy đang di chuyển.

DX,WW,MOUNT-83-12OCT11

## Xử lý các bộ phận điện và giá đỡ an toàn



TS249—UN—23AUG88

Rơi trong khi lắp hoặc tháo các bộ phận điện gắn trên thiết bị có thể gây thương tích nghiêm trọng. Dùng thang hoặc bậc để dễ tiếp cận từng vị trí lắp. Dùng tay nắm và chỗ để chân an toàn và vững chắc. Không được lắp hoặc tháo các bộ phận trong tình trạng ẩm ướt hoặc phủ băng.

Nếu lắp hoặc sửa chữa trạm tĩnh RTK trên tháp hoặc kiến trúc cao khác, hãy dùng dụng cụ leo có chứng nhận.

Nếu lắp hoặc sửa chữa trụ nâng máy thu định vị toàn cầu dùng trên thiết bị, sử dụng kỹ thuật nâng thích hợp và mang thiết bị bảo vệ thích hợp. Trụ nâng rất nặng và có thể nguy hiểm khi xử lý. Cần hai người khi không thể tiếp cận các vị trí lắp ráp từ mặt đất hoặc từ bệ sửa chữa.

DX,WW,RECEIVER-83-24AUG10

## Sử dụng màn hình điện tử đúng cách

Màn hình điện tử là thiết bị phụ dùng để hỗ trợ người vận hành khi vận hành máy trên đồng, tăng cường sự thoải mái và cung cấp các tiện ích giải trí. Màn hình có thể

cung cấp nhiều chức năng, được sử dụng trong nhiều ứng dụng hệ thống máy khác nhau và có thể được sử dụng cùng các thiết bị phụ khác như thiết bị điện tử cầm tay chẳng hạn.

Thiết bị phụ là thiết bị bất kỳ mà việc sử dụng chính của nó không liên quan đến vận hành máy. Người vận hành luôn chịu trách nhiệm về việc vận hành và điều khiển máy an toàn.

Để tránh thương tích trong khi vận hành máy:

- Xác định vị trí màn hình theo hướng dẫn lắp đặt. Thiết bị phải được bắt chặt và không cản trở tầm nhìn của người lái hoặc gây trở ngại cho việc điều khiển vận hành máy.
- Không được tập trung vào màn hình quá nhiều. Phải thận trọng. Chú ý đến máy và môi trường xung quanh.
- Không được thay đổi các thiết lập hoặc tiếp cận bất kỳ chức năng nào cần sử dụng bộ điều khiển màn hình trong thời gian dài khi máy đang di chuyển. Dừng máy ở vị trí an toàn và đỗ máy ở vị trí đỗ trước khi thử các hoạt động như thế.
- Không được chỉnh âm lượng quá cao có thể làm bạn không nghe thấy tiếng xe và giao thông bên ngoài.

Để phát huy sự vận hành an toàn, có thể tắt một số chức năng của màn hình trừ khi giảm bớt tốc độ chuyển động máy hoặc dừng hẳn. Không tuân thủ tính năng an toàn này có thể vi phạm pháp luật và có thể làm hư hỏng máy, gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Chỉ sử dụng chức năng màn hình có sẵn khi điều kiện cho phép một cách an toàn và phù hợp với các hướng dẫn được cung cấp. Luôn tuân thủ quy tắc lái máy an toàn, luật pháp địa phương và các quy định giao thông khi sử dụng thiết bị phụ bất kỳ.

DX,ELEC,DISPLAY-83-13JAN15

## Tránh xa các thiết bị thu hoạch



ES 118 704

ES118704—UN—21MAR95

Thanh cắt, vít tải, guồng và trục lăn tiếp liệu không được che chắn hoàn toàn do chức năng của chúng. Phải tránh xa các bộ phận chuyển động này khi vận hành. Luôn nhả

ly hợp chính, tắt động cơ và rút chìa khóa trước khi sửa chữa hoặc tháo máy.

FX,CUT-83-21DEC90

## Vận hành máy kéo an toàn

Bạn có thể giảm nguy cơ tai nạn bằng cách thực hiện các biện pháp phòng ngừa sau:

- Sử dụng máy kéo chỉ cho mục đích công việc thiết kế chẳng hạn như: đẩy, kéo, kéo bằng cáp, dẫn động và mang nhiều loại thiết bị có thể thay thế cho nhau để tiến hành công việc nông nghiệp.
- Người vận hành phải tinh thần và có khả năng truy cập vào buồng lái và/hoặc bộ điều khiển, và vận hành máy phù hợp và an toàn.
- Tuyệt đối không vận hành máy khi đang bị phân tâm, mệt mỏi hoặc suy yếu. Vận hành máy đúng cách đòi hỏi người vận hành phải luôn chú ý và nhận thức đầy đủ.
- Máy kéo này không được sử dụng như phương tiện tiêu khiển.
- Đọc hướng dẫn vận hành này trước khi sử dụng máy kéo và thực hiện theo những chỉ dẫn vận hành và an toàn ghi trong hướng dẫn và trên máy kéo.
- Thực hiện theo các hướng dẫn vận hành và đối trọng trong hướng dẫn vận hành về thiết bị/chi tiết liên kết, như bộ phận xúc lật trước.
- Tuân thủ các hướng dẫn trình bày trong hướng dẫn vận hành về bất kỳ loại rơ-móc hoặc máy móc nào có rơ-móc hoặc được lắp rơ-móc. Không vận hành kết hợp máy kéo-máy hoặc máy kéo-rơ-móc nếu không tuân thủ tất cả các hướng dẫn quy định.
- Đảm bảo không có người đứng gần máy, thiết bị đi kèm và khu vực làm việc trước khi khởi động động cơ hay vận hành.
- Tránh xa liên kết ba điểm và móc kéo (nếu có) khi kiểm soát chúng.
- Không được để tay, chân và quần áo gần các bộ phận truyền lực.

### Lưu ý khi lái

- Không được lên hoặc xuống khi máy kéo đang di chuyển.
- Hoàn tất mọi chương trình huấn luyện cần thiết trước khi vận hành máy.
- Không cho trẻ em và nhân viên không phận sự đến gần máy kéo và tất cả thiết bị.
- Không được lái máy kéo trừ khi ngồi trên ghế được chấp thuận của John Deere với dây đai an toàn.
- Giữ tất cả tấm chắn/tấm bảo vệ tại chỗ.
- Sử dụng tín hiệu hình ảnh và âm thanh phù hợp khi vận hành trên đường công cộng.
- Di chuyển vào lề đường trước khi dừng.
- Giảm vận tốc khi quay bằng cách dùng riêng từng

phanh hay khi vận hành quanh nơi nguy hiểm như trên mặt đất gồ ghề hoặc sườn dốc.

- Khả năng ổn định sẽ giảm khi thiết bị được gắn ở vị trí cao.
- Kết hợp chân phanh cho hành trình di chuyển trên đường.
- Bơm phanh khi dừng trên bề mặt trơn trượt.
- Thường xuyên vệ sinh về tai xe và diêm về tai xe (chấn bùn) nếu có. Gỡ sạch bụi bẩn trước khi lái máy trên đường công cộng.

### Ghế người vận hành được sưởi và thông hơi

- Bộ sưởi ghế quá nóng có thể gây bỏng hoặc hư hỏng ghế. Để giảm nguy cơ bỏng, cẩn thận khi sử dụng bộ sưởi ghế trong thời gian dài, đặc biệt nếu người vận hành không thể cảm nhận được thay đổi nhiệt độ hoặc đau trên da. Không đặt vật gì trên ghế, như chăn, đệm, bọc ghế, hoặc tương tự, vì có thể làm bộ sưởi ghế quá nóng.

### Tải trọng kéo

- Cẩn thận khi kéo và dừng tải trọng lớn. Khoảng cách dừng tăng theo tốc độ và trọng lượng của tải kéo và khi vận chuyển trên các sườn dốc. Tải trọng kéo theo có hoặc không có đạp phanh nếu quá nặng cho máy kéo hoặc được kéo theo quá nhanh có thể làm lạc tay lái.
- Xem xét tổng trọng lượng thiết bị và tải trọng của nó.
- Chỉ móc tải trọng kéo theo vào cầu móc đúng tiêu chuẩn để tránh lật về phía sau.

### Đỗ và rời máy kéo

- Trước khi tháo, tắt SCV, nhả PTO, dừng động cơ, hạ thiết bị/chi tiết liên kết vào mặt đất, đặt thiết bị điều khiển dụng cụ/chi tiết liên kết ở vị trí trung gian và gài chặt cơ cấu đỗ máy, bao gồm cả scwl đỗ và phanh đỗ. Ngoài ra, nếu máy kéo không được sát, hãy rút chìa khóa (nếu được trang bị) và buộc chặt máy kéo.
- Để bánh răng truyền động với động cơ tắt sẽ KHÔNG ngăn máy kéo di chuyển.
- Không được đến gần PTO đang hoạt động hoặc thiết bị đang vận hành.
- Chờ đến khi mọi chuyển động dừng hẳn rồi mới bảo dưỡng, sửa chữa máy.

### Tai nạn phổ biến

Vận hành không an toàn hoặc dùng sai mục đích máy kéo có thể gây ra tai nạn. Cảnh báo những môi nguy khi vận hành máy kéo.

Các tai nạn phổ biến nhất liên quan đến máy kéo:

- Lật máy kéo
- Va chạm với các xe có động cơ
- Quy trình khởi động không đúng cách
- Tắc trong các trục PTO
- Rơi từ máy kéo

- Nghiền và ép trong khi móc

DX, WW, TRACTOR-83-25NOV25

## Vận hành hệ thống điều khiển an toàn

Không sử dụng hệ thống điều khiển trên đường lưu thông. Luôn tắt hệ thống điều khiển trước khi vào đường lưu thông. Không cố bật (gài) hệ thống điều khiển khi đang di chuyển trên đường lưu thông.

Mục đích của hệ thống điều khiển là nhằm giúp người vận hành thực hiện các hoạt động của các trường hợp sử dụng liên quan hiệu quả hơn. Người vận hành luôn chịu trách nhiệm về tuyến đường và việc vận hành máy an toàn. Hệ thống dẫn hướng không tự động phát hiện hoặc ngăn ngừa va chạm với chướng ngại vật, máy móc hoặc các phương tiện khác.

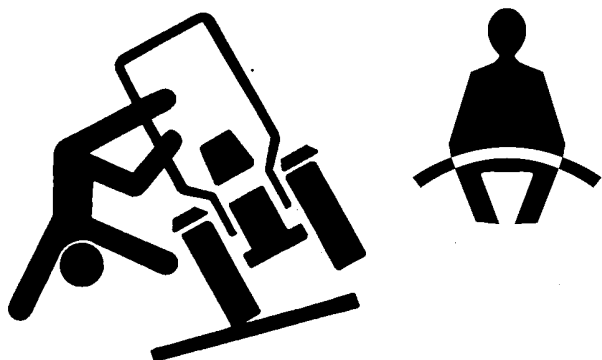
Hệ thống hướng dẫn bao gồm mọi ứng dụng tự động hóa lái máy. Hệ thống này bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn ở AutoTrac, iTEC, Tự động rẽ AutoTrac, Dẫn hướng dụng cụ AutoTrac (thụ động), AutoTrac Đa năng, Bộ điều khiển AutoTrac, AutoTrac RowSense và Đồng bộ máy.

Để tránh gây thương tích cho người vận hành và những người xung quanh:

- Không được lên hoặc xuống khi máy đang di chuyển.
- Kiểm tra đảm bảo rằng máy, dụng cụ và hệ thống dẫn hướng đã được thiết lập đúng.
  - Nếu dùng iTEC, Tự động rẽ AutoTrac hoặc Dẫn hướng dụng cụ AutoTrac (thụ động), xác minh rằng đường bao chính xác đã được xác định.
  - Nếu dùng Đồng bộ máy, hãy xác minh rằng vị trí ban đầu của vật được kéo sẽ được hiệu chuẩn theo khoảng cách thích hợp giữa các máy.
- Cẩn thận và chú ý đến môi trường xung quanh.
- Khi cần, phải điều khiển vô lăng để tránh các rủi ro trên cánh đồng, người xung quanh, thiết bị hoặc các vật cản khác.
- Dừng vận hành nếu tầm nhìn bị cản trở làm giảm khả năng vận hành máy hoặc nhận dạng người xung quanh hay các vật cản trên đường máy chạy.
- Lưu ý đến điều kiện làm việc trên đồng, tầm nhìn và cấu hình máy khi chọn tốc độ máy.

ch177nn,1660716404585-83-23MAY24

## Sử dụng đai an toàn ghế ngồi đúng cách



TS1729—UN—24MAY13

Tránh thương tích hoặc tử vong do nghiền ép khi bị lật.

Máy này được trang bị cơ cấu chống lật (ROPS). CÀI đai an toàn ghế ngồi khi vận hành với ROPS.

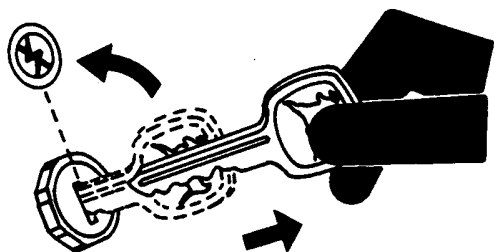
- Giữ chốt gài và kéo đai an toàn ghế ngồi qua thân.
- Cài chốt gài vào khóa. Nghe khóa kêu cách.
- Kéo mạnh khóa đai an toàn ghế ngồi để đảm bảo dây đai đã được cài chặt.
- Dịch đai an toàn ghế ngồi ngang qua hông.

Thay toàn bộ đai an toàn ghế ngồi nếu phần cứng lắp ráp, khóa, dây đai hoặc phần co rút có dấu hiệu hư hỏng.

Kiểm tra đai an toàn ghế ngồi và phần cứng lắp ráp ít nhất một lần mỗi năm. Hãy tìm các dấu hiệu phần cứng lỏng hoặc hỏng dây đai như vết cắt, sờn, mòn bất thường hoặc quá mòn, phai màu hoặc trầy. Chỉ thay bằng các bộ phận thay thế đáp ứng các thông số kỹ thuật cho máy của bạn.

DX,ROPS1-83-22AUG13

## Đổ máy an toàn



TS230—UN—24MAY89

Trước khi vận hành máy:

- Hạ tất cả thiết bị xuống đất.
- Dừng động cơ và cố định máy. Nếu được trang bị, hãy rút chìa khóa trước khi rời khỏi máy nếu không giám sát.
- Ngắt dây nối đất của ắc quy.

- Gắn thẻ "KHÔNG VẬN HÀNH" ở buồng lái.

DX,PARK-83-25NOV25

## Ghế hướng dẫn



TS1730—UN—24MAY13

Nếu có trang bị ghế hướng dẫn, chỉ dùng để huấn luyện người vận hành hoặc để chẩn đoán sự cố máy.

DX,SEAT,NA-83-22AUG13

## Vận hành hệ thống tự động hóa thiết bị an toàn



PC13793—UN—25MAY11

Không sử dụng hệ thống tự động hóa thiết bị trên đường. Luôn tắt (khử kích hoạt) hệ thống tự động hóa thiết bị trước khi tham gia lưu thông. Không cố bật (kích hoạt) hệ thống tự động hóa thiết bị khi vận chuyển trên đường.

Hệ thống tự động hóa thiết bị là để hỗ trợ người vận hành hoạt động hiệu quả hơn trên cánh đồng. Người vận hành phải luôn có trách nhiệm với đường máy chạy.

Hệ thống tự động hóa thiết bị bao gồm mọi ứng dụng tự

động hóa việc di chuyển của thiết bị. Hệ thống này bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn ở iGrade và John Deere Active Implement Guidance.

Để tránh gây thương tích cho người vận hành và những người xung quanh:

- Kiểm tra đảm bảo máy, thiết bị và hệ thống tự động hóa được cài đặt đúng cách.
- Cẩn thận và chú ý đến môi trường xung quanh.
- Khi cần, điều khiển máy để tránh các rủi ro trên cánh đồng, người xung quanh, thiết bị hoặc các vật cản khác.
- Dừng vận hành nếu tầm nhìn bị cản trở làm giảm khả năng vận hành máy hoặc nhận dạng người xung quanh hay các vật cản trên đường máy chạy.

ch177nn,1660716425482-83-17AUG22

## Tránh đầu cao áp



X9811—UN—23AUG88

Kiểm tra định kỳ các ống thủy lực—ít nhất mỗi năm một lần—xem có bị rò rỉ, xoắn, cắt, nứt, trầy, phồng, mòn, phân bện lộ ra ngoài hay bất kỳ dấu hiệu ăn mòn, hư hỏng khác không.

Dùng phụ tùng thay thế được John Deere chấp thuận để thay ngay bộ ống bị mòn hoặc hư.

Chất lỏng thoát ra khi có áp có thể thấm vào da gây thương tích nghiêm trọng.

Tránh nguy hiểm bằng cách giảm áp trước khi ngắt đường dẫn thủy lực hoặc các đường khác. Siết chặt tất cả ống nối trước khi điều chỉnh áp suất.

Dùng miếng bìa các tông để tìm lỗ rò. Bảo vệ tay và cơ thể xa khỏi chất lỏng có áp lực cao.

Trong trường hợp vô tình phun vào da, hãy tìm đến điều trị phẫu thuật ngay lập tức.

DX,FLUID-83-05NOV25

## Đọc Hướng dẫn vận hành bộ điều khiển ISOBUS

Ngoài các ứng dụng GreenStar, có thể sử dụng màn hình này làm thiết bị hiển thị bất kỳ bộ điều khiển ISOBUS nào

đạt tiêu chuẩn ISO 11783. Điều này bao gồm khả năng điều khiển các thiết bị ISOBUS. Khi sử dụng theo cách này, thông tin và các chức năng điều khiển trên màn hình thị sẽ được bộ điều khiển ISOBUS cung cấp và là trách nhiệm của nhà sản xuất bộ điều khiển ISOBUS. Một số chức năng của các bộ điều khiển này có thể gây nguy hiểm hoặc cho người vận hành hoặc cho người xung quanh. Đọc kỹ hướng dẫn vận hành của nhà sản xuất bộ điều khiển ISOBUS và tuân thủ tất cả thông báo an toàn trong hướng dẫn và trên bộ điều khiển ISOBUS trước khi sử dụng.

**GHI CHÚ:** ISOBUS dựa trên tiêu chuẩn ISO 11783

ch177nn,1660716458058-83-17AUG22

## Tránh tai nạn khi lùi xe



PC10857XW—UN—15APR13

Trước khi xe di chuyển, bảo đảm hoàn toàn không có con người trên đường máy chạy. Nhìn xung quanh và quan sát trực tiếp để có tầm nhìn tốt nhất. Dừng người ra hiệu khi lùi máy nếu bị che tầm nhìn hoặc khi quá gần nhau.

Không dựa vào camera để xác định xem có con người hoặc vật cản phía sau máy. Hệ thống có thể có giới hạn bởi nhiều yếu tố bao gồm thực hiện bảo dưỡng, điều kiện môi trường và phạm vi vận hành.

DX,AVOID,BACKOVER,ACCIDENTS-83-30AUG10

## Ngăn ngừa điện giật và hỏa hoạn



PC12631—UN—04JUN10

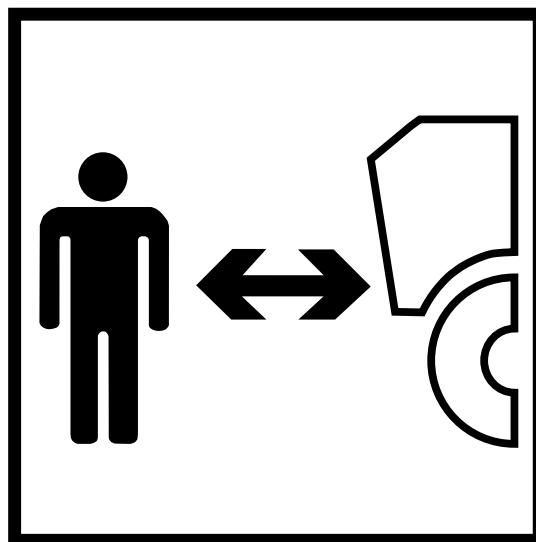
Thiết bị chạy bằng ắc quy hoặc các nguồn điện khác gây ra điện giật, tia lửa hoặc hồ quang nếu bị ngắn mạch. Hiện tượng ngắn mạch có thể đạt đến nhiệt độ đủ cao để gây bỏng, phát lửa hoặc làm tan chảy các vật liệu thông thường.

Để tránh thương tích do điện giật, bỏng hoặc các nguy cơ hỏa hoạn tiềm ẩn, luôn ngắt kết nối nguồn ắc quy hoặc nguồn điện khác trên thiết bị trước khi lắp đặt hoặc bảo dưỡng:

- Tháo kẹp ắc quy nối đất (cực âm [-]).
- Gỡ và tháo ắc quy.
- Tắt ắc quy chính hoặc nguồn điện khác.
- Rút dây nguồn của thiết bị.

Hiểu và tuân thủ tất cả các quy tắc và quy định của địa phương khi lắp đặt thiết bị điện.

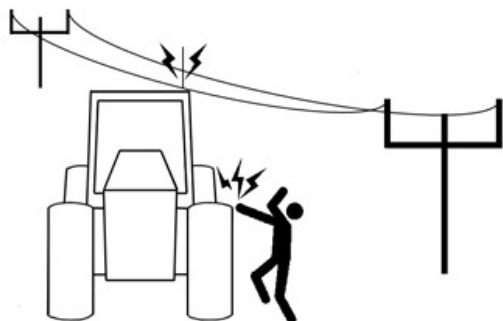
HC94949,0000487-83-27JAN14



APY76278—UN—04AUG22

bvmsit,1656505908907-83-24FEB25

## Tránh các đường dây điện



PC13658—UN—08NOV11

Ăng-ten của máy có thể đủ cao để tiếp xúc với cáp điện treo thấp. Tránh thương tích nghiêm trọng do điện giật:

- Tránh xa tất cả các cáp điện treo thấp trong khi vận hành hoặc di chuyển máy.

HC94949,0000488-83-24JAN14

## Khoảng cách thích hợp khi vận hành tự động

Để khởi động chế độ tự vận hành, người vận hành từ xa phải ở trong phạm vi 450 mét (1500 ft) với máy và dụng cụ. Không được có người trong cabin khi chế độ tự vận hành được phê duyệt từ xa. Người vận hành và những người xung quanh phải đứng cách máy và dụng cụ ít nhất 16 m (50 ft) trước khi phê duyệt vận hành tự động. Khi máy và dụng cụ đang vận hành tự động, người vận hành và những người xung quanh phải luôn giữ khoảng cách tối thiểu 16 m (50 ft). Người vận hành và những người xung quanh không được đứng trên đường di chuyển của máy và dụng cụ.

## Lái máy trong quá trình vận hành tự động

Nếu người vận hành chọn chế độ Ngồi trong cabin, máy sẽ yêu cầu người vận hành ngồi trên ghế. Không được rời khỏi ghế hoặc cố gắng rời khỏi cabin của trạm người vận hành khi máy đang di chuyển. Máy có thể dừng đột ngột bất cứ lúc nào. Phải luôn đeo dây an toàn ghế ngồi khi máy đang di chuyển để tránh nguy cơ bị thương.

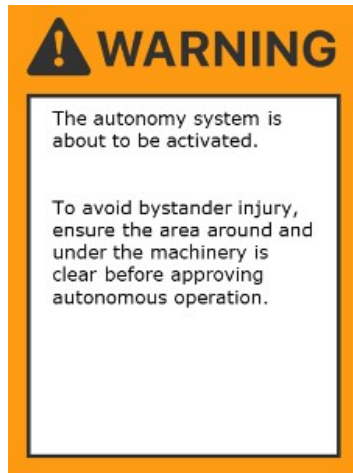
Hệ thống sẽ theo dõi công tắc ghế và thực thi chế độ vận hành. Nếu người vận hành rời khỏi ghế khi máy đang vận hành tự động, máy sẽ dừng lại và chế độ tự vận hành sẽ tắt. Hệ thống sẽ tự động chuyển số sang chế độ Đỗ, nhưng động cơ vẫn tiếp tục hoạt động. Không được có người trong cabin khi chế độ tự vận hành được phê duyệt từ xa.

bvmsit,1656506279470-83-27FEB25

# Dấu hiệu an toàn

## An toàn khi vận hành tự động

Thông báo này cho biết người vận hành đã bắt đầu quá trình đưa máy từ chế độ vận hành thủ công chuyển sang chế độ vận hành hoàn toàn tự động.



APY76282—UN—28JUL22

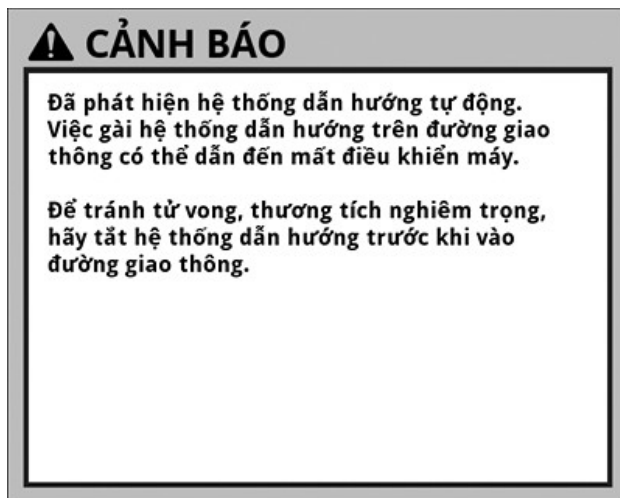
Cảnh báo

**GHI CHÚ:** Một thông báo cảnh báo chuyển đổi sang tự vận hành sẽ xuất hiện sau khi nhấn nút Bắt đầu tự vận hành trong ứng dụng Operations Center Mobile.

**GHI CHÚ:** Đây là bước bắt buộc để đưa hệ thống vào trạng thái tự vận hành và chuyển quyền điều khiển tự động cho máy.

bvmsit,1657202622886-83-03FEB25

## Cảnh báo an toàn — AutoTrac được phát hiện

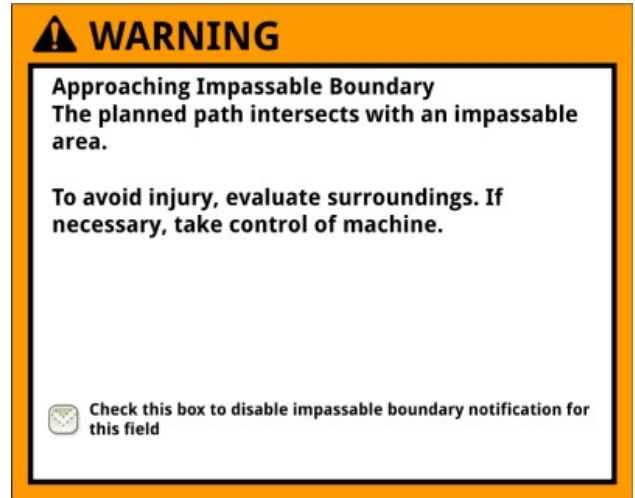


PC27620—83—23APR20

Thông báo này hiển thị trong khi khởi động máy với hệ thống hướng dẫn tự động được cài đặt.

ch177nn,1660716819242-83-17AUG22

## Cảnh báo an toàn — Đường biên không thể vượt qua



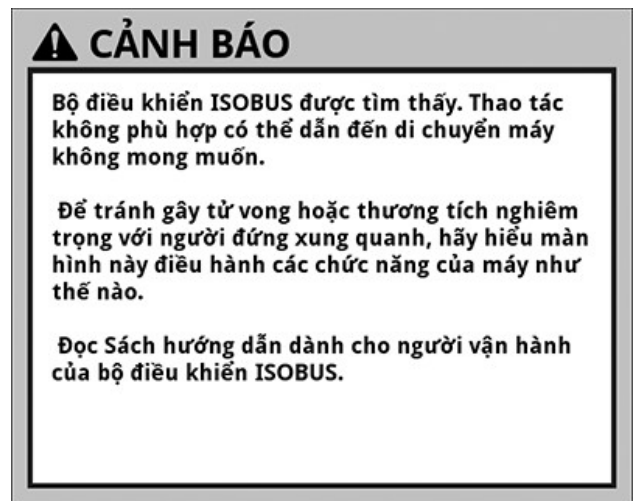
PC661534—UN—01FEB25

Tự động rẽ AutoTrac

Thông báo này xuất hiện khi đường máy chạy giao cắt với một đường biên không thể vượt qua khi AutoTrac Turn Automation đang bật.

ch177nn,1738560303121-83-02FEB25

## Cảnh báo an toàn — Bộ điều khiển ISOBUS

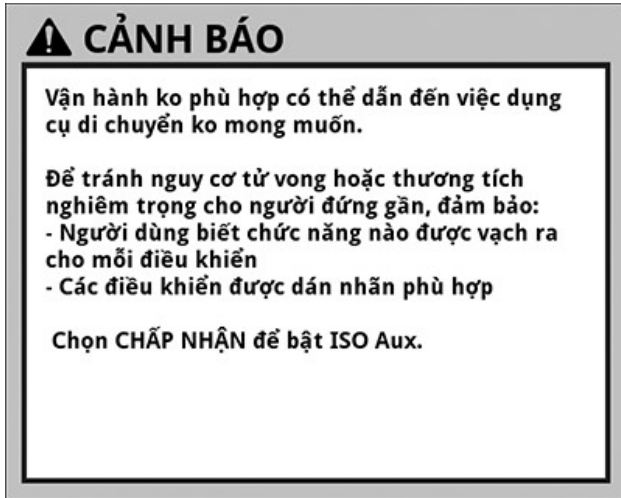


PC27622—83—11MAR20

Thông báo này xuất hiện khi hệ thống phát hiện Bộ điều khiển ISOBUS. Để biết thêm thông tin chi tiết, Đọc Hướng dẫn vận hành cho Bộ điều khiển ISOBUS trong mục An toàn.

AL70325,0000563-83-19NOV25

## Cảnh báo an toàn – Vận hành không đúng cách ISO Aux

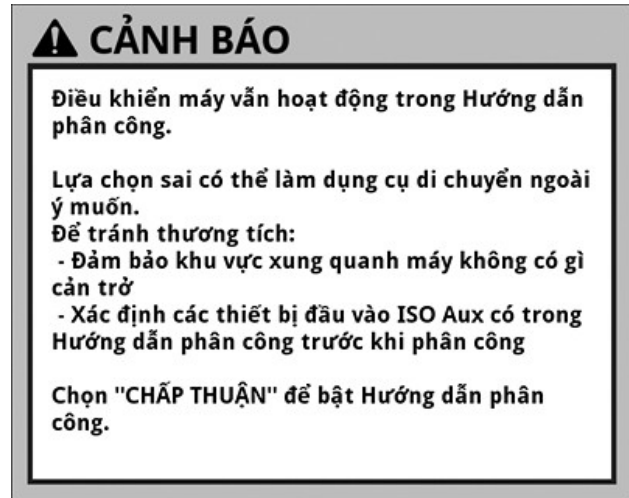


PC27623—83—11MAR20

Thông báo này xuất hiện khi người vận hành kích hoạt bộ điều khiển ISO Aux.

AL70325,0000564-83-21OCT22

## Cảnh báo an toàn – Hướng dẫn ISO Aux

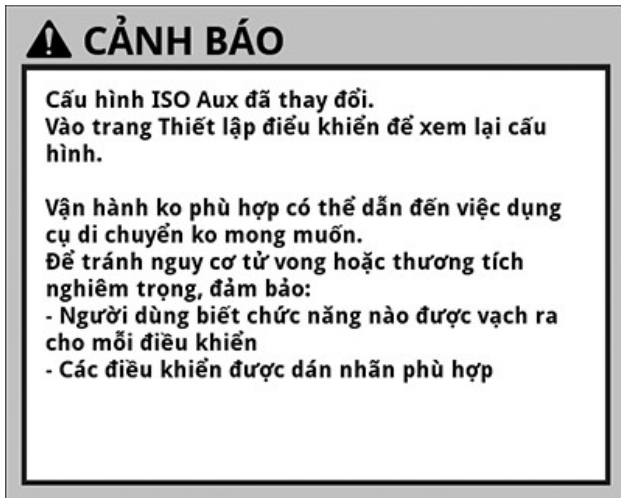


PC27901—83—23APR20

Thông báo này xuất hiện khi màn hình phát hiện bộ điều khiển ISOBUS hoặc cần điều khiển tương thích.

AL70325,00005D5-83-03APR20

## Cảnh báo an toàn — Cấu hình ISO Aux

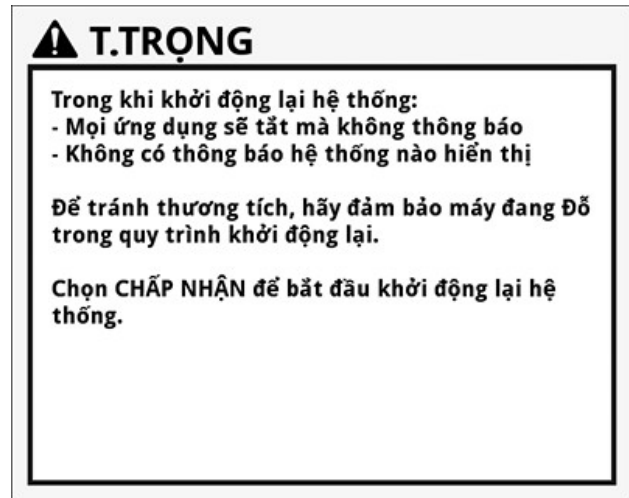


PC27624—83—11MAR20

Thông báo này xuất hiện khi hệ thống phát hiện Bộ điều khiển ISOBUS có chức năng ISO Aux, hoặc cấu hình bộ điều khiển ISO Aux đã bị điều chỉnh trong thời gian vận hành. Ví dụ: nhập thêm hoặc đã thêm thiết bị.

AL70325,0000565-83-21OCT22

## Cảnh báo an toàn — Khởi động lại hệ thống

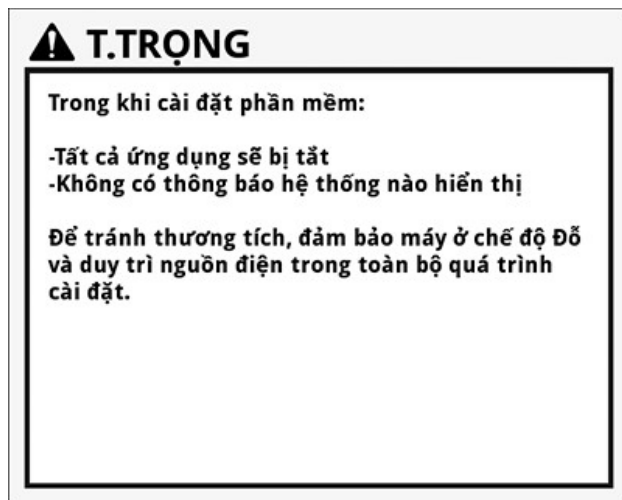


PC27625—83—11MAR20

Thông báo này xuất hiện khi màn hình phát hiện lỗi và yêu cầu khởi động lại hệ thống.

AL70325,0000566-83-21OCT22

## Cảnh báo an toàn — Cài đặt phần mềm



PC27626—83—11MAR20

Thông báo này xuất hiện khi bắt đầu cài đặt phần mềm.

AL70325,0000567-83-21OCT22

## Thiết bị điện và điện tử thải bỏ



PC17530—UN—06AUG13

Các sản phẩm được đánh dấu bằng ký hiệu thùng rác có bánh xe bị gạch chéo cho biết thiết bị điện và điện tử không được xử lý như rác thải đô thị hoặc rác thải sinh hoạt chưa được phân loại.

Gửi thiết bị điện và điện tử, phụ kiện và bao bì để tái chế bảo vệ môi trường.

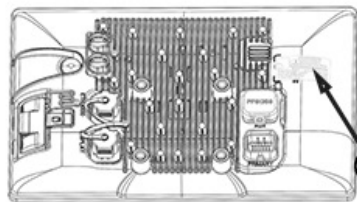
HC94949,00007E8-83-16JUN15

# Nhãn an toàn không có văn bản

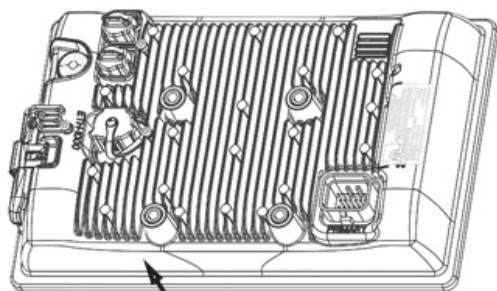
## Vị trí nhãn an toàn

bộ phận có nguồn gốc từ nhà cung cấp mà không được in lại trong hướng dẫn người vận hành này.

ct47125,1666286428449-83-03MAR25



G5Màn hiển thị đa năng Plus PC28838—UN—20OCT22



Màn hiển thị đa năng G5 PC28839—UN—20OCT22

## A—Vị trí nhãn an toàn

ct47125,1666286400647-83-20OCT22

## Hiểu về Nhãn an toàn không có Văn bản



TCT005498—UN—11SEP12

Trên thiết bị này, các dấu hiệu an toàn được gắn vào để báo hiệu nguy hiểm tiềm ẩn. Xác định nguy hiểm theo hình trong tam giác cảnh báo. Hình kể bên cung cấp thông tin về cách tránh gây thương tích cho người. Những dấu hiệu an toàn này, vị trí của chúng trên thiết bị và nội dung giải thích ngắn gọn được chỉ ra trong phần về An toàn này.

Có thể có bổ sung thông tin an toàn về các phụ tùng hay

## Đọc Hướng dẫn người vận hành



PC28680—UN—11MAY22

- Hướng dẫn người vận hành này có những thông tin quan trọng cần cho việc vận hành thiết bị an toàn.
- Đọc kỹ hướng dẫn người vận hành trước khi vận hành màn hiển thị. Tuân thủ tất cả quy tắc an toàn để tránh tai nạn.

ct47125,1666207682979-83-03MAR25

# Thông tin công bố

## Tên Model và Nhãn

Tên model và nhãn của phần cứng trong hướng dẫn vận hành này là:

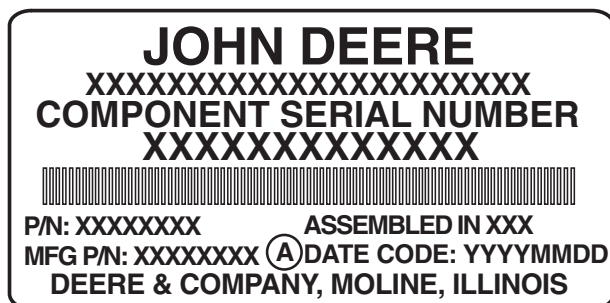
- G5MU - Màn hình đa năng G5
- G5PU - Màn hình đa năng G5<sup>Plus</sup>

ct47125,1665420655203-83-10OCT22

## Xác định mã ngày

Mã ngày trên nhãn sản phẩm được hiển thị bằng một trong những phương pháp sau:

### Phương pháp 1



PC28833R—UN—04OCT23

Phương pháp hiển thị nhãn sản phẩm 1



PC25149—UN—20DEC17

Phương pháp hiển thị mã ngày 1

**A—Mã ngày (Ngày sản xuất)**

**B—Năm sản xuất**

**C—Tháng sản xuất**

**D—Ngày sản xuất**

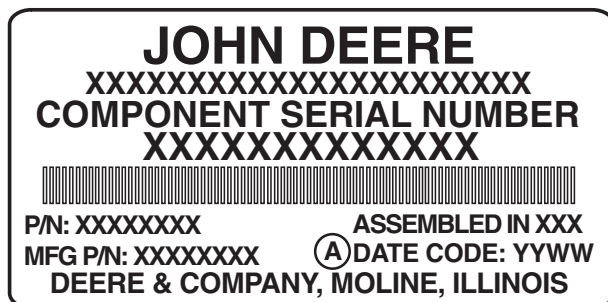
Sử dụng mã ngày (A) trên nhãn sản phẩm để xác định ngày sản xuất. "YYYY" (B) nhận diện năm sản xuất; "MM" (C) nhận diện tháng; "DD" (D) nhận diện ngày sản xuất.

**GHI CHÚ:** Tháng sản xuất trong khoảng từ 01-12.

Ngày sản xuất trong khoảng từ 01-31.

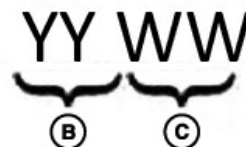
| Mã ngày |                           |                                |
|---------|---------------------------|--------------------------------|
| YYYY    | Năm sản xuất              | Ví dụ:<br>2011, 2012, 2013.... |
| MM      | Tháng trong năm sản xuất  | Ví dụ:<br>01, 02, 03...12      |
| DD      | Ngày trong tháng sản xuất | Ví dụ:<br>01, 02, 03...31      |

### Phương pháp 2



PC28834R—UN—04OCT23

Phương pháp hiển thị nhãn sản phẩm 2



PC26494—UN—08NOV18

Phương pháp hiển thị mã ngày 2

**A—Mã ngày (Ngày sản xuất)**

**B—Năm sản xuất**

**C—Tuần sản xuất**

Sử dụng mã ngày (A) trên nhãn sản phẩm để xác định ngày sản xuất. "YY" (B) xác định năm sản xuất, "WW" (C) xác định tuần sản xuất.

**GHI CHÚ:** Số tuần sản xuất trong khoảng từ 01-52.

| Mã ngày |                         |                           |
|---------|-------------------------|---------------------------|
| YY      | Năm sản xuất            | Ví dụ:<br>11, 12, 13....  |
| WW      | Tuần trong năm sản xuất | Ví dụ:<br>01, 02, 03...52 |

AL70325,0000520-83-04OCT23

## Thông báo của Ủy ban Truyền thông Liên bang

G5Màn hiển thị đa năng <sup>Plus</sup>

Màn hình John Deere 12.8"

Màn hiển thị đa năng G5

Màn hình John Deere 10.1"

Các thiết bị này phải được vận hành như được John Deere Ag Management Solutions cung cấp. Mọi thay đổi hoặc sửa đổi đối với các thiết bị này mà không có sự chấp thuận bằng văn bản rõ ràng của John Deere Ag Management Solutions có thể làm người dùng mất quyền sử dụng các thiết bị này.

ch177nn,1660716978548-83-09OCT22

## Thông báo của Ủy ban Truyền thông Liên bang (FCC) Hoa Kỳ tới người dùng

Màn hiển thị đa năng John Deere G5

Màn hiển thị đa năng John Deere G5<sup>Plus</sup>

Các thiết bị này phải được vận hành như được John Deere Ag Management Solutions cung cấp. Mọi thay đổi hoặc sửa đổi đối với các thiết bị này mà không có sự chấp thuận bằng văn bản rõ ràng của John Deere Ag Management Solutions có thể làm người dùng mất quyền sử dụng các thiết bị này.

Thiết bị này tuân thủ FCC Phần 15. Việc vận hành tuân theo hai điều kiện sau:

- (1) Thiết bị này không được gây can nhiễu có hại và
- (2) Thiết bị này phải chấp nhận bất kỳ sự can nhiễu nào, kể cả can nhiễu có thể khiến thiết bị hoạt động không theo mong muốn.

Thiết bị này đã được kiểm tra và chứng nhận tuân thủ các giới hạn cho thiết bị kỹ thuật số Loại B, theo Phần 15

của Quy tắc FCC. Những giới hạn này được thiết kế để cung cấp sự bảo vệ hợp lý tránh hiện tượng can nhiễu có hại khi lắp đặt ở khu dân cư. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể phát ra năng lượng tần số vô tuyến và nếu không được lắp đặt, sử dụng theo hướng dẫn, có thể gây nhiễu có hại cho truyền thông vô tuyến. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng thiết bị sẽ không gây can nhiễu trong trường hợp lắp đặt cụ thể. Nếu thiết bị này gây nhiễu có hại cho việc thu sóng vô tuyến hoặc truyền hình, lỗi có thể được xác định bằng cách tắt và bật thiết bị, người dùng được khuyến cáo nên cố gắng khắc phục sự cố nhiễu sóng bằng một hoặc nhiều biện pháp sau:

- Xoay hoặc di chuyển ăng ten thu.
- Tăng khoảng cách giữa thiết bị và bộ thu.
- Kết nối thiết bị vào ổ cắm trên mạch khác với mạch kết nối với bộ thu.
- Tham khảo ý kiến của đại lý hoặc kỹ thuật viên radio/TV có kinh nghiệm để được trợ giúp.

ch177nn,1660716989167-83-11OCT22

## Cộng đồng Kinh tế Á Âu – EAC

Eurasian Economic Union

Information on products that have a mark of conformity with the requirements of the EAEU technical regulations

Manufacturer: Deere & Company, One John Deere Place, Moline, IL, 61265-8098, USA

Product: G5 Universal Display

Model: G5MU

Factory: Motores John Deere, S.A.DEC.V. (ISG-Torreón) Boulevard Ferropuertos #305, Parque Industrial Ferropuertos Torreón, Coahuila 27297 Mexico

Name and address of the authorized representative in the territory of the Eurasian Economic Union:  
Eurasian Group Kazakhstan

Address: Astana City, Karaotkel Microdistrict, Kazant Street, Building 1/1, 4th Floor

For technical support, please contact your dealer.



EAC bằng tiếng Anh của Màn hiển thị đa năng G5

PC29164—UN—31JUL23

Евразийский Экономический Союз

Информация о продукции, имеющей знак соответствия требованиям технических регламентов ЕАЭС

Изготовитель: Deere & Company, One John Deere Place, Moline, IL, 61265-8098, США

Продукт: Универсальный дисплей G5

Модель: G5MU

Завод: Motores John Deere, S.A.DEC.V. (ISG-Torreon) Boulevard Ferropuertos #305, Parque Industrial Ferropuertos Terreon, Coahuila 27297 Мексика

Наименование и адрес уполномоченного представителя на территории Евразийского Экономического Союза: Евразийская группа Казахстан

Адрес: г. Астана, микрорайон Караоткель, ул. Казант, д. 1/1, 4-й этаж

Для получения технической поддержки обращайтесь к дилеру, обслуживающему вашу организацию.



EAC bằng tiếng Nga của Màn hiển thị đa năng G5

PC29170—UN—31JUL23

Еуразиялық экономикалық одақ

ЕАЭО техникалық шарттарының талаптарына сәйкестік белгісі бар өнімдер туралы ақпарат

Өндіруші: Deere & Company, One John Deere Place, Moline, IL, 61265-8098, АҚШ

Өнім: G5 әмбебап дисплейі

Үлгі: G5MU

Зауыт: Motores John Deere, S.A.DEC.V. (ISG-Torreon) Ferropuertos бульвары #305, Parque Industrial Ferropuertos Terreon, Coahuila 27297 Mexico

Еуразиялық экономикалық одақ аумағындағы уәкілетті өкілдің атауы мен мекенжайы: Евразиялық топ Қазақстан

Мекенжайы: Астана қаласы, "Қараөткел" шағын ауданы, Казант көшесі, 1/1 ғимарат, 4-қабат

Техникалық қолдау алу үшін дилерге хабрласыңыз.



PC29175—UN—31JUL23  
ct47125,1686771878208-83-31JUL23

## Cộng đồng Kinh tế Á Âu – EAC

Eurasian Economic Union

Information on products that have a mark of conformity with the requirements of the EAEU technical regulations

Manufacturer: Deere & Company, One John Deere Place, Moline, IL, 61265-8098, USA

Product: G5Plus Universal Display

Model: G5PU

Factory: Motores John Deere, S.A.DEC.V. (ISG-Torreon) Boulevard Ferropuertos #305,  
Parque Industrial Ferropuertos Torreon, Coahuila 27297 Mexico

Name and address of the authorized representative in the territory of the Eurasian Economic Union:  
Eurasian Group Kazakhstan

Address: Astana City, Karaotkel Microdistrict, Kazant Street, Building 1/1, 4th Floor

For technical support, please contact your dealer.



G5EAC bằng tiếng Anh của Màn hiển thị đa năng<sup>Plus</sup>

PC29165—UN—31JUL23

Eurasian Economic Union

Information on products that have a mark of conformity with the requirements of the EAEU technical regulations

Manufacturer: Deere & Company, One John Deere Place, Moline, IL, 61265-8098, USA

Product: G5Plus Universal Display

Model: G5PU

Factory: Motores John Deere, S.A.DEC.V. (ISG-Torreón) Boulevard Ferropuertos #305,  
Parque Industrial Ferropuertos Torreón, Coahuila 27297 Mexico

Name and address of the authorized representative in the territory of the Eurasian Economic Union:  
Eurasian Group Kazakhstan

Address: Astana City, Karaotkel Microdistrict, Kazant Street, Building 1/1, 4th Floor

For technical support, please contact your dealer.



G5EAC bằng tiếng Nga của Màn hiển thị đa năng<sup>Plus</sup>

PC29165—UN—31JUL23

Еуразиялық экономикалық одақ

ЕАЭО техникалық шарттарының талаптарына сәйкестік белгісі бар өнімдер туралы ақпарат

Өндіруші: Deere & Company, One John Deere Place, Moline, IL, 61265-8098, АҚШ

Өнім: G5Plus әмбебап дисплейі

Үлгі: G5PU

Зауыт: Motores John Deere, S.A.DEC.V. (ISG-Torreon) Ferropuertos бульвары #305, Parque Industrial Ferropuertos Terreon, Coahuila 27297 Mexico

Еуразиялық экономикалық одақ аумағындағы уәкілетті өкілдің атауы мен мекенжайы: Евразиялық топ Қазақстан

Мекенжайы: Астана қаласы, "Қараөткел" шағын ауданы, Казант көшесі, 1/1 ғимарат, 4-қабат

Техникалық қолдау алу үшін дилерге хабрласыңыз.



## Tuyên bố tuân thủ – EU

**Deere & Company**  
**Moline, Illinois U.S.A.**

Người có tên dưới đây công bố:

**Sản phẩm:** Đa năng G5

**Kiểu máy:** G5MU

tuân thủ tất cả quy định và yêu cầu có liên quan trong các chỉ thị dưới đây:

| Chỉ thị                     | SỐ         | PHƯƠNG PHÁP CHỨNG NHẬN |
|-----------------------------|------------|------------------------|
| Hạn chế Các chất Độc hại    | 2011/65/EU | Điều 7 của Chỉ thị     |
| Chỉ thị Tương thích Điện từ | 2014/30/EU | Phụ lục II của chỉ thị |

Sản phẩm phù hợp với các tiêu chuẩn và/hoặc văn bản quy phạm pháp luật khác sau đây:

55032 EN  
55024 EN  
55035 EN  
EN ISO 14982  
ISO 13766-1

Tên và địa chỉ của người trong Khối Cộng đồng Châu Âu có thẩm quyền lập hồ sơ thi công kỹ thuật:

John Deere Walldorf GmbH & Co. KG  
Bộ phận Hỗ trợ Khách hàng  
Impexstraße 3  
D-69190 Walldorf  
EUConformity@JohnDeere.com

Tuyên bố tuân thủ này được ban hành hoàn toàn theo trách nhiệm của nhà sản xuất.

**Nơi công bố:** Urbandale, IA

**Ngày công bố:** Ngày 28 tháng 11 năm 2022

**Đơn vị sản xuất:** Deere & Company, Moline, IL, 61265

**Tên:** Eric Rains

**Chức danh:** Giám đốc Kỹ thuật Phần cứng Điện tử Toàn cầu



DXCE01—UN—28APR09  
ct47125,1669665329618-83-01DEC22

## Tuyên bố tuân thủ – EU

**Deere & Company**  
**Moline, Illinois U.S.A.**

Người có tên dưới đây công bố:

**Tên sản phẩm:** Màn hình đa năng G5<sup>Plus</sup>

**Kiểu máy:** G5PU

tuân thủ tất cả quy định và yêu cầu có liên quan trong các chỉ thị dưới đây:

| Chỉ thị                     | SỐ         | PHƯƠNG PHÁP CHỨNG NHẬN |
|-----------------------------|------------|------------------------|
| Hạn chế Các chất Độc hại    | 2011/65/EU | Điều 7 của Chỉ thị     |
| Chỉ thị Tương thích Điện từ | 2014/30/EU | Phụ lục II của chỉ thị |

Sản phẩm phù hợp với các tiêu chuẩn và/hoặc văn bản quy phạm pháp luật khác sau đây:

55032 EN  
55024 EN  
55035 EN  
EN ISO 14982  
ISO 13766-1

Tên và địa chỉ của người trong Khối Cộng đồng Châu Âu có thẩm quyền lập hồ sơ thi công kỹ thuật:

John Deere Walldorf GmbH & Co. KG  
Bộ phận Hỗ trợ Khách hàng  
Impexstraße 3  
D-69190 Walldorf  
EUConformity@JohnDeere.com

Tuyên bố tuân thủ này được ban hành hoàn toàn theo trách nhiệm của nhà sản xuất.

**Nơi công bố:** Urbandale, IA

**Ngày công bố:** Ngày 28 tháng 11 năm 2022

**Đơn vị sản xuất:** Deere & Company, Moline, IL, 61265

**Tên:** Eric Rains

**Chức danh:** Giám đốc Kỹ thuật Phần cứng Điện tử Toàn cầu



DXCE01—UN—28APR09  
ct47125,1669665340574-83-01DEC22

## Tuyên bố tuân thủ - Vương quốc Anh

**Deere & Company**  
**Moline, Illinois, U.S.A.**

Người có tên dưới đây công bố:

**Sản phẩm:** Màn hình đa năng G5

**Kiểu máy:** G5MU

tuân thủ tất cả quy định liên quan và yêu cầu thiết yếu trong các quy định dưới đây của Vương quốc Anh:

| QUY ĐỊNH                                                                       | SỐ               | PHƯƠNG PHÁP CHỨNG NHẬN |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------|
| Quy định Tương thích điện từ                                                   | S.I. 2016 / 1091 | Phụ lục 2, Mô-đun A    |
| Hạn chế Sử dụng Một số Chất độc hại trong Quy định về Thiết bị Điện và Điện tử | S.I. 2012 / 3032 | Mục 2, Phần 12         |

Sản phẩm phù hợp với các tiêu chuẩn và/hoặc văn bản quy phạm pháp luật khác sau đây:

EN ISO 14982  
ISO 13766-1

EN55032  
EN55024  
EN55035

Tên và địa chỉ của người có thẩm quyền lập hồ sơ thi công kỹ thuật:

John Deere Ltd.  
Harby Road  
Langar  
Nottinghamshire  
NG13 9HT  
Vương quốc Anh  
EUConformity@JohnDeere.com

Tuyên bố tuân thủ này được ban hành hoàn toàn theo trách nhiệm của nhà sản xuất.

**Nơi công bố:** Urbandale, Iowa, USA

**Ngày công bố:** Ngày 28 tháng 11 năm 2022

**Tên:** Eric Rains

**Đơn vị sản xuất:** Deere & Company, Moline, IL 61265

**Chức danh:** Giám đốc Phần cứng Điện tử Toàn cầu

**Bên nhập sản phẩm Ag & Turf:** John Deere Ltd., Harby Road, Langar, Nottinghamshire, NG13 9HT, Vương quốc Anh

**Bên nhập sản phẩm Forestry:** John Deere forestry Ltd. - Carlisle Airport Industrial Estate, Carlisle, Cumbria, CA6 4NW, Vương quốc Anh

**Bên nhập sản phẩm xây dựng:** Wirtgen Limited, Wirtgen Group House, Overfield Park, Godfrey Drive, Newark, Nottinghamshire, NG24 2UA, Vương quốc Anh



RXA0179545—UN—16APR21  
ct47125,1669665360723-83-01DEC22

## Tuyên bố tuân thủ - Vương quốc Anh

**Deere & Company**  
**Moline, Illinois, U.S.A.**

Người có tên dưới đây công bố:

**Sản phẩm:** Màn hình đa năng G5<sup>Plus</sup>

**Kiểu máy:** G5PU

tuân thủ tất cả quy định liên quan và yêu cầu thiết yếu trong các quy định dưới đây của Vương quốc Anh:

| QUY ĐỊNH                                                                       | SỐ               | PHƯƠNG PHÁP CHỨNG NHẬN |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------|
| Quy định Tương thích điện từ                                                   | S.I. 2016 / 1091 | Phụ lục 2, Mô-đun A    |
| Hạn chế Sử dụng Một số Chất độc hại trong Quy định về Thiết bị Điện và Điện tử | S.I. 2012 / 3032 | Mục 2, Phần 12         |

Sản phẩm phù hợp với các tiêu chuẩn và/hoặc văn bản quy phạm pháp luật khác sau đây:

EN ISO 14982  
ISO 13766-1

EN55032  
EN55024  
EN55035

Tên và địa chỉ của người có thẩm quyền lập hồ sơ thi công kỹ thuật:

John Deere Ltd.  
Harby Road  
Langar  
Nottinghamshire  
NG13 9HT  
Vương quốc Anh  
EUConformity@JohnDeere.com

Tuyên bố tuân thủ này được ban hành hoàn toàn theo trách nhiệm của nhà sản xuất.

**Nơi công bố:** Urbandale, Iowa, USA

**Ngày công bố:** Ngày 28 tháng 11 năm 2022

**Đơn vị sản xuất:** Deere & Company, Moline, IL 61265

**Tên:** Eric Rains

**Chức danh:** Giám đốc Phần cứng Điện tử Toàn cầu

**Bên nhập sản phẩm Ag & Turf:** John Deere Ltd., Harby Road, Langar, Nottinghamshire, NG13 9HT, Vương quốc Anh

**Bên nhập sản phẩm Forestry:** John Deere forestry Ltd. - Carlisle Airport Industrial Estate, Carlisle, Cumbria, CA6 4NW, Vương quốc Anh

**Bên nhập sản phẩm xây dựng:** Wirtgen Limited, Wirtgen Group House, Overfield Park, Godfrey Drive, Newark, Nottinghamshire, NG24 2UA, Vương quốc Anh



RXA0179545—UN—16APR21  
ct47125,1669665376134-83-01DEC22

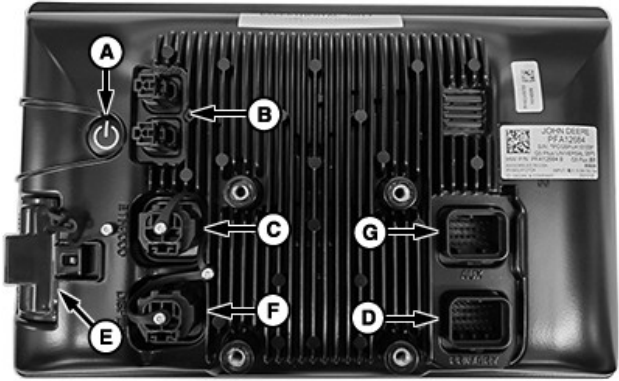
# Vận hành - Giới thiệu về màn hiển thị

## Màn hiển thị đa năng John Deere G5 và G5<sup>Plus</sup>



PC28491—UN—12AUG22

Màn hình đa năng G5 (10,1 inch)



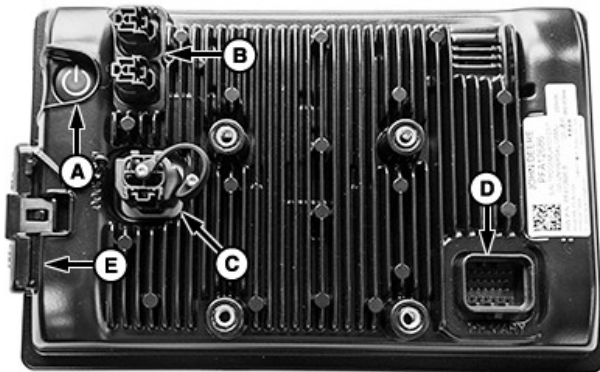
PC28512—UN—13JUL21  
Plus

G5 Các bộ phận của màn hiển thị đa năng



PC28490—UN—26MAY21

G5 Màn hiển thị đa năng<sup>Plus</sup> (12,8 inch)



PC28511—UN—13JUL21

Các bộ phận của màn hình đa năng G5

- A—Nút nguồn
- B—Giắc cắm video
- C—Cổng Ethernet
- D—Đầu nối máy 26 chốt
- E—Cổng USB

- A—Nút nguồn
- B—Đầu nối video kỹ thuật số
- C—Cổng Ethernet
- D—Đầu nối máy 26 chốt
- E—Cổng USB
- F—Đầu nối Màn hình mở rộng
- G—Đầu nối phụ 26 chốt

Màn hình đa năng G5 được thiết kế để giúp sử dụng dễ dàng nhất và đạt được hiệu quả cao nhất. Màn hình đa năng G5 có giao diện thân thiện với người dùng giúp dễ dàng thiết lập và khởi động vận hành. Các model màn hình đa năng G5 là G5 (10,1 inch) và G5<sup>Plus</sup> (12,8 inch).

### Khởi động lại Màn hiển thị đa năng G5

**⚠ LƯU Ý:** Tránh khả năng gây thương tích. Đảm bảo rằng máy đang ở chế độ đỗ và duy trì nguồn điện trong suốt quá trình cài đặt. Khi khởi động lại màn hiển thị:

Tất cả ứng dụng sẽ tắt.

Không hiển thị thông báo hệ thống nào.

**GHI CHÚ:** Một số bộ điều khiển dụng cụ đi kèm yêu cầu vận chia khóa để khởi động lại đúng cách. Sử dụng nút nguồn (A) có thể gây ra sự cố về giao tiếp với các bộ điều khiển đó.

- Khởi động nóng: Xảy ra khi máy được bật trong vòng 24 giờ kể từ lần cuối máy được bật. Để thực hiện khởi động nóng, hãy nhấn nút nguồn. Khi màn hiển thị tắt, nhấn lại nút nguồn.
- Khởi động nguội: Xảy ra khi máy đã tắt trong hơn 48 giờ hoặc khi các lời nhắc trên màn hình yêu cầu màn hình khởi động lại (chẳng hạn như thay đổi ngôn ngữ hoặc thêm màn hình phụ).

**GHI CHÚ:** Sau mỗi 20 lần khởi động nóng, màn hiển thị sẽ thực hiện khởi động nguội.

Có hai phương pháp bổ sung để tiến hành khởi động nguội:

- Giữ nút nguồn trong 4 giây cho đến khi màn hình bắt đầu khởi động lại.

- Tháo nguồn điện của màn hình:
  - a. Ngắt đầu nối 26 chân khỏi màn hình.
  - b. Ngắt ắc quy trên máy.
- Đổi ngôn ngữ.
- Đổi định dạng số.
- Đổi đơn vị đo lường.

### Cổng USB

Để bảo vệ khỏi nước và bụi tốt nhất, hãy đảm bảo nắp USB ở đúng vị trí khi không sử dụng cổng USB (E).

### Màn hình mở rộng



Nút Trao đổi

PC28687—UN—25AUG22

**GHI CHÚ:** Màn hình mở rộng chỉ được hỗ trợ trên màn hình CommandCenter G5<sup>Plus</sup> và màn hình đa năng G5<sup>Plus</sup>.

Màn hình mở rộng là màn hiển thị phụ, dùng để hiển thị trang vận hành phụ đang hoạt động.

**⚠ LƯU Ý:** Tránh nguy cơ gây thương tích. Đảm bảo rằng máy đang ở chế độ đỗ và duy trì nguồn điện trong suốt quá trình cài đặt. Khi khởi động lại màn hiển thị:

**Tất cả ứng dụng sẽ tắt.**

**Không hiển thị thông báo hệ thống nào.**

**GHI CHÚ:** Hoàn thành các công việc trên mọi cánh đồng đã được bắt đầu trước khi lắp hoặc ngắt kết nối màn hiển thị phụ.

Khi phát hiện hoặc tháo màn hình phụ, hệ thống sẽ yêu cầu khởi động lại.

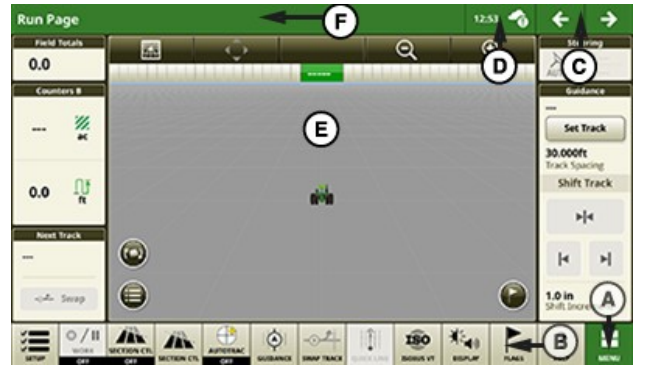
Chọn nút Hoán đổi để chuyển trang chạy hoạt động đến màn hình phụ. Tất cả chức năng của trang chạy đã chuyển vẫn hoạt động trên màn hình mở rộng. Trang thông tin kế tiếp ở chế độ hoạt động sẽ trở thành trang thông tin hoạt động trên màn hình chính.

Khả năng cuộn qua các trang chạy hiện được kích hoạt trên màn hình chính; tuy nhiên, trang chạy đã chuyển đến màn hình phụ sẽ bị loại bỏ khi xoay.

Chọn nút Hoán đổi một lần nữa để hoán đổi các trang thông tin hoạt động giữa các màn hình.

ch177nn,1695632376227-83-21MAY24

## Cấu trúc Trang vận hành



PC28807—UN—20SEP22

Trang Thông tin màn hình

**A—Trình đơn**

**B—Phím chức năng lõi tắt**

**C—Nút trang vận hành trước hoặc sau**

**D—Trung tâm trạng thái**

**E—Trang vận hành**

**F—Chọn Thanh tiêu đề/Trang vận hành**

**Trình đơn (A)** liệt kê tất cả ứng dụng được cài đặt trên màn hình và máy.

**Phím chức năng lõi tắt (B)** cho phép truy cập nhanh đến các ứng dụng và chức năng thường dùng.

**Nút Trang thông tin trước và sau (C)** sẽ chuyển qua lại giữa nhiều trang thông tin.

Chọn vùng chỉ định (D) để hiển thị **Trung tâm trạng thái**. Các thông tin quan trọng về chức năng màn hình, như cường độ tín hiệu GPS và hệ thống lưu trữ dữ liệu sẵn có, được tô đậm.

**Trang thông tin (E)** được cấu hình bằng ứng dụng Trình quản lý bố cục.

Chọn **thanh tiêu đề (F)** để hiển thị trang **Chọn trang thông tin**. Chọn trang thông tin mong muốn từ danh sách các trang sẵn có.

(Tham khảo ứng dụng Trình quản lý bố cục để biết thông tin về tùy chỉnh trang thông tin).

ch177nn,1663828436979-83-22SEP22

## Trình đơn



Nút menu

PC28688—UN—25AUG22

Chọn nút menu sẽ liệt kê tất cả ứng dụng được cài đặt trên màn hình và máy. Chọn tab bên trái để xem các nhóm ứng dụng khác nhau.

**GHI CHÚ:** Các ứng dụng sẵn có thay đổi tùy thuộc cấu hình máy.

ch177nn,1661407173231-83-25AUG22

## Trợ giúp trên màn hình



APY76313—UN—21SEP22  
Nút Ứng dụng Trung tâm trợ giúp và Thông tin

Trung tâm trợ giúp là phần bổ sung cho bản in Hướng dẫn vận hành. Đọc Hướng dẫn vận hành trước khi vận hành. Có thể truy cập Trung tâm trợ giúp bằng ba cách:

1. Điều hướng đến Ứng dụng Trung tâm trợ giúp
  - a. Chọn Menu
  - b. Chọn Tab Ứng dụng
  - c. Chọn Trung tâm trợ giúp
2. Chọn lối tắt Trung tâm trợ giúp
3. Dấu hỏi trang Ứng dụng

ch177nn,1660546277630-83-13JAN24

## Trung tâm trạng thái



Trung tâm trạng thái

PC28826—UN—22SEP22

Trung tâm trạng thái nằm trong thanh tiêu đề và tổ hợp thông tin quan trọng đối với chức năng màn hình, như cường độ tín hiệu GPS và thông báo.

Chọn Trung tâm trạng thái để hiển thị thêm thông tin trong cửa sổ thả xuống. Trung tâm trạng thái mở rộng cho phép truy cập nhanh vào các thông báo và cài đặt.

**GHI CHÚ:** Ngày và Giờ và Lưu trữ dữ liệu luôn được hiển thị trong Trung tâm trạng thái.

Thông tin bổ sung được hiển thị tùy thuộc vào cấu hình máy và các thông báo.

ch177nn,1660546440934-83-21SEP22

## Phím chức năng lỗi tắt



APY76316—UN—22SEP22

Phím chức năng lỗi tắt

Phím tắt mềm hiển thị thông tin trạng thái và cho phép truy cập nhanh vào các chức năng ứng dụng.

Phím chức năng luôn hiển thị dọc theo phần dưới của trang thông tin.

(Tham khảo ứng dụng Trình quản lý Bức thư để biết thêm thông tin về tùy chỉnh thanh phím tắt).

ch177nn,1660546447921-83-24MAY24

## Giấy phép Màn hiển thị

Màn hiển thị yêu cầu giấy phép cụ thể để chạy các ứng dụng khác nhau trên màn hiển thị.

### Giấy phép Cơ bản

Yêu cầu giấy phép Cơ bản để vận hành màn hình G5.

Liên hệ đại lý John Deere để chuyển những phần cơ bản từ màn hình không hoạt động sang màn hình mới.

Khi màn hình không có giấy phép Cơ bản, quyền truy cập sẽ bị giới hạn cho các ứng dụng sau đây:

- Trình quản lý phần mềm
- Ngôn ngữ và Đơn vị
- Trình quản lý tệp
- Màn hiển thị và Âm thanh
- Trung tâm Chẩn đoán

**GHI CHÚ:** Không thể xuất dữ liệu mà không có giấy phép Cơ bản.

### Giấy phép bổ sung

**GHI CHÚ:** Chỉ chuyển nhượng được giấy phép cho các thiết bị tương tự. (ví dụ:

Cần có giấy phép bổ sung để mở khóa các tính năng nâng cao của màn hình.

### Điều hướng đến Giấy phép

1. Chọn Menu.
2. Chọn tab Hệ thống.
3. Chọn ứng dụng Trình quản lý phần mềm.
4. Chọn thẻ Giấy phép.

Các tính năng sau đây có sẵn với giấy phép hợp lệ:

- AutoPath
- AutoTrac
- Tự động rẽ AutoTrac
- AutoTrac RowSense
- Data Sync
- Dẫn hướng dụng cụ
- Chia sẻ Dữ liệu tại chỗ
- Cài đặt ISOBUS TIM
- Đồng bộ máy
- Điều khiển vùng làm việc

Liên hệ Đại lý John Deere để mua giấy phép.

### **Các tính năng thử nghiệm**

Trong ứng dụng Trình quản lý phần mềm, có sẵn các tính năng demo để thử các tính năng trên màn hình. Đèn xanh kế bên tính năng cho biết demo được bật.

Demo có sẵn từ nhà máy trong 15 giờ sử dụng. Ví dụ: demo AutoTrac chỉ đếm ngược khi được giải.

Điều hướng đến Tính năng:

1. Chọn Menu.
2. Chọn tab Hệ thống.
3. Chọn ứng dụng Trình quản lý phần mềm.
4. Chọn thẻ Tính năng.

### **Kích hoạt phần cứng**

Kích hoạt phần cứng được lắp tại nhà máy hoặc được chuyển giao như là một phần của quy trình chuyển giao kích hoạt dịch vụ. Kích hoạt phần cứng cung cấp thông tin cho phần mềm màn hiển thị để phần cứng liên quan hoạt động chính xác

---

ct47125,1705175156960-83-24MAY24

# Vận hành—Thiết lập màn hiển thị

## Cài đặt hiển thị

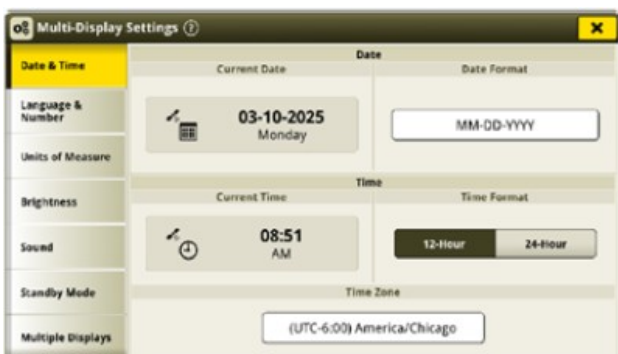


Biểu tượng Cài đặt hiển thị

PC689856—UN—26SEP25

Ứng dụng Cài đặt hiển thị trong tab Hệ thống sẽ điều chỉnh một số cấu hình Hiển thị.

### Ngày và Giờ



Tab Ngày và Giờ

PC689859—UN—26SEP25

Thông tin từ ứng dụng Ngày và Giờ được sử dụng cho một số chức năng quan trọng trên hệ thống. Những thông tin này bao gồm ghi chép lỗi, giấy phép và ghi dữ liệu.

Ngày và giờ được cài tự động nếu bộ thu GPS được kết nối và nhận tín hiệu hợp lệ. Trong trường hợp này, chỉ cài đặt múi giờ.

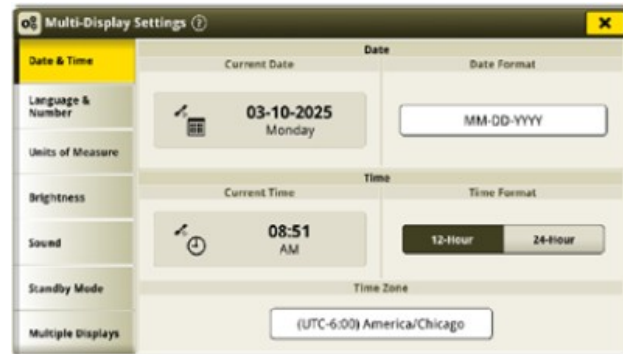
Có thể tìm thấy ngày và giờ hiện tại tại bất kỳ thời điểm nào bằng cách chọn Trung tâm trạng thái ở trên cùng của trang vận hành chính.

**GHI CHÚ:** Thiết lập Ngày và Giờ sẽ ảnh hưởng đến cách lọc dữ liệu Hướng dẫn và Tài liệu trên màn hình cũng như trong phần mềm máy tính.

### Điều hướng đến Ngày và Giờ

1. Chọn Menu.
2. Chọn tab Hệ thống.
3. Chọn ứng dụng Ngày và Giờ.

### Thay đổi ngày hiện tại



Tab Ngày và Giờ

PC689859—UN—26SEP25

#### A—Ngày được cài đặt bởi người sử dụng

#### B—Ngày xác định bởi GPS

Ngày chỉ có thể được thay đổi nếu GPS không được kết nối hoặc không có tín hiệu GPS. Nếu không như vậy, tín hiệu GPS quyết định ngày.

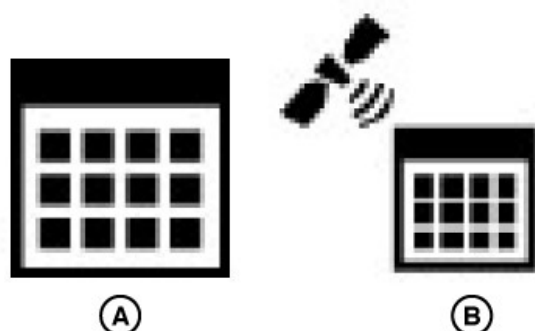
Định dạng ngày không phụ thuộc vào tín hiệu GPS, và có thể thay đổi vào bất kỳ thời điểm nào.

1. Chọn ngày, tháng, hoặc năm.
2. Sử dụng bàn phím để nhập giá trị đúng.
3. Chọn nút Xong để các thay đổi được áp dụng hoặc nút Hủy để trở lại trang trước mà không áp dụng các thay đổi.

### Định dạng ngày

1. Chọn ô Định dạng ngày.
2. Chọn định dạng ngày mong muốn từ danh sách.
3. Chọn nút Xong để áp dụng các thay đổi hoặc nút Hủy để quay lại trang trước mà không áp dụng các thay đổi.

### Thay đổi giờ hiện tại



(A)

(B)

PC689854—UN—26SEP25

Biểu tượng Thay đổi giờ hiện tại

#### A—Giờ cài đặt bởi người sử dụng

#### B—Giờ xác định bởi GPS

Giờ hiện tại chỉ có thể được thay đổi nếu GPS không

được kết nối hoặc không có tín hiệu GPS. Nếu không như vậy, tín hiệu GPS quyết định giờ.

### Đổi giờ

1. Chọn giờ hoặc phút.
2. Sử dụng bàn phím để nhập giá trị đúng.
3. Chọn nút Xong để các thay đổi được áp dụng hoặc nút Hủy để trở lại trang trước mà không áp dụng các thay đổi.

Múi giờ và Định dạng giờ không phụ thuộc vào tín hiệu GPS, và có thể thay đổi vào bất kỳ thời điểm nào.

### Múi giờ

1. Chọn một châu lục hoặc một đại dương và chọn Tiếp theo.
2. Chọn một quốc gia và chọn Tiếp theo.
3. Chọn một múi giờ và chọn Tiếp theo.
4. Xác nhận múi giờ đã chọn và chọn OK.

### Định dạng giờ

Sử dụng nút chức năng để chọn định dạng theo 12 giờ hay định dạng theo 24 giờ.

### Ngôn ngữ và số

Sử dụng chức năng Ngôn ngữ và số để thay đổi Định dạng ngôn ngữ và Định dạng số.



Tab Ngôn ngữ và số

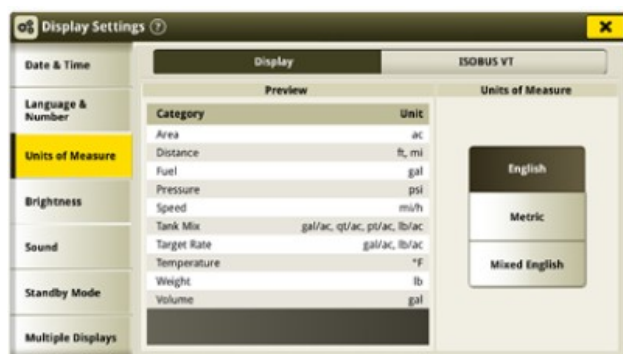
- Định dạng ngôn ngữ (Hiện hoạt và Thay thế)
- Nút Hoán đổi ngôn ngữ
- Định dạng số (Dấu chấm thập phân hoặc Dấu phẩy thập phân)

Chọn một trong hai tab để thay đổi cài đặt.

### Điều hướng đến Ngôn ngữ và số

1. Chọn Menu.
2. Chọn tab Hệ thống.
3. Chọn Cài đặt hiển thị.
4. Chọn Ngôn ngữ và số.

### Đơn vị đo



PC689863—UN—26SEP25

Tab Đơn vị đo

Có thể tạo các thiết lập khác nhau cho cả màn hình và các bộ điều khiển hiển thị trên ISOBUS VT. Chọn một trong hai tab để thay đổi cài đặt.

### Màn hiển thị

Chọn Hệ Anh, Hệ mét hoặc Hệ Anh hỗn hợp.

### ISOBUS VT



PC689857—UN—26SEP25

ISOBUS VT

Các bộ điều khiển hiển thị trên ISOBUS VT, hơn các chức năng còn lại của màn hình, có thể có các đơn vị đo lường khác nhau. Bỏ chọn Sử dụng đơn vị đo lường tương tự như màn hình để kích hoạt các ô danh sách cho:

- Đơn vị đo lường
- Định dạng số
- Khoảng cách
- Khu vực
- Âm lượng
- Trọng lượng
- Nhiệt độ
- Áp suất
- Lực

**GHI CHÚ:** Có thể sử dụng cùng đơn vị đo như Hiển thị.

## Độ sáng



Tab Độ sáng

PC684078—UN—26SEP25

## Âm thanh



Thẻ Âm thanh

PC689861—UN—26SEP25

### Chế độ Độ sáng

#### • Chế độ tự động

Chế độ tự động được khuyến nghị cài đặt. Việc này đồng bộ hóa độ sáng màn hình với công tắc đèn trong ca-bin. Nếu đèn trong ca-bin tắt, màn hình sẽ ở chế độ ngày. Nếu đèn trong ca-bin mở, màn hình sẽ ở chế độ đêm.

#### • Chế độ ngày và đêm

Chọn một trong hai chế độ để ngăn không xảy ra độ sáng màn hình đồng bộ với công tắc đèn trong ca-bin.

**GHI CHÚ:** Chế độ lựa chọn sẽ không điều chỉnh độ sáng của màn hình thứ hai. Điều chỉnh độ sáng của màn hình đó thông qua cài đặt của chính nó.

### Cài đặt Độ sáng

Chọn một trong hai nút thiết lập để hiển thị một trang tự mở cho chế độ độ sáng tương ứng.

- Ngày
- Đêm

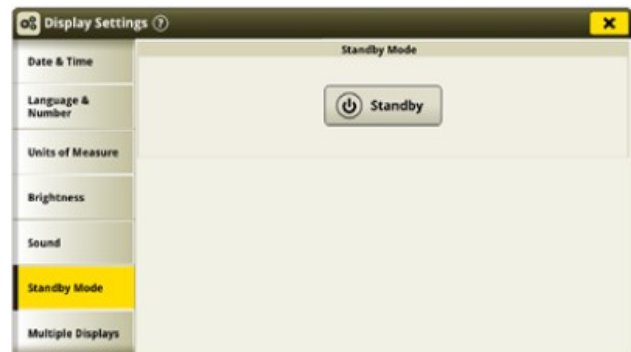
Đối với cài đặt Ngày hoặc Đêm, có thể điều chỉnh phần trăm Độ sáng khác nhau:

- Công nghệ chính xác và Tiện nghi
- Chế độ hiển thị

Thay đổi âm lượng hiển thị bằng cách chọn nút tăng (+) hay giảm (-), áp dụng cho:

- CommandCenter
- Trụ góc
- Thông tin giải trí

### Chế độ chờ



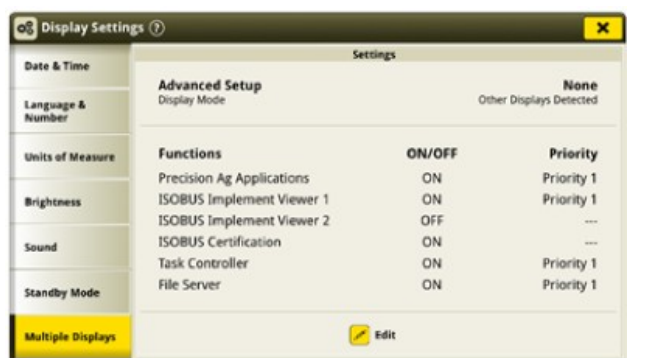
Tab Chế độ chờ

PC689862—UN—26SEP25

**GHI CHÚ:** Không có sẵn chế độ chờ trên máy phun xịt. Nút chế độ chờ dùng để tắt màn hình.

Sử dụng chế độ chờ để chuyển màn hiển thị sang chế độ tiết kiệm điện.

## Nhiều màn hiển thị



PC689860—UN—26SEP25

Thẻ Nhiều hiển thị

**GHI CHÚ:** KHÔNG nên thay đổi riêng từng cài đặt này.

Nhiều màn hiển thị trong máy thường được sử dụng để cung cấp đồng thời các loại thông tin khác nhau cho người vận hành, cho phép kiểm soát, giám sát và ra quyết định tốt hơn.

Có hai cách sử dụng nhiều màn hiển thị. Cả hai màn hiển thị đều có thể là màn hiển thị Nông nghiệp chính xác hoặc một trong hai

có thể là màn hiển thị Nông nghiệp chính xác và màn hiển thị còn lại là màn hình mở rộng. Chỉ cần cấu hình cài đặt nhiều màn hiển thị khi sử dụng hai màn hiển thị Precision Ag; không cần phải thay đổi nếu đó là màn hình mở rộng.

Ví dụ như trên máy kéo 8R, nhiều màn hiển thị được sử dụng. Các màn hiển thị này có thể được thiết lập theo hai cách.

1. CommandCenter được tích hợp với màn hình mở rộng tùy chọn. Cả hai màn hình đều hoạt động với cùng một bộ xử lý, do đó không cần cấu hình cài đặt nhiều màn hiển thị.
2. CommandCenter được ghép nối với Màn hiển thị đa năng G5. Mỗi màn hiển thị có bộ xử lý riêng nên phải cấu hình nhiều cài đặt hiển thị.

Màn hiển thị CommandCenter đóng vai trò là giao diện chính để giám sát và điều khiển hoạt động của máy và hiển thị các thông tin như dẫn hướng, cài đặt máy, điều khiển dụng cụ và dữ liệu hiệu suất. Có thể sử dụng màn hình mở rộng, thường được gắn ở bên phải cabin để hiển thị thông tin bổ sung như nguồn cấp dữ liệu camera, tài liệu, lập bản đồ cánh đồng hoặc công cụ chẩn đoán.

Nếu cần cấu hình riêng các chức năng, hãy bật hoặc tắt các chức năng bằng các công tắc chuyển đổi. Sau đó chọn ưu tiên cho từng chức năng.

### Ứng dụng Precision Ag

Ứng dụng Precision Ag là một ứng dụng màn hiển thị sử dụng các giải pháp công nghệ dựa trên dữ liệu để canh tác chính xác. Những ứng dụng này được thiết kế để

giúp người nông dân đưa ra quyết định sáng suốt nhằm tối ưu hóa hoạt động.

Những ứng dụng này cho phép nông dân thu thập dữ liệu thời gian thực, sử dụng lập bản đồ cánh đồng, phân tích sự biến đổi của cánh đồng và thực hiện các biện pháp quản lý cụ thể theo địa điểm để nâng cao năng suất, giảm chi phí đầu vào, giảm thiểu tác động môi trường và nâng cao tính bền vững tổng thể của nông trại.

Tận dụng các ứng dụng Precision Ag để tăng hiệu quả, đưa ra quyết định chính xác hơn và đạt được kết quả tốt hơn. Các ứng dụng Precision Ag bao gồm AutoTrac, Điều khiển vùng làm việc và Tài liệu.

### Trình xem dụng cụ ISOBUS

Trình xem Dụng cụ ISOBUS sẽ xác định xem CommandCenter có thể hiển thị giao diện thiết bị đầu cuối ảo (VT) hay không.

### Trình xem Dụng cụ ISOBUS 2

**GHI CHÚ:** Nếu màn hình mở rộng không được kết nối, công tắc Trình xem Dụng cụ ISOBUS 2 sẽ chuyển sang màu xám.

**GHI CHÚ:** Trình xem Dụng cụ ISOBUS 2 yêu cầu có đăng ký Premium.

Trình xem Dụng cụ ISOBUS 2 sẽ xác định xem CommandCenter có thể hiển thị giao diện VT trên màn hình mở rộng không.

### Chứng nhận ISOBUS

Công tắc bật/tắt Chứng nhận ISOBUS sẽ vô hiệu hóa việc sử dụng Màn hình GreenStar Chính hãng trên màn hình G5. Để cho phép sử dụng Màn hình GreenStar chính hãng, hãy tắt Chứng nhận ISOBUS.

### Trình điều khiển nhiệm vụ

**QUAN TRỌNG: KHÔNG bật ứng dụng Nông nghiệp Chính xác cho cả hai màn hình. Tính năng Dẫn hướng và các ứng dụng khác sẽ không hoạt động bình thường.**

**GHI CHÚ:** Trình xem dụng cụ có ISOBUS còn được gọi là ISOBUS VT trên màn hình GreenStar 2 và GreenStar 3.

Bộ điều khiển nhiệm vụ (TC) sẽ xác định xem CommandCenter có thể gửi và nhận các lệnh TC với các bộ điều khiển dụng cụ hay không. Phần này bao gồm các thông báo Điều khiển vùng làm việc.

### Máy chủ tệp

**GHI CHÚ:** Khi sử dụng nhiều màn hình, cần đảm bảo Máy chủ tập tin đang hoạt động chỉ trên một màn hình.

Máy chủ Tập tin sẽ trao đổi tập tin hoặc dữ liệu nhị phân giữa máy và dụng cụ, như các tập tin cấu hình, bảng phân bổ và tập tin ngôn ngữ. Máy chủ tập tin yêu cầu phải có ổ đĩa USB để hoạt động. Dữ liệu gửi đi từ dụng cụ sẽ được lưu trên ổ đĩa USB trong thư mục Fileserver.

### Cài đặt ưu tiên

**GHI CHÚ:** Để xem ưu tiên trên mỗi màn hình, chọn nút thiết bị đầu cuối ảo trong Trung tâm trạng thái.

Cài đặt ưu tiên, hay còn được gọi là Đối tượng chức năng, xác định ưu tiên hiển thị khi tải các chức năng khác nhau. Ví dụ: nếu Trình xem dụng cụ trên CommandCenter có Mức ưu tiên 1 và GreenStar 3 2630 có Mức ưu tiên (Trường hợp chức năng) 2, thì dụng cụ ISOBUS sẽ hiển thị trên CommandCenter trong hầu hết các trường hợp.

ZIDXX1X,1759230099081-83-06OCT25

### Trình quản lý Bộ cục



Trình quản lý Bộ cục

PC28704—UN—25AUG22

Dùng Trình quản lý bộ cục để tạo và điều chỉnh trang thông tin và thanh phím tắt để có thể truy cập các chức năng và thông tin quan trọng từ trang chính.

Các trang thông tin được tạo nên từ những "mô-đun" (các khối chứa thông tin và các nút). Các mô-đun có thể được bổ sung, gỡ bỏ, hay sắp xếp lại trên một trang thông tin.

Các trang thông tin được nhóm lại với nhau để tạo thành các bộ trang thông tin. Các bộ trang thông tin có thể được tạo ra dành cho một hoạt động (trồng cây hoặc làm đất, hoặc dùng để cho những người vận hành khác nhau tham khảo).

Có thể tạo và lưu các trang thông tin không giới hạn. Có thể tạo các bộ trang thông tin không giới hạn với tối đa mười trang thông tin mỗi bộ.

Có thể nhập các trang vận hành tùy chỉnh từ một màn hình G5 khác có cùng kích cỡ. Các trang thông tin được nhập sẽ khả dụng trên tab Tất cả trang thông tin.

### Điều hướng Trình quản lý bộ cục

1. Chọn Trình đơn.
2. Chọn tab Ứng dụng.
3. Chọn ứng dụng Trình quản lý bộ cục.

### Các bộ trang thông tin



Các bộ trang thông tin

PC15336—UN—10JUL13

Các bộ trang thông tin là tập hợp tối đa mười trang thông tin được nhóm lại với nhau cho một hoạt động, ví dụ như trồng cây hoặc làm đất. Chỉ những trang thông tin trong bộ trang thông tin đã kích hoạt mới được hiển thị khi xem các trang thông tin trên trang chính.

Chọn một bộ trang thông tin để hiển thị trang Sửa bộ trang thông tin.

### Thêm một bộ trang thông tin



PC28705—UN—25AUG22

- A—Tạo Bộ mới**  
**B—Thay đổi Bộ đang hoạt động**

Chọn nút Tạo bộ mới (A) để tạo một bộ trang thông tin mới. Chọn nút Thay đổi bộ đang hoạt động (A) để chọn một bộ trang thông tin đã tồn tại.

### Sửa trang thông tin trong một bộ trang thông tin



PC28706—UN—25AUG22

- A—Nút chỉnh sửa**  
**B—Nút nhân đôi**  
**C—Nút mũi tên lên**  
**D—Nút mũi tên xuống**  
**E—Nút gỡ bỏ**

Chọn một trong các trang chạy để hiển thị một dãy các nút để chỉnh sửa trang chạy đó.

Chọn nút chỉnh sửa (A) để tiến hành thay đổi các mô-đun của trang chạy đó.

Chọn nút sao chép (B) để tạo một trang thông tin mới với cùng mô-đun đó.

Chọn nút lên hoặc xuống (C) để thay đổi thứ tự của trang chạy. Thứ tự trang chạy được sử dụng khi bạn xem các trang trên trang chính.

Chọn nút xóa bỏ (E) để xóa trang chạy trong bộ trang thông tin. Trang thông tin sẽ được xóa khỏi bộ trang thông tin, nhưng vẫn tồn tại trong danh sách Tất cả trang thông tin.

**GHI CHÚ:** Nút xóa bỏ sẽ không xuất hiện nếu chỉ có một trang thông tin trong bộ trang thông tin.

## Sửa bộ trang thông tin

Thay đổi tên, thanh lối tắt đã được chỉ định, hoặc bổ sung thêm trang thông tin vào một bộ trang thông tin.

### Tên Trang vận hành



**A—Nút chỉnh sửa**

**B—Bao gồm Nút Trang vận hành bổ sung**

Mỗi trang thông tin phải có một cái tên riêng biệt. Chọn nút Sửa (A) để đặt hoặc sửa tên của bộ trang thông tin.

Chọn nút Chỉnh sửa để thêm hoặc thay đổi thanh lối tắt được chỉ định cho bộ trang thông tin.

Chọn nút Thêm trang thông tin bổ sung (B) để thêm một trang thông tin đã tồn tại vào bộ trang thông tin.

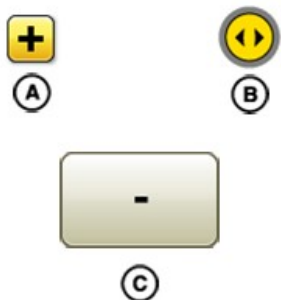
### Thanh lối tắt



Thanh phím tắt

Một thanh phím tắt là tập hợp các phím chức năng tắt hiển thị thông tin trạng thái và cho phép truy cập nhanh vào các chức năng ứng dụng. Thanh phím tắt hiển thị tối đa chín phím chức năng tắt.

Sử dụng tab Thanh phím tắt để lựa chọn, sửa đổi hoặc tạo một thanh phím tắt. Thanh phím tắt có thể được nhập vào thông qua ứng dụng Trình quản lý tập tin.



Thanh phím tắt chỉnh sửa

**A—Nút Tạo phím tắt mới**

**B—Nút Chuyển phím tắt**

**C—Nút Loại bỏ phím tắt**

### Thanh phím tắt chỉnh sửa

Có thể thêm, loại bỏ và sắp xếp lại phím tắt trên thanh phím tắt.

**GHI CHÚ:** Chỉ có thể đặt cùng một phím tắt trên thanh phím tắt một lần.

Chọn nút Tạo phím tắt mới (A) và để tạo một thanh phím tắt mới và chọn ứng dụng có nội dung phù hợp. Từ danh sách, tìm phím tắt thực hiện chức năng mong muốn và chọn nút Thêm mới.

Sau khi đã thêm vào thanh phím tắt, chọn phím tắt để tô sáng phím tắt đó. Nhấn và trượt nút Chuyển phím tắt (B) để di chuyển đến vùng trống.

Để loại bỏ một phím tắt, chọn phím tắt để tô sáng nó và chọn nút loại bỏ phím tắt (C).

### Tất cả các Trang vận hành

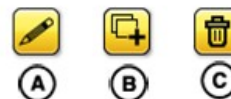


Tất cả các Trang vận hành

**GHI CHÚ:** Có thể xuất hoặc nhập các trang thông tin bằng cách sử dụng Trình quản lý tập.

Tab Tất cả trang thông tin sẽ hiển thị mỗi trang thông tin đã được tạo trên màn hình. Tab này bao gồm các trang thông tin hiện tại trong bộ trang thông tin đang hoạt động, cũng như các trang thông tin được sử dụng trong các bộ trang thông tin khác.

### Sửa Trang vận hành



**A—Nút chỉnh sửa**

**B—Nút nhân đôi**

**C—Nút gỡ bỏ**

Chọn một trong các trang chạy để hiển thị một dãy các nút để chỉnh sửa trang chạy đó.

Chọn nút chỉnh sửa (A) để tiến hành thay đổi các mô-đun của trang chạy đó.

Chọn nút sao chép (B) để tạo một trang thông tin mới với cùng mô-đun đó.

Chọn nút gỡ bỏ (C) để xóa trang chạy khỏi màn hình. Thao tác này sẽ vĩnh viễn xóa bỏ trang thông tin khỏi màn hình và bộ trang thông tin đang hoạt động.

**GHI CHÚ:** Nút gỡ bỏ không hiển thị nếu trang chạy được mặc định là được chọn từ nhà sản xuất.

### Tạo trang thông tin mới



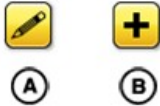
Nút Tạo trang thông tin mới

Chọn nút Tạo trang thông tin mới để tạo một trang thông tin mới.

### Thêm, chỉnh sửa, hoặc nhân đôi trang chạy

Giao diện tương tự được hiển thị khi thêm, chỉnh sửa, hoặc nhân đôi một trang chạy. Một trang chạy mới khởi đầu trống hoàn toàn, trong khi các trang chạy được nhân đôi hoặc được chỉnh sửa đã có sẵn các mô-đun.

### Tên Trang vận hành



**A—Nút thêm mô-đun**  
**B—Nút chỉnh sửa**

PC28707—UN—25AUG22

Mỗi trang thông tin phải có một cái tên riêng biệt. Chọn nút chỉnh sửa (A) để đặt tên hoặc đặt tên lại cho trang chạy.

### Thêm Mô-đun

Chọn nút Thêm mô-đun (B) và chọn ứng dụng có nội dung phù hợp. Trong danh sách, chọn mô-đun có thông tin mong muốn và chọn nút Thêm.

*GHI CHÚ: Mô-đun tương tự chỉ có thể được cài đặt vào trang thông tin một lần.*

*GHI CHÚ: Bắt đầu với các mô-đun lớn hơn trước khi thêm các mô-đun nhỏ hơn để lấp đầy các khoảng trống.*

*Sử dụng mạng tọa độ để xác định chỗ trống cần cho mỗi mô-đun.*

### Sắp xếp lại mô-đun



Chuyển mô-đun

PC28712—UN—25AUG22

Khi đã được thêm vào trang chạy, chọn để đánh dấu mô-đun. Nhấn và trượt mô-đun để chuyển mô-đun tới khu vực đang trống.

### Gỡ bỏ mô-đun



Nút gỡ bỏ mô-đun

PC28711—UN—25AUG22

Chọn mô-đun để tô sáng mô-đun đó và chọn nút Gỡ bỏ.

### Điều hướng trang vận hành trên trang chính

Guidance

Thanh tiêu đề

PC28713—UN—25AUG22



Nút Trước và Sau

PC28714—UN—25AUG22

**A—Thanh tiêu đề**  
**B—Nút Trang vận hành trước và sau**

Nếu nhiều trang vận hành đang ở chế độ thiết lập hoạt động trang vận hành, có nhiều cách để chọn xem trang vận hành nào được hiển thị trên trang chính.

### Thanh tiêu đề (A)

Chọn thanh tiêu đề ở đầu trang chính để hiển thị danh sách tất cả trang thông tin đang ở chế độ thiết lập hoạt động trang thông tin. Chọn một trang vận hành để xem, chỉnh sửa thiết lập trang vận hành, hoặc chọn một trang vận hành khác để xem.

### Nút trang chạy trước và sau (B)

Chọn hoặc mũi tên trái hoặc phải để quay vòng đến các trang vận hành.

### Vuốt ngón tay (C)

Vuốt ngón tay qua trái và phải trên màn hiển thị để chuyển qua lại giữa các trang vận hành.

ct47125,1705180682155-83-13JAN24

### Người dùng và Quyền truy cập



Người dùng và Quyền truy cập

PC28700—UN—25AUG22

Người dùng và Truy cập quản lý cài đặt hồ sơ người dùng để khóa người dùng không cho truy cập một số tính năng nhất định.

*Tab Cấu hình người dùng*

- Thay đổi cấu hình màn hình và đặt số nhận dạng cá nhân (PIN) cho quyền truy cập của người quản trị.

#### Tab Nhóm quyền truy cập

- Lưu các tính năng hiển thị bị khóa.

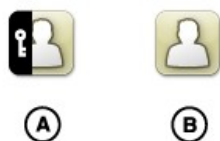
#### Tab Mã PIN bảo mật

- Bật khóa màn hình. Bắt buộc có mã PIN của người vận hành hoặc người quản trị mới được truy cập vào màn hình.

### Điều hướng đến Người dùng và Quyền truy cập

1. Chọn Menu.
2. Chọn tab Hệ thống.
3. Chọn ứng dụng Người dùng và Quyền truy cập.

### Hồ sơ người dùng



**A—Hồ sơ quản trị viên**  
**B—Hồ sơ người vận hành**

PC28701—UN—25AUG22

Hiển thị có thể được thiết lập cho một trong hai hồ sơ, quản trị viên hay người vận hành. Hồ sơ đang hoạt động được hiển thị ở trên cùng của danh sách hồ sơ.

#### Hồ sơ quản trị viên (A)

Hồ sơ quản trị viên luôn luôn được thiết lập cho Nhóm truy cập hoàn toàn. Nó cho phép truy cập không giới hạn tất cả các tính năng, và khả năng khóa và mở khóa các tính năng trong Hồ sơ người vận hành. Một mã PIN có thể được cài đặt để khóa người dùng không cho truy cập Hồ sơ quản trị viên.

#### Hồ sơ người vận hành (B)

Hồ sơ người vận hành luôn được thiết lập cho Nhóm truy cập giới hạn. Nó hạn chế chỉ một số tính năng được phép truy cập. Hồ sơ người vận hành phải đang hoạt động và Hồ sơ quản trị viên phải có mã PIN cho một số tính năng bị khóa.

### Thay đổi hồ sơ hoạt động



**A—Nút thay đổi hồ sơ**  
**B—Nút chỉnh sửa**  
**C—Nút xem**

PC28702—UN—25AUG22

Chọn nút Thay đổi hồ sơ (A) và chọn hồ sơ từ danh sách.

**GHI CHÚ:** Nếu mã PIN đã được tạo cho hồ sơ quản trị viên, mã này phải được nhập khi chuyển từ Hồ sơ người vận hành sang Hồ sơ quản trị viên.

### Thêm/đổi mã PIN

Chọn nút Chỉnh sửa (B) cho Hồ sơ quản trị viên. Chọn nút Thêm/đổi mã PIN.

### Nhóm quyền truy cập

Sử dụng Nhóm truy cập để đặt, xem hoặc sửa đổi quyền truy cập đối với nhóm truy cập bị giới hạn.

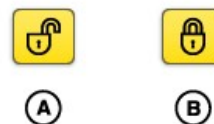
#### Nhóm có quyền truy cập đầy đủ

Nhóm có quyền truy cập đầy đủ có thể sử dụng toàn bộ các tính năng trên màn hình. Nhóm có quyền truy cập đầy đủ không thể bị chỉnh sửa.

#### Nhóm truy cập có giới hạn

Quản trị viên có thể hạn chế một số tính năng nhất định cho nhóm truy cập có giới hạn. Nhóm truy cập có giới hạn chỉ có thể bị chỉnh sửa nếu hồ sơ quản trị viên là hồ sơ đang hoạt động.

### Sửa quyền truy cập



**A—Biểu tượng mở khóa**  
**B—Biểu tượng khóa**

PC28703—UN—25AUG22

Đối với mỗi ứng dụng trong danh sách, "None Locked" (Không khóa) sẽ hiển thị nếu không có tính năng nào bị khóa. Khi các tính năng bị khóa, chúng sẽ được liệt kê theo tên ứng dụng và biểu tượng được đổi sang là đã bị khóa.

Chọn ứng dụng để tô sáng ứng dụng đó và chọn nút Chỉnh sửa.

Trang Chỉnh sửa nhóm truy cập hiển thị danh sách các tính năng có thể bị khóa hoặc mở khóa bằng cách chọn công tắc Khóa/Mở khóa bên cạnh mỗi tính năng. Lưu thay đổi cho nhóm truy cập bằng cách đóng trang.

### Mã PIN bảo mật

Khi được kích hoạt, bạn phải có số nhận dạng cá nhân (PIN) thì mới truy cập được vào các chức năng của màn hình. Có thể thiết lập mã PIN riêng cho cấu hình của người quản trị và người vận hành.

Nếu tiến hành đặt lại dữ liệu gốc hoặc khôi phục hệ thống trên màn hình, mã PIN của người vận hành sẽ bị mất. Mã PIN quản trị viên được lưu và mã hình vẫn khóa sau khi bật nguồn.

### Quyền truy cập tạm thời

Màn hình sẽ chuyển sang chế độ truy cập tạm thời sau khi người vận hành nhập sai mã PIN 5 lần. Tất cả các tính năng của màn hình sẽ sẵn dùng sau 24 giờ thao tác. Sau khi hết thời gian truy cập tạm thời, phải có mã mở khóa chính mới mở được khóa màn hình.

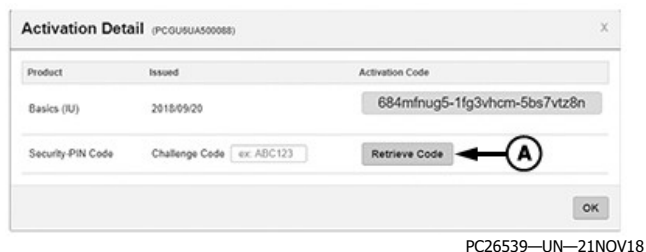
### Nhận được mã mở khóa chính

1. Đăng nhập vào tài khoản của bạn trên myjohndeere.com.
2. Chọn StellarSupport.
3. Chọn Máy nông nghiệp & trồng cỏ.
4. Chọn Quản lý sản phẩm trong phần Màn hiển thị, Bộ điều khiển Ứng dụng.
5. Chọn màn hình.
- 6.



### A—Nút "i"

Chọn màn hình khóa, rồi chọn nút "i" ở bên tay phải.



### A—Nút Truy xuất mã

7. Nhập mã bảo mật từ màn hình, sau đó chọn nút Truy xuất mã (A) để nhận được mã mở khóa chính.



### B—Mã mở khóa chính

8. Trên màn hình, hãy nhập mã mở khóa chính (B).

ct47125,1705179427031-83-06MAY25

## Cài đặt không dây



Cài đặt không dây

PC28801—UN—29AUG22

Dùng Thiết lập không dây để kết nối với mạng không dây hoặc tạo mạng không dây để kết nối các thiết bị di động với máy. Ứng dụng Cài đặt không dây sử dụng Modem JDLINK hoặc Bộ chuyển đổi USB không dây.

**GHI CHÚ:** Chức năng của trang Cài đặt không dây chỉ khả dụng cho Modem JDLINK khi Modem hoặc MTG 'đang hoạt động' trên mạng CAN của máy.

Chức năng Cài đặt không dây không khả dụng khi Modem JDLINK chỉ được kết nối với máy qua Ethernet. Modem JDLINK phải được kết nối với mạng CAN của máy để chức năng này hoạt động.

### Điều hướng đến Thiết lập không dây

1. Chọn Menu.
2. Chọn tab Hệ thống.
3. Chọn ứng dụng Thiết lập không dây.

Tham khảo Trợ giúp trên màn hình để biết hướng dẫn về cách thiết lập kết nối Máy với Không dây hoặc Thiết bị di động với Máy.

### Máy với mạng không dây



Máy với mạng không dây

PC24041—UN—05APR17

**GHI CHÚ:** Bộ chuyển đổi internet không dây bên ngoài có thể được sử dụng để thiết lập kết nối Máy với mạng không dây. Hãy liên hệ với đại lý của John Deere để biết danh sách các thiết bị tương thích.

Máy với mạng không dây kết nối máy với một mạng không dây bằng modem JDLINK.

Sử dụng Máy với mạng không dây cho các mục sau:

- Cập nhật phần mềm không dây
- Chẩn đoán từ xa
- Truy cập màn hình từ xa (RDA)
- Giấy phép trực tuyến
- Đồng bộ dữ liệu bằng điểm truy cập cá nhân

**GHI CHÚ:** Kết nối Máy với mạng không dây bị tắt trong khi đang sử dụng ứng dụng Đồng bộ máy.

## Thiết bị di động sang máy



PC24042—UN—05APR17

Thiết bị di động sang máy

Thiết bị di động với Máy thiết lập một mạng không dây bằng modem JDLINK để kết nối các thiết bị không dây với máy.

Sử dụng Thiết bị di động với máy cho những mục sau đây:

- John Deere Connect Mobile

**GHI CHÚ:** Kết nối Thiết bị di động với máy bị tắt trên máy kéo khi đang sử dụng các ứng dụng Machine Sync. Người vận hành máy kéo phải sử dụng ứng dụng Đồng bộ máy để kết nối với mạng của đầu dẫn.

ZIDXX1X,1749533996335-83-20OCT25

## Cài đặt cổng COM



PC28803—UN—29AUG22

Cài đặt cổng COM

Ứng dụng Cài đặt cổng COM được dùng để định cấu hình tín hiệu RS232 để màn hiển thị có thể giao tiếp với các thiết bị điều khiển hoặc thiết bị khác.

### Dẫn hướng đến cài đặt cổng COM

1. Chọn Menu.
2. Chọn tab Hệ thống.
3. Chọn ứng dụng cài đặt cổng COM.

**GHI CHÚ:** Cần có thêm dây nối để kết nối thiết bị qua cổng COM. Liên hệ Đại lý của John Deere.

Màn hình có hai cổng COM liên tiếp nhằm để kết nối với các loại thiết bị sau:

- Field Doc Connect
- Bộ thu hệ thống định vị toàn cầu (GPS)
- Cảm biến Nitrogen (N) (nhà sản xuất: Yara và Fritzmeier)
- GreenSeeker
- LH 5000
- Cân giỏ hạt

## Các yêu cầu cho Field Doc Connect:

- Tốc độ baud được đặt ở 9600.
- Bộ ghi dữ liệu trên thiết bị điều khiển Raven.
- Giá trị kích hoạt ghi nhật ký là dưới 3 giây (bạn nên để dưới 1 giây).

## Yêu cầu cho GPS nối tiếp:

**GHI CHÚ:** Dẫn hướng AutoTrac không tương thích với GPS RS232 từ bên thứ ba.

- Tốc độ baud được đặt ở 19200.
- Đặt tốc độ đầu ra là 1 hoặc 5 Hz (dẫn hướng, dẫn hướng thủ công và Parallel Tracking yêu cầu 5 Hz).
- Bộ thu được thiết lập để xuất những thông báo sau:

- GGA
- GSA
- RMC
- Bit dữ liệu: 8
- Cân bằng – không có
- Bit dừng: 1
- Điều khiển lưu lượng – Không có

## Thiết lập cảm biến Nitrogen (N)

1. Cài đặt, hiệu chỉnh và thiết lập hệ thống Cảm biến N theo Hướng dẫn vận hành của nhà sản xuất.
2. Cấu hình cài đặt cổng COM cho loại thiết bị và nhà sản xuất.
3. Chọn Cảm biến N cho Tỷ lệ mục tiêu/Rx trong trang tóm tắt công việc trong ứng dụng Thiết lập công việc.

## Thiết lập GreenSeeker

1. Cài đặt, hiệu chuẩn và thiết lập hệ thống GreenSeeker theo Hướng dẫn vận hành của nhà sản xuất.
2. Cấu hình cài đặt cổng COM cho loại thiết bị.
3. Chọn GreenSeeker cho Tỷ lệ mục tiêu/Rx trong trang tóm tắt công việc trong ứng dụng Thiết lập công việc.

## Thiết lập LH 5000

1. Cài đặt, hiệu chuẩn và thiết lập hệ thống LH 5000 theo Hướng dẫn vận hành của nhà sản xuất.
2. Cấu hình cài đặt cổng COM cho loại thiết bị Field Doc Connect và nhà sản xuất LH Technologies.
3. Chọn LH 5000 trong ứng dụng Trình quản lý thiết bị.

## Thiết lập giỏ hạt

1. Cài đặt, hiệu chuẩn và thiết lập hệ thống giỏ hạt theo Hướng dẫn người vận hành của nhà sản xuất.
2. Chọn Giỏ hạt trong Loại thiết bị.
3. Chọn nhà sản xuất giỏ hạt.

## Chẩn đoán cổng COM

Chẩn đoán cổng COM được dùng để xác định xem các yêu cầu vận hành bộ điều khiển hoặc thiết bị được kết nối đã được đáp ứng hay chưa. Các giá trị được hiển thị trong chẩn đoán cổng COM được xác định theo loại thiết bị.

*GHI CHÚ: Một số nhà sản xuất cần gỡ hạt yêu cầu các phiên bản phần mềm và cài đặt cần cụ thể để cân xuất hiện trên màn hiển thị John Deere.*

ch177nn,1726040111160-83-08OCT25

---

## Màn hình GreenStar ban đầu



PC28804—UN—29AUG22

Màn hình GreenStar ban đầu

Ứng dụng Màn hình GreenStar ban đầu cho phép Màn hình đa năng G5 liên lạc với bộ điều khiển được thiết kế để sử dụng với Màn hình Greenstar ban đầu và với Máy kéo Sê-ri 00, Sê-ri 10 và Sê-ri 20 với bus CCD.

*GHI CHÚ: Tham khảo bảng tương thích của Màn hình G5 được liệt kê trên [www.stellarsupport.deere.com](http://www.stellarsupport.deere.com) để biết máy và dụng cụ tương thích.*

### Điều hướng đến Màn hình GreenStar ban đầu

1. Chọn Trình đơn.
2. Chọn tab Ứng dụng.
3. Chọn màn hiển thị GreenStar ban đầu.

Màn hình GreenStar ban đầu đã tắt theo mặc định và có thể bật hoặc tắt trong Cài đặt nâng cao của ứng dụng Màn hình GreenStar ban đầu.

ct47125,1705353004234-83-15JAN24

---

# Vận hành—Thiết lập công việc và hiện trường

## Trình quản lý thiết bị



Trình quản lý thiết bị

PC28716—UN—25AUG22

Chọn ứng dụng Trình quản lý dụng cụ để nhập thiết lập cấu hình dụng cụ và máy. Cài đặt cấu hình rất quan trọng đối với các ứng dụng Nông nghiệp chính xác của John Deere, như AutoTrac, Điều khiển vùng làm việc và bản đồ dữ liệu công việc đạt hiệu suất chính xác.

### Điều hướng đến Trình quản lý thiết bị

1. Chọn Menu.
2. Chọn tab Ứng dụng.
3. Chọn ứng dụng Trình quản lý thiết bị.

### Cấu hình máy

#### Cài đặt chung

Một số thông tin sẽ được bộ điều khiển máy tự động cài đặt nếu màn hình dò thấy máy.

Thiết lập cụ thể cho một số loại máy chỉ xuất hiện trên trang khi có thể áp dụng.

**GHI CHÚ:** Một số phép đo chỉ áp dụng cho một số loại máy nhất định.

#### Độ lệch GPS

**GHI CHÚ:** Khi sử dụng nhiều dụng cụ, chỉ được sử dụng độ lệch ngang cho dụng cụ đầu tiên.

Để tránh lỗi khi lập bản đồ, lập hồ sơ và Điều khiển đoạn cân, hãy kết hợp độ lệch ngang từ mọi dụng cụ và nhập giá trị đó cho dụng cụ đầu tiên. Ví dụ: nếu dụng cụ đầu tiên nằm cách 5,1 cm (2 inch) về phía bên phải và dụng cụ thứ hai nằm cách 2,5 cm (1 inch) về phía bên trái, hãy nhập 1,3 cm (0.5 inch) về phía bên phải.

- **Độ lệch bên GPS**

- Khoảng cách theo chiều ngang (trái hoặc phải) từ đường tâm của máy đến tâm của thiết bị nhận tín hiệu GPS. Giá trị này thường được thiết lập mức 0,0 trừ khi bộ thu GPS lệch trái hoặc phải so với đường trục máy.

- **Độ lệch dọc GPS**

- Khoảng cách dọc từ tâm của bộ thu GPS đến một điểm trên máy.

Số đo độ lệch dọc GPS sẽ khác biệt dựa trên loại máy. Tham khảo Trợ giúp trên màn hình để biết thông tin về đo độ lệch.

- **Chiều cao GPS**

- Khoảng cách theo chiều dọc từ bộ thu GPS đến đất.

### Độ lệch kết nối

- Điểm kết nối là vị trí kết nối dụng cụ với máy. Độ lệch kết nối là số đo khoảng cách giữa điểm kết nối và một điểm trên máy.

Số đo Độ lệch kết nối sẽ khác biệt dựa trên loại máy. Tham khảo Trợ giúp trên màn hình để biết thông tin về đo độ lệch.

### Khôi phục cài đặt gốc

**GHI CHÚ:** Chỉ các máy được phát hiện bởi màn hình mới có thể khôi phục các thiết lập về cài đặt gốc.

Các thiết lập cấu hình máy mặc định được lưu trữ trong bộ điều khiển của máy. Thay đổi cho các thiết lập này được lưu trữ trong màn hình. Để đặt lại cấu hình về mặc định gốc, chọn nút Đặt lại Cấu hình.

Dùng trợ giúp trên màn hình của Trung tâm trợ giúp để biết thêm thông tin về Trình quản lý thiết bị và Cấu hình máy.

### Cấu hình dụng cụ

Tên cấu hình được thiết lập tự động dựa trên thiết bị được phát hiện tự động và không thể lưu được. Người vận hành sẽ thiết lập tên cấu hình dụng cụ không có bộ điều khiển.

Màn hình G5 hỗ trợ hai thiết bị điều khiển ISOBUS được AEF (Hiệp hội điện tử ngành nông nghiệp) chứng nhận. Chỉ sử dụng hai bộ điều khiển dụng cụ ISOBUS trong cấu hình gồm một dụng cụ trước và một dụng cụ sau.

**GHI CHÚ:** Nếu thiết bị điều khiển ISOBUS thứ hai không hiển thị trong Trình quản lý thiết bị, hãy đảm bảo máy được cấu hình đầu nối trước.

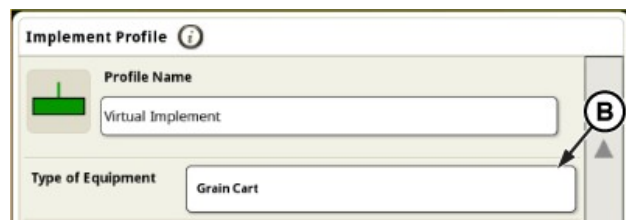
Không hỗ trợ sử dụng nhiều thiết bị điều khiển ISOBUS làm dụng cụ sau.

### Thiết lập chia trọng lượng thu hoạch hạt

Để cấu hình và liên kết đúng cách cân ISOBUS tương thích và được phát hiện, với dụng cụ giỏ hạt, hãy làm theo các bước sau:

1. Cấu hình dụng cụ

- Đặt Loại dụng cụ thành Giỏ hạt



PC684073—UN—19SEP25

Cấu hình dụng cụ

## B—Loại thiết bị

- Chỉ định Hoạt động cho Thu hoạch.



Tab Hoạt động

## A—Loại hoạt động

2. Yêu cầu đặc biệt cho Cân ISOBUS Unverferth UHarvest Pro Cần có các bước thiết lập bổ sung cho các model Unverferth UHarvest Pro:

- Xác nhận rằng phần mềm UHarvest Pro đã được cập nhật lên phiên bản 24.1.0.4 hoặc mới hơn.
- Trên trang Unverferth ISOBUS VT, đảm bảo đã chọn cài đặt "Bật giao tiếp trình điều khiển nhiệm vụ".

### Đang lưu Cài đặt cấu hình

Chọn nút Lưu để lưu cài đặt từ tất cả các tab và đóng ứng dụng cấu hình dụng cụ. Không cần chọn Lưu khi chuyển đổi giữa các tab.

Thiết lập Cấu hình thiết bị được lưu trong màn hình theo các yếu tố sau:

- Tên cấu hình
- Tên ISO của bộ điều khiển thiết bị được phát hiện

**GHI CHÚ:** Cài đặt các thiết lập trước khi vận hành trong bộ điều khiển thiết bị chẳng hạn như cấu hình ổ đĩa, trước khi cấu hình thiết lập Cấu hình thiết bị.

Tên ISO thay đổi khi một số thiết lập bộ điều khiển thiết bị thay đổi. Điều này bao gồm thay đổi cài đặt bộ điều khiển giữa bón phân và gieo hạt.

### Phát hiện tự động Thiết lập cấu hình

**GHI CHÚ:** Điều khiển vùng làm việc phải được TẮT để phát hiện máy trồng cây SeedStar 2 hoặc SeedStar XP khi lần đầu nối với máy kéo. Sau khi kết nối lần đầu, máy trồng cây sẽ được phát hiện dù Điều khiển khoan ở vị trí ON hay vị trí OFF.

Nếu bộ điều khiển dụng cụ được kết nối, một số cài đặt Cấu hình dụng cụ sẽ tự động được thiết lập bởi bộ điều khiển dụng cụ.

Cảnh báo cho biết "Đã tạo cấu hình dụng cụ" sẽ được hiển thị lần đầu khi kết nối bộ điều khiển. Khi dụng cụ được nối lại trong tương lai, nó được nhận dạng bằng tên ISO và cài đặt Cấu hình dụng cụ được lưu trong màn hình sẽ được tải.

**GHI CHÚ:** Cảnh báo sẽ tiếp tục xuất hiện nếu chọn "Cài đặt sau".

Khi thiết bị được kết nối không nhận, phải tạo lại cấu hình cho thiết bị đó. Chọn nút Thêm dụng cụ trong Quản lý Thiết bị để tạo cấu hình dụng cụ.

Để xem tên ISO mới phát hiện, chọn Trung tâm chẩn đoán > tab chẩn đoán bộ điều khiển > chọn bộ điều khiển thiết bị > tab Thông tin bộ điều khiển.

Xác nhận tất cả cài đặt yêu cầu trước khi vận hành. Điểm làm việc không được cài đặt tự động.

### Kiểu kết nối

- Loại liên kết hoặc móc kéo, mô tả cách thức lắp dụng cụ vào máy và điều khiển cách màn hiển thị xác định chuyển động của dụng cụ phía sau máy.

Bản đồ vùng phủ sóng, tài liệu và Điều khiển khoan yêu cầu thiết lập Loại kết nối.

### • Độ lệch quay

Một số dụng cụ có móc quay nối với móc ba điểm phía sau máy. Cần có độ lệch cho vị trí quay này để màn hình xác định chuyển động của thiết bị phía sau máy. Có sẵn tùy chọn khi chọn móc ba điểm phía sau làm kiểu kết nối.

### Chiều rộng làm việc

- Chiều rộng làm việc là chiều rộng của diện tích được cày, trồng trọt, phun hoặc thu hoạch ở mỗi hành trình trên cánh đồng. Nó được dùng để tạo các sơ đồ dữ liệu và tính diện tích làm việc. Các ứng dụng Hướng dẫn, Lập sơ đồ và Tổng diện tích đòi hỏi phải có Chiều rộng làm việc.

### Kích thước

#### • Độ lệch ngang

Khoảng cách ngang từ tâm máy đến tâm chiều rộng làm việc của dụng cụ. Các ứng dụng Dẫn hướng và Lập sơ đồ đòi hỏi phải có cài đặt Độ lệch ngang.

**GHI CHÚ:** Khi sử dụng nhiều dụng cụ, chỉ được sử dụng độ lệch ngang cho dụng cụ đầu tiên.

Để tránh lỗi khi lập bản đồ, lập hồ sơ và Điều khiển đoạn cần, hãy kết hợp độ lệch ngang từ mọi dụng cụ và nhập giá trị đó cho dụng cụ đầu tiên. Ví dụ: nếu dụng cụ đầu tiên nằm cách 5,1 cm (2 inch) về phía bên phải và dụng cụ thứ hai nằm cách 2,5 cm (1 inch) về phía bên trái, hãy nhập 1,3 cm (0.5 inch) về phía bên phải.

#### • Tâm quay

Khoảng cách dọc từ điểm kết nối tới tâm quay của dụng cụ trong khi đang ở vị trí làm việc. Thông thường, đây là các bộ phận chịu tải của dụng cụ tiếp xúc với mặt đất. Độ lệch Tâm quay rất quan trọng để thực hiện chính xác theo hoạt động kéo của dụng cụ

quanh đường cong. Dẫn hướng Tự động rẽ AutoTrac, Lập bản đồ và dẫn hướng dụng cụ thụ động yêu cầu cài đặt Tâm quay. Khuyến nghị xác minh giá trị tâm quay để vận hành đúng cách. Xem phần Trợ giúp trên màn hình để biết thêm thông tin.

- **Điểm đặt lực**

Khoảng cách dọc từ điểm liên kết đến điểm thực hiện hoạt động. Ví dụ như, rắc hạt giống hoặc sản phẩm, thu hoạch vụ mùa hoặc cày bừa đất. Ứng dụng Ánh xạ yêu cầu phải có cài đặt Điểm làm việc.

- **Độ lệch tiết diện (Dụng cụ ISOBUS)**

Khoảng cách thẳng từ tâm quay đến điểm vận hành. Ví dụ như nơi gieo hạt hoặc thả sản phẩm, gặt mùa hoặc cày xới đất. Ứng dụng Lập sơ đồ yêu cầu phải có cài đặt Độ lệch khoan.

### Ghi chép dữ liệu công việc

- Bộ kích hoạt ghi xác định khi nào việc ghi lại bản đồ và các tổng Màn hình làm việc được BẬT và TẮT. Không phải tất cả bộ kích hoạt ghi đều có sẵn cho tất cả loại máy.

**GHI CHÚ:** Ở chế độ Bằng tay, người vận hành phải đẩy nút Ghi hoặc Dừng để BẬT hoặc TẮT ghi Sơ đồ dữ liệu làm việc.

### Độ trễ cơ học

- Độ trễ cơ học là khoảng thời gian bình quân để thiết bị chạm đất sau khi thực hiện lệnh BẬT hoặc TẮT. Có thể cần thay đổi độ trễ với từng tổ hợp máy, dụng cụ và màn hiển thị. Ứng dụng lập bản đồ yêu cầu thiết lập Trì hoãn cơ học. Thiết lập quan trọng cho hiệu suất Điều khiển khoan.

**GHI CHÚ:** Một số bộ điều khiển có thể tương tác động với màn hiển thị dựa trên giá trị điểm làm việc và kích thước đã biết của dụng cụ để tự động tính giá trị độ trễ cơ học.

**GHI CHÚ:** Trường nhập liệu bị tắt cho biết bộ điều khiển đang tương tác động với màn hiển thị để cập nhật các thông số độ trễ cơ học.

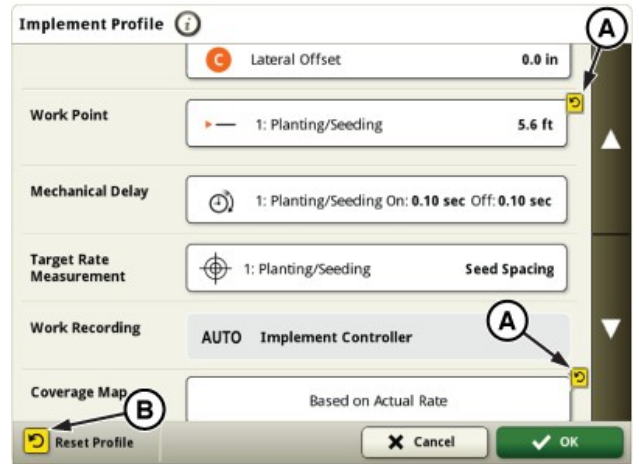
Dùng Trợ giúp trên màn hình của Trung tâm trợ giúp để biết thêm thông tin về Quản lý thiết bị và Cấu hình dụng cụ.

### Tùy chọn đặt lại cho các dụng cụ ISOBUS



Nút đặt lại

PC697601—UN—11FEB26



PC702246—UN—13FEB26

Vị trí nút đặt lại

**A—Nút đặt lại**  
**B—Đặt lại cấu hình**

Biểu tượng Đặt lại "A" được hiển thị bên cạnh mỗi cài đặt đã được thay đổi thủ công và được lưu. Nếu một cấu hình đã được sửa đổi nhưng chưa được lưu, biểu tượng Đặt lại sẽ không được hiển thị cho những cài đặt đó. Khi một hoặc nhiều cài đặt trong Cấu hình dụng cụ được sửa đổi và cấu hình được lưu, người dùng có thể đặt lại từng cài đặt sửa đổi riêng lẻ hoặc đặt lại tất cả các cài đặt về mặc định bằng cách sử dụng "B".

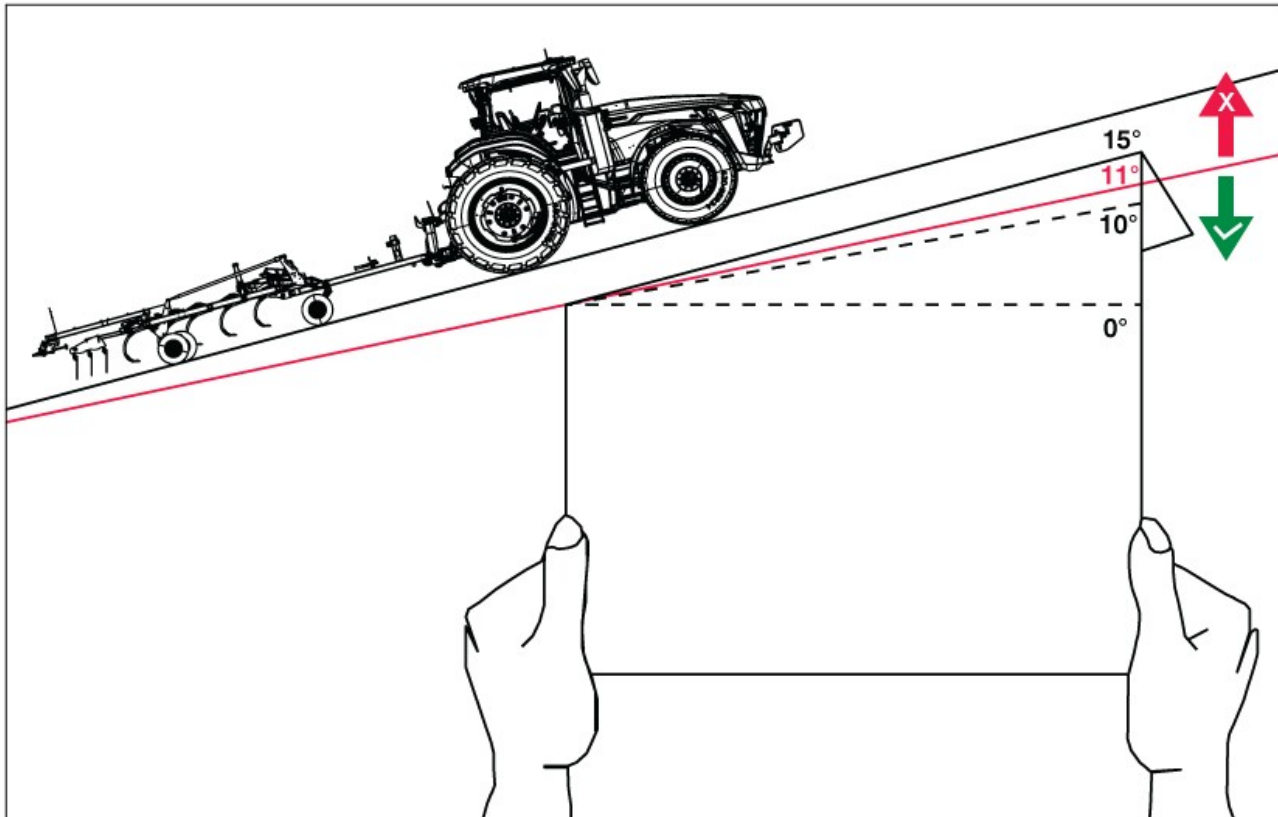
ct47125,1705184704147-83-13FEB26

### Chọn cánh đồng

Phải xem xét kỹ lưỡng cánh đồng được chọn cho các hoạt động tự hành. Các yếu tố để cánh đồng phù hợp cho hoạt động tự hành bao gồm:

- Địa hình phẳng (dốc tối đa 11°). Trong điều kiện dốc, hệ thống có thể giới hạn tốc độ dưới giá trị cài đặt tốc độ người vận hành.

**QUAN TRỌNG:** Không được vận hành thiết bị trên cánh đồng có độ dốc lớn hơn 11 độ/20%.



PC620804—UN—27AUG24

Độ dốc vượt quá của máy

- Diện tích cánh đồng khả thi ít nhất gấp 3 lần chiều rộng dụng cụ



APY80354R—UN—02MAR23

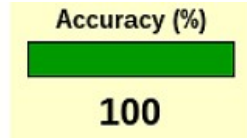
Diện tích cánh đồng khả thi

**A—**Diện tích cánh đồng không được phê duyệt tự hành (dưới 3 lần)

**B—**Diện tích cánh đồng được phê duyệt tự hành (lớn hơn 3 lần)  
**X—**Chiều rộng dụng cụ

**QUAN TRỌNG: Việc cố gắng hoạt động ở một diện tích nhỏ hơn ba lần chiều rộng dụng cụ có thể khiến máy vượt qua đường biên ngoài và hệ thống tự hành dừng lại ở vùng đệm.**

- Vùng bao phủ tín hiệu StarFire bằng hoặc trên 80% Chỉ báo độ chính xác toàn cầu (GAI)



APY80304—UN—01FEB23

Chỉ báo độ chính xác toàn cầu

- Vùng bao phủ tín hiệu di động trên 80%

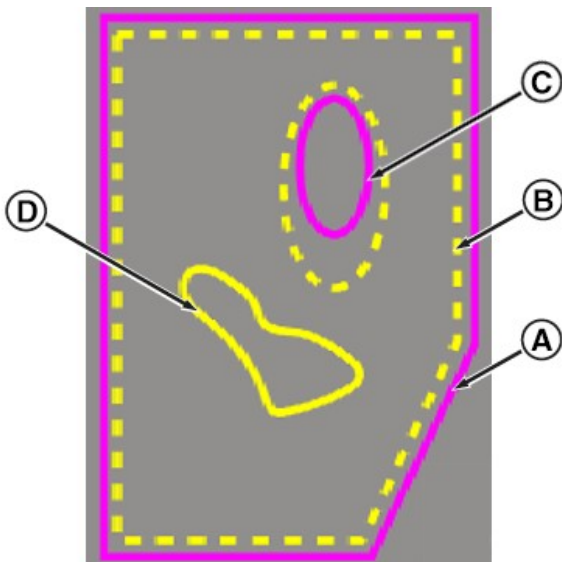


APY80305—UN—01FEB23

Vùng bao phủ tín hiệu di động

- Các chương ngại vật bên trong được lập bản đồ (ví dụ: đường nước, cửa nạp và cấu trúc cố định)

**QUAN TRỌNG: Không tạo các lỗi đi hẹp với đường biên ngoài để kết nối nhiều cánh đồng.**



APY80306—UN—01FEB23

Chương ngại vật bên trong được lập bản đồ

- A—Đường biên ngoài tự hành
- B—Đường biên múi đất
- C—Đường biên trong không thể vượt qua
- D—Đường biên trong có thể vượt qua

- Các cánh đồng có một góc rãnh thẳng (ví dụ: Toàn bộ cánh đồng là 5° Bắc.)
- Cánh đồng cho phép đường biên đất cuối ruộng cho ba hành trình đất cuối ruộng trở lên

ZIDXX1X,1759921925938-83-28OCT25

## Thiết lập cánh đồng

Cánh đồng phải không có bất kỳ vật thể chuyển động nào. Mọi vật thể cố ý để lại trên cánh đồng phải có đường biên được lập bản đồ xung quanh chúng. Hệ thống cảm biến không thay thế được việc lập bản đồ đường biên tốt. Các vật thể không được lập bản đồ có thể bị đè qua hoặc gây ra những lần dừng không cần thiết.

**GHI CHÚ:** Nếu hệ thống phát hiện trượt bánh xe quá mức, máy kéo sẽ dừng lại.

**GHI CHÚ:** Vũng nước trên cánh đồng có thể kích hoạt cảnh báo Phát hiện chướng ngại vật.

ZIDXX1X,1759921923323-83-28OCT25

## Cánh đồng và Đường biên



PC28766—UN—25AUG22

Ứng dụng Cánh đồng và Đường biên

Tên cánh đồng sắp xếp thông tin giúp tìm và sử dụng dữ liệu dễ dàng hơn, chẳng hạn như các đường dẫn hướng. Sử dụng tên cánh đồng là tùy chọn, và dấu "---" sẽ xuất hiện các tên chưa được xác định.

Sử dụng ứng dụng Cánh đồng và Đường biên để:

- Chọn tên vị trí cánh đồng sử dụng cho tất cả các ứng dụng khác.
- Tạo tên khách hàng, trang trại hoặc cánh đồng.
- Đổi tên khách hàng, trang trại hoặc cánh đồng.
- Kết hợp cánh đồng với trang trại hoặc khách hàng khác.
- Xóa khách hàng, trang trại hoặc cánh đồng.
- Tạo bộ cánh đồng và đường biên.

Chọn ô Khách hàng, Trang trại và Cánh đồng để thiết lập vị trí hiện thời và chọn tên cánh đồng được sử dụng cho tất cả các ứng dụng khác.

**GHI CHÚ:** Cần có dữ liệu ghi lại theo đúng khách hàng, trang trại và cánh đồng nếu quản lý dữ liệu bằng Trung tâm vận hành John Deere.

## Tích hợp dẫn hướng

- Có thể liên kết cánh đồng với rãnh dẫn hướng khi tạo rãnh hoặc chỉnh sửa rãnh.
- Có thể lọc danh sách rãnh hướng dẫn theo tên cánh đồng.

## Mô-đun trang thông tin

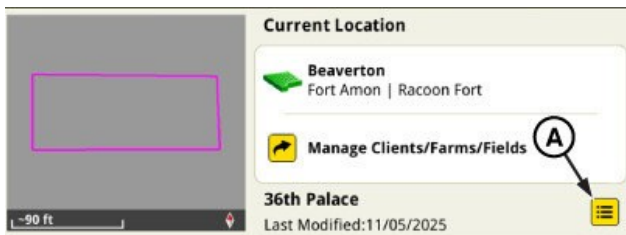
Mô-đun Vị trí cho ứng dụng Cánh đồng có sẵn trong ứng dụng Trình quản lý Giao diện. Mô-đun có sẵn trên Trang thông tin dẫn hướng và có thể thêm nó vào bất kỳ trang thông tin nào.

Chọn cánh đồng trong mô-đun Vị trí để:

- Lọc danh sách lộ trình hướng dẫn.
- Liên kết lộ trình mới với cánh đồng khi tạo chúng.
- Bắt đầu dữ liệu công việc mới hoặc tiếp tục dữ liệu công việc trước đó.

## Điều hướng đến Cánh đồng và Đường biên

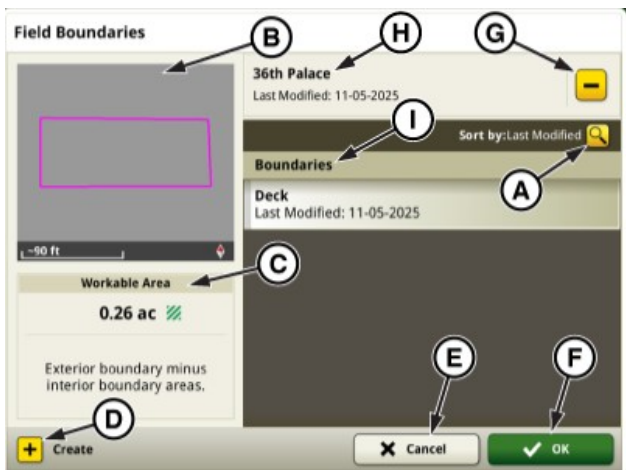
1. Chọn Menu.
2. Chọn tab Ứng dụng.
3. Chọn ứng dụng Cánh đồng và Đường biên.



Biểu tượng danh sách

PC697603—UN—29JAN26

### A—Biểu tượng danh sách



Đường biên cánh đồng

PC697604—UN—12FEB26

- A—Kính lúp :** Sắp xếp hoặc lọc các đường biên có sẵn theo các tiêu chí khác nhau
- B—Phần trên cùng :** Đường biên hiện đang hoạt động hoặc được chọn
- C—Diện tích có thể làm việc :** Diện tích được tính toán nằm trong phạm vi đường biên
- D—Nút cộng :** Sử dụng để tạo đường biên mới
- E—Hủy :** Hủy lựa chọn hoặc mọi thay đổi
- F—Gửi :** Gửi các thay đổi lựa chọn đường biên cánh đồng
- G—Nút trừ :** Được sử dụng để bỏ chọn đường biên hiện tại
- H—Lựa chọn đường biên hiện tại**
- I—Các đường biên có sẵn khác**

**GHI CHÚ:** Lựa chọn đường biên hiện đang hoạt động trong Operations Center không tự động cập nhật đường biên đã chọn cho Khách hàng, Trang trại, Cánh đồng. Phải chọn đường biên theo cách thủ công.

## Quản lý Khách hàng/Trang trại/Cánh đồng

### Tổ chức cánh đồng



PC28767—UN—25AUG22

**A—Khách hàng**

**B—Trang trại**

**C—Lĩnh vực**

Dùng hệ thống cấp bậc sau đây để sắp xếp dữ liệu:

- Khách hàng (A) là cấp tổ chức cao nhất.
- Trang trại (B) là cấp tổ chức chính giữa. Có thể liên kết trang trại với khách hàng.
- Cánh đồng (C) là cấp tổ chức cơ bản. Cánh đồng có thể liên kết với trang trại hoặc khách hàng.

Không cần phải theo chính xác hệ thống cấu trúc mặc dù có thể chỉ sử dụng tên cánh đồng và để trống tên trang trại và khách hàng. Thậm chí có thể không cần dùng tên cánh đồng.

Những quyết định này là tùy vào lượng dữ liệu đang có. Càng nhiều thông tin thì càng cần có cấu trúc để tìm các cánh đồng.

**GHI CHÚ:** Ở các màn hình trước của John Deere, sơ đồ và đường hướng dẫn được lưu dựa trên tên cánh đồng. Ở màn hình G5 này, dữ liệu được lưu theo các điểm vĩ độ và kinh độ. Tên cánh đồng chỉ cần khi lọc dữ liệu.

### Chọn và lọc tên

Trong phân cấp khách hàng, trang trại và cánh đồng, chọn khách hàng và trang trại để tìm cánh đồng.

1. Chọn tab Khách hàng.
2. Chọn khách hàng từ danh sách. Tên khách hàng được hiển thị trên tab khách hàng.
3. Tab trang trại được hiển thị tự động. Chỉ có các trang trại liên quan đến khách hàng được liệt kê.
4. Chọn trang trại từ danh sách. Tên trang trại được hiển thị trên tab trang trại.
5. Tab cánh đồng được hiển thị tự động. Chỉ có các cánh đồng liên quan đến khách hàng và trang trại được liệt kê. Chọn cánh đồng.

### Xóa bộ lọc

Chọn nút xóa chọn để loại bỏ bộ lọc.

### Tạo và chỉnh sửa tên

**GHI CHÚ:** Không được đổi tên khách hàng, trang trại hoặc cánh đồng sau khi ghi lại dữ liệu. Nếu được đổi tên, đổi tên ở các vị trí khác như Trung tâm vận hành John Deere.

Tên khách hàng, trang trại và cánh đồng không thể trùng nhau. Tên liên quan đến trang trại và khách hàng khác phải là duy nhất.

#### Tab khách hàng và trang trại

Khi chọn tab khách hàng và trang trại, chọn nút chỉnh sửa ở cuối trang để hiển thị danh sách chỉnh sửa khách hàng hoặc chỉnh sửa trang trại.

Ở một trong hai danh sách, chọn một tên khách hàng hoặc trang trại để chỉnh sửa, hoặc chọn nút mới ở cuối trang để tạo tên.

#### Tab Cánh đồng

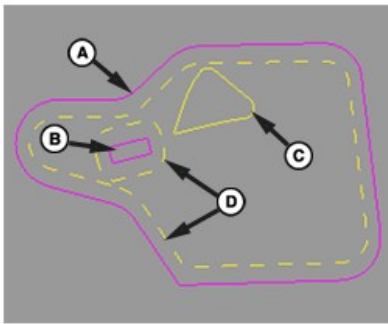
Khi chọn tab Cánh đồng, tô sáng tên cánh đồng và chọn nút chỉnh sửa để chỉnh sửa cánh đồng. Chọn nút mới ở cuối trang để tạo tên.

### Xóa tên

Để xóa tên, chỉnh sửa khách hàng, trang trại hoặc cánh đồng và chọn nút xóa trên trang chỉnh sửa.

- Xóa khách hàng cũng sẽ xóa tất cả trang trại hoặc cánh đồng liên quan đến khách hàng.
- Xóa trang trại cũng sẽ xóa tất cả cánh đồng và rãnh dẫn hướng liên quan đến trang trại.

### Đường biên cánh đồng



PC28768—UN—25AUG22

- A—Đường biên ngoài (hồng)**
- B—Đường biên trong không thể vượt qua (hồng)**
- C—Đường biên trong có thể vượt qua (vàng)**
- D—Đường biên đất cuối ruộng (vàng)**

Đường biên ngoài (A) đánh dấu đường bao cánh đồng.

**GHI CHÚ:** Tạo và sử dụng các đường biên bên trong đòi hỏi một đường biên bên ngoài.

Đường biên trong đánh dấu những khu vực quan trọng của cánh đồng. Các đường biên này có thể không vượt

qua được (hồng) (B) hoặc vượt qua được (vàng) (C). Ví dụ về đường biên không vượt qua được là một giếng nước, còn ví dụ về đường biên có thể vượt qua là một rãnh nước.

Đường biên mũi đất (nét gạch vàng) (D) đánh dấu các khu vực trên cánh đồng có các luống cuối và luống rẽ. Chúng được tạo bên trong đường biên ngoài và xung quanh các đường biên không thể vượt qua ở bên trong.

Khi sử dụng với ứng dụng Điều khiển vùng, các đường biên sẽ ngăn việc sử dụng sản phẩm bên trong khu vực được đánh dấu của cánh đồng và bên ngoài cánh đồng.

### Tính toán diện tích

Diện tích đường biên dự tính được tính toán trên mặt phẳng hai chiều. Tất cả các diện tích đường biên bên trong đang hoạt động được trừ ra khỏi diện tích đường biên bên ngoài. Những thay đổi về độ cao không được sử dụng trong tính toán diện tích đường biên.

Khối lượng công việc bao gồm những thay đổi về độ cao trong tổng số diện tích đã làm việc. Vì sự chênh lệch trong quá trình tính toán, đường biên và khối lượng công việc sẽ thay đổi.

Tạo đường biên thông qua bản đồ phủ sóng yêu cầu như sau:

- Tên cánh đồng
- Bản đồ vùng bao phủ không có khoảng trống nào xung quanh vùng biên ngoài của cánh đồng

Tạo đường biên dẫn động yêu cầu như sau:

- Tên cánh đồng
- Bộ thu StarFire với tín hiệu SF1 hoặc tốt hơn

Tạo đường biên tự hành yêu cầu như sau:

- Tên cánh đồng
- Đường biên điều khiển
- Bộ thu StarFire 7000/7500 với tín hiệu SF-RTK/RTK

### Đường biên tự vận hành

Đường biên tự vận hành là đường biên chất lượng cao có chứa các thuộc tính về khả năng lặp lại và được ghi lại để đáp ứng yêu cầu về an toàn được đặt ra đối với hoạt động tự hành.

Các đường biên tự vận hành phải là đường biên điều khiển được ghi lại bằng Bộ thu StarFire 7000/7500 và màn hiển thị Thế hệ 4/Thế hệ 5 để cung cấp độ chính xác và khả năng lặp lại nhằm tự động hóa hoàn toàn trên cánh đồng và tự vận hành. Thông tin được thu thập và lưu trữ với dữ liệu tại thời điểm ghi lại đường biên điều khiển.

Các đường biên tự vận hành được thể hiện bằng màu xanh dương và hiển thị biểu tượng tự vận hành màu xanh dương ngay cạnh tên hoặc loại đường biên.

Các đường biên không đáp ứng yêu cầu tự vận hành được thể hiện bằng màu cam và hiển thị biểu tượng tự vận hành màu đen ngay cạnh tên hoặc loại đường biên.

Đường nét đứt biểu thị dự đoán về chất lượng của đoạn đường biên đó nếu người vận hành hoàn thành hành động có sẵn tiếp theo, chẳng hạn như chọn Lưu.

Ví dụ: khi đang ghi lại đường biên, đường nét đứt sẽ kết nối điểm hiện tại với điểm bắt đầu ghi. Đường nét đứt sẽ thay đổi màu sắc, thành xanh dương hoặc cam, tùy thuộc vào việc đoạn đường biên đó sẽ là tự vận hành (xanh dương) hay không tự vận hành (cam), nếu đường biên được lưu vào thời điểm đó.

**GHI CHÚ:** Điểm hiện tại phải nằm trong khoảng cách 100 m (329 ft) tính từ điểm bắt đầu ghi và phải đáp ứng tất cả các yêu cầu để đoạn đường biên là tự vận hành (màu xanh dương).

Khi tạm dừng ghi lại đường biên, đường nét đứt nối điểm hiện tại với điểm khi dừng ghi. Đường nét đứt sẽ thay đổi màu sắc, thành xanh dương hoặc cam, tùy thuộc vào việc đoạn đường biên đó sẽ là tự vận hành (xanh dương) hay không tự vận hành (cam), nếu tiếp tục ghi vào thời điểm đó.

## Tổng quan về đường biên tự vận hành

**GHI CHÚ:** Các đường biên được sử dụng cho hệ thống tự vận hành phải đáp ứng các yêu cầu tự vận hành. Xem Yêu cầu về lập bản đồ đường biên cánh đồng tự hành trong phần này.

Các đường biên tự vận hành chính xác cho phép hệ thống tự vận hành thực hiện an toàn và chính xác. Đường biên của cánh đồng được sử dụng làm điểm tham chiếu cho các sản phẩm này. Độ chính xác là yếu tố cốt lõi để thành công và kiểm soát máy chính xác.

Hệ thống tự vận hành sử dụng đường biên tự vận hành điều khiển cho các đường biên bên ngoài và không vượt qua được để điều hướng an toàn trên cánh đồng và ở lại trong khu vực làm việc được chỉ định. Các đường biên không đáp ứng yêu cầu tự vận hành được thể hiện bằng màu cam hoặc đỏ.

| Chất lượng hiển thị          | Không tự hành  |                                                                                                                                   |                 | Tự vận hành     |
|------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Chất lượng Operations Center | Không xác định | Cơ bản                                                                                                                            | Nâng cao        | Tự vận hành     |
| Phương pháp                  | -              | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đã nhập</li> <li>Kéo tay</li> <li>Tự vận hành trước đó</li> <li>Được điều khiển</li> </ul> | Được điều khiển | Được điều khiển |

|                                  |                            |                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                         |
|----------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chế độ hiệu chỉnh                | -                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Được số hóa</li> <li>SF1</li> <li>SF2</li> </ul>                                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>SF3</li> <li>RTK</li> <li>RTKX</li> <li>mRTK</li> <li>SF-RTK</li> </ul>                                                                                                                                                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>RTK</li> <li>RTKX</li> <li>SF-RTK</li> </ul>                                                     |
| Yêu cầu bổ sung                  | Không có                   | Không có                                                                                                                                                                                        | Không có                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Tất cả mục trên danh mục kiểm tra Chi tiết phải được hoàn thành                                                                         |
| Chỉnh sửa                        | Không có hạn chế chỉnh sửa | Không có hạn chế chỉnh sửa                                                                                                                                                                      | Không có hạn chế chỉnh sửa                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cho phép các chỉnh sửa thu nhỏ đường biên. Không cho phép các chỉnh sửa mở rộng đường biên.                                             |
| Trường hợp sử dụng đề xuất       | Sử dụng thận trọng         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Bản đồ</li> <li>Báo cáo</li> <li>Phát hiện cánh đồng</li> <li>Thời tiết</li> <li>Hậu cần</li> <li>Tốc độ mặt đất dự đoán</li> <li>Tự động hóa</li> </ul> | Tất cả các trường hợp sử dụng Cơ bản cộng với: <ul style="list-style-type: none"> <li>Điều khiển vùng làm việc</li> <li>AutoTrac (Rãnh đường biên)</li> <li>Tự động rẽ AutoTrac</li> <li>Dẫn hướng dụng cụ AutoTrac</li> <li>AutoPath (Luống)</li> <li>AutoPath (Đường biên)</li> <li>Đồng bộ máy</li> </ul> | Tất cả các trường hợp sử dụng Nâng cao cộng với: Tự vận hành Chất lượng đường biên tự hành là yêu cầu để sử dụng với Giải pháp tự hành. |
| Màu của Đường biên trong khi ghi | Đỏ                         | Đỏ                                                                                                                                                                                              | Màu cam                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Xanh dương                                                                                                                              |

Nếu Độ chính xác khi ghi đường biên giảm xuống dưới 80%, đường biên được ghi sẽ không còn khả năng tự hành.

Các yếu tố sau có thể làm giảm Độ chính xác khi ghi đường biên giảm xuống dưới 80%:

1. Che phủ
2. Chưa thực hiện Hiệu chuẩn TCM trên bộ thu.
3. Thời gian tiếp nhận tín hiệu của bộ thu không đủ.
4. Hướng lắp của bộ thu đã thay đổi.
5. Vừa lắp đặt bộ thu mới.

6. Đã kết nối lại bộ thu.

7. Kích thước độ lệch của bộ thu đã thay đổi.

**!** **LƯU Ý:** Tránh gây thương tích hoặc làm hư hỏng thiết bị. Đặt các đường biên tự vận hành bên ngoài và đường biên không vượt qua được bên trong cách ít nhất 1,5 m (5 feet) so với các vị trí sau:

- Nhà ở, tài sản tư nhân, tòa nhà và đường giao thông công cộng
- Khu vực đất có độ dốc vượt quá 11 độ (độ dốc 20%)
- Hồ, mương, khe, bờ dốc đứng, vùng nước và các khu vực có địa hình hiểm trở
- Tuabin gió, cột điện và thiết bị tưới tiêu xoay vòng ở giữa
- Các vật treo thấp như dây cáp điện, cành cây và dây cột
- Cửa nạp hoặc nơi trữ khí propane hoặc khí đốt tự nhiên.

**QUAN TRỌNG:** Không tạo các lối đi hẹp với đường biên ngoài để kết nối nhiều cánh đồng.

*GHI CHÚ:* Ở trên chưa liệt kê toàn bộ điều kiện có thể dẫn đến nguy hiểm. Cảnh giác với bất kỳ tình huống nào có thể làm ảnh hưởng đến sự ổn định của máy móc, các mối nguy hiểm không thấy được rõ ràng hoặc khi có thêm sự hiện diện của những người khác.

**QUAN TRỌNG:** Địa hình cánh đồng có thể thay đổi theo năm và theo mùa. Nếu điều này xảy ra, cánh đồng phải được lập bản đồ lại. Ví dụ: xói mòn, mương, sạt lở, hồ sụt lún.

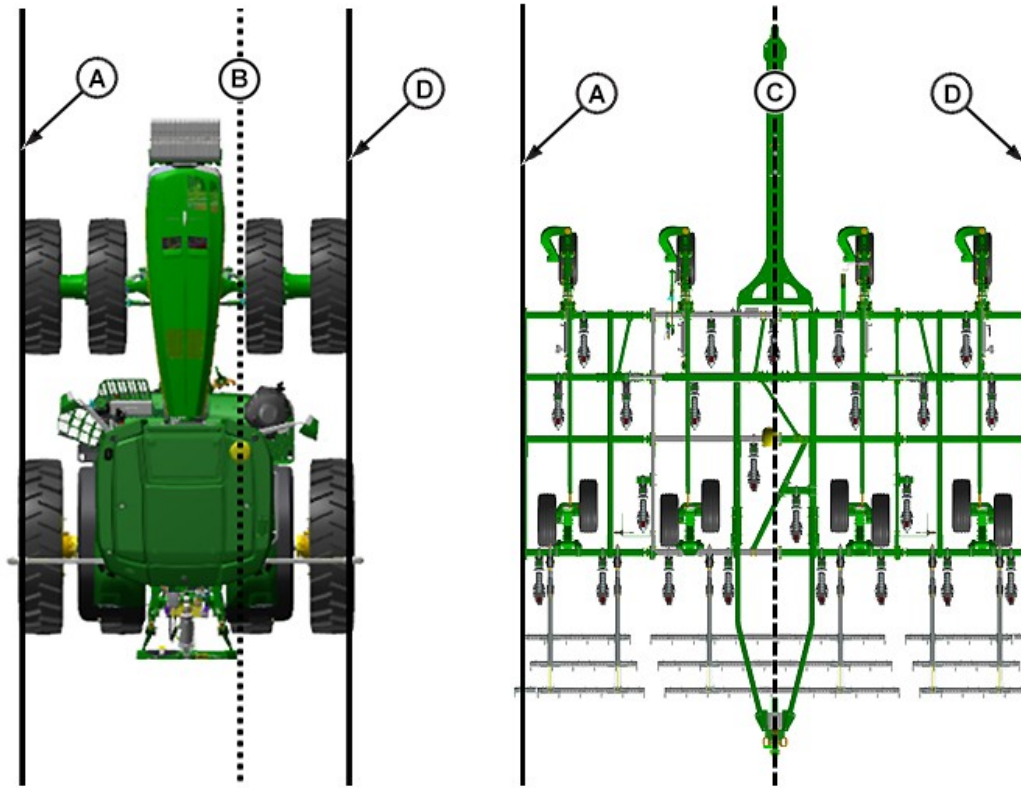
**Độ lệch khi ghi lại đường biên tự vận hành:**

**!** **LƯU Ý:** Tránh gây thương tích hoặc làm hư hỏng thiết bị. Độ lệch đường biên không phù hợp và kích thước thiết bị không chính xác có thể làm hành trình của máy đi qua các khu vực nguy hiểm. Xác minh độ lệch đường biên và kích thước thiết bị trước khi lập bản đồ.

Độ lệch khi ghi lại đường biên tự vận hành có thể được tạo từ GPS của máy hoặc điểm làm việc của dụng cụ tùy thuộc vào thiết bị được sử dụng để lập bản đồ. Nếu sử dụng máy không có dụng cụ để ghi lại đường biên, hãy sử dụng GPS của máy. Nếu sử dụng dụng cụ có bộ thu để ghi lại, hãy sử dụng điểm làm việc của dụng cụ.

- GPS máy
  - Bộ thu StarFire đa năng - Độ lệch khi ghi lại đường biên được đo bằng cách sử dụng khoảng cách từ gờ máy đến tâm bộ thu.
  - Bộ thu StarFire tích hợp - Độ lệch khi ghi lại đường biên được đo bằng cách sử dụng khoảng cách từ gờ máy đến tâm máy. Đối với tất cả bộ thu tích hợp, sử dụng tâm của máy làm điểm tham chiếu bất kể vị trí của bộ thu.
- Điểm làm việc của dụng cụ - Độ lệch khi ghi lại đường biên được đo bằng cách sử dụng khoảng cách từ gờ dụng cụ đến tâm dụng cụ.

*GHI CHÚ:* Đối với mọi bộ thu đa năng đang được sử dụng, dù của máy hay dụng cụ, hãy đảm bảo thiết lập Độ lệch ngang GPS chính xác trong cấu hình máy hoặc dụng cụ để đảm bảo việc đặt đường biên chính xác.



Đo độ lệch khi ghi lại đường biên tự vận hành

APY80353—UN—23FEB23

**A—Gờ khung bên trái**  
**B—Bộ thu đa năng ở tâm máy**

**GHI CHÚ:** Nếu bộ thu đa năng của máy không được gắn trên đường tâm máy, hãy thiết lập độ lệch ngang trong cấu hình máy để tính toán vị trí gắn chính xác. Sau đó sử dụng tâm của bộ thu sang trái hoặc phải để tạo độ lệch khi ghi lại đường biên.

**GHI CHÚ:** Nếu bộ thu của dụng cụ không được gắn trên đường tâm của dụng cụ, hãy đảm bảo thiết lập độ lệch ngang trong cấu hình dụng cụ để tính toán vị trí gắn chính xác. Sau đó sử dụng đường tâm của dụng cụ để đo sang trái hoặc phải để đo độ lệch khi ghi lại đường biên. Giá trị độ lệch với cả bên trái và bên phải ở đường tâm dụng cụ sẽ bằng nhau và vị trí bộ thu dụng cụ không ảnh hưởng đến giá trị độ lệch khi ghi lại đường biên.

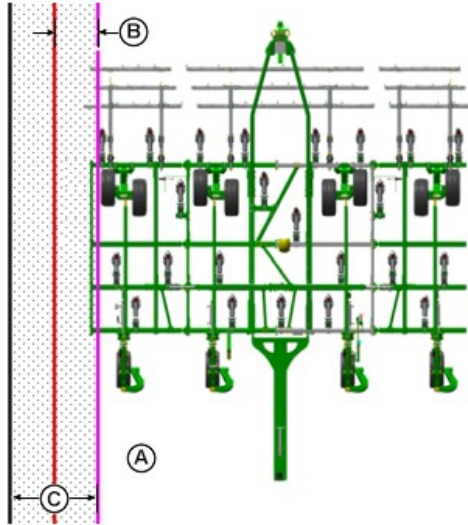
#### Phân nhô ra của thiết bị:

Trong khi vận hành, thiết bị tự vận hành có thể có phần nhô ra (dụng cụ, công tắc nhấp nháy, móc dụng cụ, vật nặng của máy, v.v.) trong vùng đệm khi làm việc trên cánh đồng. Mức độ nhô ra được phép trong vùng đệm được kiểm soát bằng dung sai làm việc. Khoảng cách giữa dung sai làm việc và vùng đệm tối đa có thể thay đổi tùy theo loại thiết bị và chất lượng GPS, nhưng dung

**C—Tâm Dụng cụ**  
**D—Gờ khung bên phải**

sai làm việc sẽ không bao giờ được vượt quá vùng đệm. Nếu thiết bị dừng trong vùng đệm, hãy định vị lại thiết bị theo yêu cầu.

**QUAN TRỌNG:** Tránh xảy ra lỗi hoạt động tự hành. Lập bản đồ đường biên cánh đồng tự hành chi tiết là một phần quan trọng để đảm bảo hoạt động tự hành thành công. Để biết thêm thông tin, hãy xem mục Yêu cầu về lập bản đồ đường biên cánh đồng tự hành trong phần này.



APY80321—UN—21FEB23

Khoảng cách tối thiểu từ các mối nguy hiểm

- A—Đường biên tự vận hành hoặc không vượt qua được**  
**B—Dung sai làm việc**  
**C—Vùng đệm, 1,5 m (5 ft)**

#### Yêu cầu về Lập bản đồ đường biên cánh đồng tự hành

- **Màn hiển thị được điều khiển:** Cách chính xác nhất để thể hiện đường biên cánh đồng bằng phương tiện kỹ thuật số là điều khiển chúng ngoài thực tế trong khi hệ thống GPS ghi lại vị trí của máy. Các đường biên phải được điều khiển và tạo ra trên màn hiển thị. Bất kỳ đường biên nào được tạo hoặc sửa đổi bên ngoài màn hiển thị sẽ không có chức năng tự vận hành.
- **Độ chính xác GPS:** Trong quá trình ghi lại đường

biên ngoài, nếu độ chính xác GPS dưới 80% đường biên sẽ không đáp ứng các yêu cầu tự vận hành. Chờ tín hiệu được cải thiện và lập lại bản đồ cho khu vực.

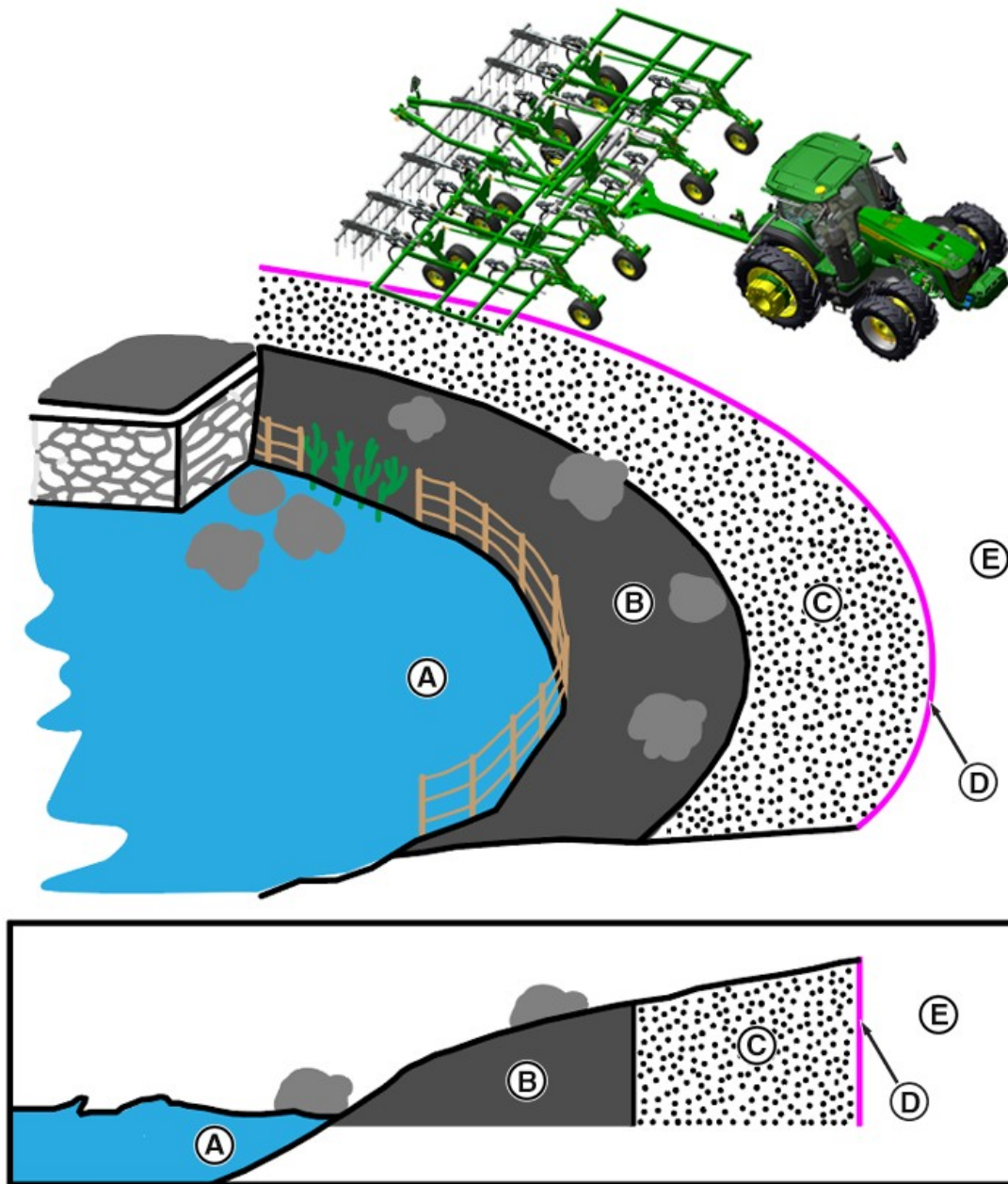
- **Kích thước:** Khi ghi đường biên điều khiển, tất cả kích thước thiết bị và kích thước bộ thu phải chính xác. Độ lệch ngang GPS rất quan trọng để đảm bảo độ lệch khi ghi lại đường biên được áp dụng đúng cách.

**LƯU Ý:** Tránh gây thương tích hoặc làm hư hỏng thiết bị. Độ lệch đường biên không phù hợp và kích thước thiết bị không chính xác có thể làm hành trình của máy đi qua các khu vực nguy hiểm. Xác minh độ lệch đường biên và kích thước thiết bị trước khi lập bản đồ.

- **Tạm dừng và Khôi phục:** Sử dụng các nút tạm dừng và tiếp tục khi cần để dừng và bắt đầu ghi đường biên khi gặp các góc. Biện pháp này giúp tránh làm hình dạng đường biên không chính xác. Máy phải nằm trong khoảng 100 m (328 ft) từ vị trí tạm dừng để duy trì chất lượng tự vận hành cho đoạn đường biên đó. Nếu chọn điểm tiếp tục cách xa quá 100 m (328 ft) từ vị trí tạm dừng, đoạn đường biên đó sẽ được phân loại là không có khả năng tự vận hành.

**GHI CHÚ:** Đối với Phiên bản phần mềm 25.2 (10.31.xxx-XXX) và cũ hơn, khoảng cách tạm dừng và chụp là 5 m (17 ft).

**GHI CHÚ:** Vận hành bình thường có thể xuất hiện cả thiết bị nhô ra trong vùng đệm. Điều này là chấp nhận được. Nhô ra quá mức (trước khi vượt qua vùng đệm) có thể làm hệ thống tự vận hành dừng lại.



Các mối nguy hiểm và sườn dốc

APY80302—UN—02FEB23

A—Nguy hiểm  
B—Nguy hiểm  
C—Đệm, 1,5 m (5 ft)

D—Đường biên hoạt động tự vận hành  
E—Bên trong cánh đồng

ch177nn,1738323754322-83-12FEB26

## Lập bản đồ



Lập bản đồ

PC28771—UN—25AUG22

Ứng dụng lập bản đồ được sử dụng để xem các tính năng không gian khác như sau:

- Dẫn hướng
- Vùng phủ sóng và dữ liệu công việc
- Hình đại diện dựa trên bản đồ

Có thể thêm chế độ xem bản đồ vào các trang vận hành bằng cách sử dụng nhiều mô đun kích thước khác nhau trong Trình quản lý Bố cục.

### Điều hướng đến Lập bản đồ

1. Chọn Menu.
2. Chọn tab Ứng dụng.
3. Chọn ứng dụng lập bản đồ.

### Bản đồ dữ liệu công việc

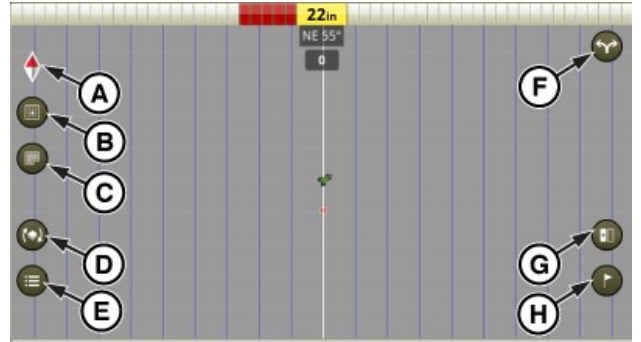
**GHI CHÚ:** Bản đồ dữ liệu công việc sẽ được xóa sạch khi bắt đầu công việc mới. Để biết thêm thông tin về bắt đầu công việc mới, xem mục Thiết lập công việc ở phần này hoặc Trợ giúp trên màn hình cho thiết lập công việc.

Dữ liệu công việc bao gồm thông tin tỷ lệ, sản phẩm và vùng bao phủ (trạng thái làm việc). Dữ liệu được ghi lại dựa vào thời gian và vị trí hệ thống định vị toàn cầu (GPS).

Tập dữ liệu công việc bao gồm các thông tin sau:

- Thời gian
- Vĩ độ và kinh độ
- Độ cao
- Tên cánh đồng (nếu được người vận hành cài đặt)
- Vùng bao phủ
- Tài liệu

Không có giới hạn kích thước để ghi dữ liệu công việc cho mỗi tên cánh đồng. Giới hạn duy nhất chính là dung lượng bộ nhớ của màn hình. Có thể xem Bộ nhớ màn hình hiện có trong Trung tâm trạng thái trên trang chính.



Lập bản đồ

PC649529—UN—11OCT24

**La bàn (A):** Cho biết hướng chính trên bản đồ. Chọn La bàn (A) để chuyển đổi giữa các chế độ Hướng máy ở phía trên và Hướng bắc ở phía trên.

- **Hướng máy ở phía trên:** Theo mặc định la bàn sẽ ở chế độ này, trong đó hướng hành trình máy nằm phía trên của màn hình và chế độ xem xoay theo hướng hành trình máy (tương tự như chế độ xem phối cảnh).
- **Hướng bắc ở phía trên:** Ở chế độ này, hướng bắc luôn ở phía trên của màn hình và chế độ xem không xoay theo hướng hành trình máy (tương tự như chế độ xem cánh đồng cố định).

**Chế độ xem bản đồ (B):** Chọn để chuyển đổi các chế độ xem bản đồ.

- **Chế độ xem cánh đồng:** Chế độ xem máy và cánh đồng từ trên không. Chế độ xem điều chỉnh khi máy di chuyển qua cánh đồng.
- **Chế độ xem phối cảnh:** Hiển thị cánh đồng theo cách người dùng nhìn thấy. Chế độ xem điều chỉnh khi máy di chuyển qua cánh đồng.
- **Chế độ xem cánh đồng cố định:** Xem máy và cánh đồng từ trên không. Chế độ xem không điều chỉnh khi máy di chuyển qua cánh đồng, mặc dù vậy có thể di chuyển ngang chế độ xem.

**Chế độ xem cánh đồng (C):** Chọn để thu nhỏ tới các góc của đường biên. Nếu không có đường biên, bản đồ sẽ thu nhỏ đến phạm vi của vùng phủ sóng.

**Nút chuyển đổi lớp bản đồ (D):** Chọn để chuyển đổi giữa các loại bản đồ. Thông tin hiển thị trong chú giải sẽ thay đổi dựa trên loại bản đồ được chọn.

**Chú giải (E):** Chọn để hiển thị chú giải bản đồ.

**Trình dự báo rẽ (F):** Cảnh báo người vận hành bằng cách dự đoán điểm cuối của hành trình và hiển thị khoảng cách đến điểm cuối của hành trình trong chế độ xem bản đồ.

**Chia (G):** Bật/tắt hiển thị trực quan nhiều mô-đun bản đồ cùng lúc.

**Cờ (H):** Chọn để thêm một loại cờ vào bản đồ, hoặc bắt đầu phiên ghi trong trường hợp gắn cờ khu vực và đường thẳng. Các loại cờ được tạo trong Ứng dụng cờ.

### **Bản đồ bao phủ**

Dữ liệu vùng bao phủ hiển thị những nơi công việc đã được thực hiện xong. Khu vực đã làm việc một lần sẽ hiển thị màu xanh lam nhạt và khu vực đã làm việc nhiều lần sẽ hiển thị màu xanh lam đậm. Bản đồ bao phủ gắn với toàn bộ khu vực đã làm việc trong Màn hình Làm việc.

Dữ liệu công việc được hiển thị trên bản đồ trong bán kính 3,21 km (2 dặm) ra tất cả các hướng tính từ vị trí GPS hiện tại.

Bản đồ phủ sóng có sẵn với tất cả màn hình G5. Bộ thu StarFire yêu cầu ghi lại dữ liệu vùng phủ sóng.

### **Bản đồ công thức**

Bản đồ công thức có chứa thông tin tỷ lệ mục tiêu cho các vùng quản lý trong một cánh đồng. Chúng được màn hình sử dụng để tự động thay đổi tỷ lệ mục tiêu khi hoạt động trong từng vùng quản lý.

Công thức có thể được nhập vào màn hình dưới dạng tệp hình khối bằng cách sử dụng Trình quản lý tệp và được hiển thị trên màn hình khi được chọn trong Thiết lập công việc. Bản đồ dữ liệu công việc nằm lên trên bản đồ công thức.

Lưu lượng bằng không trong công thức sẽ được hiển thị là màu đen trên bản đồ. Tỷ lệ bằng không trong công thức yêu cầu TẮT tất cả các vùng trong Điều khiển vùng.

### **Loại bản đồ khác**

#### ***Bản đồ tỷ lệ***

Bản đồ tỷ lệ sẽ hiển thị tỷ lệ nhận được từ máy hoặc thiết bị điều khiển dụng cụ. Nếu một khu vực được bao phủ nhiều lần, thì tỷ lệ của hành trình gần nhất sẽ được hiển thị.

#### ***Bản đồ năng suất***

Bản đồ năng suất hiển thị năng suất trung bình nhận được từ cảm biến lưu lượng khối.

#### ***Bản đồ độ ẩm***

Bản đồ độ ẩm hiển thị độ ẩm trung bình của vụ mùa đã thu hoạch nhận được từ cảm biến độ ẩm.

#### ***Bản đồ rác***

Bản đồ rác hiển thị giá trị đo vật chất không phải cây trồng từ hệ thống cảm biến.

#### ***Bản đồ Chủng loại***

Bản đồ chủng loại hiển thị các chủng loại cây trồng trên cánh đồng. Có đến mười màu khác nhau được sử dụng để phân biệt các chủng loại. Màu sắc sẽ bị lặp lại nếu có hơn mười chủng loại được ghi lại.

Màn hình G5 ghi chép và hiển thị chủng loại được thu hoạch tại điểm giữa của chiều rộng làm việc của dàn lưới. Nếu điểm giữa của dàn lưới được đặt ở vị trí không có chủng loại được xác định trong bản đồ công cụ xác định, màn hình sẽ ghi chép và hiển thị chủng loại là "---".

### **Bản đồ sản phẩm**

**GHI CHÚ:** Bản đồ sản phẩm chỉ được hiển thị khi áp dụng một hoạt động hóa lỏng.

Bản đồ sản phẩm hiển thị các sản phẩm hoặc hỗn hợp trong téc chứa được áp dụng cho cánh đồng. Có thể sử dụng tối đa mười màu khác nhau để phân biệt các sản phẩm và hỗn hợp trong téc chứa. Nếu có nhiều hơn mười sản phẩm hoặc hỗn hợp trong téc chứa, các màu sẽ được lặp lại.

### **Bản đồ gieo hạt đơn lẻ**

Bản đồ gieo hạt đơn lẻ thể hiện phần trăm hiệu suất của hệ thống phân phối hạt trên máy gieo hạt, đo lường khả năng gieo từng hạt một xuống đất. Lớp bản đồ gieo hạt đơn lẻ sẽ hiển thị hiệu suất gieo hạt đơn lẻ theo từng Luống.

### **Các tính năng của bản đồ**

**Cử chỉ:** Ứng dụng Lập bản đồ cho phép người dùng điều hướng bản đồ trong màn hiển thị G5 bằng cử chỉ. Có thể sử dụng các cử chỉ sau đây:

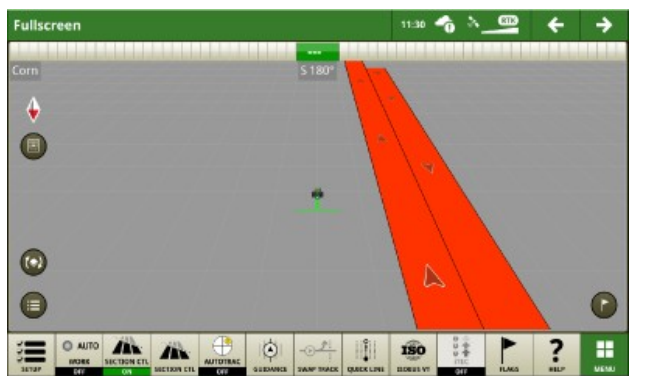
#### **1. Thu phóng:**

- Dùng hai ngón tay chụm vào hoặc tách ra để phóng to hoặc thu nhỏ.
- Nhấn đúp bằng một ngón tay, giữ và kéo lên hoặc xuống để thu phóng bằng một ngón tay.
- Nhấn đúp bằng một ngón tay để phóng to theo từng mức.
- Nhấn một lần bằng hai ngón tay để thu nhỏ theo từng mức.

#### **2. Di chuyển qua lại:** Di chuyển bản đồ qua lại bằng một ngón tay.

**GHI CHÚ:** Khi xoay ngang ở chế độ xem Phôi cánh, biểu tượng máy có thể chuyển từ thẳng đứng sang phẳng.

#### **3. Lật trang vận hành:** Đặt ngón tay ở mép màn hiển thị và di chuyển ngón tay qua viền màn hiển thị để di chuyển sang trang vận hành tiếp theo, sang trái hoặc sang phải.



Hướng hành trình

**Hiện thị trực quan hành trình:** Dấu mũi tên xếp lớp ở trên các hành trình cho biết hướng hành trình.



Biểu tượng Chia bản đồ

**A—Biểu tượng Chia**  
**B—Biểu tượng Hợp nhất**

**Chia bản đồ:** Ứng dụng Lập bản đồ có khả năng chia đôi màn hình bản đồ lớn. Tính năng này cho phép hiển thị trực quan nhiều lớp bản đồ cùng lúc. Nếu mô-đun bản đồ có thể được chia nhỏ, biểu tượng Chia (A) sẽ được hiển thị. Khi chọn biểu tượng Hợp nhất (B) sẽ hợp nhất lại màn hình. Các màn hình bản đồ được chia nhỏ sẽ được khóa lại với nhau. Mọi cử chỉ, chẳng hạn như di chuyển qua lại hoặc thu phóng, sẽ ảnh hưởng đến cả hai bên của bản đồ được chia.

**Chế độ xem vệ tinh:** Người dùng có thể bật/tắt nền vệ tinh bằng nút chuyển đổi Nền trong trang vận hành Lập bản đồ.

**GHI CHÚ:** Yêu cầu Giấy phép nâng cao G5 để kích hoạt lớp nền vệ tinh.

ZIDXK1X,1749534195748-83-24SEP25

## Cờ



Cờ

PC28773—UN—25AUG22

Cờ được sử dụng để đánh dấu điểm quan tâm trong một

cánh đồng. Bạn có thể sử dụng những điểm này cho dẫn hướng hoặc lập hồ sơ.

Cờ thông báo cho người vận hành trong ca-bin nếu hành trình máy hiện tại của họ giao cắt với một khu vực, điểm hoặc đường được gắn cờ, cho phép họ điều chỉnh ngay lập tức nếu cần.

**GHI CHÚ:** Cảnh báo từ cờ được đặt trong cánh đồng tự hành sẽ không ảnh hưởng đến hoạt động của máy chạy trong chế độ Tự vận hành. Để máy tự hành tránh một khu vực hoặc đối tượng cụ thể, hãy sử dụng các đường biên.

## Dẫn hướng tới cờ

1. Chọn Menu.
2. Chọn tab Ứng dụng.
3. Chọn Cờ.

## Các hình dạng cờ



**A—Cờ lỗi vào**  
**B—Cờ đánh dấu điểm**  
**C—Cờ đánh dấu khu vực**  
**D—Cờ đánh dấu đường**

PC684076—UN—25SEP25

- Cờ lỗi vào (A)—Đánh dấu một điểm vào của máy trên cánh đồng.
- Cờ đánh dấu điểm (B)—Đánh dấu điểm cụ thể trên cánh đồng, chẳng hạn như một tảng đá hoặc nơi máy bón phân dùng hết sản phẩm.
- Cờ đánh dấu khu vực (C)—Đánh dấu khu vực cần chú ý, chẳng hạn như một khoảng cỏ dại hoặc chỗ trống trên cánh đồng.
- Cờ đánh dấu đường (D)—Đánh dấu các đường trong cánh đồng, chẳng hạn như các đường kiểu ô hoặc hàng rào.

**GHI CHÚ:** Nếu một điểm làm việc được xác định, cờ được ghi tại điểm làm việc. Nếu không xác định điểm làm việc nào thì cờ được ghi trực tiếp dưới bộ thu GPS.

ch177nn,1738294533577-83-24SEP25

## Cờ lỗi vào



Cờ lỗi vào

PC620771—UN—08AUG24

Cờ lỗi vào do người vận hành xác định hoặc tạo để chỉ định vị trí lỗi vào của máy trên cánh đồng. Phương pháp lý tưởng để đặt cờ là gần đường biên cổ lỗi vào cánh đồng. Không có giới hạn đặt cờ trên cánh đồng. Có thể đặt cờ bên trong đường biên, bên ngoài đường biên hoặc tại vị trí hiện tại của máy.

Nên giới hạn số lượng cờ đặt trên cánh đồng để đạt hiệu suất máy tối ưu. Có thể thiết lập cờ lỗi vào thông qua màn hình thị, Operations Center và ứng dụng Operations Center dành cho thiết bị di động.

ZIDXX1X,1759921986197-83-28OCT25

## Thiết lập công việc



Thiết lập công việc

PC28769—UN—25AUG22

Sử dụng Thiết lập công việc khi thay đổi dụng cụ, cánh đồng hoặc dùng một sản phẩm khác. Cài đặt có sẵn trong ứng dụng Thiết lập công việc sẽ thay đổi dựa trên hoạt động.

Sử dụng ứng dụng Trình quản lý giao diện để thêm phím chức năng lỗi tắt Thiết lập công việc vào thanh lỗi tắt.

### Điều hướng đến Thiết lập công việc

1. Chọn Trình đơn.
2. Chọn tab Ứng dụng.
3. Chọn ứng dụng Thiết lập công việc.

### Tóm tắt công việc

Sử dụng Bản tóm tắt công việc để chọn các chi tiết vận hành như sản phẩm, loại cây trồng và tỷ lệ mục tiêu/công thức.

### Danh sách công việc

Chọn Danh sách công việc để xem và chọn từ công việc đã lên kế hoạch, chia sẻ hoặc lịch sử.

- Đã lên kế hoạch - Chọn một kế hoạch công việc đã

nhập và tự động thiết lập màn hình để bắt đầu thực hiện công việc.

- Chia sẻ - Chọn và tham gia một nhóm công việc để chia sẻ vùng phủ sóng, vị trí máy và rãnh dẫn hướng.
- Lịch sử — Chọn và khôi phục các sự kiện công việc trước đó.

## Công việc mới



Nút công việc mới

PC28710—UN—25AUG22

Chọn nút Công việc mới để xóa dữ liệu công việc khỏi bản đồ cho cánh đồng đã chọn. Nếu không chọn tên cánh đồng, tất cả các dữ liệu được ghi mà không có tên cánh đồng sẽ được lưu vào danh sách công việc, sau đó được xóa khỏi bản đồ.

Những điều kiện khác để bắt đầu công việc mới:

- Người vận hành thay đổi khách hàng, nông trại hoặc cánh đồng, và không tiếp tục công việc.
- Người vận hành thay đổi cây trồng khi đang trồng hoặc thu hoạch. Nếu có nhiều hơn một hoạt động, công việc mới sẽ được bắt đầu đối với hoạt động vừa được điều chỉnh.
- Người vận hành thay đổi sản phẩm hoặc hỗn hợp khi áp dụng hoạt động phun khô hoặc xả khí. Nếu có nhiều hơn một hoạt động, công việc mới sẽ được bắt đầu đối với hoạt động vừa được điều chỉnh.
- Người vận hành thay đổi sản phẩm hoặc hỗn hợp trong téc chứa khi có nhiều hơn một hoạt động hóa lỏng đang được thực hiện. Công việc mới sẽ bắt đầu với hoạt động vừa được điều chỉnh.

**GHI CHÚ:** Thay đổi sản phẩm hoặc hỗn hợp trong téc chứa khi có chỉ có một hoạt động hóa lỏng đang được thực hiện sẽ không tự động tạo ra công việc mới. Nút Công việc mới phải được chọn nếu muốn tạo công việc mới.

- Một dụng cụ hoặc sản phẩm mới được phát hiện đã tạo ra một chuỗi hoạt động mà không trùng với chuỗi hoạt động trước đó.
- Thiết bị hoặc sản phẩm đã được phát hiện trước đó bị ngắt kết nối và một thiết bị hoặc sản phẩm ảo được tạo.
- Người vận hành tham gia vào một nhóm công việc chia sẻ và bất kỳ một điều kiện nào khác đã được liệt kê xảy ra.

## Tỷ lệ mục tiêu/Công thức



Công thức

PC28806—UN—29AUG22

Màn hình chỉ hỗ trợ định dạng shapefile ArcGIS.

Có thể nhập số hình đại diện không giới hạn.

Mỗi hình đại diện có số vùng định mức không giới hạn.

Không có số đo tối thiểu nào để định mức cỡ vùng.

### Lựa chọn nhiều tỷ lệ vùng

Chọn ô nhập Lựa chọn nhiều tỷ lệ vùng để chọn phương pháp mà màn hình sẽ sử dụng để xác định tỷ lệ mục tiêu trong một hoặc nhiều phần được chia:

- Cao nhất – Sử dụng tỷ lệ công thức cao nhất trong số các tỷ lệ thuộc một diện tích bao phủ cụ thể.
- Thấp nhất – Sử dụng tỷ lệ công thức trung bình thấp nhất khác không trong số các tỷ lệ thuộc một diện tích bao phủ cụ thể.
- Trung bình – Sử dụng tỷ lệ công thức trung bình khác không đã được tính toán dựa trên tất cả các tỷ lệ thuộc một diện tích bao phủ cụ thể.
- Phổ biến nhất – Sử dụng tỷ lệ công thức khác không có số lần xuất hiện cao nhất thuộc một diện tích bao phủ cụ thể.

Theo mặc định, tỷ lệ đa vùng sẽ được đặt ở mức Cao nhất. Tỷ lệ đa vùng có thể được chỉnh sửa tương ứng với mỗi hoạt động khác nhau. Phương án được lựa chọn cho một hoạt động cụ thể sẽ tồn tại vĩnh viễn trừ khi thực hiện khôi phục cài đặt xuất xưởng. Sau khi khôi phục cài đặt xuất xưởng, màn hình sẽ đặt tất cả hoạt động về mức Cao nhất.

### Tác vụ ISOBUS

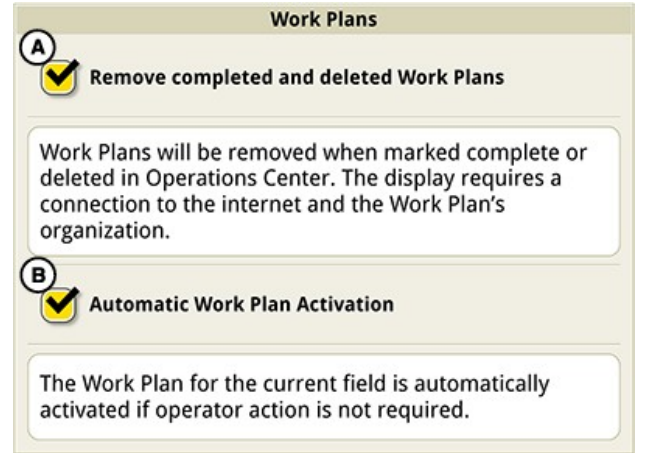
Màn hình John Deere G5 có khả năng ghi lại tổng số ISOBUS được cung cấp bởi các dụng cụ mà AEF (Hiệp hội điện tử Công nghiệp Nông nghiệp) chứng nhận có TC-GEO (trình điều khiển tác vụ dựa theo vị trí địa lý) và bởi máy phun xịt loại đẩy của John Deere. Tất cả số liệu tổng được cung cấp bởi dụng cụ ISOBUS, ví dụ như thời gian, khu vực, khối lượng, và số lượng được ghi lại trong tác vụ.

### Điều kiện

Sử dụng Điều kiện để ghi nhận thủ công các điều kiện thời tiết và cánh đồng cũng như các ghi chú công việc trong khi làm việc trên cánh đồng.

**GHI CHÚ:** Nếu trạm Mobile Weather đang hoạt động, việc ghi thủ công điều kiện thời tiết sẽ bị vô hiệu hóa.

### Cài đặt Kế hoạch công việc



Cài đặt Kế hoạch công việc

- A—Gỡ bỏ các Kế hoạch công việc đã xong và đã xóa**  
**B—Kích hoạt Kế hoạch công việc tự động**

Gỡ bỏ các Kế hoạch công việc đã xong và đã xóa (A)—Khi cài đặt này được kích hoạt, nếu một Kế hoạch công việc đạt đến 90% tiến độ hoàn thành hoặc không được sử dụng trong ít nhất 2 tuần, kế hoạch đó sẽ được đánh dấu là đã xong và được gỡ bỏ khỏi Danh sách công việc.

Kích hoạt Kế hoạch công việc tự động (B)—Khi bật cài đặt này, ngay khi nhập một cánh đồng đã có sẵn một Kế hoạch công việc, kế hoạch đó sẽ tự động được kích hoạt. Tuy nhiên, nếu có bất kỳ xung đột nào, cần phải giải quyết chúng để cài đặt này hoạt động bình thường.

ct47125,1705186121528-83-13JAN24

### Tổng khối lượng công việc



Tổng khối lượng công việc

Tổng khối lượng công việc được hiển thị cho cánh đồng đang hoạt động và vận hành công việc. Để thay đổi cánh đồng, đi đến ứng dụng Cánh đồng và đường biên và cài đặt vị trí hiện tại. Sử dụng ứng dụng Trình quản lý giao diện để thêm mô-đun tổng khối lượng công việc vào trang thông tin.

### Điều hướng đến Tổng khối lượng công việc

1. Chọn Trình đơn.
2. Chọn tab Ứng dụng.
3. Chọn ứng dụng Tổng khối lượng công việc.

### Vận hành công việc

Nếu có nhiều vận hành công việc được ghi lại, chọn bật/tắt để chọn một loại vận hành.

Nếu có nhiều chủng loại hoặc sản phẩm được ghi lại để vận hành công việc, tổng riêng của từng loại được liệt kê sau tổng cánh đồng.

**GHI CHÚ:** Các giá trị tổng số công việc cụ thể khác có sẵn cho một số máy và thiết bị nhất định. Xem phần Trợ giúp trên màn hình để biết thêm thông tin.

**GHI CHÚ:** Số lượng tổng số công việc nhất định có thể không hiển thị do cấu hình của máy hoặc dụng cụ, hoặc do hiệu chuẩn không đúng cách.

## Khu vực

Diện tích là tổng diện tích đã làm việc khi đã bật ghi công việc. Phép tính dựa trên chiều rộng làm việc của dụng cụ, tốc độ trên mặt đất và thời gian làm việc.

Khu vực còn lại là khu vực cánh đồng chưa được làm việc. Việc tính toán yêu cầu có đường biên ngoài và xem xét các đường biên trong.

## Thời gian

Thời gian ở đây là khoảng thời gian bật ghi công việc cho hoạt động hiện tại, được tính tới một phần mười giờ.

Thời gian còn lại là thời gian ước tính để hoàn thành công việc trên cánh đồng dựa theo khu vực còn lại và thời gian cần để hoàn thành một phần của cánh đồng.

## Tỷ lệ

Tỷ lệ là tổng khối lượng hạt hoặc sản phẩm được sử dụng, được chia cho diện tích đã làm việc.

## Tổng số áp dụng

Tổng đã dùng là tổng số lượng hạt hoặc sản phẩm đã dùng.

## Sản phẩm

Sản phẩm còn lại là số lượng sản phẩm cần để hoàn thành công việc. Chỉ số này được tính toán bằng cách nhân khu vực còn lại với tỷ lệ.

**GHI CHÚ:** Khi sử dụng tính năng trộn téc, số lượng được liệt kê sẽ là toàn bộ lượng trộn chứ không phải các thành phần riêng lẻ.

## Nhiên liệu

Nhiên liệu là số nhiên liệu đã tiêu thụ trong khi ghi công việc.

## Tổng số tài

Màn hình tổng số tài hiển thị dữ liệu thu hoạch đã lựa chọn với mỗi vụ thu hoạch. Khi có nhiều hơn ba giá trị tổng số tài cùng một lúc, người vận hành có thể lựa chọn sẽ hiển thị tổng số nào. Phải lựa chọn đúng ba giá trị.

## Tổng số đã chia sẻ

Tổng số công việc có thể được chia sẻ qua chia sẻ dữ liệu trong cánh đồng. Tổng số được chia sẻ sẽ được cập nhật bởi màn hình và khi nhận được thông tin từ các thành

viên trong nhóm khác. Để biết thêm thông tin về tham gia một nhóm làm việc, hãy xem mục Hướng dẫn trên màn hình trong ứng dụng Thiết lập công việc.

## Tổng số tự chọn

Xem lịch sử làm việc của một hoặc một nhóm cánh đồng trong một khoảng thời gian được chọn. Tổng số tự chọn có thể được lọc theo khách hàng/nông trại/cánh đồng, cây trồng, hoạt động và sản phẩm.

ct47125,1705186121352-83-13JAN24

## Màn hình làm việc



PC28775—UN—25AUG22

Màn hình làm việc

**GHI CHÚ:** Một số giá trị theo máy và hoạt động cụ thể có thể không hiển thị do cấu hình của máy hoặc dụng cụ, hoặc do không được hiệu chuẩn đúng cách.

Màn hình làm việc hiển thị các giá trị cụ thể được tính trung bình và tổng cộng của máy và vận hành. Chọn một giá trị trên trang để xem một hộp thoại nhỏ của riêng giá trị đó. Có thể đặt mỗi giá trị trong số những giá trị này trên một trang thông tin chính.

Dùng nút Đặt lại ở cuối trang để xóa toàn bộ các giá trị, ngoại trừ các giá trị tức thời. Ngày tháng và thời gian của lần thiết lập cuối cùng sẽ được chỉ ra ở bên cạnh nút.

Ở bên phải nút Đặt lại, Bản ghi công việc cho biết Màn hình làm việc có đang hoạt động và đang đếm hay không. Một đèn nhấp nháy cho biết màn hình đang hoạt động.

## Điều hướng đến Màn hình làm việc

1. Chọn Menu.
2. Chọn tab Ứng dụng.
3. Chọn ứng dụng Màn hình công việc.

## Ghi chép dữ liệu công việc

Khi Ghi chép dữ liệu công việc được BẬT, phần ghi chép bản đồ và bộ đếm yêu cầu một bộ khởi động việc ghi chép cùng tập hợp lại. Các bộ đếm yêu cầu Ghi lại dữ liệu công việc bao gồm:

- Khu vực đã làm việc
- Thời gian làm việc
- Năng suất
- Nhiên liệu trung bình cho mỗi khu vực
- Vận tốc làm việc trung bình

Chọn Ghi chép dữ liệu công việc ở góc dưới cùng bên phải để xem cửa sổ hộp thoại nhỏ với các cài đặt bản ghi.

Trạng thái ghi phụ thuộc vào bộ khởi động ghi hiện tại đã được chọn trong Cấu hình dụng cụ. Nếu bộ khởi động ghi chép không phù hợp với các hoạt động đang diễn ra, nhấn nút chỉnh sửa để thay đổi bộ khởi động ghi chép đã chọn. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem phần Cấu hình dụng cụ.

**GHI CHÚ:** Nếu bộ khởi động ghi chép được thiết lập để vận hành bằng tay, ghi chép dữ liệu công việc có thể được bật hoặc tắt bằng cách nhấn vào nút ghi chép.

ch177nn,1726041785584-83-11SEP24

## Ghi chép dữ liệu công việc

Khi Ghi chép dữ liệu công việc được BẬT, phần ghi chép bản đồ và bộ đếm yêu cầu một bộ khởi động việc ghi chép cùng tập hợp lại. Các bộ đếm yêu cầu Ghi lại dữ liệu công việc bao gồm:

- Khu vực đã làm việc
- Thời gian làm việc
- Năng suất
- Nhiên liệu trung bình cho mỗi khu vực
- Vận tốc làm việc trung bình

Chọn Ghi chép dữ liệu công việc ở góc dưới cùng bên phải để xem cửa sổ hộp thoại nhỏ với các cài đặt bản ghi.

Trạng thái ghi phụ thuộc vào bộ khởi động ghi hiện tại đã được chọn trong Cấu hình dụng cụ. Nếu bộ khởi động ghi chép không phù hợp với các hoạt động đang diễn ra, nhấn nút chỉnh sửa để thay đổi bộ khởi động ghi chép đã chọn. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem phần Cấu hình dụng cụ.

**GHI CHÚ:** Nếu bộ khởi động ghi chép được thiết lập để vận hành bằng tay, ghi chép dữ liệu công việc có thể được bật hoặc tắt bằng cách nhấn vào nút ghi chép.

ct47125,1705186226483-83-13JAN24

## Chia sẻ



Chia sẻ

PC28774—UN—25AUG22

**GHI CHÚ:** Để có hiệu suất tối ưu, phải sử dụng tất cả màn hình và modem JDLINK cùng một phiên bản phần mềm.

**GHI CHÚ:** Ứng dụng Chia sẻ hoạt động giữa các màn hình thị Thế hệ 4 và G5.

Sử dụng ứng dụng Chia sẻ để xem yêu cầu về chia sẻ dữ liệu giữa các máy. Chia sẻ dữ liệu cho phép sáu người vận hành chia sẻ các đường dẫn hướng và dữ liệu trong khi làm việc trên cùng một cánh đồng. Để tham gia nhóm, người vận hành điều hướng đến tab danh sách công việc trong ứng dụng Thiết lập công việc. Để chia sẻ các đường dẫn hướng, người vận hành điều hướng đến ứng dụng Dẫn hướng AutoTrac.

Dữ liệu công việc chia sẻ sẽ được gửi đi và nhận được theo các quãng 30 giây. Bao gồm truyền dữ liệu, màn hình thường nhận được cập nhật về vùng bao phủ từ các thành viên trong nhóm cứ mỗi 30 giây. Vị trí của các thành viên nhóm sẽ được cập nhật mỗi 6 giây.

**GHI CHÚ:** Thời gian truyền dữ liệu thay đổi tùy thuộc vào độ mạnh của kết nối không dây.

Khi ứng dụng Chia sẻ được kích hoạt, các thông tin dưới sẽ được chia sẻ giữa các màn hình:

- Đường dẫn hướng (chỉ rãnh thẳng và tròn)

**GHI CHÚ:** Không thể chia sẻ rãnh thẳng đã tạo bằng cách dùng các phương thức Đường máy vào A + B, Đường máy vào A + Hướng hành trình, hoặc Đường máy vào Ví độ/Kinh độ + Hướng hành trình.

- Bản đồ bao phủ
- Bản đồ ứng dụng

Phần bao phủ, phần nổi chông, phần bao phủ chia sẻ và phần nổi chông chia sẻ sẽ được hiển thị bằng các màu sắc riêng. Có thể nhìn thấy bản đồ bao phủ chia sẻ trên các mô-đun trang thông tin nhất định và trong các ứng dụng Lập bản đồ và Dẫn hướng AutoTrac.

**Yêu cầu chia sẻ các đường dẫn hướng và vị trí máy:**

**GHI CHÚ:** Để có kết quả tốt nhất, hãy sử dụng cấp độ chính xác của SF2 hoặc cao hơn. Sử dụng SF1 có thể gây ra việc chuyển đổi không mong muốn đối với rãnh dẫn hướng và diện tích bao phủ được chia sẻ, sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới hiệu suất của AutoTrac và Điều khiển vùng làm việc.

- Tùy chọn Tự động đồng bộ dữ liệu và Nhận dữ liệu nhóm công việc được bật bên trong ứng dụng Chia sẻ hoặc Trình quản lý tập.
- Yêu cầu có một modem JDLINK với một Đăng ký Connect JDLINK đang hoạt động.
- Yêu cầu có một CommandCenter 4600 hoặc một Màn hình thị đa năng 4640 đã kích hoạt tính năng Chia sẻ dữ liệu tại chỗ.
- Bắt buộc phải có CommandCenter G5 hoặc màn hình đa năng G5 với giấy phép hợp lệ để Chia sẻ dữ liệu trong cánh đồng.

- Tất cả các màn hình Thế hệ 4 và G5 trong nhóm công việc được liên kết với cùng tổ chức John Deere Operations Center.
- Nhóm làm việc phải sử dụng cùng một ID làm việc.
- Các người vận hành phải có cùng một khách hàng, trang trại và cánh đồng.

#### **Các yêu cầu bổ sung về chia sẻ bản đồ vùng bao phủ và dữ liệu công việc:**

- Người vận hành phải có cùng hoạt động và cùng loại cây trồng, sản phẩm hoặc hỗn hợp trong tệp chứa.

**GHI CHÚ:** Nếu sử dụng tệp lệnh, người vận hành phải sử dụng cùng một tệp lệnh đó. Đối với xe đẩy khí nén nhiều thùng, Cấu hình tệp phải được định nghĩa giống nhau cho mỗi xe đẩy trong nhóm làm việc.

**GHI CHÚ:** Bản đồ bao phủ có thể được chia sẻ giữa những máy đang sử dụng một Điều khiển mục có khả năng thực hiện hoạt động ứng dụng lỏng áp dụng các sản phẩm và hỗn hợp trong tệp chứa khác nhau. Hệ thống không tự động tham gia nhóm. Người vận hành phải tham gia với các máy khác một cách thủ công bằng việc lựa chọn nhóm công việc phù hợp từ danh sách công việc được chia sẻ.

**GHI CHÚ:** Trước khi bắt đầu công việc mới, tất cả những người vận hành máy phải chọn Công việc mới để xóa vùng bao phủ trên màn hiển thị cục bộ cho cánh đồng. Ngoài ra, một người vận hành màn hiển thị được chỉ định phải chọn Nhóm mới để đặt lại vùng bao phủ nhóm được chia sẻ. Sau khi thực hiện bước này, các màn hiển thị còn lại có thể tham gia nhóm mới tạo. Sau khi hoàn tất các bước này, Chia sẻ Dữ liệu tại chỗ sẽ hoạt động như dự kiến cho phiên làm việc mới.

ct47125,1705188044976-83-09JUL25

## Video



Video

PC684074—UN—19SEP25

**⚠ LƯU Ý:** Tránh nguy cơ gây thương tích hoặc tử vong. Không dựa vào camera để chống va chạm hoặc phát hiện người ngoài. Luôn luôn cảnh giác và ý thức về môi trường xung quanh khi đang vận hành máy. Đọc và hiểu nội dung Tránh tai nạn khi lùi máy trong phần An toàn.

### **QUAN TRỌNG: Xác định xem hình ảnh camera hoặc ứng dụng Video có được phản chiếu không trước khi sử dụng ứng dụng Video.**

**GHI CHÚ:** Tham khảo Hướng dẫn Bán hàng Ag để biết danh sách camera tương thích mới nhất.

Sử dụng ứng dụng Video để quan sát khu vực xung quanh máy.

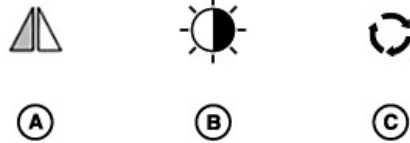
Khi sử dụng Màn hình đa năng G5, mỗi lần chỉ có thể xem một nguồn cấp video. Khi sử dụng Màn hình đa năng G5<sup>Plus</sup>, mỗi lần có thể xem tối đa ba nguồn cấp video.

Màn hình đa năng G5 có thể hỗ trợ tối đa bốn đầu vào camera.

#### **Điều hướng video**

1. Chọn Menu.
2. Chọn tab Ứng dụng.
3. Chọn ứng dụng video.

#### **Bộ điều khiển Camera**



PC27708—UN—31OCT19

**A—Video gương**  
**B—Độ tương phản**  
**C—Dạng xem Quét**

#### **Chuyển các camera**

Nếu kết nối nhiều hơn một camera, chọn các đầu vào video bằng cách chọn tên camera khác nhau.

**GHI CHÚ:** Camera kỹ thuật số sẽ vẫn được chỉ định cho màn hiển thị đã chọn đến khi được chỉ định lại thủ công.

#### **Video gương**

Chọn nút Video gương (A) để mô phỏng gương chiếu hậu. Việc chọn dạng xem gương này cho phép hoán đổi phía trái và phía phải của hình ảnh video.

#### **Độ tương phản**

**GHI CHÚ:** Bộ điều khiển độ tương phản không có sẵn cho camera sử dụng nguồn kỹ thuật số.

Điều chỉnh độ tương phản video (B) bằng cách dùng nút tăng (+) và nút giảm (-). Chọn nút tăng để làm sáng màn hình video và chọn nút giảm làm tối màn hình video.

#### **Dạng xem Quét**

Chọn nút Dạng xem Quét (C) để quét giữa đầu vào video và camera đang hoạt động.

### Chế độ toàn màn hình

Chọn vùng video để mở chế độ toàn màn hình. Các điều khiển video ở chế độ toàn màn hình sẽ khác với chế độ xem bình thường.

### Nguồn cấp camera

Nguồn cấp camera hiển thị tên của từng camera được ứng dụng Video phát hiện. Chọn một camera trong danh sách để xem trong chế độ toàn màn hình.

### Trường nhìn

Có thể sử dụng tính năng này để chuyển đổi giữa các góc trường nhìn của camera.

**GHI CHÚ:** Tính năng trường nhìn và các góc có sẵn tùy thuộc vào model của camera.

### Dạng xem Quét

Trong khi ở chế độ toàn màn hình, chọn nút dạng xem quét để quét giữa đầu vào video và camera đang hoạt động. Đầu vào video được hiển thị trong một khoảng thời gian quy định trước khi chuyển sang đầu vào video kế tiếp trong danh sách camera. Thời gian quét sẽ được thiết lập trong Cài đặt nâng cao.

### Trình kích hoạt video

Có thể hiển thị video khi đang thực hiện một số chức năng máy nhất định (ví dụ: Lùi hoặc gài PTO). Trình kích hoạt video sẽ hoạt động khi phát hiện các chức năng máy tương thích.

1. Chọn Cài đặt nâng cao để định cấu hình cài đặt.
2. Chọn một bộ khởi động.
3. Chọn một camera đầu vào cho bộ khởi động hiện tại. Camera này sẽ được hiển thị khi bộ khởi động được kích hoạt.

**GHI CHÚ:** Để chặn việc video hiển thị vì một bộ khởi động, chọn Không camera.

4. Nhập thời gian chờ phát video. Đây là lượng thời gian hiển thị video sau khi bộ kích hoạt không hoạt động.

### Bộ dây video

Màn hình đa năng G5 có thể kết nối một máy ảnh tương tự và hai máy ảnh kỹ thuật số.

G5Màn hiển thị đa năng <sup>Plus</sup> có thể kết nối tối đa bốn camera analog và hai camera kỹ thuật số, tùy thuộc vào nhu cầu và bộ dây.

Bộ đầu nối dây có sẵn có thể kết nối với đầu nối 26 chân ở phía sau màn hình.

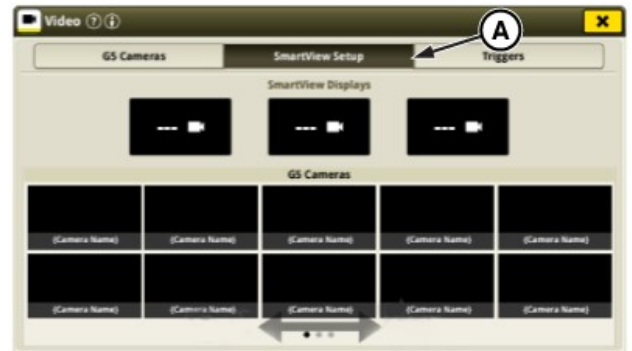
**GHI CHÚ:** Hướng dẫn sử dụng này không bao gồm hướng dẫn lắp camera và dây. Tham khảo hướng dẫn lắp camera.

Các chốt video trên đầu nối bao gồm:

| Số chốt | Mô tả            |
|---------|------------------|
| 8       | Tín hiệu video 1 |
| 14      | Nối đất video 1  |
| 20      | Tín hiệu video 2 |
| 21      | Nối đất video 2  |
| 22      | Tín hiệu video 3 |
| 15      | Nối đất video 3  |
| 16      | Tín hiệu video 4 |
| 17      | Nối đất video 4  |

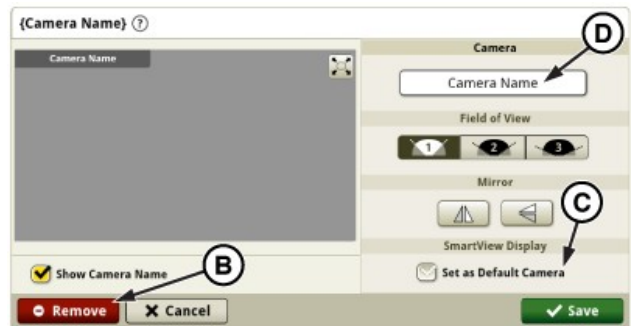
### Thiết lập SmartView

- **SmartView (A)** - Cho phép người vận hành thiết lập camera video trên Máy phun để xem trên thanh hiển thị SmartView phía trên kính chắn gió để giúp có tầm nhìn tốt hơn trong khi vận chuyển máy trên đường hoặc trong không gian hẹp.



PC689867—UN—01OCT25

Tab Thiết lập SmartView



PC689869—UN—06OCT25

Thiết lập camera

- **Gỡ (B)** - Gỡ camera khỏi việc gán cho một trong các màn hiển thị SmartView.
- **Đặt làm Camera mặc định (C)** - Đánh dấu hộp kiểm này để chỉ định camera làm chế độ xem camera mặc định cho Màn hiển thị SmartView này.
- **Camera (D)** - Người vận hành có thể đặt tên camera để giúp hiểu rõ hơn về loại camera mà họ đang nhìn và vị trí của camera trên máy.

ch177nn,1739887801998-83-08OCT25

## Thiết lập các bộ điều khiển



Thiết lập các bộ điều khiển

PC28805—UN—29AUG22

Sử dụng ứng dụng Thiết lập điều khiển để cấu hình đầu vào ISOBUS được dùng nhằm kiểm soát chức năng của dụng cụ, hoặc để cấu hình lại các bộ điều khiển khác.

### Điều hướng đến Thiết lập các bộ điều khiển

1. Chọn Trình đơn.
2. Chọn tab Ứng dụng.
3. Chọn ứng dụng Thiết lập bộ điều khiển.

Ứng dụng Thiết lập bộ điều khiển và các đầu vào có thể định cấu hình được cung cấp sẽ khác nhau tùy theo loại máy. Để biết thêm thông tin về ứng dụng Thiết lập bộ điều khiển, hãy tham khảo Hướng dẫn vận hành máy.

ct47125,1705188194343-83-13JAN24

## Trình quản lý Cài đặt



Trình quản lý Cài đặt

PC28715—UN—25AUG22

Sử dụng Trình quản lý thiết lập để tải, chỉnh sửa, hoặc lưu cấu hình máy và thiết lập thiết bị. Sử dụng cấu hình đã lưu giúp khôi phục dễ dàng các thiết lập mà máy và thiết bị sử dụng trong quá trình hoạt động.

### Điều hướng đến Trình quản lý thiết lập

1. Chọn Trình đơn.
2. Chọn tab Ứng dụng.
3. Chọn ứng dụng Trình quản lý Cài đặt.

ct47125,1705187988002-83-13JAN24

## Nguyên lý hoạt động của Chạy không tải máy



Nguyên lý hoạt động của Chạy không tải máy

PC620652—UN—15MAY24

Ứng dụng Máy không tải ghi chép lý do máy chạy không tải. Khi máy dừng hoàn toàn ở tốc độ 0 km/giờ (0 dặm/giờ) trong một thời gian quy định, cửa sổ bật lên sẽ xuất hiện trên màn hiển thị, nhắc nhở người vận hành đưa ra lý do để máy chạy không tải.

Cửa sổ bật lên có danh sách các lý do chạy không tải để chọn. Lý do sẽ khác nhau tùy theo loại máy và hoạt động mà màn hiển thị phát hiện được. Khi chọn lý do chạy không tải, lý do đó sẽ được gửi đến tổ chức liên kết trong John Deere Operations Center.

Dữ liệu thu thập được có thể được phân tích trong Operations Center để đưa ra quyết định sáng suốt nhằm nâng cao hiệu quả.

### Điều hướng đến Máy không tải

1. Chọn Menu.
2. Chọn tab Ứng dụng.
3. Chọn ứng dụng Máy không tải.

**GHI CHÚ:** Để biết thêm thông tin về các lý do chạy không tải, hãy xem Trợ giúp trên màn hình.

bvmsit,1715251816294-83-14MAY25

## Điều khiển đường xe điện



Điều khiển đường xe điện

PC620653—UN—10MAY24

Đường xe điện là các hành trình được chỉ định hoặc các rãnh trong một cánh đồng nơi các máy móc, chẳng hạn như máy kéo hoặc máy phun, di chuyển trong các hoạt động trồng cây, phun hoặc thu hoạch. Đường xe điện thường được tạo và ghi lại trong các hoạt động trồng cây.

Ứng dụng Điều khiển đường xe điện tạo và quản lý việc sử dụng các đường xe điện trong một cánh đồng. Điều

khiến đường xe điện hoạt động với Điều khiển vùng làm việc.

Sử dụng Điều khiển đường xe điện để tối ưu hóa hoạt động trên cánh đồng với mô hình đường xe điện chính xác và quản lý chuyển động của thiết bị. Điều khiển đường xe điện có thể được sử dụng để giảm thiểu độ nén của đất, giảm làm hư hại cây trồng và nâng cao hiệu quả hoạt động.

*GHI CHÚ: Các chức năng như Đường cong AB và Autopath không tương thích với Điều khiển đường xe điện.*

### **Điều hướng đến Điều khiển đường xe điện**

1. Chọn Menu.
2. Chọn tab Ứng dụng.
3. Chọn ứng dụng Điều khiển đường xe điện.

### **Cấp độ đường xe điện**

Theo tiêu chuẩn ISOBUS, Điều khiển đường xe điện có ba cấp độ:

- **Cấp độ 1**—Cung cấp khả năng quản lý đường xe điện cơ bản khi sử dụng rãnh thẳng. Dụng cụ hoạt động như dụng cụ chính, cho phép người vận hành điều khiển cài đặt đường xe điện trực tiếp bằng GPS máy (hệ thống định vị toàn cầu).
- **Cấp độ 2**—Cho phép làm việc với nhịp điệu bất đối xứng. Cấp độ này cũng cho phép lưu cài đặt đường xe điện trên màn hiển thị. Tuy nhiên, dụng cụ vẫn đóng vai trò là dụng cụ chính, đảm bảo việc hoạt động nhất quán.
- **Cấp độ 3**—Các đường xe điện được xác định trước có thể lệnh cho dụng cụ BẬT/TẮT đường xe điện tự động. Cấp độ này tích hợp các chức năng nâng cao cho tự động hóa.

Hiện tại, Điều khiển đường xe điện tương thích với chức năng ISOBUS đường xe điện cấp độ 1. Ngay khi phát hiện dụng cụ ISOBUS tuân thủ Đường xe điện cấp độ 1, hệ thống cho phép chọn chế độ Tự Động. Ở chế độ Tự động, dụng cụ sẽ tính toán đường xe điện dựa trên số liệu đầu vào của GNSS (Hệ thống vệ tinh điều hướng toàn cầu). Trong giai đoạn này, dụng cụ ISOBUS sẽ điều khiển và sở hữu chức năng Điều khiển đường xe điện. Trình điều khiển nhiệm vụ John Deere chỉ cung cấp Dữ liệu GNSS và Dữ liệu rãnh dẫn hướng.

*GHI CHÚ: Để biết thêm thông tin về Điều khiển đường xe điện, hãy xem Trợ giúp trên màn hình.*

---

ch177nn,1737353048324-83-03FEB25

# Vận hành—Trình quản lý tệp

## Trình quản lý tệp



Trình quản lý tệp

PC28785—UN—29AUG22

Ứng dụng Trình quản lý tệp tin dùng để chuyển dữ liệu gửi đi và được gửi đến màn hình. Có thể chuyển dữ liệu không dây bằng Trung tâm vận hành John Deere hoặc sử dụng ổ đĩa USB để chuyển dữ liệu giữa các màn hình hoặc phần mềm máy tính tương thích.

Điều quan trọng là phải thường xuyên sao lưu dữ liệu vào ổ USB.

Bộ nhớ trong của màn hình thị được thiết kế để có đủ dung lượng lưu trữ tất cả dữ liệu từ máy cho mỗi vụ mùa. Thông báo sẽ xuất hiện khi sử dụng đến 90% bộ nhớ. Phải xuất và xóa dữ liệu trước khi bộ nhớ vượt quá 90%.

### Điều hướng đến Trình quản lý tệp tin

1. Chọn Menu.
2. Chọn tab Hệ thống.
3. Chọn ứng dụng Trình quản lý tệp tin.

### Loại dữ liệu



PC28786—UN—29AUG22

- A**—Rãnh dẫn hướng  
**B**—Tập của Trình quản lý Bố cục  
**C**—Cấu hình dụng cụ  
**D**—Cấu hình máy

- Rãnh dẫn hướng (A) bao gồm đường dẫn hướng và tên khách hàng, trang trại và cánh đồng đã liên kết.

**GHI CHÚ:** Các rãnh Đường cong thích ứng đã nhập yêu cầu tối thiểu một đoạn dây đủ. Đường cong thích ứng, Đường dẫn theo đường biên và các đường AutoPath không được Dữ liệu thiết lập Data Sync hỗ trợ.

**GHI CHÚ:** Đường cong thích ứng, Đường dẫn theo đường biên và các đường AutoPath không được Dữ liệu thiết lập Data Sync hỗ trợ.

**GHI CHÚ:** Không thể xuất hoặc nhập rãnh thẳng đã tạo bằng cách dùng các phương thức Đường máy vào A + B, Đường máy vào A + Hướng hành trình, hoặc Đường máy vào Vĩ độ/Kinh độ + Hướng hành trình và các mô thức máy. Vết bánh theo đường dẫn sẽ được nhập dưới dạng rãnh 0.

**GHI CHÚ:** Khi xuất dữ liệu, rãnh dẫn hướng chia sẻ từ Chia sẻ dữ liệu trong cánh đồng cũng sẽ được xuất.

- Có thể chuyển các tệp của Trình quản lý Bố cục (B) giữa các màn hiển thị G5. Cũng có thể nhập các tệp từ Màn hiển thị thế hệ 4. Những tệp này các trang vận hành đã được tùy chỉnh, bộ trang vận hành và thanh phím tắt.

**GHI CHÚ:** Không thể chuyển các tệp của Trình quản lý Bố cục từ Màn hiển thị G5 sang màn hiển thị thế hệ 4, nhưng có thể chuyển ngược lại.

**GHI CHÚ:** Các trang vận hành đã nhập có sẵn trên tab Tất cả các trang vận hành trong Trình quản lý Bố cục.

Một số mô-đun trang thông tin hiển thị được đặt lại về mặc định khi nhập.

Các mô-đun trang vận hành được tạo cho các bộ điều khiển dụng cụ ISOBUS VT sẽ hiển thị là không khả dụng nếu bộ điều khiển không được kết nối với máy.

- Có thể chuyển cấu hình dụng cụ (C) giữa các màn hình G5. Điều này bao gồm cả cấu hình được lưu vào màn hình của dụng cụ không có thiết bị điều khiển.

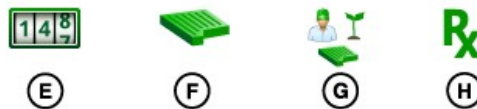
**GHI CHÚ:** Loại kết nối, ghi chép công việc, vận hành và bộ điều khiển tốc độ không được nhập cùng cấu hình dụng cụ.

- Cấu hình máy (D) được cấu hình bằng ứng dụng Trình quản lý thiết bị.

**GHI CHÚ:** Chỉ có thể nhập hoặc xuất các cấu hình máy bằng cách sử dụng một màn hình đa năng G5.

**GHI CHÚ:** Màn hình G5 sẽ tự động tạo cài đặt cấu hình máy khi phát hiện máy John Deere tương thích.

**GHI CHÚ:** Cấu hình máy đã nhập có chứa mã PIN máy sẽ không hiển thị trong ứng dụng Trình quản lý Thiết bị. Cấu hình máy sẽ được tạo tự động khi màn hình phát hiện máy John Deere tương thích. Cấu hình máy được tạo tự động sẽ ghi đè bất kỳ cấu hình đã nhập nào có chứa các mã PIN máy. Cấu hình máy đã nhập không có mã PIN máy sẽ vẫn hiển thị trong ứng dụng Trình quản lý Thiết bị.



PC28787—UN—29AUG22

- E**—Dữ liệu công việc  
**F**—Đường biên  
**G**—Dữ liệu thiết lập  
**H**—Quy định

- Dữ liệu công việc (E) bao gồm dữ liệu bản đồ và dữ liệu tổng thể. Có thể tải dữ liệu lên Trung tâm vận hành John Deere, hoặc gỡ tải bằng phần mềm màn hình tương thích. Khi nhập dữ liệu công việc, chỉ dữ

liệu rà soát mới được truyền đi. Không thể nhập các số liệu tổng của công việc.

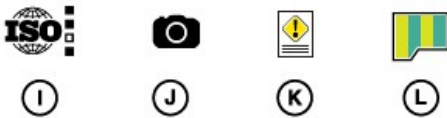
**GHI CHÚ:** Không thể xuất phạm vi chia sẻ từ Chia sẻ dữ liệu trong cánh đồng từ màn hình này. Để xuất phạm vi từ sự kiện Chia sẻ dữ liệu trong cánh đồng, dữ liệu phải được xuất từ màn hình của từng thành viên nhóm đồng góp.

**GHI CHÚ:** Có thể xuất dữ liệu công việc chưa hoàn chỉnh từ một màn hình và nhập vào một màn hình khác để khôi phục bằng cách sử dụng tính năng Lịch sử làm việc trong ứng dụng Thiết lập công việc. Không nhập các số liệu tổng của công việc liên quan.

- Các đường biên (F) được cấu hình bằng ứng dụng Cánh đồng và Đường biên.
- Dữ liệu thiết lập (G) bao gồm Đường biên, Đường dẫn hướng, Cờ, Người vận hành, tên khách hàng, tên trang trại và tên cánh đồng cũng như các giống cây trồng và sản phẩm.

**GHI CHÚ:** Đường biên, Đường dẫn hướng, Cờ và Người vận hành không thể tự xuất được, nhưng được bao gồm khi xuất dữ liệu thiết lập. Dữ liệu cờ bao gồm vị trí, loại cờ và màu cờ cho mỗi CFF. Dữ liệu người vận hành bao gồm thông tin hồ sơ người vận hành.

- Quy định (H) được cấu hình qua ứng dụng Thiết lập công việc.



PC28788—UN—29AUG22

**I—Tác vụ ISOBUS**

**J—Ảnh chụp màn hình**

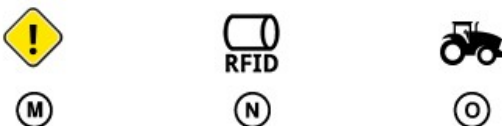
**K—Nhật ký lỗi**

**L—Công cụ xác định Chủng loại**

- Tác vụ ISOBUS (I) được cấu hình bằng ứng dụng Tác vụ ISOBUS.

**GHI CHÚ:** Giới hạn kích thước tệp cho tác vụ ISOBUS là 10 MB.

- Ảnh chụp màn hình (J) là bản sao hình ảnh hiển thị trên màn hình.
- Nhật ký lỗi (K) được màn hình tạo tự động và có thể được John Deere sử dụng để khắc phục sự cố.
- Các tập tin Định vị chủng loại (L) được cấu hình sử dụng Trung tâm vận hành John Deere.



PC28789—UN—29AUG22

**M—Dữ liệu bị cách ly**

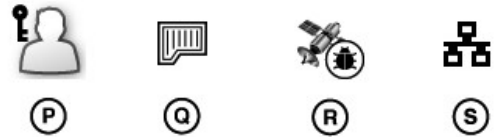
**N—Dữ liệu ID thu hoạch**

**O—Cấu hình cài đặt**

- Dữ liệu bị cách ly (M) là một tệp được tạo khi người vận hành chọn cách ly dữ liệu sau khi gặp phải lỗi không mong muốn.

**GHI CHÚ:** Khôi phục tệp dữ liệu cách ly cần phải có hỗ trợ kỹ thuật. Hãy liên hệ với đại lý John Deere của bạn để thử khôi phục dữ liệu.

- Tập tin dữ liệu ID thu hoạch (H) được cấu hình trong ứng dụng Thiết lập công việc mà chứa thông tin về thu hoạch bông đã được ghi lại.
- Có thể chuyển Cấu hình cài đặt (O) giữa các màn hình G5. Cài đặt sẵn có thay đổi tùy vào loại máy và dụng cụ. Cấu hình cài đặt được cấu hình bằng ứng dụng Trình quản lý Cài đặt.



PC28153—UN—05OCT20

**P—Cài đặt Trình quản lý truy cập**

**Q—Dữ liệu đường AutoPath**

**R—Thu thập dữ liệu StarFire**

**S—Tệp thiết bị Ethernet**

- Cài đặt Trình quản lý truy cập (P) được cấu hình bằng ứng dụng Người dùng và truy cập.

**GHI CHÚ:** Cấu hình ứng dụng Người dùng và truy cập để ngăn chặn những thay đổi ngoài ý muốn do người vận hành thực hiện.

- Các tệp dữ liệu đường AutoPath (Q) được định cấu hình trong John Deere Operations Center và được sử dụng để tạo vết bánh theo đường dẫn AutoPath.

**GHI CHÚ:** Không thể xuất các tệp AutoPath từ màn hình thị.

- Thu thập dữ liệu StarFire (R) chứa những dữ liệu được ghi lại từ Bộ thu StarFire được John Deere sử dụng để khắc phục sự cố. Để bật Thu thập dữ liệu StarFire, hãy lựa chọn tùy chọn Thu thập dữ liệu trong trang VT của máy thu.

**GHI CHÚ:** Thu thập dữ liệu StarFire chỉ khả dụng trên Máy thu tích hợp StarFire 6000.

- (Các) tệp thiết bị Ethernet được thu thập từ các thiết bị John Deere hỗ trợ Giao thức truyền tệp và có kết nối Ethernet với màn hình. John Deere sử dụng chúng để xử lý sự cố.

## John Deere Operations Center



Operations Center

PC21844—UN—16NOV15

Sử dụng Operations Center để tự động truyền dữ liệu giữa các màn hình và John Deere Operations Center. Dữ liệu được truyền bằng tín hiệu di động qua modem JDLINK hoặc kết nối internet không dây.

**GHI CHÚ:** Operations Center yêu cầu một modem JDLINK đang hoạt động hoặc bộ chuyển đổi USB không dây có kết nối Internet.

### Thiết lập Đồng bộ dữ liệu

Dữ liệu được gửi đến và đi từ John Deere Operations Center khi modem JDLINK có tín hiệu di động hoặc kết nối Internet hoặc bộ chuyển đổi USB không dây có kết nối Internet.

Khi John Deere Operations Center hoặc một màn hình đã kết nối được sử dụng để tạo hoặc xóa một loại dữ liệu thiết lập đang hoạt động, thay đổi đó sẽ được đồng bộ với John Deere Operations Center và tất cả các màn hình đã kết nối trong tổ chức. Những mục bị xóa khỏi màn hình sẽ được lưu trữ trong John Deere Operations Center, và những mục được lưu trữ trong John Deere Operations Center sẽ bị xóa khỏi màn hình.

**GHI CHÚ:** Nếu đã bật Thiết lập Đồng bộ dữ liệu, không thể xóa các mục dữ liệu sau đây khỏi màn hình:

- Thông tin CFF
  - Khách hàng
  - Trang trại
  - Lĩnh vực
- Rãnh dẫn hướng
  - Đường AB
    - A + B
    - A + Hướng hành trình
    - Tự động B
    - Vĩ độ/Kinh độ
    - Hướng hành trình theo vĩ độ/kinh độ
  - Đường cong AB
  - Vòng tròn
  - Dẫn động
  - Vĩ độ/Kinh độ
- Đường biên

- Đường biên
- Đất cuối ruộng
- Cờ
- Điểm
- Đường
- Khu vực
- Lỗi vào
- Sản phẩm
  - Cây trồng
  - Chủng loại
  - Hóa chất
  - Phân bón
  - Hỗn hợp pha trong bồn/hỗn hợp trộn khô
- Người vận hành

Để xóa một mục khỏi màn hiển thị, hãy tắt tùy chọn Thiết lập đồng bộ dữ liệu từ trung tâm vận hành.

Khi không có kết nối Internet, những thay đổi được thực hiện cục bộ sẽ được lưu ở màn hình và sẽ được đồng bộ khi có kết nối Internet.

### Đồng bộ dữ liệu – Dữ liệu công việc

**GHI CHÚ:** Trên trang Operations Center, chọn hộp kiểm Kích hoạt Đồng bộ hóa với Operations Center để gửi dữ liệu đến John Deere Operations Center sau mỗi 30 giây.

Dữ liệu được gửi đến John Deere Operations Center khi modem JDLINK có tín hiệu di động hoặc kết nối Internet hoặc bộ chuyển đổi USB không dây có kết nối Internet. Nếu không có kết nối mạng, dữ liệu công việc sẽ được lưu trên màn hình. Dữ liệu sẽ được gửi khi kết nối được khôi phục.

Dữ liệu công việc sẽ được tải lên Trình phân tích trường và tệp trong John Deere Operations Center.

### Khởi động dữ liệu công việc

Mặc dù dữ liệu công việc được tự động gửi đi từ màn hiển thị đến John Deere Operations Center sau mỗi 30 giây, bạn không thể xem tệp trong Operations Center cho đến khi xảy ra một trong những bộ kích hoạt này:

- Đã bắt đầu công việc mới hoặc khách hàng, trang trại hoặc cánh đồng đã thay đổi.
- Đã mất liên lạc di động hoặc quyền kết nối internet giữa màn hình và Trung tâm vận hành John Deere trong hơn 30 phút.
- Đã tắt khóa, sau đó đã mở lại khóa trong vòng 30 phút.
- Đã tắt khóa trong hơn 30 phút.

## Nhập dữ liệu



Nhập dữ liệu

PC20405—UN—30APR15

Chọn phương pháp nhập:

- Nhập từ ổ đĩa USB – Chọn thư mục trên ổ đĩa USB có chứa dữ liệu cần nhập.
- Nhập tệp đã nhận — Nhập tệp thiết lập và hình đại diện từ Trung tâm vận hành John Deere.

Để nhập các tệp tin từ John Deere Operations Center, phải có modem JDLink.

Sau khi nhập xong các tệp tin thiết lập và quy định vào màn hình, sử dụng Thiết lập công việc để sử dụng các tệp tin. Tham khảo các tệp tin trợ giúp trên John Deere Operations Center để biết cách tạo và gửi các tệp tin thiết lập đến màn hình G5.

### Khả năng tương thích

Có thể chuyển dữ liệu từ Màn hiển thị G5, Màn hiển thị Thế hệ 4, phần mềm máy tính tương thích khác hoặc John Deere Operations Center theo định dạng Hệ thống hiện tại. Phiên bản phần mềm từ 25.3 trở đi không thể nhập hoặc xuất tệp ở định dạng Hệ thống cũ trước đó.

- Các màn hiển thị của Hệ thống hiện tại (G5, G5e, G5Plus, 4600 V2, 4200 V2, 4640, 4240)
- Màn hiển thị của Hệ thống cũ (4600 V1, 4200 V1, 4100, 2630)

Trung tâm Vận hành John Deere không hỗ trợ khả năng xem, gửi hoặc nhận các trang vận hành. Nếu tệp tin thiết lập chỉ chứa các trang thông tin, tệp tin sẽ hiển thị là không hợp lệ trong Trung tâm vận hành John Deere. Nếu tệp tin thiết lập chứa các đường dẫn hướng hoặc đường biên cùng với các trang thông tin, tệp tin thiết lập sẽ tải chính xác mặc dù không thể xem được các trang vận hành.

Không thể nhập trực tiếp các tệp thiết lập từ màn hiển thị GreenStar 3 2630 vào màn hiển thị Thế hệ 4 hoặc G5 sau khi cập nhật phiên bản phần mềm lên 25.3. Để nhập tệp từ các thiết bị này, trước tiên chúng phải được tải lên Operations Center và phải tạo tệp thiết lập ở định dạng Thế hệ 4/G5.

**GHI CHÚ:** Với bản cập nhật phần mềm 25.3 hoặc mới hơn, màn hiển thị G5 không còn có thể xuất dữ liệu ở định dạng APEX. Tất cả hỗ trợ sản phẩm cho APEX đã kết thúc. Do đó, khách hàng sử dụng APEX không thể gửi dữ liệu đến Operations Center từ APEX nữa.

Các trường đã nhập phải bao gồm đường biên ngoài nếu đường biên trong đã được nhập. Không thể tạo hay nhập

đường biên trong vào màn hình nếu không tạo hay nhập đường biên ngoài trước đó.

**GHI CHÚ:** Để nhập thành công cấu hình dụng cụ hoàn chỉnh từ màn hiển thị khác, hãy đảm bảo rằng màn hiển thị nguồn đang hoạt động trên phần mềm 25.3 hoặc mới hơn.

### Xung đột dữ liệu

Khi cần, thay đổi khách hàng, trang trại và tên cánh đồng đã nhập. Ví dụ: "Cánh đồng 1" được đổi tên thành "Cánh đồng 1(1)" nếu hiện có một cánh đồng cùng tên.

Khi dữ liệu công việc được xuất từ trường có tên vượt quá 20 ký tự vào Trung tâm vận hành John Deere, tên sẽ hiển thị đúng. Khi nhập lại dữ liệu vào màn hình, tên trường sẽ được rút gọn. Mọi dữ liệu sẽ được nhận diện nếu thuộc trường được xuất từ màn hình lúc ban đầu.

Nếu đường dẫn hướng nằm trong cùng cánh đồng và được tạo theo cùng phương pháp tạo rãnh, màn hình sẽ xử lý các xung đột sau đây.

*Khác tên, giống đường*

- Nếu các đường giống nhau, tên đường hướng dẫn trên màn hình được thay bằng tên ổ đĩa USB.

*Giống tên, khác đường*

- Nếu hai đường khác nhau có cùng tên, đường trên USB sẽ đổi tên khi nhập. Ví dụ, "Rãnh1" được đổi tên thành "Rãnh1(1)".

**GHI CHÚ:** Tệp tin có thể không nhập được vì nhiều lý do. Giải quyết tình trạng lỗi do màn hình cung cấp cho bất kỳ tệp tin nào không nhập được. Tham khảo Trợ giúp trên màn hình để được hỗ trợ thêm với hoạt động nhập thất bại.

### Quy định

Để nhập công thức, các shapefile phải nằm trong thư mục có tên Rx trên ổ gốc của ổ đĩa USB.

### Xuất dữ liệu



Xuất dữ liệu

PC20406—UN—30APR15

**GHI CHÚ:** Khi xuất dữ liệu công việc bằng ổ đĩa USB, hãy sử dụng thiết bị khác cho từng màn hình. Dữ liệu công việc đã xuất không nằm trong bất cứ thư mục hồ sơ riêng lẻ nào. Dữ liệu thiết lập nằm trong thư mục JD4600 còn dữ liệu công việc nằm trong thư mục JD-Data trên ổ gốc của ổ đĩa USB.

Chọn phương thức xuất để truyền loại dữ liệu mong muốn.

- Chọn Xuất tất cả dữ liệu để truyền tất cả dữ liệu công việc, đường dẫn hướng và trang thông tin một cách nhanh chóng sử dụng cài đặt mặc định.
- Chọn Dữ liệu chẩn đoán để truyền ảnh chụp màn hình và tệp nhật ký lỗi.

### Xuất dữ liệu để sử dụng trên màn hiển thị Hệ thống cũ (4600V1, 4200V1, 4100, GreenStar 3 2630)

Dữ liệu thiết lập xuất từ màn hiển thị Hệ thống cũ 4 không được tự động cấu trúc cho màn hiển thị Hệ thống cũ sử dụng. Trước khi xuất dữ liệu màn hiển thị hệ thống cũ:

1. Xuất dữ liệu ra ổ USB hoặc truyền qua mạng tới John Deere Operations Center.
2. Sử dụng Trình tạo tệp thiết lập trong John Deere Operations Center, tạo tệp thiết lập trong loại tệp Hệ thống cũ và xuất tệp vào ổ USB.
3. Nhập tệp thiết lập Hệ thống cũ mới tạo từ ổ USB vào (các) màn hiển thị Hệ thống cũ mong muốn.

### Xóa dữ liệu



Xóa dữ liệu

PC20407—UN—30APR15

Xóa dữ liệu sẽ xóa loại dữ liệu đã chọn khỏi màn hình.

- Chọn Xóa tùy chỉnh để xóa dữ liệu công việc và trang vận hành.
- Chọn Xóa dữ liệu chẩn đoán để xóa ảnh chụp màn hình và tệp nhật ký lỗi.

ZIDXK1X,1749535410021-83-17FEB26

- Dùng ổ USB có dung lượng 16GB hoặc lớn hơn, để có thể lưu trữ nhiều bản sao lưu dự phòng.
- Xóa tất cả tập tin trong ổ đĩa USB không liên quan đến màn hiển thị John Deere.

Kiểm tra tab Phần cứng màn hình trong ứng dụng Trung tâm chẩn đoán để xác định xem màn hình có nhận ổ đĩa USB không.

ch177nn,1726043235254-83-05OCT25

### Chụp hình màn hình



PC28811—UN—20SEP22

#### A—Khu vực hình chụp màn hình

Chọn vùng được tô đậm ở góc trên cùng bên trái màn hình. Nhấn và giữ cho đến khi màn hình lóe sáng và màn hình phát ra âm thanh của màn trập máy ảnh.

Chèn ổ đĩa USB vào và chọn Xuất dữ liệu để chuyển các hình chụp màn hình vào ổ đĩa.

ct47125,1705260882121-83-14JAN24

### Ổ đĩa USB

**GHI CHÚ:** Các cổng USB trên màn hình G5 không nhằm mục đích sử dụng làm trạm sạc cho các thiết bị khác.

#### Yêu cầu cho màn hình của John Deere

- Định dạng USB - Phải là FAT32 hoặc NTFS.
- Dung lượng— Quy định tối thiểu 32—64 GB. Dung lượng hỗ trợ tối đa là 512 GB.
- Kết nối - USB 2.0 hoặc USB 3.0.
- Kích thước tối đa - Dày 9,2 mm (3/8 inch) và rộng 21,7 mm (7/8 inch).

#### Phương pháp thực hiện tốt nhất

- Sau khi cắm ổ USB, chờ 10 giây. Ổ USB lớn có thể mất nhiều thời gian nhận dạng hơn.

# Vận hành—Trình quản lý phần mềm

## Trình quản lý phần mềm



Trình quản lý phần mềm

PC28693—UN—25AUG22

Sử dụng trình quản lý phần mềm để cập nhật phần mềm, kích hoạt các tính năng, và tìm các chi tiết của phiên bản phần mềm.

### Điều hướng đến Trình quản lý phần mềm

1. Chọn Menu.
2. Chọn tab Hệ thống.
3. Chọn ứng dụng Trình quản lý phần mềm.

### Các gói phần mềm

Phần mềm màn hình G5 và các tệp trợ giúp được sắp xếp trong các gói. Mỗi gói được liệt kê riêng trên thẻ Cài đặt và Cập nhật và tab Thông tin phiên bản.

#### Hệ điều hành G5



Hệ điều hành G5

PC28694—UN—25AUG22

- Bao gồm hệ thống vận hành màn hình và các ứng dụng cơ bản.

#### Trợ giúp về Hệ điều hành G5



Trợ giúp về Hệ điều hành G5

PC28695—UN—25AUG22

- Bao gồm các tệp tin trợ giúp cho các ứng dụng màn hình.

#### Ứng dụng AMS



Ứng dụng AMS

PC28808—UN—20SEP22

- Bao gồm phần mềm màn hình.

**GHI CHÚ:** Các gói Trợ giúp trên màn hình có từng ngôn ngữ được màn hiển thị hỗ trợ.

### Giấy phép

Giấy phép cho phép các tính năng nâng cao trên màn hình. Tính năng và sản phẩm trong phạm vi giấy phép tùy thuộc vào loại giấy phép được mua.

Có thể chuyển giấy phép giữa các màn hiển thị đa năng hoặc giữa các màn hiển thị CommandCenter trên các loại máy tương tự.

**GHI CHÚ:** Giấy phép có sẵn có thể khác với ở khu vực của bạn. Liên hệ với đại lý của John Deere để biết chi tiết.



Nút Chi tiết

PC28697—UN—25AUG22

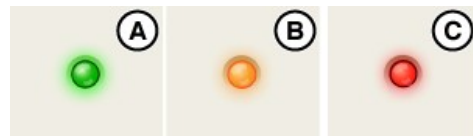
StellarSupport.com yêu cầu số sê-ri màn hình để tạo giấy phép. Giấy phép CommandCenter cũng yêu cầu mã PIN của máy. Chọn nút chi tiết để xem số sê-ri màn hình và mã PIN máy.

### Trạng thái giấy phép

Điều hướng đến Trình quản lý phần mềm để xem thông tin giấy phép:

1. Chọn Menu.
2. Chọn tab Hệ thống.
3. Chọn Trình quản lý Phần mềm.
4. Chọn tab Giấy phép.
5. Chọn một giấy phép từ danh sách.
6. Chọn Chi tiết để xem thông tin chi tiết của giấy phép đã chọn. Thông tin chi tiết có sẵn được xác định theo loại giấy phép.

Giấy phép có thể có các trạng thái sau đây:



Trạng thái giấy phép

PC649528—UN—09OCT24

**Đang hoạt động (A):** Giấy phép đang hoạt động.

**Có vấn đề (B):** Ngụ ý rằng có vấn đề với số sê-ri, phân phối giấy phép, v.v.

**Đang chờ đến ngày bắt đầu (B):** Chưa đến ngày kích hoạt giấy phép.

**Đã hết hạn (C):** Giấy phép đã hết hạn.

ct47125,1705261192994-83-09OCT24

## Cập nhật phần mềm màn hình và bộ điều khiển

Các bản cập nhật phần mềm được phát hành định kỳ cho Màn hình G5 để cung cấp các cải tiến và nâng cao hiệu suất. Những cập nhật này được quản lý bởi một ứng dụng có tên Trình quản lý phần mềm.

Cập nhật phần mềm dành cho các thành phần của hệ thống GreenStar, chẳng hạn như Máy thu StarFire, Bộ điều khiển tốc độ đa năng AutoTrac và GreenStar, cũng được tải xuống qua ứng dụng Trình quản lý phần mềm. Các tệp cập nhật được sao chép vào ổ USB cùng với các bản cập nhật màn hình. Nếu thành phần được kết nối với máy, chúng có thể được cập nhật qua màn hình khi cắm ổ USB vào.

### Xác định Phiên bản phần mềm trên Màn hình

Các số phiên bản cho tất cả gói phần mềm được cài đặt có sẵn trong thẻ Thông tin phiên bản trong Trình quản lý phần mềm.

### Tải xuống bản cập nhật phần mềm



Ổ đĩa USB

PC15348—UN—11JUL13

Khuyến nghị sử dụng ổ đĩa USB có định dạng FAT32 hoặc NTFS với dung lượng ít nhất 16 GB. Để biết thêm thông tin về yêu cầu đối với ổ USB, hãy xem mục Ổ USB trong phần Trình quản lý tệp.

Bản cập nhật phần mềm có sẵn để tải xuống từ:

<https://my.deere.com/software-downloads/software-manager/>

Khi ổ đĩa USB đã có phần mềm mới nhất, hãy đưa vào máy để cài đặt cập nhật.

### Cài đặt Cập nhật phần mềm

#### Ổ đĩa USB

1. Cắm ổ USB vào cổng USB phía trên sát cổng phụ kiện.



A

A—Nút Cài đặt phần mềm

PC23932—UN—21MAR17

2. Khi trang "Tùy chọn ổ USB" hiển thị, chọn Cài đặt phần mềm (A). Màn hình này hiển thị tab Cài đặt & Cập nhật của Trình quản lý phần mềm.
3. Chọn "Xem các bản cập nhật cho màn hình hiển thị" hoặc "Xem các bản cập nhật cho các thiết bị khác", sau đó nhấn nút Tiếp theo.
4. Chỉ hiển thị các gói phần mềm mới hơn gói đang được cài đặt. Tất cả gói phần mềm màn hình được chọn theo mặc định.
5. Chọn nút Cài đặt. Nếu cập nhật không được bắt đầu, hãy thực hiện theo các thông báo trên màn hình để giải quyết các xung đột.

**⚠ LƯU Ý: Tránh nguy cơ gây thương tích. Đảm bảo rằng máy đang ở chế độ đỗ và duy trì nguồn điện trong suốt quá trình cài đặt. Trong khi cài đặt phần mềm:**

**Tất cả ứng dụng sẽ tắt.**

**Không hiển thị thông báo hệ thống nào.**

**Không tháo ổ đĩa USB.**



A



B

PC28696—UN—25AUG22

**A—Chỉ báo tiến độ**

**B—Dấu kiểm màu xanh lá**

6. Chỉ báo tiến trình (A) sẽ hiển thị phần trăm đang cài đặt của mỗi gói. Một dấu kiểm màu xanh (B) sẽ hiển thị khi gói cài đặt thành công.
7. Màn hình sẽ khởi động lại khi cập nhật hoàn tất.
8. Tháo ổ USB và gắn trở lại máy tính. Chạy Tiện ích trình quản lý phần mềm để tải lên các tệp tin phản hồi.

**GHI CHÚ:** Tập tin phản hồi chứa thông tin phiên bản phần mềm và được sử dụng để hỗ trợ đại lý với máy và màn hình hỗ trợ.

### Cập nhật trực tuyến

1. Trên tab Cài đặt và Cập nhật, chọn Kiểm tra cập nhật trực tuyến. Màn hình sẽ tìm kiếm các bản cập nhật sẵn có.
2. Chọn "Xem các bản cập nhật cho màn hình hiển thị" hoặc "Xem các bản cập nhật cho các thiết bị khác", sau đó nhấn nút Tiếp theo.
3. Chỉ hiển thị các gói phần mềm mới hơn gói đang được cài đặt. Tất cả các gói đều được chọn theo mặc định.
4. Chọn nút Tải xuống. Nếu cập nhật không được bắt

đầu, hãy thực hiện theo các thông báo trên màn hình để giải quyết các xung đột.

5. Đèn báo tiến độ (A) sẽ hiển thị phần trăm của mỗi gói đang được tải xuống. Một dấu kiểm màu xanh (B) sẽ hiển thị khi gói tải xuống thành công.
6. Chọn nút Cài đặt để bắt đầu cài đặt gói phần mềm được tải xuống.

**⚠ LƯU Ý: Tránh nguy cơ gây thương tích. Đảm bảo rằng máy đang ở chế độ đỗ và duy trì nguồn điện trong suốt quá trình cài đặt. Trong khi cài đặt phần mềm:**

**Tất cả ứng dụng sẽ tắt.**

**Không hiển thị thông báo hệ thống nào.**

7. Màn hiển thị sẽ khởi động lại khi cập nhật hoàn tất.

#### **Cập nhật từ xa bằng Equipment Mobile**

1. Đăng nhập vào Equipment Mobile và kiểm tra xem có bất kỳ bản cập nhật phần mềm nào đang chờ không.
2. Chọn bản cập nhật phần mềm và chọn Yêu cầu cập nhật từ xa.
3. BẬT nguồn máy.
4. Phần mềm sẽ được tự động tải xuống màn hiển thị. Chọn Cài đặt khi yêu cầu cài đặt xuất hiện trên màn hiển thị.
5. Màn hiển thị sẽ khởi động lại.
6. Màn hiển thị sẽ hiển thị Lập trình hoàn tất sau khi cài đặt thành công.

#### **Lập trình qua phát trực tuyến không dây**

**GHI CHÚ:** Để lập trình thông qua phát trực tuyến không dây, máy tính phải ở gần máy.

Lập trình thông qua phát trực tuyến không dây có sẵn thông qua Service Center hoặc John Deere Operations Center.

1. BẬT công tắc đánh lửa của máy và giữ BẬT trong suốt quy trình cập nhật phần mềm.
2. Trên màn hiển thị của máy, chọn Menu.
3. Chọn tab Hệ thống.
4. Chọn Cài đặt không dây.
5. BẬT Di động đến Máy.
6. Trên máy tính, đăng nhập vào Service Center hoặc John Deere Operations Center và kiểm tra xem có bản cập nhật phần mềm đang chờ nào hay không.
7. Tải về bản cập nhật phần mềm trên máy tính.
8. Sau khi tải xuống các bản cập nhật, kết nối máy tính với mạng không dây của Modem JDLINK của máy.

9. Trên trang cập nhật phần mềm, chọn Bắt đầu cài đặt.
10. Khi có thông báo yêu cầu Kết nối với Wi-Fi MTG của máy, đọc hướng dẫn trên màn hình và chọn Kết nối.
11. Trên trang Cập nhật phần mềm Trung tâm dịch vụ, chọn Chọn (các) tệp và chọn gói cập nhật được tải xuống. Chọn Mở.
12. Chọn Bắt đầu tải lên để chuyển phần mềm đã tải xuống sang màn hiển thị.
13. Sau khi hoàn tất chuyển phần mềm, chọn Bắt đầu lập trình.
14. Cửa sổ Cài đặt và Cập nhật sẽ mở trên màn hiển thị của máy, nêu rõ trạng thái cài đặt.
15. Sau khi lập trình thành công, chọn Tải xuống tệp trả về trên trang Cập nhật phần mềm Trung tâm dịch vụ.
16. Chọn Tải lên tệp trả về và tải lên tệp đã tải xuống để hoàn tất quy trình cập nhật phần mềm.

#### **Lập trình từ xa qua phát trực tuyến không dây**

1. BẬT công tắc đánh lửa của máy và giữ BẬT trong suốt quy trình cập nhật phần mềm.

**GHI CHÚ:** Đảm bảo thiết lập kết nối JDLINK ổn định trước khi tiến hành Lập trình từ xa.

**GHI CHÚ:** Thiết bị di động cũng hỗ trợ Lập trình từ xa.

2. Trên máy tính, đăng nhập vào Service Center hoặc John Deere Operations Center, sau đó nhập PIN của máy vào thanh Tra cứu máy.
3. Chọn máy mong muốn từ menu thả xuống Tra cứu máy.
4. Trong phần Lập trình phần mềm, kiểm tra xem có bất kỳ bản cập nhật phần mềm mới nào không.
5. Chọn cài đặt và phần mềm sẽ tải xuống và cài đặt trên màn hiển thị.
6. Trên màn hiển thị của máy, chọn Cài đặt phần mềm trong thông báo yêu cầu Cập nhật phần mềm từ xa ISOBUS VT.
7. Tải xuống phần mềm sẽ bắt đầu trên màn hiển thị.
8. Chọn Cài đặt sau khi tải xuống hoàn tất.
9. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình và chọn Tiếp tục để tiếp hành cài đặt.
10. Cài đặt phần mềm sẽ bắt đầu trên màn hiển thị. Sau khi hoàn tất cài đặt, kiểm tra để đảm bảo màn hiển thị có phiên bản phần mềm mới nhất.

#### **Xử lý sự cố**

Nếu cập nhật không thành công, màn hiển thị sẽ vẫn ở phiên bản hiện tại.

Ghi lại thông báo lỗi nếu cập nhật phần mềm bị lỗi. Gỡ

tập tin khỏi ổ USB, sau đó tải lại cập nhật phần mềm vào ổ USB. Lặp lại quá trình cài đặt phần mềm.

Nếu cập nhật phần mềm vẫn bị lỗi, hãy liên hệ đại lý John Deere.

### Tối ưu hóa dung lượng ổ USB để cập nhật phần mềm màn hiển thị

Thực hiện quy trình sau để tối ưu hóa dung lượng ổ USB:

1. Kết nối ổ USB với máy tính.
2. Chọn My Computer (E).
3. Chọn ổ đĩa Local disk C.
4. Chọn sds.

**GHI CHÚ:** Đối với thư mục JDSync, chọn thư mục Dữ liệu ứng dụng\Chuyển vùng.

5. Chọn DisplayDependencies.
6. Xóa bỏ tất cả nội dung bên trong thư mục RpmCache.
7. Định dạng ổ USB theo định dạng FAT32.
8. Tải xuống các tệp cập nhật màn hiển thị thông qua Trình quản lý phần mềm và chuyển chúng sang ổ USB.

ch177nn,1737540664268-83-09FEB26



Kích hoạt trực tuyến

PC28699—UN—25AUG22

Kích hoạt trực tuyến sử dụng kết nối không dây để xem hoặc kiểm tra các đăng ký hiện có. Màn hình sẽ tự động kiểm tra kích hoạt hoặc đăng ký khi được bật nguồn. Đi tới StellarSupport.com để mua gói đăng ký.

ct47125,1705261392595-83-14JAN24

### Kích hoạt phần cứng và phần mềm không phải màn hình

Để kích hoạt phần cứng và phần mềm không phải màn hình, chọn nút chi tiết để nhập mã kích hoạt. Mã đơn có thể bao gồm nhiều tính năng, nhưng chỉ có thể thực hiện được một loại hành động (kích hoạt hoặc hủy kích hoạt). Ví dụ, một mã có thể kích hoạt được ba tính năng, trong khi phải cần một mã riêng biệt để hủy kích hoạt hai tính năng.

#### Nhập mã kích hoạt hoặc hủy mã kích hoạt



Nút Nhập mã

PC28698—UN—25AUG22

1. Chọn nút Nhập mã.
2. Sử dụng bàn phím, nhập mã kích hoạt hoặc hủy kích hoạt. Chọn nút OK.
3. Ghi lại mã xác nhận và nhập mã tại StellarSupport.com.

#### Kích hoạt trực tuyến

# Vận hành—ISOBUS VT

## ISOBUS VT



ISOBUS VT

PC28796—UN—29AUG22

đun được cung cấp sẽ phụ thuộc vào nhà sản xuất bộ điều khiển. Màn hiển thị có khả năng hiển thị ISOBUS VT phiên bản 4.

ct47125,1705261509130-83-14JAN24

Màn hình John Deere này hỗ trợ bộ điều khiển tương thích ISOBUS của Hiệp hội Thiết bị điện tử Nông nghiệp (AEF) theo chuẩn ISO 11783. Có thể xem và vận hành những bộ điều khiển này trong Thiết bị đầu cuối ảo (VT) ISOBUS. Nếu màn hình mở rộng được kết nối, có thể xem và vận hành VT thứ hai.

Khi bộ điều khiển ISOBUS được kết nối, tệp đồ họa cho giao diện người dùng được tải vào ISOBUS VT. Sau đó, ISOBUS VT cung cấp phương tiện cho người vận hành điều hướng và vận hành tất cả chức năng sẵn có của bộ điều khiển ISOBUS.

### Điều hướng đến ISOBUS VT

1. Chọn Trình đơn.
2. Chọn tab Ứng dụng.
3. Chọn ứng dụng ISOBUS VT.

### Dụng cụ và Bộ điều khiển ISOBUS đã kết nối

Màn hình G5 tải và liên lạc với các bộ điều khiển ISOBUS khác nhau cùng lúc. Danh sách tất cả các bộ điều khiển ISOBUS đã kết nối sẽ hiển thị sau khi chọn nút trình đơn.

Chọn bộ điều khiển ISOBUS mong muốn và nhấn nút OK để xem giao diện người dùng.

### Xử lý sự cố

Nếu giao diện cho bộ điều khiển ISOBUS không hiển thị đúng:

- Xem bộ điều khiển ISOBUS trong Trung tâm trạng thái và làm theo các bước xử lý sự cố cho trạng thái được chỉ định. Để biết thêm thông tin, xem bộ điều khiển ISOBUS trong ứng dụng Trung tâm chẩn đoán.

Nếu giao diện không hiển thị đúng:

1. Chọn cài đặt ở trên cùng ứng dụng ISOBUS VT.
2. Chọn Dọn dẹp ISOBUS VT trong cài đặt nâng cao để xóa các tệp giao diện người dùng bộ điều khiển ISOBUS đã lưu trữ.

Giao diện người dùng sẽ được tải lại vào lần tiếp theo khi bộ điều khiển được kết nối.

### Mô-đun trang thông tin

Có thể thêm mô-đun ISOBUS VT vào trang thông tin qua ứng dụng Trình quản lý Giao diện.

Các mô-đun được tải từ bộ điều khiển dụng cụ và chỉ hoạt động khi bộ điều khiển được kết nối. Các loại mô

# Vận hành—Bộ thu StarFire

## Bộ thu GPS StarFire



PC28798—UN—29AUG22

Bộ thu StarFire GPS thu được các tín hiệu định vị toàn cầu và hiệu chỉnh vị sai qua bộ thu đơn.

**GHI CHÚ:** TCM trong bộ thu tích hợp StarFire 7000/7500 được hiệu chuẩn tại nhà máy. Nếu cần phải hiệu chuẩn tại hiện trường, hãy tham khảo mục Xử lý sự cố trong Hướng dẫn vận hành của bộ thu StarFire 7000/7500.

Một Mô-đun bù địa hình (TCM) được tích hợp trong bộ thu và hiệu chỉnh động lực của máy, như lắc và giật trên đường dốc, địa hình gồ ghề hoặc điều kiện đất đai không ổn định. Hiệu chuẩn TCM chính xác rất cần thiết để vận hành đúng.

Xem Hướng dẫn vận hành bộ thu StarFire để biết các hướng dẫn về cài đặt và hiệu chuẩn.

### Hiệu chuẩn TCM nâng cao

TCM phải được hiệu chuẩn khi lần đầu lắp bộ thu trên máy hoặc di chuyển sang máy khác. Hiệu chuẩn TCM nâng cao khởi tạo một vết bánh theo đường dẫn AutoTrac tạm thời để máy lái khi TCM bộ thu thực hiện hiệu chuẩn. Hiệu chuẩn TCM nâng cao có thể hiệu chuẩn TCM của nhiều bộ thu cùng lúc, chính xác hơn quy trình hiệu chuẩn cũ và không cần đặt máy trên mặt bằng.

Tham khảo Trợ giúp trên màn hình để xem hướng dẫn về cách thực hiện quy trình Hiệu chỉnh TCM nâng cao.

### Yêu cầu

- Model bộ thu là StarFire 6000 hoặc mới hơn.
- Phiên bản phần mềm bộ thu là 4.40N (gói phần mềm 20-2) hoặc mới hơn.
- Màn hình là CommandCenter G5 hoặc màn hình đa năng G5.
- Màn hình có giấy phép hợp lệ cho AutoTrac.

### Điều hướng đến Bộ thu StarFire GPS

1. Chọn Menu.
2. Chọn tab Ứng dụng.
3. Chọn ứng dụng StarFire.

ch177nn,1726041999920-83-11SEP24

## Cập nhật phần mềm từ xa StarFire

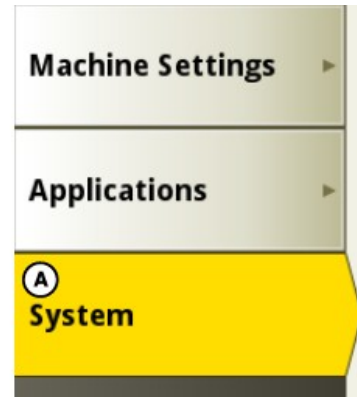
1. Chọn Trình đơn.



Trình đơn

PC28688—UN—25AUG22

2. Chọn tab Hệ thống (A).



Tab Hệ thống

PC28821—UN—21SEP22

### A—Tab Hệ thống

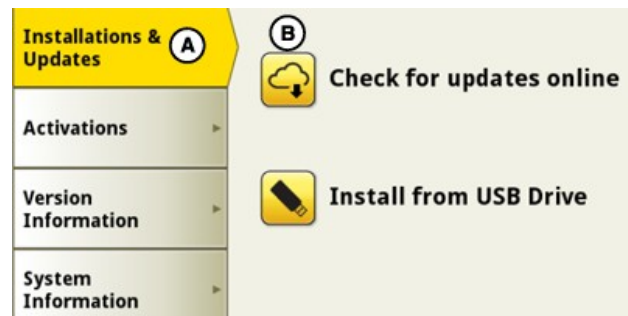
3. Chọn Trình quản lý Phần mềm.



Trình quản lý phần mềm

PC28693—UN—25AUG22

4. Trong tab Cài đặt & Cập nhật (A), chọn Kiểm tra cập nhật trực tuyến (B).



Nút Kiểm tra cập nhật trực tuyến

PC28822—UN—21SEP22

### A—Tab Cài đặt & Cập nhật

### B—Nút Kiểm tra cập nhật trực tuyến

5. Chọn Xem bản cập nhật cho các thiết bị khác (A) sau đó nhấn Tiếp theo (B).



PC28823—UN—08MAY23

Nút Xem bản cập nhật cho các thiết bị khác

**A—Nút Xem bản cập nhật cho các thiết bị khác**

**B—Nút Tiếp**

6. Chọn phần mềm cần tải xuống và nhấn Cài đặt.



PC28824—UN—08MAY23

Phím mềm Cài đặt

ct47125,1705261680407-83-14JAN24

---

# Vận hành—Dẫn hướng AutoTrac

## AutoTrac



Dẫn hướng

PC28717—UN—25AUG22

AutoTrac là một hệ thống lái hỗ trợ, cho phép người vận hành không cần dùng tay để vận hành vô lăng khi máy di chuyển vào đường hướng dẫn đã tạo trên cánh đồng. Người vận hành vẫn phải điều khiển để máy quay lại khi đến cuối luống. Bằng cách nhấn vào nút khôi phục, AutoTrac kiểm soát trở lại và lái máy sang làn đường kế tiếp.

## Thông tin chung

**QUAN TRỌNG:** Hệ thống AutoTrac dựa vào hệ thống định vị toàn cầu (GPS) do chính phủ Hoa Kỳ điều khiển, cơ quan duy nhất chịu trách nhiệm về tính chính xác và ổn định hệ thống này. Hệ thống có thể có những thay đổi gây ảnh hưởng đến tính chính xác và ổn định của các thiết bị GPS.

Người vận hành phải luôn chịu trách nhiệm về máy và phải điều khiển máy quay lại mỗi khi đến cuối lộ trình. Hệ thống này không điều khiển máy quay lại khi đến cuối lộ trình.

Mục đích của hệ thống cơ bản AutoTrac là để dùng làm công cụ hỗ trợ đối với những đánh dấu cơ học. Người vận hành phải đánh giá độ chính xác tổng quát của hệ thống để xác định hoạt động cụ thể nào tại cánh đồng cần sử dụng lái có hỗ trợ. Đánh giá này là cần thiết vì tính chính xác của hoạt động trên cánh đồng có thể khác nhau tùy theo hoạt động của trang trại. AutoTrac sử dụng hệ thống mạng hiệu chỉnh vi sai StarFire và GPS. Có thể xảy ra xê dịch nhỏ về vị trí qua thời gian.

**GHI CHÚ:** Tính lặp lại trong mùa và sử dụng cùng một tín hiệu hiệu chỉnh rất quan trọng khi sử dụng AutoTrac cho nhiều công việc trong suốt mùa vụ. Điều này bao gồm việc tạo các đường dẫn hướng AutoTrac trong quá trình trồng cây và sau đó dựa vào các đường đó cho các công việc tiếp theo như bón phân bên, phun sau khi cây mọc và thu hoạch. Duy trì cùng một tín hiệu hiệu chỉnh đảm bảo độ chính xác cần chỉnh trên tất cả các hoạt động, giảm thiểu chổng chéo và bỏ qua, đồng thời tối đa hóa hiệu quả.

## Reichhardt GREEN FIT

GREEN FIT có khả năng vận hành AutoTrac ở tốc độ thấp. Trước khi kích hoạt khả năng vận hành tốc độ thấp,

máy phải lái được hơn 100 m (330 ft) ở tốc độ trên 0,5 km/giờ (0,3 dặm/giờ) ở trạng thái AutoTrac đã tắt.

GREEN FIT hiện tương thích với các tính năng sau ngoài AutoTrac:

- 1.AutoPath
- 2.ATIG (thụ động)
- 3.ATIG (chủ động)
- 4.Thiết bị dẫn Đồng bộ máy
- 5.Tài liệu thu hoạch

**GHI CHÚ:** Tham khảo Hướng dẫn người vận hành Reichardt GREEN Fit cho các máy sử dụng hệ thống dẫn hướng GREEN Fit để biết thêm thông tin.

## Tổng quan về Dẫn hướng AutoTrac



PC665155—UN—19MAY25

Trang chính về Dẫn hướng AutoTrac

- A—AutoTrac
- B—Hệ thống lái
- C—Bản nhạc kế tiếp
- D—Thanh ánh sáng
- E—Điều khiển bản đồ
- F—Dẫn hướng
- G—Rãnh xê dịch

**AutoTrac (A)**—Chứa công tắc BẬT/TẮT AutoTrac và hiển thị giai đoạn AutoTrac hiện tại. Chọn giai đoạn AutoTrac sẽ mở trang chẩn đoán AutoTrac.

**Steering (B)**—Hiển thị Độ nhạy lái là số ở trên và Nhận độ nhạy là số ở dưới. Việc chọn Lái sẽ mở trang Tối ưu hóa lái.

**Next Track (C)**—Xác định rãnh dẫn hướng tiếp theo mà AutoTrac sẽ được đặt để thu nhận và chứa Hoán đổi. Chọn Hoán đổi để thay đổi rãnh tiếp theo thành rãnh có sẵn tiếp theo trong danh sách rãnh dẫn hướng. Chọn rãnh sẽ mở ra trang Danh sách rãnh dẫn hướng.

**Lightbar (D)**—Biểu thị khoảng cách máy lệch khỏi rãnh dẫn hướng sang bên trái hoặc phải.

**Map Controls (E)**—Chứa các chức năng bật/tắt chế độ

xem, quét lướt, hướng hành trình, thu nhỏ và phóng to.

**Guidance (F)**—Hiện thị khoảng cách hai rãnh và rãnh hiện tại. Chọn Thiết lập rãnh sẽ mở Danh sách rãnh dẫn hướng. Chọn khoảng cách hai rãnh sẽ mở trang Khoảng cách hai rãnh.

**Shift Track (G)**—Điều chỉnh vị trí bộ rãnh sang trái, vào giữa hoặc sang phải máy. Chọn Xê dịch tăng dần sẽ mở ra trang Xê dịch tăng dần.

ZIDXX1X,1749535965479-83-18SEP25

## Vận hành hệ thống điều khiển an toàn

Không sử dụng hệ thống điều khiển trên đường lưu thông. Luôn tắt hệ thống điều khiển trước khi vào đường lưu thông. Không cố bật (gài) hệ thống điều khiển khi đang di chuyển trên đường lưu thông.

Mục đích của hệ thống điều khiển là nhằm giúp người vận hành thực hiện các hoạt động của các trường hợp sử dụng liên quan hiệu quả hơn. Người vận hành luôn chịu trách nhiệm về tuyến đường và việc vận hành máy an toàn. Hệ thống dẫn hướng không tự động phát hiện hoặc ngăn ngừa va chạm với chướng ngại vật, máy móc hoặc các phương tiện khác.

Hệ thống hướng dẫn bao gồm mọi ứng dụng tự động hóa lái máy. Hệ thống này bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn ở AutoTrac, ITEC, Tự động rẽ AutoTrac, Dẫn hướng dụng cụ AutoTrac (thụ động), AutoTrac Đa năng, Bộ điều khiển AutoTrac, AutoTrac RowSense và Đồng bộ máy.

Để tránh gây thương tích cho người vận hành và những người xung quanh:

- Không được lên hoặc xuống khi máy đang di chuyển.
- Kiểm tra đảm bảo rằng máy, dụng cụ và hệ thống dẫn hướng đã được thiết lập đúng.
  - Nếu dùng ITEC, Tự động rẽ AutoTrac hoặc Dẫn hướng dụng cụ AutoTrac (thụ động), xác minh rằng đường bao chính xác đã được xác định.
  - Nếu dùng Đồng bộ máy, hãy xác minh rằng vị trí ban đầu của vật được kéo sẽ được hiệu chuẩn theo khoảng cách thích hợp giữa các máy.
- Cẩn thận và chú ý đến môi trường xung quanh.
- Khi cần, phải điều khiển vô lăng để tránh các rủi ro trên cánh đồng, người xung quanh, thiết bị hoặc các vật cản khác.
- Dừng vận hành nếu tầm nhìn bị cản trở làm giảm khả năng vận hành máy hoặc nhận dạng người xung quanh hay các vật cản trên đường máy chạy.
- Lưu ý đến điều kiện làm việc trên đồng, tầm nhìn và cấu hình máy khi chọn tốc độ máy.

ch177nn,1660716404585-83-23MAY24

## Phương thức dẫn hướng AutoTrac

AutoTrac có nhiều phương thức dẫn hướng khác nhau để phù hợp với các loại cánh đồng và hoạt động vận hành khác nhau. Từ trang chính AutoTrac, chọn Thiết lập rãnh để mở Danh sách rãnh dẫn hướng, sau đó chọn Rãnh mới để truy cập trang Chọn phương thức dẫn hướng.

Để biết các quy trình về cách tạo từng loại đường dẫn hướng, hãy tham khảo Trợ giúp trên màn hình.

Có các phương thức dẫn hướng sau đây:

- Phương thức Rãnh thẳng
  - Phương thức A + B
  - Phương thức A + Hướng hành trình
  - Phương thức Tự động B
  - Phương thức vĩ độ/kinh độ
  - Phương thức vĩ độ/kinh độ + Hướng hành trình
  - Đường vào: A + B
  - Đường vào: A + Hướng hành trình
  - Đường vào: Vĩ độ/Kinh độ + Hướng hành trình
- Phương thức Rãnh đường cong
  - Đường cong thích ứng
  - Đường cong AB
- Phương thức Rãnh tròn
  - Chu trình lái
  - Vòng vĩ độ/kinh độ
- Phương thức Rãnh đường biên
  - Lấy đầy đường biên

### Phương thức Rãnh thẳng



Rãnh thẳng

PC28721—UN—25AUG22

Chế độ rãnh thẳng giúp người vận hành lái trên các đường thẳng song song bằng cách dùng màn hình và âm thanh để cảnh báo người vận hành khi máy bị lệch rãnh.

Rãnh thẳng cho phép người vận hành tạo rãnh thẳng ban đầu cho cánh đồng bằng cách dùng các tùy chọn khác nhau của rãnh 0. Một khi đã xác định được rãnh 0 (hành trình tham chiếu), tất cả hành trình trên cánh đồng sẽ được tạo ra. Mỗi hành trình này đều giống với hành trình đã lái ban đầu để đảm bảo không xảy ra lỗi lái hàng loạt trên toàn bộ cánh đồng. Có thể dùng các hành trình được tạo để vận hành Tìm rãnh song song hoặc AutoTrac.

Phương pháp xác định rãnh 0:

- A + B – Xác định rãnh 0 bằng cách dùng máy lái rãnh.

- A + B Tự động – Xác định rãnh 0 bằng cách dùng máy lái rãnh.
- A + Hướng lái – Xác định rãnh 0 bằng cách lái máy đến điểm A và nhập vào giá trị hướng lái đã định trước.
- Vĩ độ/Kinh độ – Xác định rãnh 0 bằng cách nhập vào các giá trị vĩ độ và kinh độ cho điểm A và B.
- Vĩ độ/Kinh độ + Hướng hành trình – Xác định rãnh 0 bằng cách nhập vào các giá trị vĩ độ và kinh độ đã định trước cho điểm A và nhập giá trị hướng hành trình đã định trước.
- Đường máy vào điểm A + B – Xác định rãnh 0 bằng cách dùng máy lái rãnh.
- Đường máy vào điểm A + Hướng lái – Xác định rãnh 0 bằng cách lái máy đến điểm A và nhập vào giá trị hướng lái đã định trước.
- Vĩ độ/Kinh độ đường máy vào + Hướng hành trình – Xác định rãnh 0 bằng cách nhập các giá trị vĩ độ và kinh độ đã định trước cho điểm A và nhập giá trị hướng hành trình đã định trước.

**GHI CHÚ:** Có thể xác định Rãnh 0 khi đang vận hành (ví dụ như khi đang trồng cây), nhưng sẽ có một số nút không dùng được khi đang tạo đường dẫn hướng.

### Đường vào

Đường vào của máy là phương pháp tạo rãnh đường thẳng được sử dụng để thêm các con đường trên cánh đồng giữa các lối cây trồng.

### Hướng hành trình

**GHI CHÚ:** Chỉ có thể sửa hướng hành trình rãnh khi sử dụng các rãnh thẳng được tạo bằng các phương thức A + Hướng hành trình hoặc phương thức Vĩ độ/Kinh độ + Hướng hành trình.

Thông tin hướng hành trình mới sẽ được lưu trữ vào rãnh hiện tại mỗi lần giá trị này thay đổi. Nếu dữ liệu được xuất đến John Deere Operations Center sau khi thay đổi hướng hành trình, rãnh sửa đổi sẽ thay thế rãnh hiện tại được lưu trữ trong Operations Center.

### Phương thức tính toán đường dẫn hướng

Tính toán đường dẫn hướng mặc định sẽ theo phương pháp của John Deere. Các phương thức tính toán đường dẫn hướng khác bao gồm:

- Không có John Deere 1 – sử dụng phương thức tính toán BeeLine.
- Không phải của John Deere 2 – sử dụng phương pháp tính toán Trimble.

**GHI CHÚ:** Có thể chuyển dây dẫn hướng đến người dùng khác qua tính năng Chia sẻ dữ liệu tại chỗ hoặc qua các tệp thiết lập sử dụng ổ USB hoặc Truyền dữ liệu không dây.

Dùng Trợ giúp trên màn hình trong Trung tâm trợ giúp để biết thêm thông tin về việc tạo rãnh thẳng.

### Rãnh trùng lặp

Rãnh trùng lặp sẽ tạo nên một bản sao của rãnh dẫn hướng đang hoạt động.

Tên rãnh trùng lặp mới mặc định sẽ là tên của rãnh gốc cộng với ký tự (1). Chọn ô nhập tên rãnh để chỉnh sửa tên rãnh. Rãnh mới có thể được căn giữa trên máy hoặc xê dịch sang trái hoặc phải.

Nếu rãnh ban đầu được tạo bằng phương thức A + Hướng hành trình hoặc phương thức Vĩ độ/Kinh độ + Hướng hành trình, có thể sửa đổi hướng hành trình của rãnh mới bằng cách chọn ô nhập Hướng hành trình.

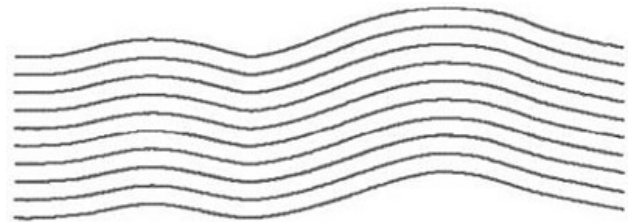
### Phương thức Rãnh đường cong

#### Đường cong AB



Đường cong AB

PC28723—UN—25AUG22



PC9028—UN—16APR06

Đường cong AB cho phép người vận hành lái một đường cong trên cánh đồng với hai điểm đầu cuối (bắt đầu và kết thúc). Các hành trình song song ở một trong hai hướng được tạo ra dựa trên rãnh lái ban đầu. Mỗi hành trình được tạo từ hành trình được lái ban đầu để đảm bảo các lối lái không lan khắp cánh đồng. Các hành trình không phải là các bản sao giống nhau của hành trình ban đầu. Độ cong của hành trình sẽ thay đổi để giảm tối thiểu sai số giữa các hành trình.

**GHI CHÚ:** Xem Thiết lập lộ trình đường cong để biết thêm thông tin điều chỉnh hệ thống sao cho có hiệu quả tối ưu nhất.

Đường cong AB được ghi lại ban đầu phải có chiều dài tối thiểu 3 m (10 ft) để có thể là Đường cong AB hợp lệ.

Khi Đường cong AB (rãnh 0) được ghi lại, sẽ có thêm mười rãnh được tạo (mỗi bên rãnh 0 có năm hành trình). Khi lái máy qua rãnh thứ năm tính từ rãnh 0, sẽ có thêm mười rãnh được tạo theo hướng đó. Hệ thống tiếp tục tạo thêm các hành trình khi lái máy qua hành trình cuối cùng hiển thị trên màn hình. Máy phải nằm trong phạm vi 400 m (0.25 mi) của đường được tạo cuối cùng để hệ

thống tiếp tục tạo các đường cong. Nếu máy nằm ngoài giới hạn này, có thể sẽ mất vài phút để tạo một đường hiển thị trên màn hình gần máy. Trong lúc này, "Đường cong đang tính" sẽ hiển thị trên màn hình.

**GHI CHÚ:** Có thể bỏ qua hành trình trong chế độ Đường cong AB.

Các hành trình không phải là các bản sao giống nhau của hành trình ban đầu. Độ cong của hành trình sẽ thay đổi để duy trì lỗi hành trình-đến-hành trình. Với mỗi hành trình tiếp theo, độ cong của hành trình sẽ ngày càng lỗi hoặc lồi.

**GHI CHÚ:** Có thể có thông báo Đường cong gắt và Cuối đường khi đang ở chế độ lộ trình Đường cong AB.

Đường cong AB được tạo ra với phần mở rộng đường thẳng 91 m (300 ft) được gắn với phần cuối của đường được thực ghi. Phần mở rộng đường sẽ mở rộng trước và sau khi đường được ghi lại để căn thẳng máy hoặc tiếp tục hành trình.

Khi đã chọn chuyển lộ trình, lộ trình hiện tại sẽ được điều chỉnh và nằm đường ở hai bên lộ trình sẽ được tạo lại. Có thể sử dụng Đường cong AB sau khi lộ trình đầu tiên được tạo. Các lộ trình bổ sung khác sẽ được tạo trong khi vận hành. Sử dụng nút chuyển sang trái và sang phải để chuyển và tái tạo lộ trình theo Đường cong AB.

Xem phần Trợ giúp trên màn hình để biết thêm thông tin về việc tạo các rãnh Đường cong AB.

### Rãnh trùng lặp

Rãnh trùng lặp sẽ tạo nên một bản sao của rãnh dẫn hướng đang hoạt động.

Tên rãnh trùng lặp mới mặc định sẽ là tên của rãnh gốc cộng với ký tự (1). Chọn ô nhập tên rãnh để chỉnh sửa tên rãnh. Rãnh mới có thể được căn giữa trên máy hoặc xê dịch sang trái hoặc phải.

### Hướng dẫn về Đường cong AB

Lộ trình gần nhất được tô đậm bằng đường màu trắng đậm.

Số lộ trình được hiển thị phía dưới chỉ báo độ chính xác đường đi và được hệ thống cập nhật tự động khi tiến vào một lộ trình mới. Số rãnh cho biết số đường ở xa và hướng từ Rãnh 0. Hướng rãnh được hiển thị so sánh với Rãnh 0 (Bắc, Nam, Đông hoặc Tây). Số lộ trình sẽ thay đổi khi máy đến giữa hai lộ trình.

Chỉ báo độ chính xác đường đi hiển thị khoảng cách lỗi lệch lộ trình. Lỗi lệch lộ trình hiển thị khoảng cách từ lộ trình gần nhất với máy. Lỗi sẽ tính cho đến khi máy đến điểm giữa của hai lộ trình. Sau khi đến điểm giữa, lỗi sẽ đếm ngược khi máy đến lộ trình kế tiếp.

### Đường cong thích ứng



PC702238—UN—05FEB26

Tìm kiếm đường cong thích ứng

**GHI CHÚ:** Tham khảo thông tin bổ sung về tối ưu hóa hiệu suất hệ thống. (Xem Cài đặt rãnh đường cong trong phần này).

Rãnh đường cong thích ứng cho phép người vận hành ghi đường cong lái thủ công. Khi hành trình theo đường cong đầu tiên đã được ghi và máy quay lại, đường triển khai sẽ được hiển thị và người vận hành có thể sử dụng tính năng theo vết song song hoặc cài AutoTrac.

Sau khi ghi lại hành trình ban đầu, mỗi hành trình bổ sung được tạo từ hành trình trước để đảm bảo các lỗi lái không lan khắp cánh đồng.

Khi đường cong thích ứng được chọn, biểu tượng sẽ xuất hiện ở góc trên bên phải màn hình. Chọn biểu tượng này sẽ cho phép người dùng chuyển đổi qua lại giữa các đường cong có sẵn.

**GHI CHÚ:** Chức năng Bỏ qua hành trình cho phép người vận hành lái qua hoặc bỏ lộ trình kế tiếp. Bỏ qua hành trình không có sẵn trong phiên ghi của Đường cong thích ứng.

Hành trình tạo được không phải là bản sao của hành trình ban đầu. Độ cong của hành trình thay đổi để duy trì độ chính xác giữa các hành trình. Khi cần thiết, người vận hành có thể thay đổi đường cong ở bất cứ vị trí nào trên cánh đồng đơn giản bằng cách lái máy ra khỏi đường triển khai.

**GHI CHÚ:** Các thông báo Đường cong của gấp và Hết đường có thể hiển thị khi ở Chế độ rãnh đường cong thích ứng.

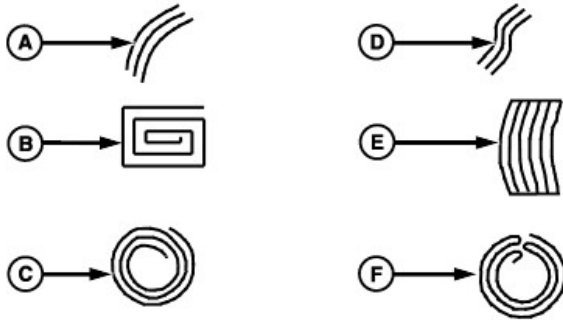
Người vận hành có thể lái thiết bị theo cách thủ công trên các đường hướng dẫn được tạo bằng tính năng theo vết song song hoặc gài AutoTrac sau khi hành trình ban đầu được ghi lại và đường triển khai được hiển thị.

Nếu phiên ghi đường cong bị dừng, đường sẽ không chiếu trước máy. Người vận hành chỉ có thể sử dụng AutoTrac trên các đường có sẵn từ phiên ghi trước đó. Kết thúc phiên ghi sẽ lưu tất cả các đoạn đường cong được ghi lại trong phiên này dưới dạng một rãnh.

**GHI CHÚ:** Không nên dùng chuyển lộ trình khi dùng Đường cong thích ứng. Khi đang ở chế độ Đường cong thích ứng, chuyển lộ trình sẽ không cân bằng độ trôi GPS.

Có thể thêm rãnh đường cong bổ sung vào Rãnh đường cong thích ứng sẵn có khi sửa rãnh dẫn hướng.

Dùng Trợ giúp trên màn hình trong Trung tâm trợ giúp để biết thêm thông tin về việc tạo lộ trình Đường cong thích ứng.

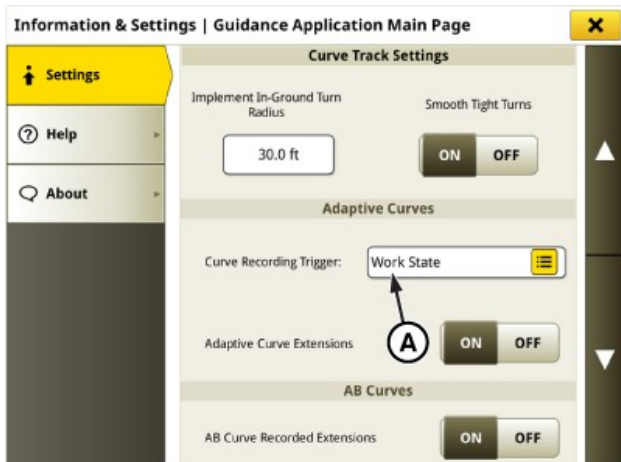


- A—Đường cong đơn giản**  
**B—Dạng khối**  
**C—Dạng xoắn ốc**  
**D—Đường cong S**  
**E—Dạng đường đua**  
**F—Dạng đường vòng**

Chế độ Lộ trình đường cong thích ứng cho phép người vận hành lái và được hướng dẫn ở các dạng cánh đồng khác nhau.

- Đường cong đơn giản
- Đường cong S
- Dạng khối
- Dạng đường đua
- Dạng xoắn ốc
- Dạng đường vòng

Có thể thêm phần mở rộng đường vào rãnh đường cong thích ứng hiện có. Đây là những phần mở rộng tạm thời (90m) hiển thị khi gần đường. Không cần ghi lại những phần này.



Phần mở rộng đường cong thích ứng

## Hướng dẫn về Đường cong thích ứng

**QUAN TRỌNG:** Nếu dữ liệu Lộ trình đường cong thích nghi cần có tính lặp lại, thì cần tạo dữ liệu lộ trình ban đầu và các hành trình tiếp theo qua cánh đồng bằng cách dùng độ chính xác RTK StarFire. Trạm cơ sở RTK phải vận hành ở chế độ Căn cứ hoàn toàn.

**GHI CHÚ:** Khoảng cách rãnh đối với dữ liệu Rãnh đường cong thích ứng là cố định. Nếu sử dụng chiều rộng khác của dụng cụ khi quay lại cánh đồng thì phải lưu dữ liệu mới.

Lộ trình gần nhất được tô đậm bằng đường màu trắng đậm. Chỉ báo độ chính xác đường đi hiển thị khoảng cách lỗi lệch lộ trình. Lỗi lệch lộ trình hiển thị khoảng cách từ lộ trình gần nhất với máy. Lỗi sẽ tính cho đến khi máy đến điểm giữa của hai lộ trình. Sau khi đến điểm giữa, lỗi sẽ đếm ngược khi máy đến lộ trình kế tiếp.

Nếu đường cong không được ghi, các đường sẽ không được hoạch định và người vận hành chỉ có thể AutoTrac trên các đường có sẵn. Khi ghi, các đường sẽ hoạch định từ đường trước đó. Có thể dùng phiên này để ghi thủ công một đường khác, hoặc người vận hành có thể chọn AutoTrac trong Bộ kích hoạt ghi đường cong và AutoTrac trên đường hoạch định.

## Phương thức Rãnh tròn



Rãnh tròn

PC28726—UN—30AUG22

Đường vòng cho phép người vận hành tạo đường hướng dẫn vòng đồng tâm. Đường vòng được thiết kế để sử dụng trên cánh đồng với trục quay tâm.

Lộ trình đường vòng dựa trên tọa độ vĩ độ và kinh độ tại tâm của trục quay. Đường dẫn hướng đồng tâm được tạo dựa trên khoảng cách hai rãnh khoảng 1,6 km (1 dặm) từ tâm trục quay.

Lộ trình đường vòng được thiết kế để vận hành trục quay tâm trên đất có độ dốc dưới 2%. Vì lộ trình đường vòng tạo khoảng cách vòng trên đường bằng, khoảng cách đường hướng dẫn và lộ trình của trục quay tâm sẽ không khớp khi các lộ trình cách trục quay tâm xa hơn trong điều kiện đường dốc. Khoảng cách này là do chênh lệch giữa khoảng cách di chuyển trên dốc và trên đường bằng. Chênh lệch về khoảng cách tăng lên khi leo dốc.

Sử dụng rãnh xê dịch để di chuyển các rãnh có bán kính ngắn hoặc dài hơn tính từ tâm. Chuyển lộ trình sẽ không di chuyển khoảng cách tâm. Chuyển lộ trình cho phép người vận hành sử dụng chiều rộng thiết bị khác nhau, tính đến chiều dài khác nhau của tháp quay quanh trục tâm hay tính đến việc kéo dài hoặc rút ngắn bộ phận tưới quay quanh trục tâm. Nếu thêm, điều chỉnh hoặc xóa đường biên lộ trình đường vòng, chuyển lộ trình hiện có

sẽ bị xóa. Sử dụng lộ trình chuyển có đường biên sẽ làm thiết bị lệch đường biên.



Khoảng cách mũi tâm

PC20395—UN—08DEC14

Khoảng cách mũi tâm hiển thị khoảng cách từ tâm đường tròn đến vị trí hiện thời. Khoảng cách chỉ hiển thị đến 1609 m (5280 ft.). Phải bật tính năng trong cài đặt rãnh tròn để hiển thị nút trên sơ đồ hướng dẫn. Khi nút xuất hiện trên sơ đồ hướng dẫn, chọn nút để hiển thị hoặc ẩn khoảng cách.

Có hai phương pháp để tạo lộ trình đường vòng:

### Vòng vĩ độ/kinh độ



Vòng vĩ độ/kinh độ

PC28727—UN—25AUG22

- Nếu biết tọa độ vĩ độ và kinh độ tại tâm của trục quay, hãy nhập vị trí để tạo lộ trình đường tròn.

### Chu trình lái



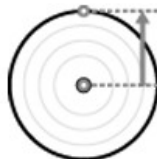
Chu trình lái

PC28726—UN—30AUG22

- Tọa độ vĩ độ và kinh độ tại tâm của trục quay được tính từ hướng lái. Đường hướng dẫn vòng đồng tâm được tạo từ tọa độ.
- Đề nghị lái hết vòng để tính tâm đường vòng tối ưu. Lái quá vòng hoàn chỉnh không làm tăng độ chính xác của phép tính.

Dùng trợ giúp trên màn hình trong Trung tâm trợ giúp để biết thêm thông tin về việc tạo lộ trình đường vòng.

### Cạnh rãnh tròn



PC17399—UN—08DEC14

**GHI CHÚ:** Chỉ có thể sử dụng đường biên rãnh vòng tròn trên màn hình Thế hệ 4 và G5. Không thể sử dụng thông tin đường biên trên màn hình GreenStar 3.

Đường biên lộ trình đường vòng thể hiện ranh giới bên ngoài của trục quay tâm. Đường biên hiển thị là đường màu cam trên sơ đồ dẫn hướng.

Tạo cạnh rãnh tròn cho phép tạo đường hướng dẫn bắt đầu từ cạnh. Nói cách khác, đường hướng dẫn được tạo bắt đầu từ tâm trục quay.

**GHI CHÚ:** Khoảng cách lộ trình và chiều rộng làm việc phải bằng với đầu mút của thiết bị để canh thẳng với đường biên.

Khi đường hướng dẫn được tạo, đường biên sẽ là điểm tham chiếu, thay vì tâm đường vòng. Đường này có thể hữu ích nếu thiết bị có khoảng cách cạnh khác nhau được sử dụng trên cùng cánh đồng. Chỉ nhập khoảng cách rãnh mới và đường hướng dẫn bắt đầu tại đường biên. Đường hướng dẫn được tạo dựa trên đường biên bằng khoảng cách lộ trình và chuyển lộ trình. Nếu xóa đường biên, đường dẫn hướng sẽ được tạo từ tâm ra ngoài.

### Hướng dẫn về Lộ trình đường vòng

Khi vận hành Lộ trình đường vòng, không cần phải lái các lộ trình theo một trật tự cụ thể. Lộ trình gần nhất được tô đậm bằng đường màu trắng đậm.

Số lộ trình được hiển thị phía dưới chỉ báo độ chính xác đường đi và được hệ thống cập nhật tự động khi tiến vào một lộ trình mới. Số rãnh cho biết số đường ở xa và hướng từ Rãnh 0. Hướng rãnh được hiển thị so sánh với Rãnh 0 (Bắc, Nam, Đông hoặc Tây). Số lộ trình sẽ thay đổi khi máy đến giữa hai lộ trình.

Chỉ báo độ chính xác đường đi hiển thị khoảng cách lỗi lệch lộ trình. Lỗi lệch lộ trình hiển thị khoảng cách từ lộ trình gần nhất với máy. Lỗi sẽ tính cho đến khi máy đến điểm giữa của hai lộ trình. Sau khi đến điểm giữa, lỗi sẽ đếm ngược khi máy đến lộ trình kế tiếp.

### Phương thức Rãnh đường biên



Lộ trình tô màu đường biên

PC28728—UN—25AUG22

Lộ trình tô màu đường biên tạo đường hướng dẫn từ kích thước của đường biên bên ngoài và khoảng cách lộ trình.

**GHI CHÚ:** Lộ trình tô màu đường biên không sử dụng bù độ dốc. Nếu vận hành trên một cánh đồng dốc, khuyến cáo nên sử dụng Đường cong thích ứng.

Màn hiển thị tạo ra ba đường dẫn hướng dựa trên hình dáng đường biên và khoảng cách hai rãnh, một đường ở bên ngoài và hai đường ở bên trong đường biên. Các rãnh đường biên bổ sung được tạo ra khi máy di chuyển vào cánh đồng. Phần mở rộng đường thẳng dài 15 m (50 ft) được thêm vào các đầu của mỗi đường dẫn theo đường biên.

**GHI CHÚ:** Khi đã chọn rãnh xê dịch, tất cả các rãnh sẽ được điều chỉnh và khôi phục.

### Lộ trình tô màu đường thẳng

Chọn nút ghi lần nạp để tạo đường dẫn hướng sử dụng Lắp đầy thẳng khắp cánh đồng trong phạm vi đường biên. Lộ trình tô màu đường thẳng sử dụng phương pháp A + B của lộ trình đường thẳng để tạo đường dẫn hướng. Khi sử dụng Điều Khiển Mục, bạn nên hoàn tất các lộ trình tô màu đường biên trước khi sử dụng Ghi lần nạp.

Không thể xuất lộ trình tô màu đường biên ra màn hình khác. Nếu cần hiển thị lộ trình tô màu đường biên trên màn hình khác, có thể tạo lộ trình tương tự bằng đường biên bên ngoài tương tự.

### Hướng dẫn về Lộ trình tô màu đường biên

Lộ trình gần nhất được tô đậm bằng đường màu trắng đậm.

Số lộ trình được hiển thị phía dưới chỉ báo độ chính xác đường đi và được hệ thống cập nhật tự động khi tiến vào một lộ trình mới. Số rãnh cho biết số đường ở xa và hướng từ Rãnh 0. Hướng rãnh được hiển thị so sánh với Rãnh 0 (Bắc, Nam, Đông hoặc Tây). Số lộ trình sẽ thay đổi khi máy đến giữa hai lộ trình.

Chỉ báo độ chính xác đường đi hiển thị khoảng cách lỗi lệch lộ trình. Lỗi lệch lộ trình hiển thị khoảng cách từ lộ trình gần nhất với máy. Lỗi sẽ tính cho đến khi máy đến điểm giữa của hai lộ trình. Sau khi đến điểm giữa, lỗi sẽ đếm ngược khi máy đến lộ trình kế tiếp.

ZIDXX1X,1749537808095-83-12FEB26

## AutoPath

AutoPath sử dụng thông tin luống hoặc đường biên để tạo các đường dẫn hướng cho các hoạt động vận hành sau đó trên cánh đồng. AutoPath giúp giảm bớt công việc dự đoán và thông tin đầu vào cần thiết từ người vận hành để điều hướng chính xác trên khắp cánh đồng. Các đường AutoPath giúp giảm thời gian thiết lập, luống dự đoán sai và hư hại cây trồng do thiết lập dẫn hướng không chính xác.

Trước khi sử dụng đường dẫn hướng AutoPath, hãy nạp dữ liệu đường AutoPath từ Trung tâm Vận hành John Deere. Dữ liệu đường AutoPath được kèm trong tệp cài đặt. Nếu không có dữ liệu nguồn, có thể tạo các đường dẫn hướng AutoPath bằng một đường biên. Xem Chính sửa AutoPath trong Trợ giúp trên màn hình để biết thêm thông tin.

### Yêu cầu theo máy:

AutoPath tương thích với các máy được trang bị hệ thống AutoTrac của John Deere hoặc Reichardt Green Fit sau đây:

**GHI CHÚ:** Để có hiệu suất tối ưu, hãy sử dụng AutoTrac RowSense với AutoPath.

- Máy kéo
- Máy phun
- Máy thu hoạch
- Máy vun luống

**GHI CHÚ:** Tài liệu về AutoPath không khả dụng khi Chế độ tài liệu ISOBUS được kích hoạt trong các cài đặt Thiết lập công việc.

### AutoPath (Luống)

AutoPath (luống) sử dụng dữ liệu vận hành nguồn, độ lệch của máy và khoảng cách rãnh đã ghi nhận được để tạo các đường dẫn hướng cho các hoạt động vận hành sau đó trên cánh đồng. AutoPath (luống) giúp giảm việc dự đoán và thông tin đầu vào cần thiết từ người vận hành để điều hướng chính xác qua toàn bộ cây trồng đứng. Các đường AutoPath giúp giảm thời gian thiết lập, luống dự đoán sai và hư hại cây trồng do thiết lập dẫn hướng không chính xác.

### Yêu cầu của Hoạt động nguồn cho AutoPath (Các luống):

**GHI CHÚ:** Độ chính xác của các đường AutoPath phụ thuộc vào độ chính xác của dữ liệu hoạt động nguồn. Khi ghi hoạt động nguồn, nên sử dụng John Deere Active Implement Guidance đang hoạt động hoặc Dẫn hướng dụng cụ AutoTrac.

Hoạt động nguồn là hoạt động được ghi dùng để khởi tạo các đường AutoPath. Các hoạt động nguồn tương thích là làm đất, gieo trồng và ứng dụng.

**GHI CHÚ:** Hoạt động nguồn phải được ghi lại bằng bộ thu của dụng cụ.

Nếu hoạt động nguồn không bao gồm dữ liệu luống, bất cứ hoạt động tiếp theo nào trên cánh đồng, như là gieo trồng, ứng dụng sản phẩm hay thu hoạch, đều phải chứa luống đã xác định để AutoPath khởi tạo các đường dẫn hướng.

Dữ liệu hoạt động nguồn được lưu vào John Deere Operations Center phải được ghi lại bằng cách sử dụng:

- Bộ thu StarFire sử dụng mức tín hiệu SF3 hoặc cao hơn trên cả máy và dụng cụ.

**GHI CHÚ:** Cần có Bộ thu StarFire sử dụng tín hiệu SF-RTK hoặc cao hơn để hỗ trợ trồng và thu hoạch mía cho tính lặp lại nhiều mùa.

**GHI CHÚ:** Xác minh rằng TCM được hiệu chuẩn trên tất cả các bộ thu (máy và dụng cụ).

**GHI CHÚ:** Có thể sử dụng tín hiệu chia sẻ để ghi dữ liệu.

- Màn hình đa năng G5 hoặc G5<sup>Plus</sup>.

### Các dụng cụ tương thích cho AutoPath (Luống):

- Máy trồng cây của John Deere với bộ điều khiển SeedStar 2 hoặc mới hơn
- Máy trồng cây ISOBUS không phải của John Deere
  - Chiều rộng làm việc phải được đặt là luống.
  - Nếu chiều rộng luống lớn hơn 254 cm (100 inch), các thao tác sau đó yêu cầu luống xác định.
- Máy trồng cây ảo (dụng cụ không có thiết bị điều khiển)
  - Chiều rộng làm việc phải được đặt là luống.
- Dụng cụ làm đất John Deere có thiết bị điều khiển
  - Các hoạt động sau đó yêu cầu luống xác định.
- Dụng cụ làm đất ảo (không có thiết bị điều khiển)
  - Khuyến nghị đặt chiều rộng làm việc là luống.
  - Nếu chiều rộng làm việc không được đặt là luống, hoặc nếu chiều rộng luống lớn hơn 254 cm (100 inch), các hoạt động sau đó yêu cầu luống xác định.

### Yêu cầu sử dụng AutoPath (Luống)

- Tập tin thiết lập từ Trung tâm vận hành John Deere chứa dữ liệu AutoPath.
- Màn hình đa năng G5 phải có giấy phép hợp lệ cho AutoPath.
- Máy được trang bị một Bộ thu StarFire sử dụng mức tín hiệu SF3 hoặc cao hơn.

**GHI CHÚ:** Để đạt hiệu năng tối ưu, sử dụng cùng mức tín hiệu được dùng để ghi hoạt động nguồn.

- Máy được trang bị hệ thống AutoTrac của John Deere hoặc Reichardt Green Fit.
- Loại cây trồng phải là cây trồng theo luống và nên sử dụng dữ liệu nguồn gần đây nhất để có kết quả tốt nhất.

### Tạo AutoPath (Luống):

**GHI CHÚ:** Không thể xuất các tệp AutoPath từ màn hiển thị.

**GHI CHÚ:** Có thể sửa đổi các tệp AutoPath được nhập vào màn hiển thị nhưng các thay đổi sẽ không đồng bộ vào John Deere Operations Center.

Khi máy được kéo vào trường có tệp Hoạt động nguồn liên quan, các đường AutoPath được tối ưu hóa cho ít đường dẫn nhất sẽ được tạo tự động. Có thể chỉnh sửa

rãnh AutoPath hiện tại từ trang Chọn rãnh dẫn hướng. Chọn nút Phương thức để chọn phương thức được sử dụng để tạo các hành trình. AutoPath (luống) có các tùy chọn tạo rãnh sau:

- Chọn Tối ưu hóa cho ít hành trình nhất để bao phủ hoàn toàn cánh đồng bằng cách sử dụng ít hành trình nhất có thể.

**GHI CHÚ:** Nếu chiều rộng làm việc hoạt động hiện tại hẹp hơn chiều rộng làm việc hoạt động nguồn, tùy chọn Theo hành trình hoạt động nguồn sẽ tự động chuyển sang màu xám.

- Chọn Theo hành trình hoạt động nguồn để chỉ sử dụng các hành trình gần với các hành trình hoạt động nguồn. Các hành trình hoạt động nguồn sau đây sẽ giảm độ đậm nhưng có thể gây chồng chéo vùng bao phủ.



**Default to this Method**

PC613046—UN—20FEB24

Hộp kiểm Phương thức mặc định

Tùy chọn mặc định là Tối ưu hóa để có ít hành trình nhất. Để thay đổi mặc định thành Theo hành trình hoạt động nguồn, chọn nút radio và sau đó chọn hộp kiểm Chọn phương thức này làm mặc định. Bước này đảm bảo rằng phương thức tạo sẽ được giữ nguyên giữa các cánh đồng.

Các đường AutoPath (luống) được đặt mặc định ở 20 m (66 ft) vượt quá điểm kết thúc luống. Có thể thay đổi phần mở rộng đường trong cài đặt nâng cao. AutoPath (luống) có thể kết nối các đường qua khoảng hở lên tới 50 m (164 ft), chẳng hạn như qua một vùng nước hẹp.

**GHI CHÚ:** Phần Mở rộng đường sẽ mặc định là "Tắt" nếu hệ thống xác định dàn máy là máy thu hoạch mía.

**GHI CHÚ:** Xem phần Trợ giúp trên màn hình để biết thêm thông tin về cài đặt nâng cao.

### AutoPath (Đường biên)

**GHI CHÚ:** Không thể xuất các tệp AutoPath từ màn hiển thị.

AutoPath (đường biên) sử dụng thông tin đường biên cánh đồng để tạo các đường dẫn hướng. AutoPath (đường biên) yêu cầu thông tin đường biên cánh đồng chính xác để tạo các hành trình. Phương thức này phù hợp cho máy vận hành trên các luống không thu hoạch và trồng các luống cây mới.

### Tạo AutoPath (Đường biên):

Khi một máy kéo vào trường không có tệp hoạt động nguồn liên quan nhưng có đường biên xác định,

AutoPath (đường biên) tạo ra các hành trình dựa trên các điều kiện sau đây:

- Khi Kế hoạch dẫn hướng bên ngoài từ Đường biên được chia sẻ, AutoPath (đường biên) sẽ tạo dữ liệu trực tiếp.
- Nếu không có kế hoạch bên ngoài nào được chia sẻ, nhưng một đường biên được xác định cho cánh đồng hiện tại, người vận hành có thể chọn một Kế hoạch đường biên hiện có cho cánh đồng hoặc có thể tạo một kế hoạch đường biên mới bằng menu Dữ liệu.
- Nếu thông tin về Đường biên cánh đồng chưa hoàn tất, người dùng có thể chọn phím tắt tối Ứng dụng Cánh đồng và Đường biên để hoàn tất thiết lập thông tin đường biên. AutoPath (Đường biên) không thể hoàn tất cho đến khi có đầy đủ thông tin về đường biên.

**GHI CHÚ:** Nếu tệp Hoạt động nguồn tồn tại, AutoPath (luồng) sẽ tạo các hành trình từ dữ liệu Hoạt động nguồn.

Nếu lời nhắc ban đầu cho Căn chỉnh theo đường biên bị bỏ qua, AutoPath (Đường biên) có thể được tạo bất cứ lúc nào bằng cách sử dụng Thiết lập rãnh để chọn Đường AutoPath, sau đó chọn kế hoạch đường biên hiện có hoặc tạo mới khi sửa đường AutoPath.

AutoPath (đường biên) có các phương thức tạo rãnh sau đây:

- Chọn góc Hướng hành trình để tạo các rãnh ở góc mong muốn.
- Chọn Căn chỉnh với đường biên để tạo các rãnh song song với một cạnh đường biên.
- Chọn Từ rãnh hiện tại để tạo các rãnh thẳng song song với một đường dẫn hướng hiện tại.

Căn chỉnh với tính năng đường biên cho phép người vận hành dễ dàng tạo một bộ rãnh dẫn hướng thẳng được căn chỉnh với một phần xác định của đường biên cánh đồng. Màn hình thị sử dụng mặc định cạnh thẳng dài nhất của đường biên nhưng có thể chọn bất kỳ cạnh nào.

Các đường AutoPath (đường biên) được đặt mặc định ở 20 m (66 ft) qua điểm cuối luồng.

**GHI CHÚ:** Xem phần Trợ giúp trên màn hình để biết thêm thông tin về cài đặt nâng cao.

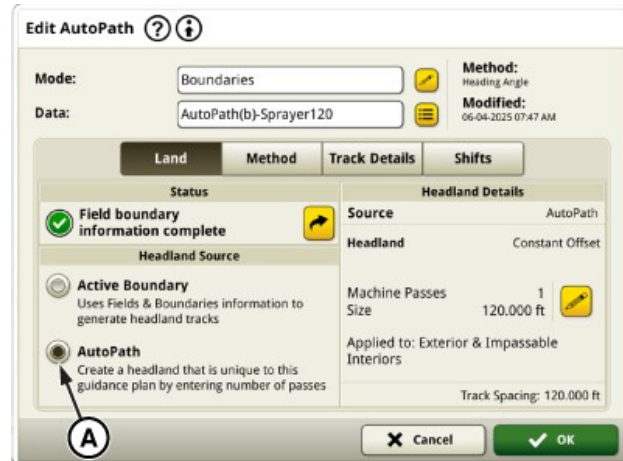
### Tạo Đất cuối ruộng:

Khi đất cuối ruộng đã được xác định trong AutoPath – đường biên, mục Cánh đồng và Đường biên phải hiển thị thông báo rằng đất cuối ruộng được xác định ở nơi khác và chuyển người dùng đến phần xác định đất cuối ruộng trong AP.

Để tạo Đất cuối ruộng, hãy làm theo quy trình đã cho:

1. Đi đến Sửa Autopath.

## 2. Chọn Nguồn đất cuối ruộng Autopath.



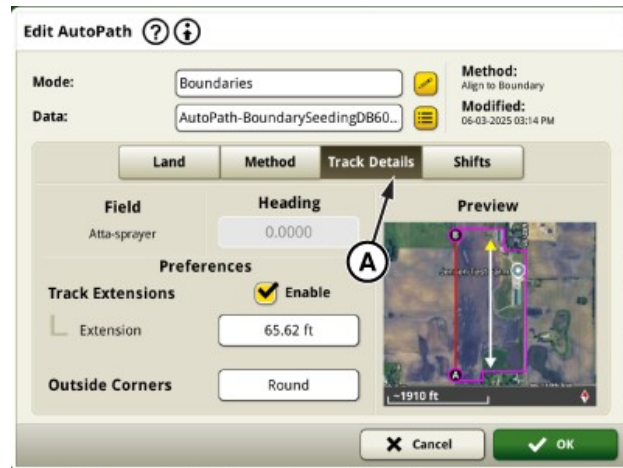
PC676263—UN—17JUN25

Nguồn đất cuối ruộng

### A—AutoPath

3. Nhấp vào Hành trình máy để đặt số lượt hành trình.
4. Nhấp vào OK để hoàn tất quy trình.

### Chi tiết rãnh:



PC676267—UN—24JUN25

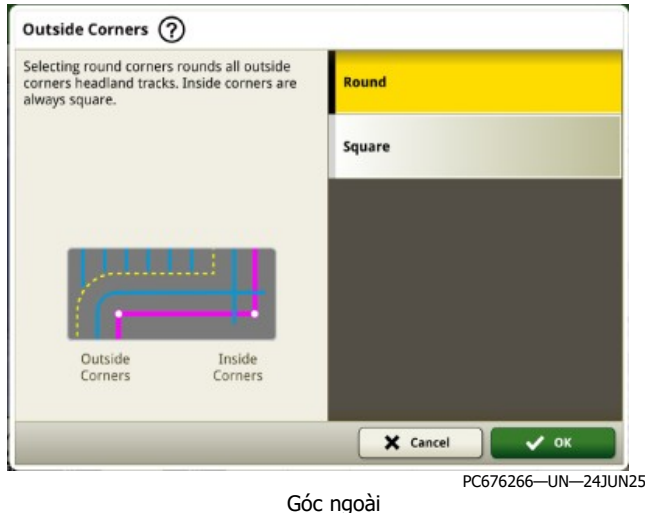
Trang Chi tiết rãnh

### A—Tab Chi tiết rãnh

Tab Chi tiết rãnh sẽ hiển thị thông tin về Cánh đồng, Hướng hành trình, Đường biên và Đất cuối ruộng của rãnh đã chọn.

**GHI CHÚ:** Không yêu cầu thông tin về Đường biên và Đất cuối ruộng với AutoPath được tạo từ các luồng.

Tùy chọn Loại góc ngoài cho phép chọn giữa góc ngoài vuông hoặc tròn.



Cửa sổ Xem trước hiển thị bản xem trước AutoPath sẽ được tạo. Có thể sửa đổi hướng hành trình rãnh bằng cách chọn hộp nhập vào và điều chỉnh theo các giá trị yêu cầu.

Có thể thay đổi phương thức tạo AutoPath từ tab Chi tiết rãnh bằng cách chọn nút Chỉnh sửa ở cạnh tên phương thức.

**GHI CHÚ:** Xem phần Trợ giúp trên màn hình để biết thêm thông tin.

Có thể sử dụng cài đặt Hiển thị rãnh để chọn các đường được hiển thị ở chế độ xem bản đồ. Có thể chuyển đổi chế độ xem bản đồ giữa tất cả các rãnh, rãnh trên cánh đồng và rãnh ở đất cuối ruộng. Chế độ xem mặc định là Hiển thị tất cả các rãnh.

**GHI CHÚ:** Không có sẵn cài đặt Hiển thị rãnh khi sử dụng AutoPath (luồng).

ZIDXK1X,1751352575676-83-29SEP25

## Rãnh xê dịch



**A—Xê dịch rãnh vào giữa**  
**B—Xê dịch rãnh sang trái**  
**C—Xê dịch rãnh sang phải**

Xê dịch rãnh sẽ điều chỉnh bộ rãnh sang trái, vào giữa hoặc sang phải máy. Sử dụng tính năng Xê dịch rãnh để bù độ lệch của hệ thống định vị toàn cầu (GPS).

PC16665—UN—18MAR13

**GHI CHÚ:** Độ lệch là đặc điểm vốn có của mọi hệ thống GPS được hiệu chỉnh khác nhau dựa trên vệ tinh.

Khi sử dụng hiệu chỉnh vi sai SF1, SF2 hoặc SF3 (hoặc khi sử dụng chế độ Khảo sát nhanh RTK), rãnh có thể lệch theo thời gian hoặc tại các chu kỳ bật tắt. Có thể sử dụng Xê dịch rãnh để cân bằng độ lệch của hệ thống GPS.

Xê dịch rãnh sẽ điều chỉnh rãnh 0 và tất cả các đường dẫn hướng được liên kết với rãnh. Các đường dẫn hướng được chuyển sang phải hoặc sang trái theo khoảng cách đã định trước. Người vận hành cũng có thể định tâm đường dẫn hướng trên máy.

Để định đường tâm ở vị trí hiện tại của máy, chọn Xê dịch rãnh vào giữa (A). Để chuyển đường sang trái, chọn Xê dịch rãnh sang trái (B). Để chuyển đường sang phải, chọn Xê dịch rãnh sang phải (C).

**GHI CHÚ:** Chuyển lộ trình chính được mặc định là ON.

Xê dịch rãnh đã bị vô hiệu khi đang ghi đường cong thích ứng.

Giá trị xê dịch tăng dần tối đa cho phép với AutoTrac đang hoạt động là 30 cm (12 inch). Với AutoTrac không hoạt động, người vận hành được phép xê dịch đến 914 cm (360 inch).

Không khuyến khích áp dụng Xê dịch rãnh với đường cong thích ứng. Xê dịch dựa vào hướng đi hiện tại của rãnh, không dựa vào địa hình của toàn bộ rãnh. Xê dịch rãnh có thể khiến cho một số phần của rãnh chuyển gần hơn hoặc xa hơn mức xê dịch mong muốn.

**GHI CHÚ:** Rãnh xê dịch vào giữa không khả dụng khi dùng Cảm biến luồng cho Đường cong AB và Rãnh đường biên.

Có thể xê dịch rãnh khi sử dụng đường cong AB. (Tham khảo phần Xê dịch đường cong AB.)

Chỉ có thể thấy tổng khoảng xê dịch khi điều chỉnh lộ trình theo rãnh thẳng hoặc chỉ theo đường dẫn hướng rãnh tròn. Xóa xê dịch cũng áp dụng cho tất cả rãnh.

### Hoạt động xê dịch đường dẫn hướng đã chia sẻ

Để chia sẻ hoạt động xê dịch đường dẫn hướng:

1. Xê dịch đường dẫn hướng đang hoạt động.
2. Mở Danh sách rãnh dẫn hướng.
3. Chọn nút Chia sẻ để chia sẻ đường đang hoạt động và hoạt động xê dịch đường đó với nhóm làm việc.

Để nhận được thông báo xê dịch đường dẫn hướng:

**GHI CHÚ:** Nếu đường dẫn hướng đang hoạt động đã bị xê dịch bởi một người vận hành khác, thông báo xê dịch không xuất hiện cho đến khi chọn lại đường đang hoạt động.

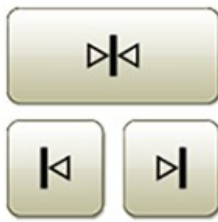
1. Chọn một đường dẫn hướng khác.
2. Chọn lại đường dẫn hướng trước.

### Xê dịch một đường

**GHI CHÚ:** Xê dịch một đường chỉ khả dụng đối với rãnh thẳng và đường cong AB.

AutoTrac vẫn hoạt động nếu áp dụng xê dịch một đường.

**GHI CHÚ:** Tính năng xê dịch một đường có thể được dùng để xê dịch rãnh lên tới 30% khoảng cách rãnh đối với rãnh thẳng và 40% với đường cong AB.



PC28718—UN—25AUG22

Các nút xê dịch một đường

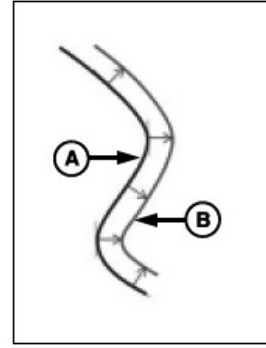
- A—Xê dịch rãnh vào giữa**
- B—Xê dịch rãnh sang trái**
- C—Xê dịch rãnh sang phải**

Tính năng xê dịch một đường sẽ điều chỉnh vị trí của một đường dẫn hướng sang trái hoặc phải mà không ảnh hưởng đến vị trí hoặc hình dạng của các rãnh xung quanh đường dẫn hướng đó. Khi kết thúc một lượt hoặc khi một rãnh mới được chọn, xê dịch sẽ được đặt lại về không.

Có thể thêm mô-đun xê dịch một đường vào một trang thông tin bằng ứng dụng Trình quản lý giao diện.

### Xê dịch đường cong AB

Màn hình Thế hệ 5 sẽ xê dịch đường cong AB bằng cách sử dụng logic khác với các phương pháp dẫn hướng khác. Thay vì xê dịch thẳng, ngang, đường cong AB sử dụng xê dịch xuyên tâm. Xê dịch xuyên tâm hỗ trợ chuyển động định hướng vuông góc với tiếp tuyến của đường cong tại mỗi điểm dọc theo rãnh. Mỗi điểm dọc theo đường cong được xê dịch trong quá trình tái tạo. Hình dạng và dạng hình học của đường cong thay đổi theo sự xê dịch.



PC27479—UN—06SEP19

Ví dụ về xê dịch đường cong AB

- A—Đường cong AB**
- B—Đường cong AB mới**

Khi đường cong AB (A) được xê dịch, đường cong AB mới (B) được xê dịch xuyên tâm tại điểm xê dịch. Xê dịch xuyên tâm được tiến khai dọc theo chiều dài của đường. Khoảng cách và hướng rãnh của đường cong AB mới dựa trên đường cong AB ban đầu.

**GHI CHÚ:** Làm bằng đường cong được áp dụng cho mỗi hành trình mới. Làm bằng có thể tạo các khoảng hở nhỏ trong vùng bao phủ. Nếu cần, có thể tắt làm bằng các đoạn đường trong cài đặt dẫn hướng.

### Nhập và xuất xê dịch đường cong AB

Nếu nhập đường cong AB có xê dịch từ Màn hình GreenStar 3 2630, các đường xê dịch sẽ nhập. Nếu bất kỳ kích thước hoặc ứng dụng nào thay đổi, đường cong AB sẽ không tạo lại dựa trên những thay đổi đó. Để giải thích cho những thay đổi đó, đường cong AB phải được tạo lại bằng đường cong AB ban đầu.

Xê dịch xuyên tâm từ Màn hình G5 không tương thích với các loại màn hình khác.

Các đường cong AB được xuất sang Màn hình thị GreenStar 2, Màn hình thị GreenStar 3 hoặc John Deere Operations Center sẽ giữ lại xê dịch xuyên tâm của chúng khi được nhập trở lại Màn hình thị G5 chỉ khi đường cong AB không bị sửa đổi trong khi ở trên các loại màn hình thị khác.

**GHI CHÚ:** Màn hình Thế hệ 4 không hỗ trợ nhập xê dịch.

ct47125,1705346976821-83-29SEP25

### Thông báo thay đổi chiều rộng làm việc

Bật Thông báo thay đổi chiều rộng làm việc để nhận thông báo bất cứ khi nào độ rộng làm việc của máy hoặc dụng cụ bị thay đổi.

ct47125,1705347513863-83-15JAN24

## Đường đánh dấu

Đường đánh dấu là các đường dẫn hướng được tô sáng bằng một màu khác để nhắc người vận hành tiến hành công việc trên hành trình đó. Ví dụ, các đường đánh dấu sẽ nhắc người vận hành tắt thủ công các khoan máy trồng cây để không gieo hạt xuống các đường xác định trước. Có thể sử dụng các đường xác định trước này cho các đường vết bánh xe trong mùa vụ để giảm việc đất bị nén và ảnh hưởng đến cây trồng trên cả cánh đồng.

Để biết thêm thông tin về các đường đánh dấu, xem trợ giúp trên màn hình.

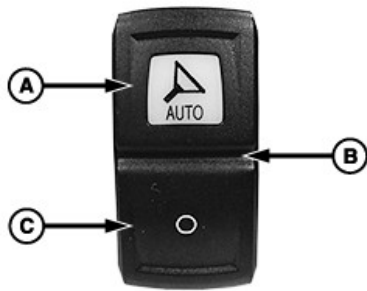
ct47125,1705347513767-83-15JAN24

## Tín hiệu Chia sẻ

Tín hiệu chia sẻ dùng tín hiệu hiệu chỉnh máy để chia sẻ tín hiệu với máy thu của thiết bị và các máy khác khi sử dụng Đồng bộ máy. Bộ thu với tín hiệu hiệu chỉnh chính xác nhất phải được lắp đặt trên máy.

ct47125,1705347513668-83-15JAN24

## Công tắc đi trên đường và tiếp tục



PC20494—UN—19AUG19

Công tắc đi trên đường và tiếp tục

**A—Vị trí Tiếp tục**  
**B—Vị trí Bật**  
**C—Vị trí Tắt**

Trên công tắc đi trên đường và tiếp tục, chọn:

- Vị trí tiếp tục (A) – TỰ ĐỘNG một nửa công tắc bật tắt.
- Trên vị trí (B) – Vị trí giữa của công tắc bật tắt.
- Vị trí tắt (C) – Mở một nửa công tắc bật tắt.

ct47125,1705347513503-83-15JAN24

## Khoảng cách hai rãnh

**GHI CHÚ:** Khi máy lệch khỏi rãnh 0 trên 16 km (10 dặm), độ chính xác của đường dẫn hướng bị giảm.

Khoảng cách lộ trình được dùng trong ứng dụng Hướng dẫn để xác định khoảng cách của mỗi hành trình so với hành trình cuối. Khoảng cách lộ trình tương tự với Chiều

rộng làm việc nhưng khoảng cách lộ trình chỉ được sử dụng cho hướng dẫn và hai giá trị này độc lập với nhau.

Để duy trì chiều rộng luống giữa các hành trình, thiết lập Khoảng cách rãnh giống như Chiều rộng làm việc. Để đảm bảo độ chong chéo cho canh tác hoặc phun tưới hoặc để tính độ lệch GPS, vui lòng đặt Khoảng cách lộ trình nhỏ hơn Chiều rộng làm việc.

ct47125,1705347513405-83-15JAN24

## Chọn rãnh dẫn hướng

Khi đã bật Lựa chọn Rãnh dẫn hướng, màn hình sẽ tự động chọn một rãnh dẫn hướng bất cứ khi nào đã chọn một khách hàng, trang trại và cánh đồng. Nếu một cánh đồng có nhiều rãnh được liên kết với nó, rãnh thứ nhất trên Danh sách rãnh dẫn hướng sẽ được chọn là rãnh đang hoạt động.

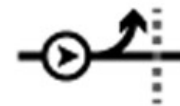
**GHI CHÚ:** Rãnh đang hoạt động sẽ không thay đổi nếu người vận hành chọn trường mới trong khi AutoTrac được giải.

Nếu trường đã chọn không có rãnh dẫn hướng liên quan hoặc người vận hành xóa lựa chọn khách hàng, nông trại và cánh đồng, tên rãnh sẽ thay đổi thành "---" để cho biết không có rãnh đang hoạt động. Để chọn một rãnh dẫn hướng, hãy chọn Cài đặt rãnh trên trang chính ứng dụng Dẫn hướng hoặc chọn một khách hàng, trang trại và cánh đồng trong ứng dụng Cánh đồng.

**GHI CHÚ:** Chọn rãnh dẫn hướng được kích hoạt theo mặc định. Khôi phục dữ liệu gốc hoặc lập trình lại phần mềm sẽ đưa tính năng này về cài đặt mặc định.

ct47125,1705347512980-83-15JAN24

## Hoán đổi rãnh



PC17412—UN—15JUL13

Tráo đổi rãnh cho phép người vận hành dễ dàng chuyển giữa các đường dẫn hướng. Tráo đổi rãnh vừa có thể dùng bằng cách tạo một Bộ rãnh (một nhóm đường dẫn hướng) hoặc bằng cách sử dụng bộ rãnh tổng thể (tất cả đường dẫn hướng khả dụng trên màn hình). Khi được chọn, Hoán đổi lộ trình sẽ thay đổi lộ trình hướng dẫn theo thứ tự các đường hướng dẫn trong Bộ lộ trình.

## Hoán đổi sang lộ trình kế tiếp

**GHI CHÚ:** Nút Tráo đổi rãnh sẽ chuyển sang màu xám nếu không có rãnh nào được chọn.

Để chọn lộ trình hướng dẫn kế tiếp, dùng một trong các phương pháp sau:

- Chọn nút Tráo đổi trong mô-đun Rãnh tiếp theo.
- Chọn Tráo đổi rãnh trong thanh phím tắt.

ct47125,1705347513290-83-15JAN24

## Bộ rãnh

Bộ rãnh là một nhóm các đường dẫn hướng do người vận hành tạo. Bộ rãnh cho phép người vận hành chuyển đổi nhanh giữa các đường dẫn hướng khác nhau.

### Tạo một bộ rãnh

1. Chọn nút Cài đặt rãnh hoặc chọn mô-đun trang thông tin Rãnh kế tiếp.
2. Chọn nút Bộ rãnh mới.
3. Chọn nút Thêm rãnh và chọn rãnh mong muốn từ danh sách.
4. Lặp lại bước 3 cho tới khi tất cả các rãnh mong muốn được thêm vào bộ rãnh.

### Chọn một Bộ rãnh

1. Chọn nút Cài đặt rãnh hoặc chọn mô-đun trang thông tin Rãnh kế tiếp.
2. Chọn bộ rãnh từ trang Danh sách rãnh dẫn hướng.

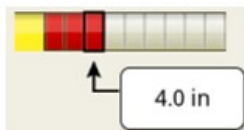
**GHI CHÚ:** Xóa một đường khỏi Bộ lộ trình sẽ không xóa nó trên màn hình. Xóa Bộ lộ trình sẽ không xóa các đường trong Bộ lộ trình trên màn hình hiển thị.

Có thể xem thêm thông tin trong các tập tin trợ giúp trên màn hình.

ct47125,1705347513189-83-15JAN24

## Cài đặt dải đèn

**GHI CHÚ:** Thanh ánh sáng cũng được xem như là Chỉ báo độ chính xác đường đi.



PC28719—UN—25AUG22

Kích thước bước thanh đèn

**Kích thước bước** — Dùng để xác lập giá trị khoảng cách lệch lộ trình ở mà mỗi ô trên thanh đèn thể hiện.

**Lái đúng hướng** — Khi chọn tùy chọn này, đèn nhấp nháy phía bên trái thanh đèn, nghĩa là phải lái máy về bên trái để thẳng hàng với lộ trình dẫn hướng.

**Lái lệch hướng** — Khi chọn tùy chọn này, đèn nhấp nháy phía bên trái thanh đèn nghĩa là phải lái máy về bên phải để thẳng hàng với lộ trình dẫn hướng.

### Thanh đèn dẫn hướng dụng cụ bị động



PC671879—UN—24JUN25

**A—Dải đèn của máy**

**B—Thanh đèn của dụng cụ**

Khi sử dụng dẫn hướng dụng cụ bị động, màn hình thêm một thanh đèn thứ hai.

**Thanh đèn của máy (A)** — Hiển thị khoảng cách máy phải rẽ sang bên phải hoặc trái để dụng cụ lệch khỏi rãnh dẫn hướng.

**Dải đèn của dụng cụ (B)** — Hiển thị khoảng cách với bên phải hoặc bên trái khi tâm dụng cụ lệch khỏi rãnh dẫn hướng.

ZIDXK1X,1749542023772-83-10JUN25

## Chi tiết bản đồ AutoPath

Chọn nút Chi tiết bản đồ AutoPath để xem thông tin luồng và các hành trình từ hoạt động nguồn. Chi tiết bản đồ AutoPath cho phép người vận hành xem cách AutoPath lên kế hoạch đường dẫn hướng qua một cánh đồng cụ thể.

Chọn nút Luồng để ẩn hoặc hiển thị dữ liệu luồng.

Chọn Hành trình hoạt động nguồn để ẩn hoặc hiển thị các hành trình được khởi tạo từ hoạt động nguồn.

Chọn hộp kiểm Hướng di chuyển nguồn để ẩn hoặc hiển thị các mũi tên dẫn hướng. Khi được bật, các mũi tên dẫn hướng sẽ hiển thị hướng di chuyển của Hành trình nguồn.

ct47125,1705347512759-83-15JAN24

## Hình tròn trạng thái AutoTrac

Biểu tượng AutoTrac gồm bốn giai đoạn được thể hiện bằng Hình tròn trạng thái AutoTrac:

1. **Đã cài đặt**



Đã cài đặt

PC28729—UN—25AUG22

Bộ điều khiển cầu lái và tất cả phần cứng cần dùng khác được lắp.

- Đã phát hiện bộ điều khiển lái.
- Đã phát hiện giấy phép AutoTrac.

**GHI CHÚ:** Nếu được hỗ trợ, phải hoàn tất quy trình bảo mật bộ điều khiển lái.

## 2. Đã cấu hình



Đã cấu hình

PC28730—UN—29AUG22

Đã xác định được Chế độ kéo và đã thiết lập Rãnh 0 hợp lệ. Hiệu chỉnh mức tín hiệu StarFire cho AutoTrac được chọn. Phải đáp ứng các điều kiện về máy sau đây:

- Hệ thống hướng dẫn chuyển sang BẬT.
- Đã xác định được Track 0.
- Đã phát hiện tín hiệu GPS hợp lệ
- Bộ điều khiển hệ thống lái không có lỗi nào hoạt động.
- Thông điệp TCM đang có và hợp lệ.
- Máy đang ở số vận hành đúng.

**GHI CHÚ:** AutoTrac giữ ở trạng thái "1 hình tròn" khi Chế độ cây ăn quả đang hoạt động vì Chế độ cây ăn quả không được hỗ trợ cho dẫn hướng AutoTrac. Điều này được xác định theo Giấy phép SF, kiểm soát quyền truy cập tính năng. Chế độ cây ăn quả không phải là tín hiệu hợp lệ cho AutoTrac.

**GHI CHÚ:** Nếu Tín hiệu GPS không hợp lệ thì tham khảo Hướng dẫn vận hành hoặc Hướng dẫn kỹ thuật của StarFire để biết thêm thông tin.

## 3. Đã bật



Đã bật

PC28731—UN—25AUG22

Đã nhấn nút BẬT/TẮT AutoTrac. Tất cả điều kiện đều phù hợp với AutoTrac và hệ thống sẵn sàng để gài.

- Chọn nút BẬT/TẮT LÁI để chuyển sang "Bật lái".

## 4. Đã gài



Đã gài

PC28732—UN—25AUG22

Đã nhấn công tắc khôi phục và AutoTrac đang lái máy.

- Nhấn công tắc khôi phục để chuyển sang gài AutoTrac.
- Tốc độ nằm trong phạm vi hợp lệ
- Hướng hành trình/góc đảo lái của máy nằm trong phạm vi rãnh thích hợp
- Máy nằm trong 40% chiều rộng rãnh
- Đã gài Công tắc khôi phục

Mã hiện hữu cuối: Cho biết nguyên nhân AutoTrac nhả ra hoặc nguyên nhân không gài. Mã hiện hữu hiển thị trong bóng cửa sổ mới ở phía trên cùng của trang.

ZIDXX1X,1749541393875-83-10OCT25

## Cài đặt rãnh dẫn hướng



PC28720—UN—25AUG22

- A—Cài đặt Nút lộ trình**
- B—Thêm Rãnh dẫn hướng**
- C—Lọc/Sắp xếp Rãnh dẫn hướng**

1. Chọn CÀI ĐẶT LỘ TRÌNH trên trang hướng dẫn chính.
2. Trên Danh sách lộ trình hướng dẫn, chọn đường hướng dẫn hiện có hoặc tạo một đường hướng dẫn.

Dùng trợ giúp trên màn hình trong Trung tâm trợ giúp để biết thêm thông tin về việc tạo rãnh dẫn hướng.

ct47125,1705347511399-83-23MAY24

## Bật AutoTrack



Nút chuyển đổi BẬT/TẮT Lái

PC28733—UN—30AUG22

A—Bật lái  
B—Tắt lái

Để bật AutoTrac, phải đáp ứng tiêu chuẩn sau:

- Máy phải có thiết bị điều khiển có khả năng dẫn lái AutoTrac.
- Giấy phép hợp lệ bao gồm AutoTrac.
- Đã tạo rãnh dẫn hướng. Để biết thông tin về tạo rãnh dẫn hướng, hãy xem Tạo Rãnh dẫn hướng trong phần này.
- Chọn mức tín hiệu StarFire đúng cho AutoTrac (SF1, SF2, SF3 hoặc RTK) và thu được một tín hiệu GPS hợp lệ.
- AutoTrac với các tín hiệu GPS hợp lệ, bao gồm SF1, SF2, SF3 hoặc RTK.
- Bộ điều khiển dẫn lái không được còn lỗi.

**GHI CHÚ:** Loại máy và phiên bản phần mềm của bộ điều khiển hệ thống lái xác định tốc độ tối thiểu và tối đa cho phép.

Để bật AutoTrac, chọn nút BẬT/TẮT lái trên trang chính ứng dụng Dẫn hướng AutoTrac hoặc chọn phím tắt AutoTrac trên trang chính. Các nút này sẽ tắt AutoTrac nếu chọn lại.

ct47125,1705347512477-83-15JAN24

## Gài AutoTrac

**LƯU Ý:** Tránh nguy cơ gây tai nạn hoặc thương tích. Khi gài AutoTrac, người vận hành có trách nhiệm lái ở cuối đường và tránh va chạm.

Không cố gắng bật (gài) hệ thống AutoTrac khi đang lưu thông trên đường.

1. Chọn nút BẬT/TẮT Lái để bật hoặc tắt hệ thống lái.
2. Lái máy vào rãnh dẫn hướng và một đường điều

hướng được tô đậm sẽ xuất hiện ở phía trước biểu tượng máy.

3. Gài thủ công AutoTrac khi cần hỗ trợ lái bằng cách nhấn công tắc khôi phục.

ct47125,1705347512387-83-15JAN24

## Công tắc khôi phục



PC28734—UN—29AUG22

Ví dụ về công tắc khôi phục



Biểu tượng AutoTrac

PC20427—UN—28JUL16

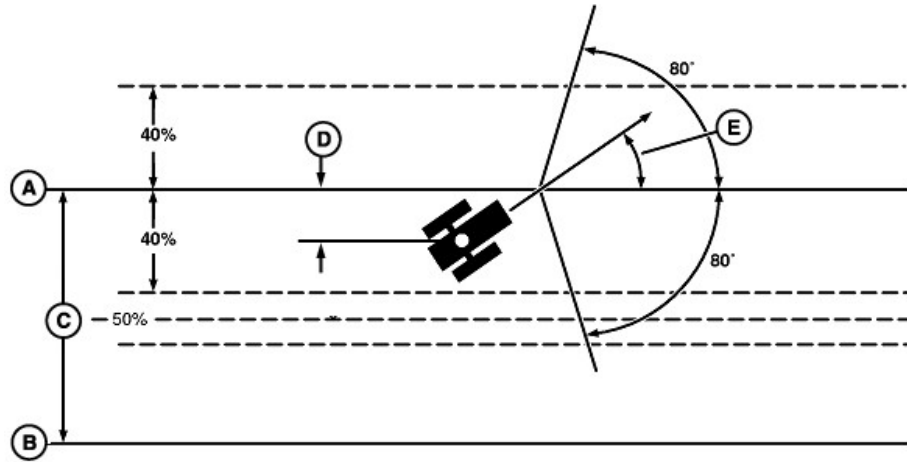
### A—Công tắc khôi phục

**GHI CHÚ:** Vị trí công tắc tiếp tục sẽ khác biệt dựa trên loại và model máy. Để biết thông tin về việc định vị công tắc tiếp tục, hãy xem Hướng dẫn vận hành máy.

Nhấn công tắc khôi phục để chuyển AutoTrac từ trạng thái bật sang trạng thái đã cài.

ct47125,1705347512267-83-15JAN24

## Cài lại AutoTrac trên hành trình kế tiếp



Theo vết

PC8866—UN—02NOV05

**A—Bánh xích 0**  
**B—Bánh xích 1 hướng Nam**  
**C—Khoảng cách hai bánh xích**

Đến đã đến cuối luống, người vận hành sẽ phải chuyển máy sang hành trình kế tiếp. Khi quay vô lăng, AutoTrac sẽ bị ngắt.

Có thể cài lại AutoTrac bằng cách nhấn công tắc tiếp tục chỉ sau khi đã đáp ứng các điều kiện sau:

**GHI CHÚ:** Thiết bị điều khiển lái sẽ xác định tốc độ tối đa khi máy sử dụng AutoTrac.

Khi lùi, AutoTrac vẫn còn được cài trong 45 giây. Sau 45 giây, bạn phải sang số tiến trước khi cài lại số lùi.

- Vận tốc tiến dưới 30 km/giờ (18,6 dặm/giờ).
- Vận tốc lùi dưới 10 km/giờ (6 mph).
- Hướng hành trình của máy nằm trong khoảng 80° so với vết bánh theo đường dẫn mong muốn.
- Máy nằm trong khoảng 40% của khoảng cách hai rãnh.
- Người vận hành đã ngồi vào ghế.
- Đã bật TCM.

**GHI CHÚ:** Số lộ trình được hiển thị trên sơ đồ ở khoảng giữa hai vết bánh theo đường dẫn.

ct47125,1705347512159-83-15JAN24

**D—Lỗi ngoài vết bánh**  
**E—Lỗi hướng chuyển động bánh xích**

**GHI CHÚ:** Trên một số máy nhất định, AutoTrac có thể vận hành ở tốc độ thấp tới 0,1 km/giờ (0,06 dặm/giờ). Xem Hướng dẫn vận hành máy để biết thêm thông tin.

### Giới hạn tốc độ tiến

| AutoTrac tích hợp                                  |                                                                                 |                                                         |
|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| Máy                                                | Giới hạn tốc độ tiến cao                                                        | Giới hạn tốc độ tiến thấp                               |
| Luống cây trồng và Máy kéo bánh xích 6R, 7R, và 8R | Bánh xe: 36 km/giờ (22,4 dặm/giờ)<br>Bánh xích cao su: 31 km/giờ (19,3 dặm/giờ) | 0,5 km/giờ (0,3 dặm/giờ)                                |
| Máy kéo khớp nối                                   | 31 km/giờ (19,3 dặm/giờ)                                                        | 1 km/giờ (0,6 dặm/giờ)<br>MST: 1,5 km/giờ (0,9 dặm/giờ) |
| Máy phun xịt                                       | 40 km/giờ (24,8 dặm/giờ)                                                        | 0,5 km/giờ (0,3 dặm/giờ)                                |
| Máy liên hợp                                       | 22 km/giờ (13,7 dặm/giờ)                                                        | 0,5 km/giờ (0,3 dặm/giờ)                                |
| Máy thu hoạch cỏ tự động                           | 22 km/giờ (13,7 dặm/giờ)                                                        | 0,5 km/giờ (0,3 dặm/giờ)                                |
| Máy vun luống tự hành                              | 28 km/giờ (17,4 dặm/giờ)                                                        | 0,5 km/giờ (0,3 dặm/giờ)                                |
| Máy thu hoạch bông                                 | 15 km/giờ (9,3 dặm/giờ)                                                         | 0,5 km/giờ (0,3 dặm/giờ)                                |
| Gator ( XUV 845E, XUV 845M, XUV 845R )             | 30 km/giờ (18,6 dặm/giờ)                                                        | 0,5 km/giờ (0,3 dặm/giờ)                                |

### Tốc độ Tối thiểu và Tối đa

Máy và phiên bản phần mềm bộ điều khiển hệ thống lái xác định tốc độ tối thiểu và tối đa.

| <b>Màn hình đa năng AutoTrac 300 và Bộ điều khiển AutoTrac 300</b> |                                 |                                  |
|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|
| <b>Máy</b>                                                         | <b>Giới hạn tốc độ tiên cao</b> | <b>Giới hạn tốc độ tiên thấp</b> |
| Luống cây trồng và Máy kéo bánh xích                               | 30 km/giờ (18,6 dặm/giờ)        | 0,5 km/giờ (0,3 dặm/giờ)         |
| Máy kéo khớp nối                                                   | 30 km/giờ (18,6 dặm/giờ)        | 1 km/giờ (0,6 dặm/giờ)           |
| Máy phun xịt                                                       | 37 km/giờ (23,0 dặm/giờ)        | 0,5 km/giờ (0,3 dặm/giờ)         |
| Máy liên hợp                                                       | 25 km/giờ (15,5 dặm/giờ)        | 0,5 km/giờ (0,3 dặm/giờ)         |
| Máy thu hoạch cỏ tự động                                           | 25 km/giờ (15,5 dặm/giờ)        | 0,5 km/giờ (0,3 dặm/giờ)         |
| Máy vun luống tự hành                                              | 25 km/giờ (15,5 dặm/giờ)        | 0,5 km/giờ (0,3 dặm/giờ)         |
| Máy thu hoạch bông                                                 | 25 km/giờ (15,5 dặm/giờ)        | 0,5 km/giờ (0,3 dặm/giờ)         |

| <b>Màn hình đa năng AutoTrac 200</b> |                                 |                                  |
|--------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|
| <b>Máy</b>                           | <b>Giới hạn tốc độ tiên cao</b> | <b>Giới hạn tốc độ tiên thấp</b> |
| Luống cây trồng và Máy kéo bánh xích | 30 km/giờ (18,6 dặm/giờ)        | 0,5 km/giờ (0,3 dặm/giờ)         |
| Máy kéo khớp nối                     | 30 km/giờ (18,6 dặm/giờ)        | 0,8 km/giờ (0,5 dặm/giờ)         |
| Máy phun xịt                         | 37 km/giờ (23,0 dặm/giờ)        | 0,8 km/giờ (0,5 dặm/giờ)         |
| Máy liên hợp                         | 25 km/giờ (15,5 dặm/giờ)        | 0,8 km/giờ (0,5 dặm/giờ)         |
| Máy thu hoạch cỏ tự động             | 25 km/giờ (15,5 dặm/giờ)        | 0,8 km/giờ (0,5 dặm/giờ)         |
| Máy vun luống tự hành                | 25 km/giờ (15,5 dặm/giờ)        | 0,8 km/giờ (0,5 dặm/giờ)         |
| Máy thu hoạch bông                   | 25 km/giờ (15,5 dặm/giờ)        | 0,8 km/giờ (0,5 dặm/giờ)         |

| <b>Bộ điều khiển AutoTrac—Raven</b>  |                                 |                                  |
|--------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|
| <b>Máy</b>                           | <b>Giới hạn tốc độ tiên cao</b> | <b>Giới hạn tốc độ tiên thấp</b> |
| Luống cây trồng và Máy kéo bánh xích | 31 km/giờ (19,3 dặm/giờ)        | 0,5 km/giờ (0,3 dặm/giờ)         |
| Máy kéo khớp nối                     | 31 km/giờ (19,3 dặm/giờ)        | 1 km/giờ (0,6 dặm/giờ)           |
| Máy vun luống tự hành                | 20 km/giờ (12,4 dặm/giờ)        | 0,5 km/giờ (0,3 dặm/giờ)         |

| <b>AutoTrac tích hợp</b>                                                                                                            |                                  |                                |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|
| <b>Máy</b>                                                                                                                          | <b>Lùi và thời gian cho phép</b> | <b>Giới hạn tốc độ lùi cao</b> |
| Luống cây trồng và Máy kéo bánh xích 7R và 8R<br>7R (S.N. 110101—)<br>8R (S.N. 160001—)<br>8RT (S.N. 923001—)<br>8RX (S.N. 801001—) | Có, không giới hạn               | 10 km/giờ (6,2 dặm/giờ)        |
| Luống cây trồng và Máy kéo bánh xích 6R, 7R, và 8R<br>7R (S.N. —110100)<br>8R (S.N. —160000)<br>8RT (S.N. —923000)                  | Có, 45 giây                      | 10 km/giờ (6,2 dặm/giờ)        |
| Máy kéo khớp nối                                                                                                                    | Không                            | —                              |
| Máy phun xịt                                                                                                                        | Có, 45 giây                      | 10 km/giờ (6,2 dặm/giờ)        |
| Máy liên hợp                                                                                                                        | Có, 45 giây                      | 10 km/giờ (6,2 dặm/giờ)        |
| Máy thu hoạch cỏ tự động                                                                                                            | Có, 45 giây                      | 10 km/giờ (6,2 dặm/giờ)        |
| Máy vun luống tự hành                                                                                                               | Không                            | —                              |
| Máy thu hoạch bông                                                                                                                  | Có, 45 giây                      | 5 km/giờ (3,1 dặm/giờ)         |
| Gator (XUV 845E, XUV 845M, XUV 845R)                                                                                                | Có, 45 giây                      | 10 km/giờ (6,2 dặm/giờ)        |

| <b>Màn hình đa năng AutoTrac 300 và Bộ điều khiển AutoTrac 300</b> |                                  |                                |
|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|
| <b>Máy</b>                                                         | <b>Lùi và thời gian cho phép</b> | <b>Giới hạn tốc độ lùi cao</b> |
| Luống cây trồng và Máy kéo bánh xích                               | Có, 45 giây                      | 10 km/giờ (6,2 dặm/giờ)        |
| Máy kéo khớp nối                                                   | Không                            | —                              |
| Máy phun xịt                                                       | Có, 45 giây                      | 10 km/giờ (6,2 dặm/giờ)        |
| Máy liên hợp                                                       | Có, 45 giây                      | 10 km/giờ (6,2 dặm/giờ)        |
| Máy thu hoạch cỏ tự động                                           | Có, 45 giây                      | 10 km/giờ (6,2 dặm/giờ)        |
| Máy vun luống tự hành                                              | Không                            | —                              |
| Máy thu hoạch bông                                                 | Có, 45 giây                      | 10 km/giờ (6,2 dặm/giờ)        |

| <b>Màn hình đa năng AutoTrac 200</b> |                                  |                                |
|--------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|
| <b>Máy</b>                           | <b>Lùi và thời gian cho phép</b> | <b>Giới hạn tốc độ lùi cao</b> |
| Luống cây trồng và Máy kéo bánh xích | Có, 45 giây                      | 10 km/giờ (6,2 dặm/giờ)        |
| Máy kéo khớp nối                     | Không                            | —                              |
| Máy phun xịt                         | Có, 45 giây                      | 10 km/giờ (6,2 dặm/giờ)        |
| Máy liên hợp                         | Có, 45 giây                      | 10 km/giờ (6,2 dặm/giờ)        |

## Giới hạn tốc độ lùi

| Màn hình đa năng AutoTrac 200 |                           |                         |
|-------------------------------|---------------------------|-------------------------|
| Máy                           | Lùi và thời gian cho phép | Giới hạn tốc độ lùi cao |
| Máy thu hoạch cỏ tự động      | Có, 45 giây               | 10 km/giờ (6,2 dặm/giờ) |
| Máy vun luống tự hành         | Không                     | —                       |
| Máy thu hoạch bông            | Có, 45 giây               | 10 km/giờ (6,2 dặm/giờ) |

| Bộ điều khiển AutoTrac—Raven         |                           |                         |
|--------------------------------------|---------------------------|-------------------------|
| Máy                                  | Lùi và thời gian cho phép | Giới hạn tốc độ lùi cao |
| Luống cây trồng và Máy kéo bánh xích | Có, 45 giây               | 10 km/giờ (6,2 dặm/giờ) |
| Máy kéo khớp nổi                     | Không                     | —                       |
| Máy vun luống tự hành                | Không                     | —                       |

ZIDXK1X,1749542759320-83-23JUN25

## Trình dự báo rẽ



PC17238—UN—11JUL13

Trình tự báo rẽ cảnh báo người điều khiển điều khiển bằng cách dự đoán điểm cuối của hành trình và sẽ hiển thị khoảng cách đến điểm cuối của hành trình trong chế độ xem bản đồ.

Từ trang Thiết lập trang nâng của Ứng dụng dẫn hướng, sử dụng nút bật/tắt để bật hoặc tắt trình dự báo rẽ. Khi trình dự báo rẽ được bật, biểu tượng trình dự báo rẽ sẽ xuất hiện trên bản đồ.

Trình dự báo rẽ chỉ nhằm để dự báo điểm rẽ của máy bằng cách sử dụng tính năng theo vết song song khi đang ở chế độ kéo thẳng. Trình dự báo rẽ không phải là cảnh báo địa hình. Trình dự báo rẽ chỉ dựa vào cách quay đầu trước đó của máy. Điểm rẽ cũng được xác định khi AutoTrac được tắt và lỗi hướng hành trình vượt quá 45°. Trình dự báo rẽ chỉ trùng với đường bao của cánh đồng nếu đường bao của cánh đồng là đường thẳng và liên tục, hoặc nếu người vận hành rẽ trước hoặc sau đường bao của cánh đồng.

Khoảng cách đến điểm rẽ dự kiến sẽ được đếm ngược, và âm báo hiệu sẽ kêu khi máy còn cách nơi giao với điểm rẽ 10 giây. Âm báo hiệu sẽ kêu một lần nữa khi máy đã đến điểm rẽ dự kiến.

Chỉ báo thị giác sẽ chuyển sang màu vàng khi cách điểm rẽ dự kiến 10 giây và sau đó sẽ chuyển sang màu đỏ khi đã vượt qua vị trí này. Một đường giao nhau màu trắng sẽ đánh dấu vị trí rẽ.

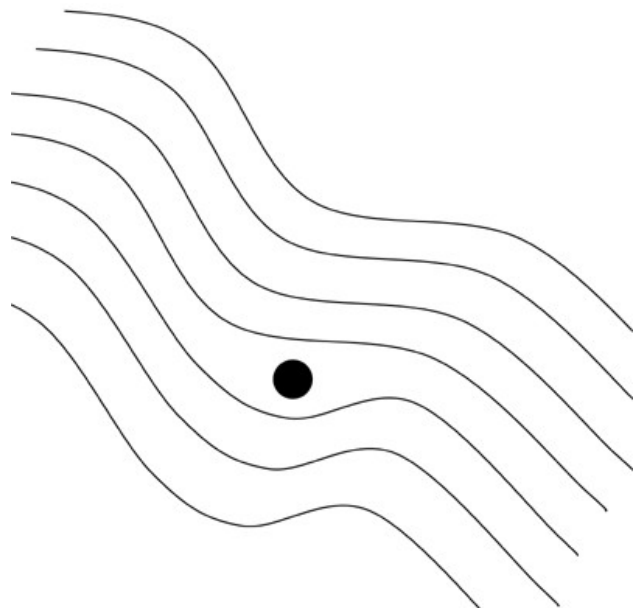
## Biểu tượng Sơ đồ Trình dự báo rẽ

Khi trình dự báo rẽ được bật, biểu tượng dự báo rẽ sẽ được hiển thị trên bản đồ. Biểu tượng trình dự báo rẽ được sử dụng để truy cập Thiết lập trình dự báo rẽ và tắt trình dự báo rẽ bằng cách sử dụng nút bật/tắt.

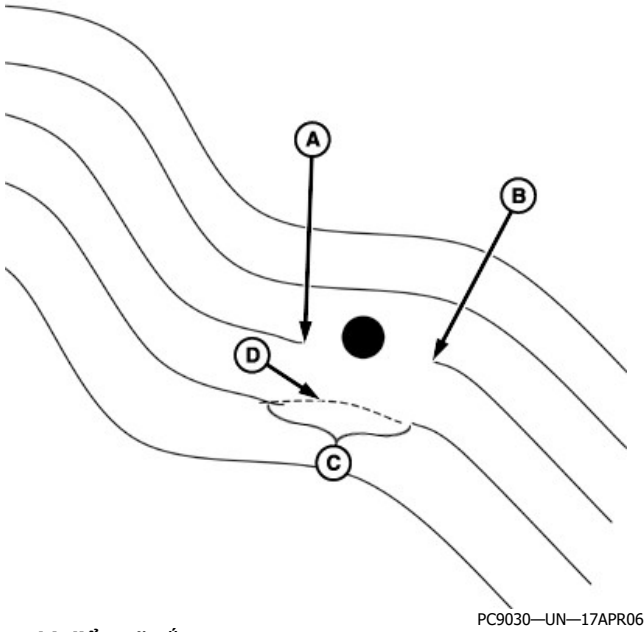
Khi được tắt, trình dự báo rẽ sẽ không cảnh báo người điều khiển thông qua dự đoán điểm cuối của hành trình và hiển thị khoảng cách đến điểm cuối của hành trình trong chế độ xem bản đồ. Trình dự báo rẽ phải được bật lên bằng tay trong trang Thiết lập nâng cao của Ứng dụng dẫn hướng. Biểu tượng trình dự báo rẽ sẽ không được hiển thị trên bản đồ khi tắt đi.

ct47125,1705347513073-83-15JAN24

## Điều hướng xung quanh vật cản



PC9029—UN—17APR06



- A—Ghi điểm rẽ Tắt**  
**B—Ghi điểm rẽ Bật**  
**C—Kết quả khoảng trống ở Hành trình kế tiếp**  
**D—Được lái thủ công để Thiết lập lại đường**

Người vận hành phải lái vòng qua bất kỳ vật cản nào gặp phải trên cánh đồng khi đang vận hành Đường cong thích ứng, ví dụ như miệng giếng, trụ điện thoại hoặc đường dây điện.

**GHI CHÚ:** Dùng nút đường thẳng để ghi lại đường thẳng quanh vật cản để tránh tạo khoảng cách trên đường.

**Ghi đang BẬT:** Nếu vẫn ghi khi đang lái quanh vật cản, đường lệch so với đường tự tạo sẽ được ghi và trở thành một phần của con đường. Trên hành trình kế tiếp tiếp cận đến khu vực này của cánh đồng, đường tự tạo của hành trình mà máy đang đi sẽ sát nhập vào đường lệch. Máy sẽ lái theo đường lệch. Để làm thẳng đường lệch đó, người vận hành phải đảm nhận việc lái máy thủ công và làm thẳng đường lệch. Khi người vận hành lái qua đường lệch trên cánh đồng và trở lại được đường đã định, có thể cài công tắc khôi phục và AutoTrac sẽ đảm nhận việc lái máy.

**Ghi đang TẮT:** Nếu tắt ghi khi gặp vật cản và lái vòng qua nó, và sau đó bật ghi trở lại khi đã điều hướng vòng qua vật cản và AutoTrac được cài để kết thúc hành trình, thì sẽ có một khoảng trống trên đường đã ghi, nơi xuất hiện vật cản. Ở đường kế tiếp khi máy tiến đến khoảng trống, người vận hành phải đảm nhận việc lái thủ công và điều hướng qua khoảng trống. Sau khi đã điều hướng qua khoảng trống và trở lại được đường tự tạo, có thể cài AutoTrac. Khoảng trống sẽ không xuất hiện ở các hành trình tiếp theo miễn là bật ghi cho hành trình tiếp theo.

ct47125,1705347512851-83-15JAN24

## Thông báo đã nhả AutoTrac

**Thông báo đã nhả AutoTrac** – Mỗi lần AutoTrac được nhả ra, có hai âm báo, sau đó là một cảnh báo giải thích lý do nhả. Cũng có thông điệp hiển thị để giải thích tại sao AutoTrac đã không giải. Thông báo nhả ra hiển thị trong 7 giây và sau đó sẽ biến mất.

| Thông báo đã nhả AutoTrac |                                                                 |
|---------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| Mã                        | Thông báo                                                       |
| 702752.00                 | Chưa kiểm tra gì cả                                             |
| 702752.01                 | Đã di chuyển bánh lái                                           |
| 702752.02                 | Tốc độ bánh xe quá chậm                                         |
| 702752.03                 | Tốc độ bánh xe quá nhanh                                        |
| 702752.04                 | Số không hợp lệ                                                 |
| 702752.05                 | Đã thay đổi số rãnh                                             |
| 702752.06                 | Không có GPS tần số kép                                         |
| 702752.07                 | SSU có DTC hoạt động                                            |
| 702752.08                 | Lần chuyển tiếp gần đây đã được thực hiện                       |
| 702752.09                 | Thông báo GSD kém                                               |
| 702752.10                 | Không có Parallel Tracking                                      |
| 702752.11                 | Không có thẻ khóa                                               |
| 702752.12                 | Lỗi hướng hành trình quá rộng                                   |
| 702752.13                 | Lỗi lệch rãnh quá rộng                                          |
| 702752.14                 | Công tắc ghế đang mở                                            |
| 702752.15                 | Nhiệt độ dầu quá thấp                                           |
| 702752.16                 | Không có TCM                                                    |
| 702752.17                 | Mã kích hoạt không hợp lệ                                       |
| 702752.18                 | Van điều khiển chế độ chẩn đoán                                 |
| 702752.19                 | Công tắc đầu liên hợp tắt                                       |
| 702752.20                 | Công tắc đường/đồng kết hợp bật                                 |
| 702752.21                 | Điện áp không ổn định                                           |
| 702752.22                 | AutoTrac kích hoạt ở chế độ lùi quá lâu                         |
| 702752.23                 | AutoTrac kích hoạt dưới ngưỡng tốc độ thấp quá lâu              |
| 702752.24                 | Độ cong quá cao                                                 |
| 702752.25                 | Máy không di chuyển theo hướng tiến                             |
| 702752.26                 | Dòng ELX thấp (Tắt)                                             |
| 702752.27                 | Dữ liệu bánh răng kém                                           |
| 702752.28                 | Dữ liệu công tắc phục hồi kém                                   |
| 702752.29                 | Thông báo công tắc chính không hợp lệ                           |
| 702752.30                 | Công tắc dẫn hướng hàng/AutoTrac SPFH Tắt                       |
| 702752.31                 | Công tắc dừng khẩn cấp SPFH bật                                 |
| 702752.32                 | AutoTrac chưa được kích hoạt                                    |
| 702752.33                 | Đang nhận đường thẳng                                           |
| 702752.34                 | Theo dõi trên đường thẳng                                       |
| 702752.35                 | Hướng không xác định                                            |
| 702752.36                 | Chuyển đến GPS quá rộng                                         |
| 702752.37                 | Ra khỏi luống                                                   |
| 702752.38                 | Cảm biến xuống dốc hết thời gian                                |
| 702752.39                 | Trình tự thông báo bị lỗi                                       |
| 702752.40                 | Máy không thể đạt được độ cong của rãnh đã đặt lệnh             |
| 702752.41                 | Tốc độ máy theo GPS không khớp với tốc độ máy dựa trên bánh lái |
| 702752.42                 | Độ cong hiện tại không khớp                                     |

|           |                                                       |
|-----------|-------------------------------------------------------|
| 702752.43 | Máy đang đỗ                                           |
| 702752.44 | Thông báo lệnh trợ lái hết thời gian                  |
| 702752.45 | Thông báo trạng thái lái hỗ trợ hết thời gian         |
| 702752.46 | Dữ liệu công tắc ghế bị lỗi                           |
| 702752.47 | Dữ liệu VIN bị lỗi                                    |
| 702752.48 | Dữ liệu khoảng cách hai cầu bị lỗi                    |
| 702752.49 | Thông báo thông tin TCM hết thời gian                 |
| 702752.50 | Hết thời gian chờ thông báo tự động điều khiển máy    |
| 702752.51 | Thông báo tỷ lệ chênh/lăn của máy đã hết thời gian    |
| 702752.52 | Thông báo tốc độ/hướng dựa trên bánh xe hết thời gian |
| 702752.53 | Dữ liệu rãnh hết thời gian                            |
| 702752.54 | Lỗi không xác định của bộ điều khiển hệ thống lái     |
| 702752.55 | Nhiệt độ của AutoTrac Universal nằm ngoài phạm vi     |
| 702752.56 | AutoTrac hoạt động ở chế độ lái bốn bánh quá lâu      |
| 702752.57 | Máy ở chế độ lái cơ cầu nâng                          |
| 702752.58 | Không được phép ủy quyền                              |
| 702752.62 | Được bảo lưu                                          |
| 702752.63 | Không hành động                                       |

ct47125,1705347511762-83-15JAN24

## Dẫn hướng dụng cụ AutoTrac (Thụ động)

Dẫn hướng dụng cụ AutoTrac (thụ động) được dùng để cải thiện độ chính xác trong điều kiện thay đổi cánh đồng, hành trình bị cong và địa hình dốc. Dẫn hướng dụng cụ AutoTrac (thụ động) điều khiển máy theo cách giữ dụng cụ trên đường dẫn hướng.

Dẫn hướng dụng cụ AutoTrac sử dụng các số đo cấu hình dụng cụ trong ứng dụng Trình quản lý thiết bị và tín hiệu GPS từ các bộ thu của máy và dụng cụ. Sử dụng thông tin này để xác định vị trí của bộ thu trên dụng cụ liên quan đến bộ thu của máy. Dựa trên đường dẫn hướng, tính năng Dẫn hướng dụng cụ AutoTrac sẽ lái máy sao cho dụng cụ đi theo đúng đường dẫn hướng. Việc này có thể làm cho máy di chuyển lệch khỏi đường dẫn hướng.

### Điều hướng đến Dẫn hướng AutoTrac

1. Chọn Menu.
2. Chọn tab Ứng dụng.
3. Chọn ứng dụng Dẫn hướng AutoTrac.



Biểu tượng cài đặt

PC15305—UN—19MAR13

Chọn biểu tượng Cài đặt để bật dẫn hướng dụng cụ AutoTrac (thụ động).

**GHI CHÚ:** Dẫn hướng dụng cụ có thể bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong điều kiện cánh đồng, thay đổi trong điều kiện môi trường và thiết lập máy hoặc dụng cụ không đúng.

### Yêu cầu:

**GHI CHÚ:** Xe khí nén loại kéo ở giữa dòng C và Truyền động thủy lực 1910 tương thích với Hướng dẫn dụng cụ AutoTrac (thụ động) và được hỗ trợ với loại rãnh thẳng, đường cong, đường biên và rãnh AutoPath.

- Màn hiển thị đa năng G5
- Giấy phép hợp lệ cho Dẫn hướng dụng cụ
- Bộ thu StarFire gắn máy
  - Bộ thu StarFire 3000 với tín hiệu SF2 hoặc RTK
  - Bộ thu StarFire 6000 với tín hiệu SF3 hoặc RTK
  - Bộ thu StarFire 7000/7500 với tín hiệu SF-RTK hoặc RTK
- Bộ thu StarFire gắn dụng cụ
  - Bộ thu StarFire 3000 với tín hiệu SF1, SF2 hoặc RTK
  - Bộ thu StarFire 6000 với tín hiệu SF1, SF3 hoặc RTK
  - Bộ thu StarFire 7000/7500 với tín hiệu SF1, SF-RTK hoặc RTK
- Tín hiệu chia sẻ được bật

**GHI CHÚ:** Nếu sử dụng bộ thu có các cường độ tín hiệu khác nhau, bộ thu của máy phải có tín hiệu tốt hơn. Tín hiệu chia sẻ cho bộ thu của dụng cụ sẽ tự động đặt thành bật.

### Hướng dẫn dụng cụ AutoTrac ở chế độ lùi

Hướng dẫn dụng cụ AutoTrac ở chế độ lùi được hỗ trợ trên các máy sau đây:

- Tất cả các máy đang chạy cấu hình AT2
- Máy kéo sê-ri 7, 8 và 9 với dụng cụ kéo đơn

Tốc độ khuyến nghị khi vận hành Hướng dẫn dụng cụ AutoTrac ở chế độ lùi nằm trong khoảng 3—6 km/giờ (2—4 dặm/giờ). Để đạt hiệu suất tối ưu, hãy chuyển lại sang chế độ tiến khi sai số giữa máy và dụng cụ là 13 cm (5 in) hoặc ít hơn.

Để biết máy đang hoạt động trên cấu hình nào, hãy điều hướng đến Chẩn đoán AutoTrac:

1. Chọn Biểu đồ tròn AutoTrac.
2. Chọn Tình trạng.
3. Chọn Hệ thống AutoTrac.
4. Kiểm tra để đảm bảo Chế độ AutoTrac đang là AT 2.0.

### Đã gắn Hướng dẫn dụng cụ AutoTrac

**GHI CHÚ:** Hướng dẫn dụng cụ AutoTrac™ không tương thích với các dụng cụ được gắn bằng cơ cấu 3 điểm phía sau, ngoại trừ Máy gieo hạt TT 8022 sử dụng thanh treo sau 3 điểm không xoay.

Hệ thống sẽ tự động kích hoạt hoặc tắt dựa trên vị trí thanh treo (0% khi thanh treo nằm ở vị trí thấp nhất và 100% khi thanh treo nằm ở vị trí cao nhất):

**Điều kiện Kích hoạt:** Được kích hoạt khi dụng cụ được hạ và đạt 70% hành trình thanh treo (mặc định).

**Điều kiện Tắt:** Được tắt khi dụng cụ được nâng lên trên 85% hành trình thanh treo (mặc định).

#### Quy tắc định cấu hình:

1. Ngưỡng Kích hoạt và Tắt phải cách nhau tối thiểu 10%.
2. Ngưỡng Tắt không được vượt quá 95%.
3. Ngưỡng Kích hoạt (giới hạn dưới) không được cao hơn ngưỡng Tắt (giới hạn trên).
4. Ngưỡng Tắt (giới hạn trên) không được thấp hơn ngưỡng Kích hoạt (giới hạn dưới).

ZIDXX1X,1751351942342-83-01JUL25

## AutoTrac RowSense

AutoTrac RowSense is an enhancement to integrated AutoTrac when harvesting corn or applying product. Signals provided by row sensors are integrated with existing AutoTrac signals to keep the machine on rows. Khi không có tín hiệu từ cảm biến luống (ví dụ như khi lái qua một rãnh nước), dẫn hướng hệ thống định vị toàn cầu thông thường (GPS) sẽ được sử dụng.

AutoTrac RowSense làm việc với tất cả các phương thức tạo rãnh và kiểu thu hoạch và áp dụng tiêu chuẩn nhất. Tất cả chế độ tạo rãnh đều được thiết lập giống như các thiết lập cho AutoTrac dựa trên GPS.

Liên hệ đại lý của John Deere để mua AutoTrac RowSense.

Tham khảo Hướng dẫn vận hành AutoTrac RowSense để biết thêm thông tin.

### Hoạt động xê dịch vết bánh theo đường dẫn

**GHI CHÚ:** Hoạt động xê dịch vết bánh theo đường dẫn yêu cầu có Màn hình cao cấp.

Khi AutoTrac RowSense được bật, vết bánh theo đường dẫn sẽ được xê dịch để giữ ở vị trí trung tâm so với vị trí của các cảm biến luống. Khi chọn một cánh đồng mới hoặc AutoTrac RowSense bị tắt, hệ thống sẽ xóa bất kỳ xê dịch nào cho tất cả các rãnh dẫn hướng đã được AutoTrac RowSense thiết lập.

### Biểu tượng trạng thái AutoTrac RowSense



PC24011—UN—31MAR17

Trạng thái chờ (biểu tượng màu trắng)

Hệ thống đang không cài.



PC28735—UN—25AUG22

Hệ thống đã cài (biểu tượng màu xanh lá)

chệch lệch đang cài và vận hành với cả cảm biến luống và GPS.



PC28736—UN—25AUG22

Không có tín hiệu GPS (biểu tượng màu vàng)

Hệ thống đang cài và vận hành chỉ với dữ liệu cảm biến luống.



PC28737—UN—25AUG22

Không có tín hiệu cảm biến luống (biểu tượng màu cam)

Hệ thống đang cài và chỉ vận hành với GPS.

### Gài cảm biến luống

Khi đã đặt đường dẫn ban đầu, có thể nhấn nút tiếp tục AutoTrac khi máy ở trong phạm vi một nửa khoảng cách rãnh và ở một góc chấp nhận được với các luống. RowSense sẽ dẫn hướng máy ngay khi các cảm biến luống có thể xác định vị trí luống.

Rễ mủi đất được thực hiện tương tự như với AutoTrac dựa trên GPS.

1. Người vận hành ngồi thẳng hàng với đường dẫn.
2. Nhấn công tắc khôi phục để chuyển sang gài AutoTrac.
3. Cảm biến luống phát hiện vị trí của luống và tuân theo đó.

Tính năng mở rộng đường của Rãnh Tròn Thích Ứng, Rãnh Đường Tròn, và Rãnh Tròn AB có thể được sử dụng để mở rộng đường dẫn bên cạnh tiến vào mủi đất.

### Mất luống tạm thời

Xảy ra mất luống tạm thời khi mất dữ liệu cảm biến luống. AutoTrac hoạt động bằng GPS cho đến khi lấy lại

được dữ liệu luồng. Tình trạng mất luồng tạm thời có thể xảy ra khi đi vào rãnh nước.

Khi sử dụng Rãnh thẳng hoặc Rãnh Đường cong AB, luồng sẽ bị mất và rãnh dẫn hướng sẽ được định hướng tâm lại. Phương pháp này giúp cho AutoTrac RowSense có khả năng thu lại được rãnh chuẩn tốt hơn về phía bên kia của rãnh nước.

### RowSense thủ công

Lựa chọn chế độ RowSense thủ công để chỉ sử dụng cảm biến luồng trên đầu cắt. RowSense thủ công không yêu cầu giấy phép.

Chế độ RowSense thủ công sẽ xuất hiện trong Thiết lập dẫn hướng nâng cao khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Máy được cài đặt màn hình đa năng G5.
- Màn hình phát hiện máy là máy thu hoạch cỏ tự động, máy thu hoạch bông hoặc máy dỡ bông.
- Màn hình phát hiện các cảm biến tìm luồng trên bus CAN.

ct47125,1705347511649-83-15JAN24

## Tắt AutoTrac khi không sử dụng



Biểu tượng cài đặt

PC15305—UN—19MAR13

**LƯU Ý: Tránh nguy cơ gây tai nạn hoặc thương tích. Luôn tắt (nhả ra và tắt) hệ thống AutoTrac trước khi vào đường đi lại.**

BẬT/TẮT Dẫn hướng chính điều khiển ứng dụng Dẫn hướng.

**QUAN TRỌNG: Tránh làm hỏng hệ thống. Bỏ chọn bất kỳ rãnh nào đang hoạt động trong danh sách Vết bánh theo đường dẫn trước khi tắt công tắc Dẫn hướng chính.**

Nút BẬT/TẮT trên mô-đun trang vận hành chỉ bật hoặc tắt AutoTrac và không tắt Ứng dụng Dẫn hướng.

**GHI CHÚ:** Ứng dụng dẫn hướng sẽ tắt khi tắt Hướng dẫn chính. Hướng dẫn này bao gồm tất cả chức năng của màn hình.

Hướng dẫn chính có trong cài đặt hướng dẫn. Chọn biểu tượng Cài đặt phía trên ứng dụng Dẫn hướng.

ct47125,1705347511326-83-15JAN24

## Nhả và tắt hệ thống

**LƯU Ý: Để tránh tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng, hãy tắt hệ thống dẫn hướng trước khi vào đường giao thông.**

### Nhả Hệ thống AutoTrac

Nhả hệ thống AutoTrac bằng:

- Quay vô lăng.
- Giảm tốc độ xuống dưới 0,5 km/giờ (0,3 dặm/giờ).

**GHI CHÚ:** Trên một số máy nhất định, AutoTrac có thể vận hành ở tốc độ thấp tới 0,1 km/giờ (0,06 dặm/giờ). Xem Hướng dẫn vận hành máy để biết thêm thông tin.

- Bật tắt nút Lái trong cho đến khi Tắt lái hiển thị trong tab Chế độ xem dẫn hướng hoặc ứng dụng Dẫn hướng và AutoTrac giảm xuống 2/4 biểu đồ hình tròn trạng thái.
- Người vận hành rời khỏi ghế trong hơn 7 giây nếu sử dụng công tắc ghế hoặc màn hình giám sát sự có mặt của người vận hành không phát hiện thấy hoạt động nào trong 7 phút.

Khi AutoTrac™ đang cài, người vận hành có thể xoay vô lăng để ngắt AutoTrac và lái thủ công. Hoặc người vận hành có thể bật tắt công tắc đi trên đường và khôi phục sang vị trí TẮT để nhả AutoTrac. Việc này sẽ làm biểu đồ hình tròn trạng thái AutoTrac giảm xuống 1/4 và kích hoạt bộ hẹn giờ 30 giây:

- Nếu công tắc được BẬT trước khi hết hẹn giờ 30 giây, AutoTrac sẽ được bật ở 3/4 biểu đồ hình tròn trạng thái. Nhấn công tắc khôi phục để chuyển sang gài lại AutoTrac.
- Nếu công tắc được BẬT sau khi hết hẹn giờ 30 giây, AutoTrac sẽ được cấu hình ở 2/4 biểu đồ hình tròn trạng thái. AutoTrac phải được bật lại tới 3/4 biểu đồ hình tròn trạng thái trước khi gài lại AutoTrac bằng cách nhấn công tắc khôi phục.

**GHI CHÚ:** Công tắc đi trên đường và khôi phục không xuất hiện trong hướng lái AutoTrac tích hợp.

**GHI CHÚ:** MY26 XUV Gator (AT2) được trang bị hệ thống phát hiện sự hiện diện của người vận hành thông qua trạng thái tháo dây đai an toàn. Sự hiện diện của người vận hành được theo dõi qua trạng thái dây đai an toàn; nếu dây đai an toàn được tháo ra, Dẫn hướng Autotrac sẽ bị ngắt.

### Tắt Hệ thống AutoTrac

Trên công tắc đi trên đường và khôi phục, chuyển công tắc sang vị trí TẮT để AutoTrac giảm xuống 1/4 biểu đồ hình tròn trạng thái.

Để tắt AutoTrac qua Màn hình GreenStar:

1. Chọn phím chức năng Dẫn hướng.
2. Chọn thẻ Cài đặt Dẫn hướng.
3. Chọn trình đơn thả xuống Chế độ kéo.
4. Chọn Tắt dẫn hướng.

Trên màn hiển thị, chọn biểu tượng Cài đặt ở trên đầu ứng dụng Dẫn hướng và TẮT chức năng Dẫn hướng chính.

ZIDXXK1X,1749792007505-83-08JUL25

## Cài đặt Hướng dẫn



Biểu tượng cài đặt

PC15305—UN—19MAR13

Chọn biểu tượng CÀI ĐẶT nằm phía trên cùng của ứng dụng hướng dẫn để cấu hình cho các cài đặt hướng dẫn.

## Dẫn hướng chính

Nút chuyển đổi Hướng dẫn chính chuyển ứng dụng Hướng dẫn sang BẬT hoặc TẮT.

ct47125,1705347511096-83-15JAN24

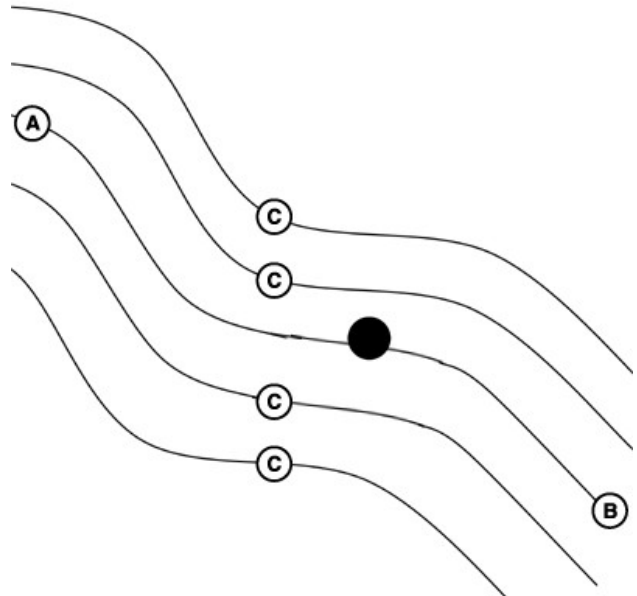
## Tín hiệu theo dõi

Có thể dùng Âm thanh tìm lộ trình làm chỉ báo âm thanh cho hướng lái. Nếu lộ trình ở bên phải máy, sẽ có hai tiếng bíp. Nếu ở bên trái máy, sẽ có một tiếng bíp cao. Cảnh báo sẽ lặp lại khi lỗi lệch lộ trình giữa máy và lộ trình hướng dẫn là 10—40 cm (4—16 inch).

**GHI CHÚ:** Âm thanh tìm lộ trình được mặc định là BẬT.

ct47125,1705347511032-83-15JAN24

## Ghi một Đường thẳng hoặc Điều hướng quanh vật cản



PC9030C—UN—27OCT06

Điều hướng quanh vật cản



PC15310—UN—09APR13

Nút Đường cong và Đường thẳng

- A—Điểm A
- B—Điểm B
- C—Đường tạo từ Lộ trình 0
- D—Đoạn cong
- E—Đoạn thẳng

1. Bắt đầu ghi đường cong AB
2. Khi muốn ghi một đường thẳng, chọn nút Đoạn thẳng.

**GHI CHÚ:** Một đoạn thẳng sẽ được “chụp nhanh” khi nhấn nút Đoạn thẳng cho đến khi nhấn nút Đoạn cong hoặc nút Hoàn tất để hoàn tất lộ trình.

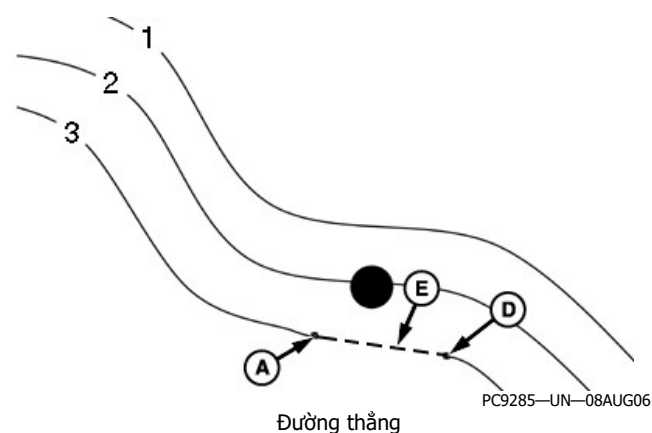
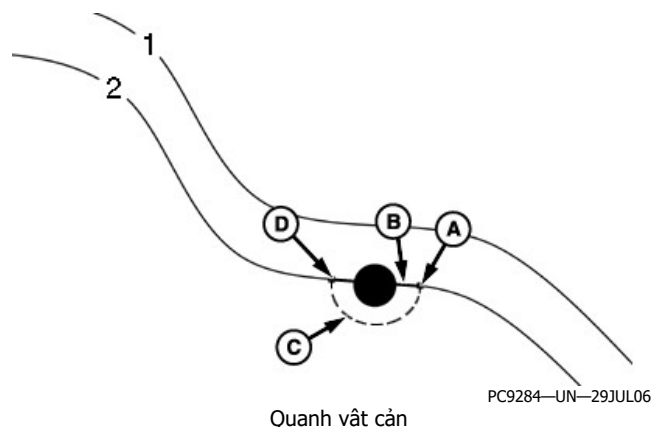
3. Chọn nút Đường cong để hoàn tất việc ghi đường thẳng và quay trở lại ghi đường cong.

Quy trình này có thể có ích khi có một phần đường thẳng dài hoặc khi điều hướng quanh vật cản.

Có thể chuyển giữa nút đoạn thẳng và đoạn cong trong khi ghi nếu cần.

ct47125,1705347510873-83-15JAN24

## Ghi một đường thẳng trong phạm vi một Đường cong thích nghi



Nút Đường cong và Đường thẳng

PC15311—UN—09APR13

- A—Đường thẳng đã chọn
- B—Đoạn thẳng được tạo để nối hai điểm
- C—Đường máy kéo không ghi
- D—Đường cong được chọn
- E—Đường được ghi làm đường thẳng giữa điểm A và D
- F—Nút đường cong
- G—Nút đường thẳng

1. Bắt đầu ghi Đường cong thích nghi.
2. Khi muốn ghi một đường thẳng, chọn nút Đường thẳng.

**GHI CHÚ:** Một đoạn thẳng sẽ được "chụp nhanh" khi nhấn nút Đoạn thẳng cho đến khi nhấn nút Hoàn tất để hoàn tất lộ trình.

3. Chọn nút Đường cong để hoàn tất việc ghi đường thẳng và quay trở lại ghi đường cong.

Quy trình này có thể có ích khi có một phần đường thẳng dài hoặc khi điều hướng quanh vật cản.

Có thể chuyển giữa nút đoạn thẳng và đoạn cong trong khi ghi nếu cần.

**GHI CHÚ:** Có thể tạo được đoạn thẳng dài nhất là 0,8 km (0,5 dặm) (2.640 ft.). Với khoảng cách xa hơn, đoạn thẳng sẽ không kết nối, tạo ra khoảng trống trên đường đi.

ct47125,1705347510690-83-15JAN24

# Vận hành—AutoTrac Turn Automation

## Tự động rẽ AutoTrac



Tự động rẽ AutoTrac

PC28762—UN—25AUG22

Ứng dụng Tự động rẽ AutoTrac sẽ tự động hóa các lần rẽ cuối ở các máy được trang bị. Tính năng tự động này cho phép người vận hành tập trung vào các công việc khác thay vì phải chỉ đạo các đường rẽ cuối.

Nên sử dụng cài đặt mặc định khi thiết lập ban đầu cho Tự động rẽ AutoTrac. Cài đặt mặc định cung cấp điểm bắt đầu hoạt động phù hợp với nhiều cấu hình máy và dụng cụ. Với một số cấu hình, có thể cần điều chỉnh cài đặt nâng cao cho Tự động rẽ AutoTrac để tinh chỉnh hiệu suất. Ví dụ: nếu máy kéo có chiều rộng lớn hơn bằng cách thêm ba lớp hoặc nếu bán kính quay bị ảnh hưởng bằng cách điều chỉnh các điểm dừng lái, có thể cần phải điều chỉnh giá trị Bán kính quay tối đa và Góc rẽ tối đa.

### Điều hướng sang Tự động rẽ AutoTrac

1. Chọn Menu.
2. Chọn tab Ứng dụng.
3. Chọn ứng dụng Tự động rẽ AutoTrac.

### Lập bản đồ

Mô-đun bản đồ Tự động rẽ AutoTrac sẽ hiển thị thông tin về các lối rẽ sắp tới, chẳng hạn như khoảng cách tới lối rẽ và hướng rẽ. Dùng Trợ giúp trên màn hình để biết thêm thông tin về ứng dụng Ảnh xạ.

### Khả năng tương thích của Tự động rẽ AutoTrac

Tự động rẽ AutoTrac tương thích với các màn hiển thị và bộ thu sau đây:

**GHI CHÚ:** Cập nhật phần mềm lên phiên bản mới nhất.

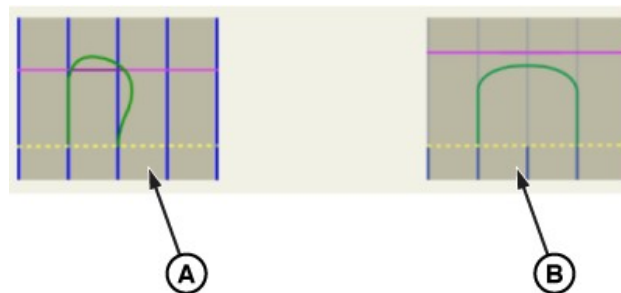
- Màn hiển thị CommandCenter 4600
- Màn hiển thị đa năng 4640
- Màn hiển thị CommandCenter G5
- Màn hiển thị đa năng G5
- Bộ thu StarFire 3000
- Bộ thu StarFire 6000
- Bộ thu StarFire 7000
- Bộ thu StarFire 7500

Tự động rẽ AutoTrac không tương thích với các màn hiển thị sau đây:

- CommandCenter 4200
- Bộ xử lý CommandCenter 4600 phiên bản 1
- Màn hiển thị đa năng 4240

- Màn hiển thị GreenStar ban đầu
- Màn hiển thị GreenStar 2 1800
- Màn hiển thị GreenStar 2 2600
- Màn hiển thị GreenStar 3 2630 khi dùng với CommandCenter 4600 hoặc Màn hiển thị đa năng 4640

## Đề xuất Bỏ qua rẽ



PC613045—UN—20FEB24

Đề xuất Bỏ qua rẽ

**A—Không bỏ qua**  
**B—Bỏ qua rẽ**

Tự động rẽ AutoTrac đề xuất bỏ qua rẽ nếu cần khi khoảng cách hai rãnh nhỏ hơn đường kính rẽ tối thiểu của máy. Tính năng này chỉ được triển khai khi chọn rẽ hình chữ U.

Chọn OK trên thông báo Đề xuất Bỏ qua rẽ để đồng ý bỏ qua rẽ. Đóng thông báo hoặc chọn Hủy để bỏ qua khuyến nghị và tiếp tục mà không thực hiện thao tác rẽ bỏ lượt.

**GHI CHÚ:** Các lựa chọn được giữ lại trong chu kỳ khởi động lạnh và khởi động nóng.

**GHI CHÚ:** Đề xuất sẽ xuất hiện lại khi thay đổi cánh đồng và khoảng cách hai rãnh nhỏ hơn đường kính rẽ.

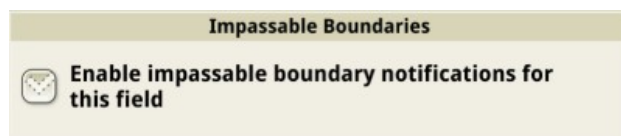
### Xác định kích thước đường rẽ thông minh

Khi khoảng cách hai rãnh bằng hoặc lớn hơn đường kính rẽ tối thiểu của máy, ứng dụng sẽ lên kế hoạch đường rẽ hình chữ U hiệu quả.

Khi khoảng cách hai rãnh nhỏ hơn đường kính rẽ tối thiểu của máy, hình dạng rẽ sẽ là hình bóng đèn, điều này cần nhiều không gian hơn để hoàn thành.

**GHI CHÚ:** Nếu chấp nhận Bỏ qua rẽ, ứng dụng sẽ bỏ qua tính năng xác định kích thước đường rẽ thông minh.

### Đường biên không thể đi qua



PC661533—UN—30JAN25

Đường biên không thể đi qua

Cảnh báo Đường biên không thể đi qua có thể bị tắt khi chọn hộp kiểm trong Cài đặt nâng cao AutoTrac Turn Automation. Hộp kiểm đặt về trạng thái mặc định (đã bật cảnh báo) trong các điều kiện sau:

- Thay đổi cánh đồng
- Người vận hành không ngồi ở ghế
- Chu kỳ bật tắt nguồn

ch177nn,1738309063983-83-03FEB25

## Tự động rẽ AutoTrac máy kéo

Sử dụng Tự động rẽ AutoTrac với iTEC để tự động hóa nhiều công việc bên trong cabin. Tính năng tự động này cho phép người vận hành tập trung vào thiết bị và công việc thay vì để ý đến thao tác vận hành thiết bị.

### Yêu cầu về vận hành

- Phải kích hoạt Tự động rẽ AutoTrac.
- Tính năng tự động rẽ phải ở trạng thái bật.
- Phải bật iTEC chính

**GHI CHÚ:** Tự động rẽ AutoTrac không tương thích với các rãnh đường vào của máy.

**GHI CHÚ:** Để sử dụng Tự động rẽ AutoTrac với các Đường cong AB, phải ghi Đường cong AB từ một đầu của cánh đồng đến đầu kia (từ đất cuối ruộng đến đất cuối ruộng). Những lần rẽ ở đầu sẽ không được tạo nếu Đường cong AB không được ghi đúng.

- Rãnh thẳng, đường cong AB, hoặc AutoPath phải được chọn.
- Phải xác định Trình tự múi đất.
- Thông tin Đường biên cánh đồng phải đầy đủ.
- Phải đáp ứng các yêu cầu về Cấu hình dụng cụ.
- Phải đáp ứng các yêu cầu Cấu hình máy.
- Có thể bật rẽ hình số 8 (tùy chọn).

Tự động rẽ AutoTrac có chứa điều khiển tốc độ và dẫn hướng nâng cao, các chức năng hệ thống quản lý thực hiện (Implement Management System, IMS) và các chức năng của iTEC. Khi sử dụng Tự động rẽ AutoTrac trên máy kéo với IMS hoặc một số máy kéo với iTEC, phải tắt máy kéo IMS hoặc iTEC. Sử dụng bảng sau đây để xác định xem có cần tắt máy kéo iTEC không.

| Model máy | Số sê-ri |
|-----------|----------|
| 6R        | -20100   |
| 7R        | -10001   |
| 8R        | -67001   |
| 8RT       | -909001  |
| 9R        | -10000   |
| 9RT       | -904000  |

**GHI CHÚ:** Nếu bật IMS hoặc iTEC, công tắc chính iTEC trên màn hình đa năng G5 sẽ tự động tắt và không thể hoàn thành quá trình thiết lập Tự động rẽ AutoTrac.

Tùy vào máy, tắt IMS hoặc iTEC bên dưới iTEC trên CommandCenter hoặc trên bảng điều khiển bên tay phải. Để sử dụng lại IMS hoặc iTEC trên CommandCenter, hãy tắt Tự động rẽ AutoTrac và iTEC trên Màn hình thị đa năng G5.

## Cài đặt Tự động rẽ AutoTrac máy kéo



PC620657—UN—17MAY24

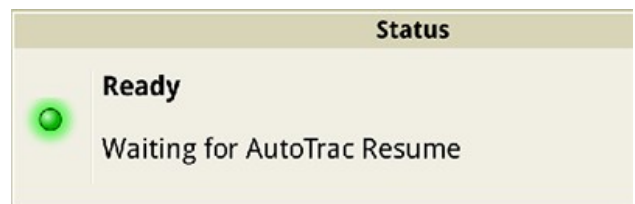
Trang Cài đặt Tự động rẽ AutoTrac máy kéo

- A—Tự động rẽ**
- B—Trạng thái**
- C—Cài đặt rẽ**
- D—Kiểm soát tốc độ**
- E—Điều khiển thiết bị**
- F—Đất cuối ruộng**
- G—Nội biên**

**Tự động rẽ (A) – BẬT** để kích hoạt Tự động rẽ AutoTrac.

**GHI CHÚ:** Đối với các máy có iTEC, khi Tự động rẽ BẬT cũng sẽ kích hoạt các tính năng iTEC. Nếu TẮT iTEC, tính năng Tự động rẽ AutoTrac cũng TẮT

**Trạng thái (B)—**Cung cấp chỉ báo trực quan về trạng thái tự động hóa cho người vận hành.



PC28997—UN—24APR23

Trạng thái – Sẵn sàng – Đang chờ tiếp tục AutoTrac

- Đèn LED tắt (Tự động TẮT)—Công tắc bật tắt chính của Tự động rẽ TẮT.
- Đèn LED màu hổ phách (Chưa sẵn sàng) - Chưa đáp ứng một hoặc nhiều yêu cầu của tự động rẽ.
- Đèn LED màu đỏ (Phát hiện lỗi)— Phát hiện lỗi hệ thống.

- Đèn LED màu xanh lá (Sẵn sàng)—Tự động rẽ đã sẵn sàng. Nhấn công tắc khôi phục để bật.
- Đèn LED màu xanh dương (Đang hoạt động)—Hệ thống đang hoạt động.

**Cài đặt rẽ (C)**—Cung cấp chế độ xem nhanh các giá trị của các cài đặt khác nhau liên quan đến Tự động rẽ.

**Kiểm soát tốc độ (D)** – TẮT Kiểm soát tốc độ để điều khiển tốc độ máy thủ công.

*GHI CHÚ:* Không sử dụng điều khiển tốc độ nếu các ứng dụng khác hoặc các chức năng của máy cũng sử dụng điều khiển tốc độ.

*GHI CHÚ:* Màn hình hiển thị thông báo cảnh báo trước khi rẽ, hướng dẫn người vận hành giảm tốc độ để rẽ an toàn và chính xác.

**Điều khiển thiết bị (E)** – TẮT Điều khiển thiết bị để cho phép tự động rẽ chạy mà không cần thiết lập ITEC.

**Đất cuối ruộng (E)** – Chọn vùng văn bản để sửa đổi trình tự được kích hoạt cho đất cuối ruộng.

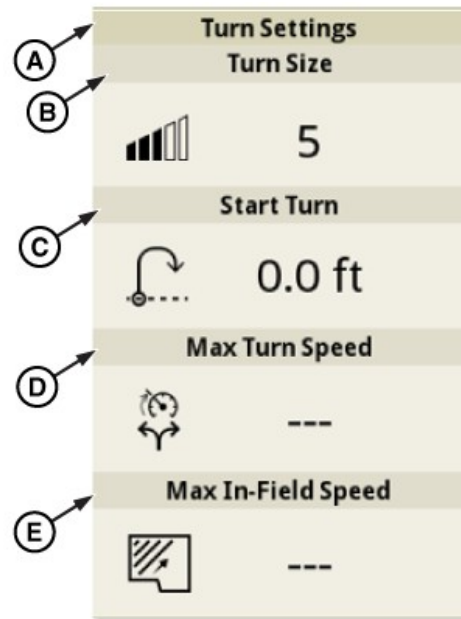
*GHI CHÚ:* Nếu Đường biên trong chuyển thành màu xám, điều đó có nghĩa là không có đường biên trong trên cánh đồng. Phải lái để tạo một đường biên trong để truy cập cài đặt.

**Đường biên trong (G)** – Chọn vùng văn bản để sửa đổi trình tự được kích hoạt cho đường biên trong.

*GHI CHÚ:* Nếu Đường biên trong chuyển thành màu xám, điều đó có nghĩa là không có đường biên trong trên cánh đồng. Phải lái để tạo một đường biên trong để truy cập cài đặt.

*GHI CHÚ:* Để biết thêm thông tin về Tự động rẽ, tham khảo Trợ giúp trên màn hình Tự động rẽ AutoTrac.

## Cài đặt rẽ



Cài đặt rẽ

PC613043—UN—12FEB24

- A—Cài đặt rẽ
- B—Kích thước đường rẽ
- C—Bắt đầu rẽ
- D—Tốc độ rẽ tối đa
- E—Tốc độ tối đa trên cánh đồng

**Cài đặt rẽ (A)**—Cung cấp chế độ xem nhanh các giá trị của các cài đặt khác nhau liên quan đến Tự động rẽ.

**Kích thước đường rẽ (B)**—Điều chỉnh hình dạng của đường rẽ. Số nhỏ hơn sẽ dẫn đến đường rẽ nhỏ hơn và ngược lại.

**Bắt đầu rẽ (C)**—Điều chỉnh đường rẽ để bắt đầu trước hoặc sau khi qua đường biên đất cuối ruộng.

*GHI CHÚ:* Nếu thay đổi thủ công tốc độ máy trong khi đang vận hành Tự động rẽ AutoTrac, cài đặt tự động hóa tốc độ cho tốc độ rẽ tối đa và tốc độ tối đa trên cánh đồng sẽ không còn được sử dụng cho các chức năng điều khiển tốc độ. Tuy nhiên, Tự động rẽ AutoTrac vẫn duy trì hoạt động và tiếp tục thực hiện dẫn hướng rẽ nâng cao, hệ thống quản lý dụng cụ (IMS) và các chức năng ITEC.

*GHI CHÚ:* Tốc độ rẽ tối đa sẽ không ghi đè lên tốc độ đã đặt của máy kéo. Tốc độ tối đa mà máy có thể hoạt động khi sử dụng tính năng Tự động rẽ AutoTrac sẽ là giá trị thấp hơn trong số hai giá trị.

**Tốc độ rẽ tối đa (D)**—Điều chỉnh tốc độ tối đa mà máy có thể chạy trong khi rẽ.

*GHI CHÚ:* Tốc độ tối đa trên cánh đồng sẽ không ghi đè lên tốc độ đã đặt của máy kéo. Tốc độ tối đa mà máy có thể hoạt động khi sử dụng tính năng Tự động rẽ AutoTrac sẽ là giá trị thấp hơn trong số hai giá trị.

**Tốc độ tối đa trên cánh đồng (E)**—Điều chỉnh tốc độ tối đa của máy khi không nằm trong đất cuối ruộng.

### Khả năng tương thích của máy kéo John Deere

Tự động rẽ AutoTrac trên máy kéo tương thích với các máy kéo John Deere sau đây:

**GHI CHÚ:** 8x30T và 9x30T không tương thích với Tự động rẽ AutoTrac.

- 6R FT4 (IVT và iTEC)
- Model 7M (CQT) năm 2024 và mới hơn
- 7R FT4 (IVT, CQT và e23)
- 8R, 8RT FT4 (EVT, IVT, PST 16 và e23)
- 8RX (EVT, IVT và e23)
- 9R, 9RX, 9RT FT4 (e18)
- 6R IT4 (IVT và iTEC)
- 7R IT4 (IVT và CQT)
- 8R, 8RT IT4 (IVT và PST 16)
- 9R, 9RT IT4 (PST 18)
- 8x30 (IVT và PST 16)
- 9x30 (PST 18)

IVT (Hệ truyền động biến thiên vô cấp)

CQT (Hộp số CommandQuad II)

PST (Hộp số PowerShift)

e18 (Truyền động PowerShift 18 tốc độ có Trình quản lý hiệu suất)

e23 (Truyền động PowerShift 23 tốc độ có Trình quản lý hiệu suất)

### Khả năng tương thích của xe khí nén kéo ở giữa

Tự động rẽ AutoTrac của máy kéo tương thích với các máy khí nén sau đây:

- Dòng C
- Truyền động thủy lực 1910

### Khả năng tương thích của dụng cụ

Tự động rẽ AutoTrac không tương thích với các dụng cụ sau đây:

- Dụng cụ gắn trước
- Nhiều dụng cụ được kéo nối tiếp trong đó phần làm việc không được kết nối trực tiếp với máy kéo

### Kiểu mẫu rẽ của máy kéo

Rẽ hình số 8

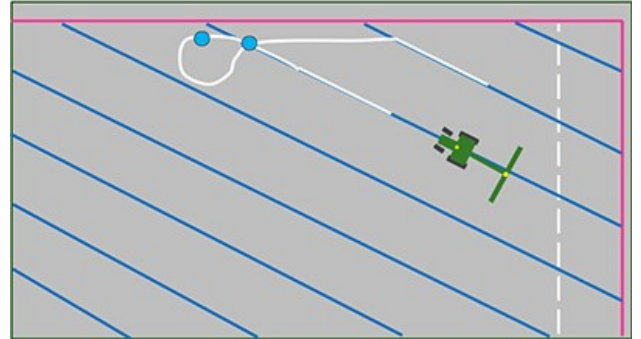
**GHI CHÚ:** Rẽ hình số tám được bật trong chú giải bản đồ của Tự động rẽ AutoTrac trong ứng dụng lập bản đồ.

Rẽ hình số tám được sử dụng khi một cánh đồng có đường biên trên/dưới và rãnh có góc cạnh. Việc rẽ được

đặt phía trong đường biên bằng một nửa chiều rộng thiết bị để giữ cho thiết bị nằm trong đường biên. Máy sẽ tự động chuyển sang rẽ hình chữ U nếu góc giữa đường dẫn hướng tới mũi đất vượt quá 45°, và sẽ chuyển lại rẽ hình số tám khi góc nhỏ hơn hoặc bằng 45°.

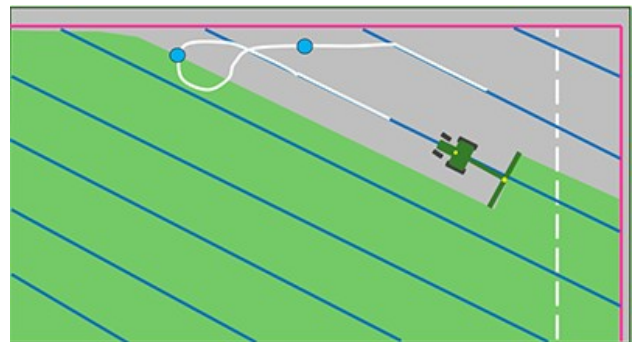
Hình số tám tương thích với rãnh thẳng.

Khi được chọn, Tối đa hóa vùng bao phủ khi rẽ sẽ đồng bộ thiết lập iTEC với diện tích bao phủ. Các chu trình iTEC sẽ được đặt ở nơi diện tích bao phủ bắt đầu và kết thúc. Thiết lập này được bật trong phần Thông tin và cài đặt.



PC28850—UN—08MAY23

Tối đa hóa vùng bao phủ khi rẽ – TẮT



PC28851—UN—08MAY23

Tối đa hóa vùng bao phủ khi rẽ – BẬT

**A—Vùng bao phủ TẮT**  
**B—Vùng bao phủ BẬT**

Để biết thêm thông tin về rẽ hình số tám, hãy xem Trợ giúp trên màn hình Tự động rẽ AutoTrac.

ch177nn,1707730259045-83-18SEP25

### Tự động rẽ AutoTrac liên hợp

Tự động rẽ AutoTrac cho các máy liên hợp chỉ tự động hoá các lần rẽ cuối. Tự động rẽ AutoTrac cho máy liên hợp không điều khiển tốc độ hoặc các chức năng khác của máy.

Tự động rẽ AutoTrac tương thích với AutoTrac và RowSense được tích hợp.

### Yêu cầu về vận hành

- Phải kích hoạt Tự động rẽ AutoTrac.

- Tính năng tự động rẽ phải ở trạng thái bật.
- Phải chọn rãnh thẳng hoặc AutoPath.
- Thông tin Đường biên cánh đồng phải đầy đủ.
- Phải đáp ứng các yêu cầu Cấu hình máy.
- Có thể bật Rẽ xoắn ốc (tùy chọn).

Ở cuối hành trình, Tự động rẽ AutoTrac bị tắt trước khi rẽ nếu mũi xoắn đỡ tải hoạt động hoặc mở rộng.

**GHI CHÚ:** LƯU Ý: Có thể mở rộng mũi xoắn đỡ tải nếu kích hoạt tính năng này trong Cài đặt nâng cao.

### Cài đặt AutoTrac Turn Automation liên hợp



PC29160—UN—01JUN23  
Cài đặt AutoTrac Turn Automation liên hợp

1. **Kích thước đường rẽ (A)**—Điều chỉnh hình dạng của đường rẽ. Số nhỏ hơn sẽ dẫn đến đường rẽ nhỏ hơn và ngược lại.
2. **Bắt đầu rẽ (B)**— Điều chỉnh đường rẽ để bắt đầu trước hoặc sau khi qua đường biên đất cuối ruộng.

### Tự động nâng/hạ dàn lưới



PC661531—UN—29JAN25  
Tự động nâng/hạ dàn lưới

Tự động nâng/hạ dàn lưới làm việc cùng với AutoTrac Turn Automation để tự động nâng và hạ đầu dàn lưới khi đi vào và ra khỏi vùng bao phủ/đường biên ở các khu vực chính.

Khi cả hai tính năng đều bật và đáp ứng các điều kiện tiên quyết, nhấn nút kích hoạt (2 hoặc 3) trên cần điều khiển đa chức năng để gài Tự động nâng/hạ dàn lưới.

**GHI CHÚ:** Tham khảo Trợ giúp trên màn hình và/hoặc Hướng dẫn người vận hành máy liên hợp tương thích để biết thêm thông tin về Tự động nâng/hạ dàn lưới.

### Khả năng tương thích của Tự động rẽ AutoTrac liên hợp

Tự động rẽ AutoTrac liên hợp tương thích với các máy liên hợp sau đây:

| Máy liên hợp John Deere | Năm model máy   |
|-------------------------|-----------------|
| Sê-ri S600              | 2012-2017       |
| Sê-ri S540 và S550      | 2012 và mới hơn |
| Sê-ri T                 | 2012 và mới hơn |
| Sê-ri W                 | 2012 và mới hơn |

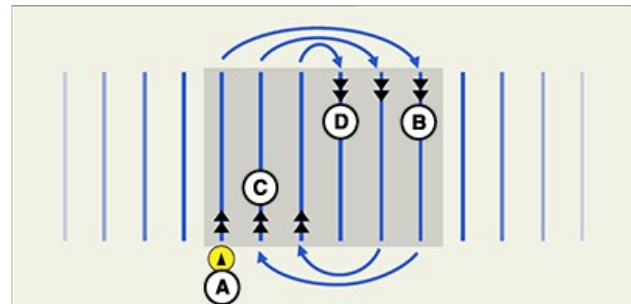
### Kiểu mẫu rẽ

**GHI CHÚ:** Các kiểu mẫu rẽ sẽ chọn hành trình để lái dựa trên vùng bao phủ. Nếu hành trình được bao phủ gần hết, máy sẽ bỏ qua hành trình và chuyển đến hành trình tiếp theo.

**GHI CHÚ:** Khi nhiều máy đang làm việc trên cùng một mảnh đất, có thể sử dụng vùng bao phủ chung để xác định hành trình tiếp theo để tránh chồng chéo.

Tự động rẽ AutoTrac liên hợp có thể rẽ theo hai kiểu xoắn ốc:

1. **Xoắn ốc vào**— Trong khi rẽ hình Xoắn ốc vào, máy sẽ luôn rẽ phải. Số lần bỏ qua bằng kích cỡ đất trừ đi 2. Sau khi hoàn thành công việc, số lần bỏ qua sẽ giảm dần về 0. Trong ví dụ này, kích cỡ đất được đặt về 6, do đó số lần bỏ qua tối đa là 4. Từ điểm bắt đầu (A), máy sẽ hoàn thành hành trình ban đầu, bỏ qua 4 hành trình và hoàn thành hành trình thứ 5 (B). Máy liên hợp bỏ qua 3 hành trình và hoàn thành hành trình tiếp theo (C) theo kiểu mẫu. Máy liên hợp tiếp tục xoắn ốc vào đến khi mọi hành trình đều hoàn thành. Sau khi thực hiện xong lần rẽ cuối cùng (D), máy mặc định sẽ đi thẳng qua hành trình. Người vận hành đi đến vùng đất tiếp theo và tiếp tục kiểu mẫu đã chọn.

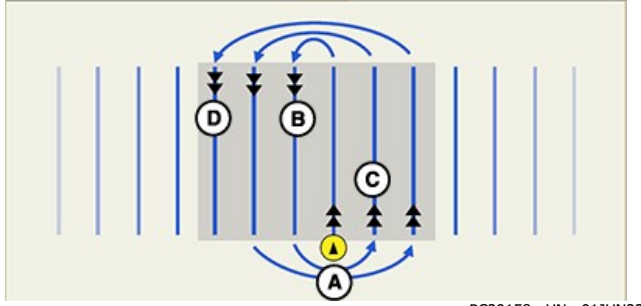


PC29159—UN—01JUN23  
Rẽ kiểu xoắn ốc vào với Kích cỡ đất là 6

- A—Điểm bắt đầu
- B—Hành trình thứ năm
- C—Hành trình tiếp theo
- D—Lần rẽ cuối cùng

2. **Xoắn ốc ra**— Máy liên hợp sẽ bắt đầu ở giữa vùng đất và rẽ kiểu xoắn ốc ra, luôn rẽ sang trái. Kích cỡ đất xác định số lần bỏ qua tối đa. Trong khi rẽ kiểu Xoắn ốc ra, số lần bỏ qua bắt đầu từ 0. Trong khi thực hiện các hành trình, số lần bỏ qua tăng dần cho đến khi đạt đến số lần bỏ qua tối đa. Trong ví dụ, kích cỡ đất là 6 và bắt đầu bằng 0 lần bỏ qua. Máy liên hợp đi từ điểm bắt đầu (A) lên hàng và di chuyển xuống hành trình liền kề bên trái (B). Khi máy liên hợp đến cuối hành trình thứ 2 (B), số lần bỏ qua sẽ tăng thêm một

khiến máy liên hợp bỏ qua luống đã hoàn thành và di chuyển lên hành trình gần nhất chưa thực hiện công việc (C). Máy liên hợp sẽ tiếp tục xoắn ốc ra cho đến khi hoàn thành số hành trình mong muốn. Sau khi thực hiện xong lần rẽ cuối cùng (D), máy mặc định sẽ đi thẳng qua hành trình. Người vận hành đi đến vùng đất tiếp theo và tiếp tục kiểu mẫu đã chọn.



Ví dụ về Xoắn ốc ra

PC29158—UN—01JUN23

- A—Điểm bắt đầu**  
**B—Luống thứ hai**  
**C—Luống thứ ba**  
**D—Lần rẽ cuối cùng**

ch177nn,1738062742433-83-31JAN25

## AutoTrac Turn Automation của máy phun

### Yêu cầu về vận hành

Với giấy phép Tự động 4.0 hoặc G5 Nâng cao, AutoTrac Turn Automation cho máy phun có sẵn trên các loại màn hiển thị sau:

- Màn hiển thị đa năng 4640
- Màn hiển thị CommandCenter 4600
- Màn hiển thị đa năng G5/ G5<sup>Plus</sup>
- Màn hiển thị CommandCenter G5/G5<sup>Plus</sup>

Các loại rãnh sau đây được hỗ trợ với tính năng AutoTrac Turn Automation của máy phun:

- Rãnh thẳng
- AutoPath (Luống)
- AutoPath (Đường biên)

**GHI CHÚ:** Khi đi vào đất cuối ruộng và ra khỏi cánh đồng, hệ thống sẽ cài đặt cờ Ngoài vùng cây trồng thành đúng tại giao điểm đất cuối ruộng với tâm của trục trước của máy.

Khi ra khỏi đất cuối ruộng và vào cánh đồng, hệ thống sẽ đặt cờ Ngoài vùng cây trồng thành sai tại giao điểm đất cuối ruộng với tâm của trục trước của máy.

Các chức năng sau đây không có sẵn trong AutoTrac Turn Automation của máy phun:

- Kiểm soát tốc độ
- Cài đặt trình tự
- Cài đặt tốc độ trên cánh đồng và tốc độ rẽ
- Đường cong AB, Đường cong thích ứng và Vòng tròn

### Cài đặt AutoTrac Turn Automation của máy phun

**GHI CHÚ:** Khi được bật, AutoTrac Turn Automation của máy phun sẽ chuyển sang trạng thái Sẵn sàng mà không cần cài đặt điều khiển tốc độ hoặc cài đặt trình tự.

### Cài đặt rẽ—Rãnh thẳng



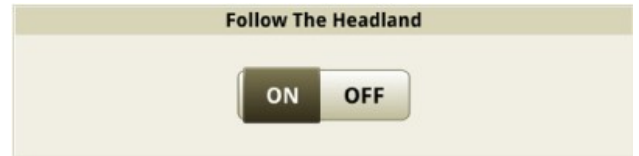
Cài đặt rẽ—Rãnh thẳng

PC661530—UN—29JAN25

**Kích thước rẽ (A):** Điều chỉnh hình dạng của đường rẽ. Số nhỏ hơn sẽ dẫn đến đường rẽ nhỏ hơn và ngược lại.

**Bắt đầu rẽ (B):** Điều chỉnh đường rẽ để bắt đầu trước hoặc sau khi qua đường biên đất cuối ruộng.

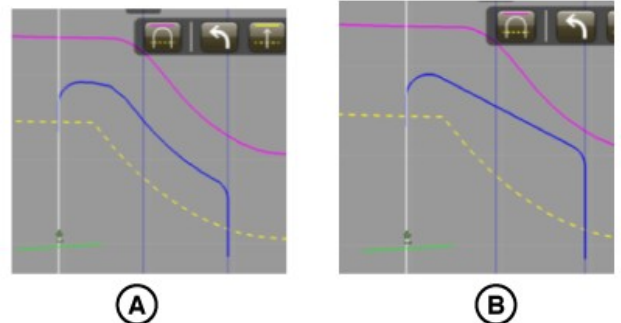
### Đi theo Đất cuối ruộng



Đi theo Đất cuối ruộng

PC662153—UN—17FEB25

Đi theo Đất cuối ruộng là cài đặt nâng cao chỉ khả dụng khi sử dụng chế độ hướng dẫn Rãnh thẳng.



Đi theo Đất cuối ruộng

PC661535—UN—02FEB25

- A—Đi theo Đất cuối ruộng BẬT**  
**B—Đi theo Đất cuối ruộng TẮT**

Khi được kích hoạt, máy sẽ đi theo độ cong của đất cuối ruộng nơi có đường cong. Khi tắt, máy đi theo đường

ngăn nhất (thẳng) qua đất cuối ruộng và không đi theo đường cong nếu có. Đi theo Đất cuối ruộng được BẬT theo mặc định. Lựa chọn của nút bật/tắt được giữ nguyên qua những chu kỳ bật tắt nguồn.

**GHI CHÚ:** Đi theo Đất cuối ruộng chỉ khả dụng khi sử dụng chế độ hướng dẫn Rãnh thẳng.

### Cài đặt rẽ—AutoPath (Luống)



Xê dịch luống

PC659264—UN—29JAN25

Khi sử dụng AutoPath (luống), cài đặt Xê dịch luống sẽ di chuyển (các) luống được chỉ định ra khỏi lượt đi đất cuối ruộng hiện tại của AutoPath. Xê dịch luống cho phép chọn hướng xê dịch (trong hoặc ngoài) và số luống cần di chuyển.

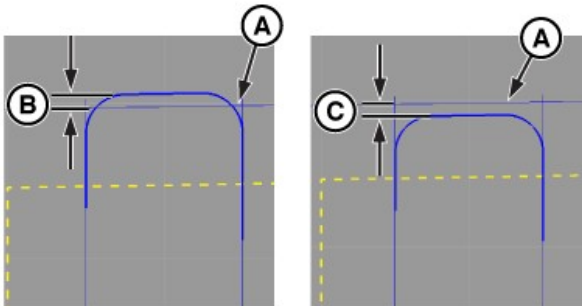
### Cài đặt rẽ—AutoPath (Đường biên)



Độ lệch bắt đầu rẽ

PC661529—UN—29JAN25

Độ lệch bắt đầu rẽ là vị trí khi máy bắt đầu rẽ tự động gần đến rãnh đường biên AutoPath.



Độ lệch bắt đầu rẽ

PC662154—UN—20FEB25

**A—Rãnh đường biên AutoPath**

**B—Độ lệch dương**

**C—Độ lệch âm**

Độ lệch dương (B) nghĩa là máy rẽ sau rãnh đường biên AutoPath (A). Độ lệch âm (C) nghĩa là máy thực hiện rẽ trước rãnh đường biên AutoPath (A).

Giá trị Độ lệch bắt đầu rẽ là từ +100 đến -100 và được điều chỉnh theo gia số là 0,3 m (1 ft).

### Khả năng tương thích của AutoTrac Turn Automation của máy phun/máy rải:

**QUAN TRỌNG:** Tham khảo Hướng dẫn bán hàng nông nghiệp để biết thêm thông tin về khả năng tương thích: [salesmanual.deere.com](http://salesmanual.deere.com)

### Kiểu mẫu rẽ

AutoTrac Turn Automation của máy phun chỉ hỗ trợ rẽ chữ U.

ch177nn,1737962575461-83-24NOV25

# Vận hành—Đồng bộ máy

## Đồng bộ máy



Đồng bộ máy

PC28763—UN—25AUG22

Tính năng đồng bộ máy John Deere cho phép di chuyển đồng bộ giữa các máy tương thích. Tính năng Đồng bộ máy sử dụng autoTrac để dẫn hướng bộ theo dõi đến vị trí gốc, được đặt theo thiết bị dẫn. Bộ theo dõi vẫn sẽ ở vị trí đó trong quá trình vận hành. Đồng bộ máy duy trì độ lệch dọc và độ lệch ngang giữa thiết bị dẫn và bộ theo dõi sử dụng thông tin từ Bộ thu StarFire. Thông tin được truyền không dây giữa các máy bằng modem JDLink trên từng máy.

Tính năng Đồng bộ máy không sử dụng kết nối di động.

### Điều hướng đến Đồng bộ máy

1. Chọn Trình đơn.
2. Chọn tab Ứng dụng.
3. Chọn ứng dụng Đồng bộ máy.

### Yêu cầu

Để đồng bộ máy, bạn cần đáp ứng các yêu cầu sau đây:

#### Yêu cầu về mạng

Đồng bộ máy yêu cầu truyền thông tin giữa thiết bị dẫn và bộ theo dõi. Cả thiết bị dẫn và bộ theo dõi phải kết nối với cùng một mạng không dây. Thiết bị dẫn có thể tạo mạng trong ứng dụng Đồng bộ máy hoặc ứng dụng Cài đặt không dây. Bộ theo dõi sẽ kết nối với mạng của thiết bị dẫn bằng ứng dụng Đồng bộ máy.

Để biết thêm thông tin về việc thiết lập và kết nối mạng không dây, hãy xem ứng dụng Cài đặt không dây.

#### Yêu cầu về thiết bị dẫn

**GHI CHÚ:** Cập nhật phần mềm lên phiên bản mới nhất.

- Máy phải có Màn hiển thị đa năng G5 hoặc Thế hệ 4.
- Máy phải có Bộ thu StarFire 6000, StarFire 7000 hoặc StarFire 7500 có Tín hiệu chia sẻ.
- Máy phải có modem JDLink.
  - Có hỗ trợ kết nối JDLink Boost.
- Máy phải được lắp đặt bộ ăng-ten bổ sung.
- Máy phải có giấy phép phù hợp.

#### Yêu cầu về bộ theo dõi

**GHI CHÚ:** Cập nhật phần mềm lên phiên bản mới nhất.

- Máy phải là máy kéo.

- Máy phải có Màn hiển thị đa năng G5, G5 CommandCenter hoặc Thế hệ 4.
- Máy phải có Bộ thu StarFire 6000, StarFire 7000 hoặc StarFire 7500 có Tín hiệu chia sẻ.
- Máy phải có modem JDLink.
- Máy phải được lắp đặt bộ ăng-ten bổ sung.
- Máy phải có giấy phép phù hợp.
- Máy móc phải được kích hoạt hệ thống Tractor Implement Automation.

**GHI CHÚ:** Liên hệ với đại lý John Deere của bạn để kích hoạt hệ thống Tractor Implement Automation.

## Trước khi tiến hành Đồng bộ máy

### Ứng dụng Quản lý thiết bị

Xác minh rằng thông tin về máy – kể cả số đo và độ lệch – đều chính xác và được nhập trên màn hình.

#### Thiết bị dẫn

- Xác minh rằng cài đặt máy và dụng cụ đã chính xác.

#### Bộ theo dõi

- Xác minh rằng máy thuộc loại máy kéo.
- Xác minh rằng độ lệch của máy đã chính xác.

### Ứng dụng AutoTrac

**QUAN TRỌNG:** Đồng bộ máy không hỗ trợ các đường cong vượt quá 0,5° mỗi mét.

**Nếu thiết bị dẫn nằm trên đường cong nhọn hoặc thay đổi hướng, bộ theo dõi sẽ không thể theo vết và tính năng Đồng bộ máy sẽ bị hủy kích hoạt. Khi Đồng bộ máy bị hủy kích hoạt, âm báo theo sau cảnh báo sẽ giải thích nguyên nhân tính năng bị hủy kích hoạt.**

**GHI CHÚ:** Trước khi thay đổi bất cứ cài đặt nào của AutoTrac hay Đồng bộ máy, hãy ghi lại giá trị hiện tại.

#### Thiết bị dẫn

**GHI CHÚ:** Hệ thống duy trì trạng thái thiết bị dẫn của Đồng bộ máy qua một chu kỳ bật tắt nguồn mà không yêu cầu thiết bị dẫn kích hoạt Đồng bộ máy.

- Tính năng Đồng bộ máy có thể hoạt động với mọi phương pháp dẫn hướng AutoTrac có sẵn.
- Thiết bị dẫn không cần phải có AutoTrac.

#### Bộ theo dõi

**GHI CHÚ:** Hệ thống chỉ yêu cầu bộ theo dõi duy trì Đồng bộ máy ở trạng thái kích hoạt khi tính năng được kích hoạt ở chu kỳ chìa khóa trước đó.

**GHI CHÚ:** Máy sử dụng Đồng bộ máy được đặt về BẬT theo mặc định khi được yêu cầu.

Tinh chỉnh điều chỉnh lái tiến AutoTrac riêng cho mỗi máy trước khi sử dụng Đồng bộ máy.

### Ứng dụng Chia sẻ

Ứng dụng chia sẻ cung cấp khả năng truyền dữ liệu bổ sung giữa thiết bị dẫn và bộ theo dõi.

**GHI CHÚ:** Phải bật tính năng Chia sẻ trên cả màn hình của thiết bị dẫn và bộ theo dõi. Phím tắt tới ứng dụng Chia sẻ có trong trang Thông tin và cài đặt Đồng bộ máy.

**GHI CHÚ:** Để tắt Chia sẻ dữ liệu tại chỗ (IFDS), hãy đảm bảo rằng Đồng bộ máy đang BẬT.

#### Thiết bị dẫn

- Xác minh rằng đã bật Chia sẻ để sử dụng các tính năng Chia sẻ dữ liệu tại hiện trường.
- Xác minh rằng tất cả Màn hiển thị G5 trong nhóm công việc được liên kết với cùng một ID công việc.

#### Bộ theo dõi

- Xác minh rằng đã bật Chia sẻ để sử dụng các tính năng Chia sẻ dữ liệu tại hiện trường.
- Xác minh rằng tất cả Màn hiển thị G5 trong nhóm công việc được liên kết với cùng một ID công việc.
- Xác minh rằng cấu hình thiết bị đã được xác định trong Trình quản lý thiết bị cùng loại hoạt động phù hợp với thiết bị dẫn.

Thông tin sau đây được chuyển giữa thiết bị dẫn và bộ theo dõi khi sử dụng tính năng Chia sẻ:

- Tên người vận hành trên bản đồ
- Tự động chọn thiết bị dẫn
- Mức đầy của bồn chứa hạt
- Trạng thái mũi xoắn dỡ tải
- Chia sẻ mật khẩu mạng
- Chia sẻ bản đồ bao phủ

Mức đầy của bồn chứa hạt và trạng thái mũi xoắn dỡ tải được hiển thị trong ô Thiết bị dẫn đã chọn trên trang chính của ứng dụng Đồng bộ máy. Các biểu tượng trạng thái này cũng có thể được xem trên Trang chủ bằng cách chọn một trong các mô-đun trang thông tin Danh sách Thiết bị dẫn Đồng bộ máy trong ứng dụng Trình quản lý Bố cục.

### Chia sẻ bằng JDLINK Boost

Khi thiết bị dẫn và bộ theo dõi cách nhau trong phạm vi 50 m (165 ft), tính năng kết nối Wi-Fi sẽ bị tắt. Các chức năng kết nối như giám sát dữ liệu trực tiếp, truy cập màn hình từ xa, chia sẻ dữ liệu tại chỗ, v.v. sẽ không khả dụng trong thời gian này.

**GHI CHÚ:** Dữ liệu vẫn được giữ nguyên trong thời gian này và sẽ được chia sẻ với máy chủ khi kết nối được thiết lập lại.

### Phương pháp ngắt tốt nhất

Khi xoay bánh lái để ngắt Đồng bộ máy, tốc độ đã đặt của bộ theo dõi sẽ thay đổi để khớp với tốc độ được nhận biết gần đây nhất của thiết bị dẫn. Để tránh hoặc hạn chế độ trễ khi phải đặt lại tốc độ đã cài của máy kéo mỗi lần Đồng bộ máy bị ngắt, nên sử dụng các phương pháp ngắt sau đây:

- Trong máy kéo có hộp số PST, điều chỉnh cần số lên trên hoặc chọn nút Tốc độ cài đặt 1 hoặc Tốc độ cài đặt 2 có tốc độ xác định cao hơn tốc độ hiện tại hoặc cuộn lên trên bánh xe điều chỉnh tốc độ.
- Trong máy kéo có hộp số IVT hoặc EVT có Cần số tuyến tính, di chuyển thủ công cần điều khiển tốc độ từ vị trí F1 sang vị trí F2, hoặc sử dụng bộ điều chỉnh tốc độ cài đặt để tăng tốc độ cài đặt.
- Trong máy kéo với hộp số IVT hoặc EVT có cần điều khiển CommandPro, bất kỳ chuyển động nào của cần, kể cả lùi, đều sẽ tắt tự động hóa tốc độ.

ch177nn,1737360580712-83-11FEB26

## Khả năng tương thích của Đồng bộ máy

### Khả năng tương thích của máy kéo John Deere:

**GHI CHÚ:** Các máy kéo Sê-ri 6R với CommandPro tương thích với Đồng bộ máy G5 chỉ khi có cài đặt tải trọng MFTCU AL229483A.

**GHI CHÚ:** Các máy 8x30T và 9x30T không tương thích với Đồng bộ máy.

- 6R (IVT)
- Model 7M (CQT) năm 2024 và mới hơn
- 7R (IVT, CQT và e23)
- 8R (EVT, IVT, PST và e23)
- 8RT (EVT, IVT, PST và e23)
- 8RX (EVT, IVT và e23)
- 8x30 (IVT và PST)
- 9R (PST)
- 9RT (PST)
- 9RX (PST)
- 9x30 (PST)

EVT (Hệ truyền động biến thiên điện)

IVT (Hệ truyền động biến thiên vô cấp)

CQT (Hộp số CommandQuad II)

PST (Hộp số PowerShift)

e23 (Truyền động PowerShift 23 tốc độ có Trình quản lý hiệu suất)

### **Khả năng tương thích của máy liên hợp John Deere:**

- Sê-ri S
- Sê-ri T
- Sê-ri W
- Sê-ri X
- Sê-ri 50, 60 và 70

*GHI CHÚ: Cần có một bộ bổ sung để xem thông tin nạp tích chứa đối với Sê-ri 70.*

### **Tính tương thích với Máy thu hoạch cỏ tự động John Deere:**

- 8000
- 9000

### **Tính tương thích với máy gặt mía tự hành của John Deere:**

- CH570W
- CH570T
- CH950
- CH960

### **Khả năng tương thích ATU/ATC/Reichardt GREENFIT:**

ATU300/ATC300 và GREN FIT về mặt kỹ thuật có thể hoạt động như một Đầu dẫn đồng bộ máy, mặc dù hiệu suất của Đầu được kéo sẽ phụ thuộc rất nhiều vào độ chính xác của hệ thống lái của Máy đầu dẫn.

*GHI CHÚ: Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng AutoTrac tích hợp cho các Đầu dẫn đồng bộ máy.*

### **Đồng bộ máy không tương thích với các bộ phận sau:**

- GreenStar ban đầu, GreenStar 2 1800 và GreenStar 2 2600
- Màn hình GreenStar 3 2630 khi dùng với CommandCenter 4600
- Modem JDLINK 2G và JDLINK 3G
- Radio liên lạc máy (MCR)
- Máy thu StarFire, StarFire 300 và StarFire iTC gốc

### **Đồng bộ máy trên màn hình hỗn hợp:**

Đồng bộ máy sẽ hoạt động giữa các màn hình Thể hệ 4

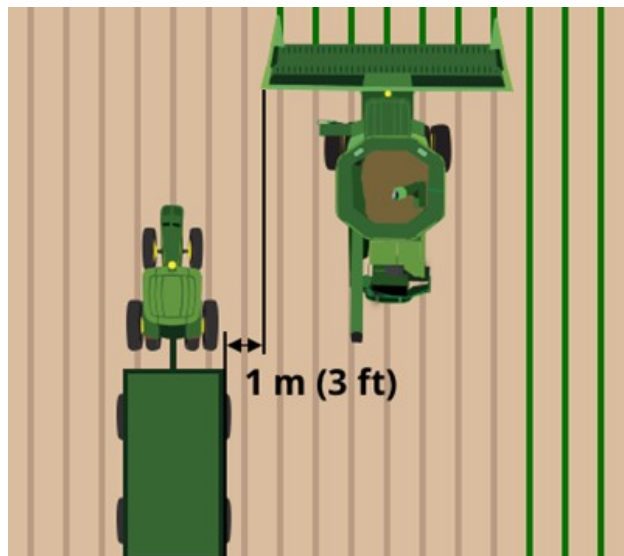
và G5 tương thích. Đảm bảo rằng mỗi màn hình đang sử dụng có kích hoạt hoặc giấy phép thích hợp cho hoạt động Đồng bộ máy. Tham khảo Hướng dẫn bán hàng Nông nghiệp để biết danh sách kích hoạt hoặc giấy phép bắt buộc.

*GHI CHÚ: Màn hình thể hệ 4 yêu cầu kích hoạt dành cho Đồng bộ máy trong khi màn hình G5 yêu cầu giấy phép.*

### **Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm:**

**⚠ LƯU Ý: Tránh nguy cơ gây thương tích hoặc tai nạn. Luôn cảnh giác và điều khiển bánh lái khi cần. Ứng dụng Đồng bộ máy không phát hiện hoặc tránh được các chướng ngại vật và người bên cạnh.**

**⚠ LƯU Ý: Tránh nguy cơ gây thương tích hoặc tai nạn. Khi theo vết phía sau thiết bị dẫn, hãy luôn cảnh giác và giữ khả năng kiểm soát để phòng trường hợp thiết bị dẫn dừng đột ngột. Tính năng Đồng bộ máy không dừng được hẳn bộ theo dõi.**



PC28837—UN—11OCT22

- Ứng dụng Đồng bộ máy không được thiết kế để hỗ trợ hoạt động cho bất cứ phần nào của máy hoặc thiết bị nằm bên trong khoảng cách 1 m (3 ft) với máy hoặc thiết bị khác.
- Ứng dụng Đồng bộ máy không được thiết kế cho lượt kết thúc.
- Ứng dụng Đồng bộ máy không bù cho khoảng lệch độ dốc giữa các máy.
- Đồng bộ máy không hỗ trợ hoạt động khi tốc độ thiết bị dẫn vượt quá 16,0 km/giờ (10 dặm/giờ).
- Đồng bộ máy không hỗ trợ hoạt động ở tốc độ 0 km/h (0 mph).

**GHI CHÚ:** Yêu cầu tốc độ tối thiểu cho Máy kéo khớp nối Sê-ri 9 là 2 km/h (1.2 mph) khi nhận hoặc tạo rãnh.

Để Đồng bộ máy đạt hiệu suất tốt nhất:

- Rãnh thẳng sẽ chính xác hơn rãnh cong.
- Khi không sử dụng rãnh thẳng, kết quả khi tốc độ chậm hơn sẽ chính xác hơn tốc độ nhanh.
- Đường cong nhẹ chính xác hơn đường cong bán kính xoay nhiều.
- Máy kéo được khớp nối đưa ra nhiều biến hiệu suất đã đề cập hơn các nền tảng khác.
- Machine Sync yêu cầu điều chỉnh cài đặt AutoTrac nâng cao cho hiệu suất tối ưu.

### Tín hiệu Chia sẻ

Tín hiệu chia sẻ cho phép Bộ thu StarFire chia sẻ thông tin khi ghép đôi bằng tính năng tự động thu hoạch Đồng bộ máy. Việc này cho phép hai bộ thu của máy tối đa hóa hiệu suất hệ thống trong thu hoạch. Bảng sau đây mô tả độ chính xác dự kiến từ hệ thống này:

| Kết hợp mức kích hoạt bộ thu | Mức kích hoạt bộ thu máy kéo xe chở ngũ cốc | Mức chính xác chung của hệ thống | Mối quan hệ giữa hai bộ thu |
|------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------|
| SF1                          | SF1                                         | SF1                              | RTK                         |
| SF3 / SF2                    | SF1                                         | SF3 / SF2                        | RTK                         |
| SF3 / SF2                    | SF3 / SF2                                   | SF3 / SF2                        | RTK                         |
| RTK                          | SF1                                         | RTK                              | RTK                         |
| RTK                          | SF3 / SF2                                   | RTK                              | RTK                         |

Tín hiệu Chia sẻ

Tín hiệu chia sẻ tương thích với các bộ thu model giống nhau hoặc khác nhau. Phải vận hành Đồng bộ máy, trừ khi cả thiết bị dẫn và thiết bị theo sau đều đáp ứng các điều kiện sau:

- Bộ thu StarFire 7000 hoặc mới hơn
- Hiệu chỉnh StarFire SF-RTK trên cả hai bộ thu.

ZIDXK1X,1749554066047-83-06OCT25

## Điều khiển đồng bộ máy

**GHI CHÚ:** Tất cả các cài đặt liên quan đến di chuyển sẽ bị chặn cho đến khi phiên RDC hoàn tất.

### Điểm ban đầu

**QUAN TRỌNG:** Điểm ban đầu mặc định được dựa trên cài đặt trong ứng dụng Trình quản lý thiết bị và hình dạng vùng hoạt động. Trước khi vận hành Đồng bộ máy, xác minh rằng tất cả cài đặt và độ lệch của máy và dụng cụ đã chính xác.

**GHI CHÚ:** Nút Đặt điểm ban đầu chỉ khả dụng khi đầu được kéo nằm trong khu vực hoạt động. Khu vực hoạt động được đánh dấu bằng đường biên trên bản đồ.



PC28764—UN—25AUG22

Điểm ban đầu là nơi hệ thống dẫn hướng đầu được kéo để cho phép không đưa sản phẩm vào xe. Điểm ban đầu sẽ được tạo tự động dựa trên cài đặt đầu cắt bên trong ứng dụng Trình quản lý thiết bị và hình dạng vùng hoạt động.

Chỉ có một điểm ban đầu mặc định cho cài đặt đầu dẫn và đầu được dẫn.

Để lưu một điểm ban đầu khác với mặc định, hãy chọn nút Đặt điểm ban đầu.

**GHI CHÚ:** Điểm ban đầu do người dùng xác định có thể bị mất nếu kết nối màn hình với một máy khác, chọn một hình máy khác hoặc loại bỏ, thay thế một thành phần khác. Xác minh rằng bạn đã đặt điểm ban đầu do người dùng xác định trước khi vận hành.

### Nhiều điểm ban đầu



PC28765—UN—25AUG22

Nút chuyển Đặt/Cài

Đầu được kéo có thể tạo nhiều điểm ban đầu trong Thông tin và cài đặt. Mỗi điểm ban đầu được tự động gán cho một số.

Để đặt một điểm ban đầu, chọn Đặt trên nút chuyển Đặt/Cài, sau đó chọn số của điểm ban đầu. Điểm ban đầu được đặt thành vị trí của đầu được kéo.

Để thay đổi điểm ban đầu đang hoạt động, chọn Gài trên nút chuyển Đặt/Gài, sau đó chọn số của điểm ban đầu. Khi AutoTrac được gài, đầu được kéo đi theo rãnh tới điểm ban đầu được chọn.

### Phản chiếu

(Các) điểm ban đầu được đặt ở một bên của vùng hình chữ U sẽ tự động được phản chiếu sang bên kia khi bộ theo dõi di chuyển sang bên kia. Tính năng này được kích hoạt khi bật các chức năng sau trong cài đặt Đồng bộ máy:

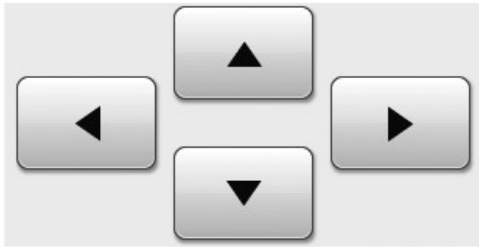
1. Đã kích hoạt Ghi đè vùng hoạt động hình chữ U.
2. Chế độ kiểm soát lưu lượng được kích hoạt.
3. Nhiều điểm ban đầu được kích hoạt.

### Độ nhạy tốc độ

Nhập độ nhạy tốc độ trong Cài đặt Đồng bộ máy nâng

cao. Đầu được kéo có thể điều chỉnh độ nhạy tốc độ để chuyển đổi tốc độ dần dần hoặc nhanh hơn.

### Dịch chuyển



Nút dịch chuyển

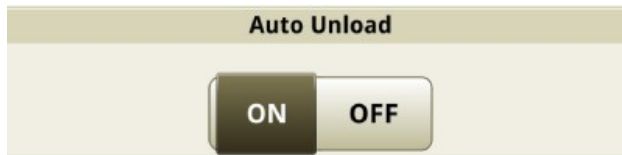
PC28082—UN—28JUL20

Đồng bộ máy cho phép cả đầu dẫn và đầu được kéo di chuyển vị trí đầu được kéo để phân phối đều sản phẩm vào xe dỡ hàng.

Giá số di chuyển là khoảng cách đầu được kéo di chuyển mỗi lần chọn nút di chuyển. Có thể điều chỉnh giá số dịch chuyển dọc và ngang trong Thông tin và cài đặt.

**GHI CHÚ:** Các điều chỉnh được thực hiện bằng nút di chuyển chưa được lưu trừ khi nút Lưu lại mức dịch chuyển cho lần kết nối sau được chuyển thành BẬT trong Thông tin và cài đặt.

### Dỡ tải tự động



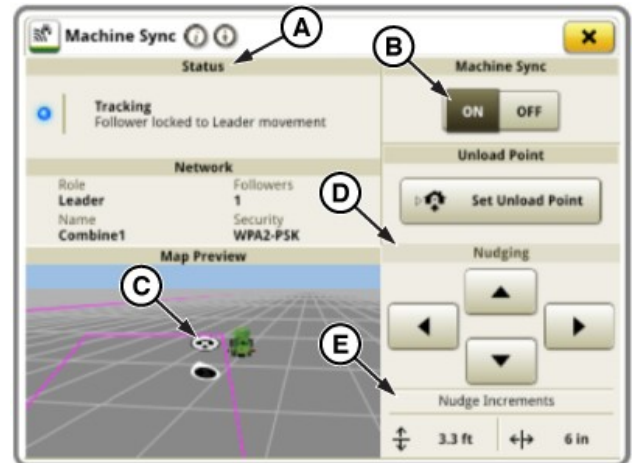
Dỡ tải tự động

PC662149—UN—11FEB25

Có thể BẬT/TẮT chức năng Dỡ tải tự động bằng cách điều hướng đến phần Cài đặt nâng cao trong Đồng bộ máy. Máy sử dụng camera hình ảnh nổi dựa trên tầm nhìn để tự động đẩy giỏ hạt tiến hoặc lùi cho đến khi đầy hoàn toàn.

ZIDXK1X,1749547689065-83-23JUN25

## Thực hiện đồng bộ máy — Đầu dẫn



PC689864—UN—26SEP25

**A—Trạng thái đồng bộ máy**

**B—Lệnh bật tắt chính**

**C—Điểm ban đầu**

**D—Nút dịch chuyển**

### Đầu được kéo — Chưa sẵn sàng

Trạng thái Đồng bộ máy (A) vẫn Chưa sẵn sàng cho đến khi đầu được kéo ở bên trong vùng hoạt động. Chỉ báo trạng thái hiện có màu cam.

**GHI CHÚ:** Vùng hoạt động sẽ hiển thị khi đầu được kéo và đầu dẫn liên lạc.

Phải bật công tắc chính (B) để thực hiện Đồng bộ máy.

**GHI CHÚ:** Phải bật Đồng bộ máy sau mỗi lần bật nguồn.

**GHI CHÚ:** Hiện tượng nhiễu do bộ định tuyến không dây, radio của băng tần nghiệp dư (CB), động cơ điện bộ sung, thiết bị điều khiển từ xa, thiết bị Bluetooth hoặc đường truyền thẳng của ăng-ten có thể gây ra sự cố tín hiệu. Sự cố tín hiệu có thể dẫn tới việc không thể kết nối vào lúc đầu hoặc thoát do bị trễ trong giao tiếp. Nếu đầu được kéo nằm trong vùng hoạt động nhưng đầu dẫn không phát hiện được, hãy liên hệ với đại lý John Deere của bạn để được hỗ trợ.

### Đầu dẫn — Sẵn sàng

Khi đầu dẫn và đầu được kéo vào vị trí và sẵn sàng kéo, trạng thái Đồng bộ máy sẽ chuyển sang Sẵn sàng. Chỉ báo trạng thái chuyển sang màu lục.

### Đầu dẫn — Đang nhận

Trạng thái Đồng bộ máy chuyển sang Đang nhận khi bộ theo dõi nằm trong vùng hoạt động và đã nhấn công tắc khôi phục trên AutoTrac. Chỉ báo trạng thái chuyển thành màu lam.

**GHI CHÚ:** Khi Đồng bộ máy đang ở trạng thái Nhận/ Theo vết, các chức năng sau đây sẽ bị tắt:

- Xê dịch rãnh (Dẫn hướng AutoTrac)

- *Xê dịch (cho tất cả các loại rãnh)*
- *Xê dịch ngang (nhấn các nút cấu hình trên tay nắm thủy lực)*

**GHI CHÚ:** Xê dịch RowSense không bị ảnh hưởng bởi trạng thái Đồng bộ máy.

### Đầu dẫn — Đang kéo

Trạng thái Đồng bộ máy chuyển sang Đang kéo sau khi đầu được kéo đạt đến điểm ban đầu (C).

Đầu được kéo hiện đang được kéo với đầu dẫn. Khi đầu dẫn thay đổi hướng hoặc tốc độ, đầu được kéo cũng thay đổi theo đầu dẫn.

Đầu dẫn hiện có thể dỡ tải vào xe của đầu được kéo.

Nếu cần, hãy chọn các nút dịch chuyển (D) để điều chỉnh vị trí đầu được kéo.

### Cài đặt vùng hoạt động của đầu dẫn

**GHI CHÚ:** Có thể kích hoạt Ghi đè vùng hoạt động hình chữ U trong Thông tin và cài đặt.

**GHI CHÚ:** Tùy chọn Ghi đè vùng hoạt động hình chữ U không áp dụng cho thiết bị dẫn liên hợp.

Khi loại máy được đặt thành Máy liên hợp, Máy thu hoạch hay Khác trong Trình quản lý thiết bị, chức năng Đồng bộ máy mặc định đặt về vùng hoạt động bên tay trái. Tất cả các loại máy còn lại đặt mặc định về vùng hoạt động hình chữ U.

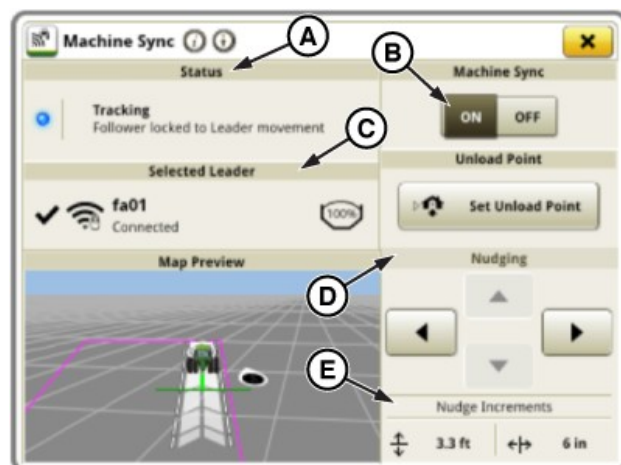
Khi BẬT ghi đè vùng hoạt động hình chữ U, vùng hoạt động sẽ có hình chữ U. Khi TẮT ghi đè vùng hoạt động hình chữ U, vùng hoạt động chỉ nằm ở phía bên tay trái của máy. Vùng hoạt động hình chữ U cho phép điều chỉnh chiều rộng bên trong và chiều dài bên trong trong Thông tin và cài đặt của đầu dẫn.

Có thể điều chỉnh độ dài tổng thể của Vùng hoạt động bằng cách thay đổi giá trị Cận trước của vùng hoạt động và Cận sau của vùng hoạt động. Giá trị mặc định là:

- Cận trước 25m (82ft)
- Cận sau 20m (65,6ft)

ZIDXX1X,1749561926105-83-01OCT25

## Thực hiện đồng bộ máy — Đầu được kéo



PC689865—UN—26SEP25

- A—Trạng thái đồng bộ máy**
- B—Lệnh bật tắt chính**
- C—Nút dịch chuyển**
- D—Ô thiết bị dẫn đã chọn**

### Đầu được kéo — Chưa sẵn sàng

Trạng thái Đồng bộ máy (A) vẫn là Chưa sẵn sàng cho đến khi đầu được kéo nằm trong vùng hoạt động và đã sẵn sàng để kéo. Chỉ báo trạng thái hiện có màu cam.

**GHI CHÚ:** Vùng hoạt động sẽ hiển thị khi đầu được kéo và đầu dẫn liên lạc.

Phải bật công tắc chính (B) để thực hiện Đồng bộ máy.

**GHI CHÚ:** Phải bật Đồng bộ máy sau mỗi lần bật nguồn.

### Đầu được kéo — Sẵn sàng

Khi đầu dẫn và đầu được kéo vào vị trí và sẵn sàng kéo, trạng thái Đồng bộ máy sẽ chuyển sang Sẵn sàng. Chỉ báo trạng thái chuyển sang màu lục.

### Đầu được kéo — Đang nhận

Trạng thái Đồng bộ máy chuyển sang Đang nhận khi bộ theo dõi nằm trong vùng hoạt động và đã nhấn công tắc khôi phục trên AutoTrac. Chỉ báo trạng thái chuyển thành màu lam.

**GHI CHÚ:** Mũi tên trắng và vùng gài được chỉ định sẽ dẫn hướng người dùng đến vị trí tối ưu để kích hoạt Đồng bộ máy ngay sau điểm ban đầu—giúp khách hàng thoải mái và giảm thiểu sự biến đổi trong quá trình thu nhận.

### Đầu được kéo — Đang kéo

Trạng thái Đồng bộ máy chuyển sang Đang kéo sau khi đầu được kéo đạt đến điểm ban đầu.

Đầu được kéo hiện đang kéo đầu dẫn. Khi đầu dẫn thay đổi hướng hoặc tốc độ, đầu được kéo cũng thay đổi theo đầu dẫn.

Đầu dẫn hiện có thể dỡ tải vào xe của đầu được kéo.

Nếu cần, hãy chọn các nút dịch chuyển (C) để điều chỉnh vị trí đầu được kéo.

Mức đầy của téc chứa hạt và trạng thái guồng xả hạt được hiển thị trong ô Đầu dẫn đã chọn (D).

Trong khi vận hành, chỉ điều chỉnh tốc độ bằng chân ga. Việc đổi số trong khi vận hành sẽ ngắt Machine Sync.

Do đặc điểm tự động hóa tốc độ của máy kéo 9R và 6R, bạn nên vận hành các máy này hết ga khi sử dụng Đồng bộ máy.

Để ngắt, người vận hành máy kéo có thể xoay bánh lái, tăng cài đặt tốc độ truyền động máy hoặc dừng máy.

**GHI CHÚ:** Đảm bảo rằng tốc độ đặt truyền động đầu được kéo đủ cao để đầu được kéo bắt kịp và duy trì tốc độ của đầu dẫn.

### Chế độ kiểm soát lưu lượng

**GHI CHÚ:** Khi chế độ kiểm soát lưu lượng được bật, dịch chuyển trái và phải sẽ bị vô hiệu hóa.

Chế độ kiểm soát lưu lượng được bật trong Thông tin và cài đặt.

Khi chế độ kiểm soát lưu lượng được bật, đầu được dẫn di chuyển trên một đường dẫn hướng trong khi tốc độ thì do đầu dẫn điều khiển. Nếu điểm ban đầu không nằm trên đường dẫn hướng, đầu được kéo di chuyển song song tới điểm ban đầu trong khi vẫn nằm trên đường dẫn hướng.

Khi sử dụng chế độ kiểm soát lưu lượng, chọn công tắc khôi phục AutoTrac một lần để đi theo rãnh trên đường dẫn hướng đang hoạt động. Khi đầu được kéo nằm trong vùng hoạt động, chọn công tắc khôi phục AutoTrac lần nữa để đồng bộ tốc độ với đầu dẫn.

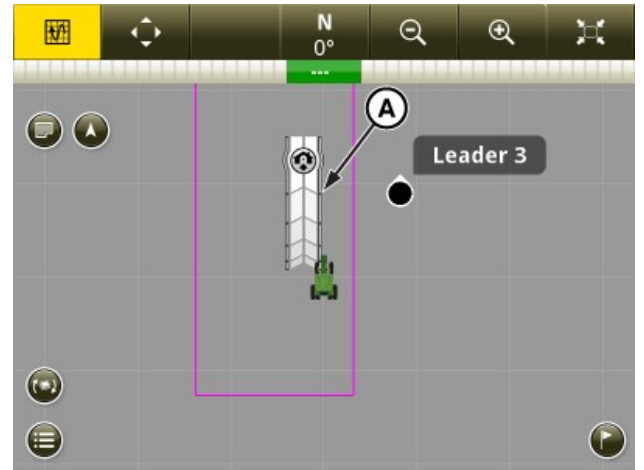
**GHI CHÚ:** Nếu đầu dẫn và đầu được kéo đi theo rãnh trên các đường dẫn hướng khác nhau, đầu được kéo có thể không đi theo rãnh song song với đầu dẫn.

### Tốc độ thiết lập tự động hóa tối đa

Tốc độ mặc định là 15 dặm/giờ. Trên máy kéo MY20 hoặc mới hơn, cài đặt này xác định tốc độ tối đa mà đầu được kéo có thể đạt được. Sau khi Đồng bộ máy được kích hoạt, giá trị này sẽ xuất hiện trên Thiết bị hiển thị chính (PDU). Nếu tốc độ thiết lập thấp hơn tốc độ tối đa, hệ thống sẽ sử dụng giá trị tối đa này để đồng bộ hóa. Trong khi điều hướng đến điểm ban đầu, đầu được kéo sẽ cố tăng tốc đến tốc độ này.

ZIDXX1X,1749562340443-83-05OCT25

### Đường chạy gài



PC689868—UN—03OCT25

Đường chạy gài

#### A—Đường chạy gài

Biểu tượng **Đường chạy gài** được hiển thị để giúp người vận hành dễ dàng căn chỉnh hơn với điểm ban đầu. Phương thức khuyến nghị tốt nhất là gài khi máy thẳng hàng với mũi tên trắng. Trong khi có thể gài ở các vị trí khác trong vùng hoạt động, việc căn chỉnh thẳng với mũi tên trước khi gài Đồng bộ máy sẽ đảm bảo chuyển đổi mượt mà hơn từ thu nhận sang theo dõi.

ZIDXX1X,1759686490078-83-05OCT25

# Vận hành—Điều khiển vùng chồng

## Điều khiển chồng chéo

Điều khiển chồng chéo tự động điều chỉnh cài đặt chiều rộng đầu cắt khi máy thu hoạch di chuyển trên toàn bộ khu vực đã thu hoạch xong. Tính năng này cải thiện độ chính xác của dữ liệu khu vực và năng suất.

### Điều hướng đến Điều khiển chồng chéo

1. Chọn Trình đơn.
2. Chọn thẻ Ứng dụng.
3. Chọn ứng dụng Điều khiển chồng chéo.

Khi sử dụng các đầu cắt khác dài 15,2 m (50 ft) hoặc ngắn hơn, các khoang đầu cắt tự động chia thành các đoạn dài 15,2 cm (6 inch). Những đầu cắt dài hơn 15,2 m (50 ft) có 100 khoang giăng đều trên toàn bộ chiều rộng của đầu cắt.

Kiểm soát chồng chéo đảm bảo rằng khu vực thu hoạch không mở rộng quá hoặc vượt ra ngoài đường biên cảnh đồng hoặc mở rộng sâu vào đường biên bên trong.

- Đường biên ngoài—chỉ có một đường biên ngoài có thể xác định cho một cánh đồng.
- Các đường biên trong—nhiều đường biên trong có thể được xác định và đặt tên cho một cánh đồng.

Các đường biên, mặc dù tùy chọn, có thể hữu ích khi sử dụng Điều khiển chồng chéo. Ví dụ, một đường biên ngoài có thể giúp đảm bảo không có vùng nào ngoài cánh đồng được liệt kê trong tính toán năng suất nếu một khoang đầu cắt hoặc sào mở rộng vượt đường biên. Tương tự, một đường biên trong cho phép bạn lái máy ngang qua một rãnh nước và giúp đảm bảo rằng các khoang đều đóng khi băng ngang qua.

AL70325,000055B-83-12SEP19

## Đ.khiển phần nổi chồng thủ công

Điều khiển phần nổi chồng thủ công chia đầu cắt thành các đoạn được gọi là các nhóm. Các đầu cắt thu hoạch luống sẽ đặt giá trị mặc định là một nhóm trên mỗi luống và không thể thay đổi. Có thể cấu hình đầu cắt sào với 2–24 nhóm.

Người vận hành có thể bật và tắt thủ công các nhóm một cách riêng rẽ để khớp vị trí cây trồng đi vào đầu cắt. Tính năng điều khiển phần nổi chồng thủ công tương thích với điều khiển phần nổi chồng tự động. Việc tắt thủ công một nhóm sẽ ghi đè bất kỳ trạng thái nào khác cho nhóm đó. Điều khiển phần nổi chồng thủ công giúp cải thiện độ chính xác của công tác lập tài liệu trong các điều kiện khác với khi phạm vi bao phủ trước đó hoặc một ranh giới ngăn cây trồng vào một bộ phận cụ thể của đầu cắt.

Enable All

(A)

Disable All

(B)

PC28776—UN—25AUG22

A—Kích hoạt tất cả  
B—Tắt tất cả

Chọn nút Bật tất cả (A) để bật tất cả các nhóm.

Chọn nút Tắt tất cả (A) để tắt tất cả các nhóm.

Left Right

PC28777—UN—25AUG22

Chuyển sang Trái/Phải

**GHI CHÚ:** Tính năng chuyển sang Trái/Phải sẽ xuất hiện chỉ khi có 13 nhóm trở lên.

Màn hình chỉ hiển thị tối đa 12 nút nhóm cùng một lúc. Chọn Chuyển sang Trái/Phải để xem các nhóm ở bên trái hoặc bên phải của đầu cắt. Chọn nút nhóm để bật hoặc tắt một nhóm riêng lẻ.

Các nhóm được bật sẽ có màu xanh lá cây. Các nhóm được tắt thủ công sẽ có màu đen. Các nhóm được tự động tắt bởi Điều khiển phần nổi chồng sẽ có màu xanh lá cây và trắng đan xen.

ch177nn,1661764069045-83-29AUG22

# Vận hành—Điều khiển vùng làm việc

## Điều khiển vùng làm việc



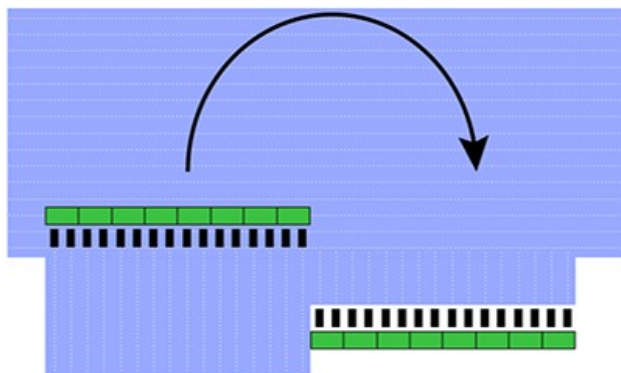
PC28778—UN—25AUG22

Điều khiển khoan John Deere tự động BẬT và TẮT các mục của máy hoặc thiết bị để giảm chong lẩn và cải thiện quản lý đầu vào. Điều khiển vùng làm việc cần phải có các thành phần sau:

- Bộ thu của hệ thống vệ tinh điều hướng toàn cầu (GNSS) (khuyến nghị độ chính xác tín hiệu tối thiểu là SF2 nếu sử dụng bộ thu StarFire)
- Kích hoạt Điều khiển vùng làm việc
- Máy hoặc dụng cụ có bộ điều khiển tương thích với Điều khiển vùng làm việc (có thể xác nhận khả năng tương thích với nhà sản xuất bộ điều khiển)

### Điều hướng đến Điều khiển vùng làm việc

1. Chọn Menu.
2. Chọn tab Ứng dụng.
3. Chọn ứng dụng Điều khiển khoan.



PC28779—UN—25AUG22

Điều khiển khoan tự động điều khiển các phần máy và thiết bị khi vào hoặc ra khỏi các khu vực phủ sóng trước đó. Khoan tắt khi vào vùng phủ sóng và được bật trở lại khi vào vùng không phủ sóng. Bản đồ vùng phủ sóng hiển thị các khu vực phủ sóng trước đó khi ghi lại nơi mà máy hoặc thiết bị hiện diện trên cánh đồng. Vùng phủ sóng màu xanh nhạt cho biết đi qua cánh đồng một lần. Mọi chong chéo được cho biết bằng vùng phủ sóng màu xanh đậm.

Điều khiển khoan xác định khi bật hoặc tắt dựa trên các yếu tố sau:

- Vị trí GPS
- Bản đồ vùng phủ sóng
- Độ lệch máy và dụng cụ
- Trạng thái từng phần
- Cài đặt chong chéo

- Độ trễ cơ học
- Đường biên cánh đồng
- Đường biên mũi đất

Điều khiển khoan gửi thông báo CAN Bus đến bộ điều khiển máy hoặc thiết bị để thay đổi trạng thái từng phần. Vùng được BẬT để áp dụng sản phẩm cho một khu vực. Sản phẩm được tắt để ngăn tái áp dụng sản phẩm tại cùng một khu vực. Không có giới hạn khoảng cách từ nơi hoạt động được bắt đầu trên cánh đồng.

**QUAN TRỌNG: Một số người vận hành sử dụng “cầu nối đất” giữa chúng để kết nối hai cánh đồng thành một. Có thể sử dụng sản phẩm trên dải đất nếu Điều khiển khoan ở bên trái. Để chặn phủ sóng đột ngột, luôn bật Điều khiển khoan hoặc tắt công tắc chính khi vận chuyển giữa các cánh đồng.**

### Độ chính xác điều khiển khoan

Các yếu tố sau ảnh hưởng đến hiệu suất Điều khiển khoan:

- Độ chính xác GPS của bản đồ vùng bao phủ trước đó
- Độ chính xác GPS hiện tại
- Những thông số thiết lập Cấu hình máy và Cấu hình dụng cụ
- Tốc độ và hướng hành trình ổn định khi vào hoặc ra khỏi vùng phủ sóng

### Khả năng tương thích

Phần Kiểm soát tương thích với dụng cụ ISOBUS được AEF (Hiệp hội điện tử công nghiệp nông nghiệp) chứng nhận có tính năng TC-SC (trình điều khiển nhiệm vụ). Xem Ghi chú phiên bản màn hình G5 để biết thêm thông tin cụ thể về tính tương thích của máy John Deere và dụng cụ.

### Nhiều màn hiển thị

Điều khiển khoan yêu cầu trình điều khiển công việc giao tiếp với bộ điều khiển thiết bị, và trình điều khiển công việc không thể chạy trên hai màn hình được kết nối. Có thể xem trạng thái trình điều khiển công việc trong cài đặt nhiều màn hình.

### Công tắc chính Điều khiển khoan

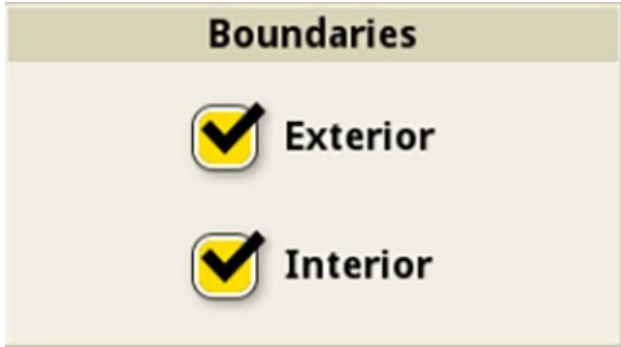


PC28780—UN—25AUG22

Công tắc chính Điều khiển khoan

Chọn Công tắc chính để bật Điều khiển khoanh. Công tắc cũng có thể được đặt trong thanh lỗi tắt sử dụng ứng dụng Trình quản lý Giao diện.

### Đường biên



Đường biên

PC28812—UN—20SEP22

### Đường biên bên ngoài

Chọn hộp kiểm bên ngoài để sử dụng đường biên bên ngoài. Điều khiển đoạn cần đặt lệnh tắt các đoạn cần nằm ngoài đường biên bên ngoài.

### Nội biên

Chọn hộp kiểm bên trong để sử dụng đường biên bên trong. Điều khiển đoạn cần đặt lệnh tắt các đoạn cần nằm trong đường biên bên trong.

**GHI CHÚ:** Nếu cả hai loại đường biên đều được bỏ chọn, Điều khiển đoạn cần sẽ bỏ qua đường biên và chỉ sử dụng vùng bao phủ trước đó để điều khiển bật và tắt các đoạn cần.

### Công tắc Kiểm soát đất cuối ruộng



Công tắc Kiểm soát Múi đất và Độ lệch Múi đất

PC28781—UN—25AUG22

Dùng công tắc Kiểm soát Múi đất để kiểm soát Múi đất.

Chọn Độ lệch để thay đổi kích thước múi đất. Các thay đổi độ lệch múi đất được lưu cho cánh đồng hiện tại.

**GHI CHÚ:** Kiểm soát Múi đất yêu cầu phải đánh dấu chọn một hoặc cả hai đường biên. Nếu bỏ chọn cả hai Bên ngoài và Bên trong thì Kiểm soát Múi đất sẽ tự động tắt.

Nếu chọn một loại đường biên, Kiểm soát Múi đất sẽ bỏ qua bất kỳ múi đất nào liên quan đến đường biên đó.

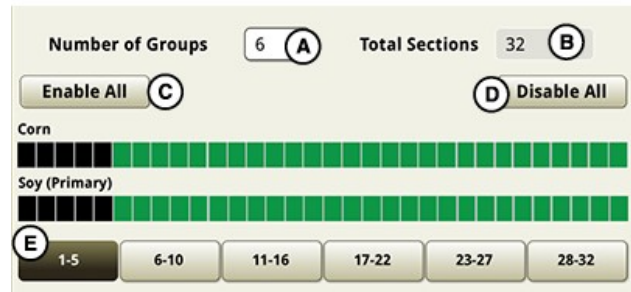
### Điều khiển vùng làm việc thủ công



Điều khiển vùng làm việc thủ công

PC28653—UN—29SEP22

Sử dụng Điều khiển vùng làm việc thủ công để bật hoặc tắt các nhóm vùng làm việc. Chọn Điều khiển vùng làm việc thủ công để kích hoạt Trang Điều khiển vùng làm việc thủ công.



Trang điều khiển vùng làm việc thủ công

PC28654—UN—29SEP22

**A—Số nhóm**  
**B—Tổng số vùng làm việc**  
**C—Kích hoạt toàn bộ**  
**D—Bỏ kích hoạt toàn bộ**  
**E—Nhóm vùng làm việc**

- Số nhóm (A) — Số nhóm chia các vùng làm việc. Người vận hành sẽ xác định giá trị này.
- Tổng số Vùng làm việc (B) — Số vùng làm việc mà dụng cụ có thể sử dụng. Máy hoặc dụng cụ sẽ xác định giá trị và không thể thay đổi được.
- Kích hoạt tất cả (C) — Kích hoạt tất cả các vùng làm việc.
- Tắt tất cả (D) — Tắt tất cả các vùng làm việc.
- Nhóm vùng làm việc (E) — Sẽ bật hoặc tắt các vùng làm việc trong một nhóm.

ch177nn,1738562143690-83-02FEB25

## Mô-đun trạng thái vùng làm việc

Mô-đun trạng thái khoanh được sử dụng để xác định Điều khiển khoanh có điều khiển BẬT hoặc TẮT từng khoanh không. Có thể thêm mô-đun vào trang thông tin bằng Trình quản lý Giao diện. Có thể có các trạng thái khoanh sau đây:

**GHI CHÚ:** Trạng thái khoanh không thay đổi dựa trên tỷ lệ gieo hạt tại phần đó. Nếu các luống trong phần bị thiếu hạt, màu xanh sẽ được hiển thị trừ khi tất cả các khoanh trên động cơ truyền động có tỷ lệ bằng không. Kiểm tra mật độ hạt giống bằng SeedStar.

### Khoanh được kích hoạt (Không áp dụng)



PC28782—UN—29AUG22  
Khoanh được kích hoạt - Màu xám có viền xanh

- Máy trồng cây và dụng cụ cho máy gieo hạt bằng khí được nâng lên.
- Máy trồng cây hoặc chân Máy gieo hạt trên Không bị TẮT.
- Tỷ lệ bằng không đã được báo cáo từ tất cả các vùng làm việc trên động cơ truyền động.

### Vùng làm việc đang áp dụng



PC28783—UN—29AUG22  
Áp dụng khoanh – Xanh đậm

- Lệnh đối với vùng.
- Vùng làm việc đang áp dụng sản phẩm hoặc hạt.

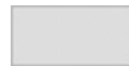
### Vùng làm việc được lệnh Tắt (Không áp dụng)



PC28784—UN—29AUG22  
Vùng làm việc được lệnh Tắt - Sọc trắng và xanh

- Khoanh vượt quá vùng phủ sóng hiện có.
- Khoanh bị tắt theo đường biên.
- Máy gieo hạt bằng khí hoặc bộ điều khiển định mức GreenStar dưới tốc độ Điều khiển vùng làm việc tối thiểu.
- Lái trên vùng thiết lập tốc độ không.

### Vùng làm việc bị tắt (Không áp dụng) (Chỉ dành cho máy phun)



PC24037—UN—05APR17  
Khoanh bị khử kích hoạt - Xám đậm

- Điều khiển khoanh bị vô hiệu hóa.
- Khoanh được điều khiển thủ công.

### Khoanh Lập chỉ mục Tắt (Không áp dụng) (Chỉ dùng cho bình phun)



PC24038—UN—05APR17  
Vùng làm việc được chỉ mục Tắt - Đen tuyền

- Khoanh Lập chỉ mục tắt bởi bộ điều khiển.

ch177nn,1660726545016-83-29AUG22

## Cài đặt chồng chéo

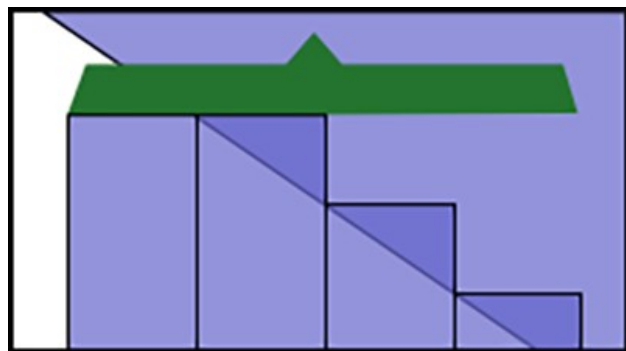
Chồng chéo xảy ra khi đi qua vùng phủ sóng hoặc biên trước đó. Số lượng chồng chéo là tùy chọn của người vận hành.

Cấu hình thiết lập chồng chéo cho chồng chéo bên trong. Sử dụng tinh chỉnh hiệu suất để bù đắp chồng chéo hoặc số lần bỏ qua ngoài ý muốn. Để biết thêm thông tin, tham khảo trợ giúp trên màn hình Điều khiển đoạn cần.

### Chồng chéo 100% + Bổ sung

Chồng chéo bổ sung đảm bảo vùng phủ sóng sản phẩm vượt quá khu vực đã áp dụng trước đó, giảm số lần bỏ qua. Kết quả chồng chéo bổ sung trong ứng dụng chồng chéo.

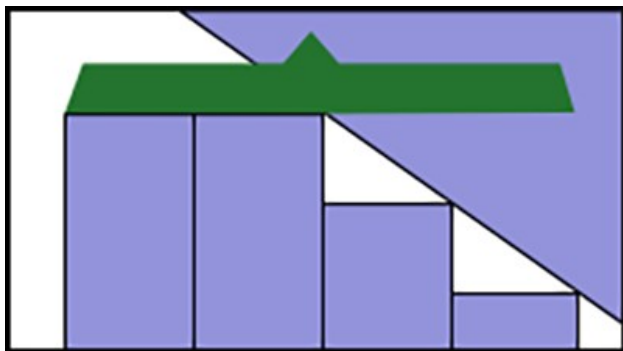
### Chồng chéo 100% – Giảm thiểu số lần bỏ qua



PC28836—UN—11OCT22  
Chồng chéo 100% - Giảm thiểu số lần bỏ qua

Giảm thiểu số lần bỏ qua đảm bảo vùng bao phủ sản phẩm đến khu vực đã áp dụng trước đó, giảm số lần bỏ qua. Giảm thiểu số lần bỏ qua có thể làm tăng ứng dụng.

### Chồng chéo 0% – Giảm thiểu chồng chéo



PC28835—UN—11OCT22

Chồng chéo 0% - Giảm thiểu chồng chéo

Giảm thiểu chồng chéo đảm bảo vùng bao phủ sản phẩm không vượt quá khu vực đã áp dụng trước đó. Giảm thiểu chồng chéo có thể dẫn đến bỏ qua ứng dụng.

Tỷ lệ giữa 0–100% đảm bảo bao phủ sản phẩm vào khu vực được bao phủ trước đó dựa trên chiều rộng của từng phần.

AL70325,000055D-83-13OCT22

# Vận hành—Tự vận hành

## Tổng quan về ứng dụng Tự vận hành



APY76284—UN—28JUL22

Ứng dụng Tự vận hành

*GHI CHÚ: Có thể cần phải cập nhật phần mềm thường xuyên. Nếu hệ thống phát hiện bộ điều khiển lỗi thời, thông báo Cập nhật được khuyến nghị sẽ hiển thị trên màn hiển thị cabin khi bật máy. Nếu các bộ điều khiển liên quan đến tự vận hành không được cập nhật trong vòng 7 ngày, thông báo sẽ chuyển sang thông báo Cập nhật bắt buộc và tự vận hành sẽ không hoạt động cho đến khi tất cả các bộ điều khiển được cập nhật.*

ZIDXK1X,1770805199879-83-11FEB26

Ứng dụng Tự vận hành chạy hệ thống tự vận hành, cho phép máy thực hiện các công việc trên cánh đồng mà không cần sự hiện diện thực tế của người vận hành trên ghế lái.

*GHI CHÚ: Để biết thêm thông tin, tham khảo Hướng dẫn vận hành (OM) tự hành.*

### Các yêu cầu về tự hành

*GHI CHÚ: Đối với các máy và dụng cụ tương thích với Tự hành, hãy tham khảo đại lý của bạn để biết thêm thông tin.*

Để ứng dụng Tự vận hành hoạt động, trên máy phải có các phần cứng sau đây:

- Cấu hình sẵn sàng/chuẩn bị tự vận hành
- StarFire 7500 tích hợp trên máy kéo

Để ứng dụng Tự vận hành hoạt động, phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Giấy phép tự vận hành (tham khảo đại lý để biết thêm thông tin)
- Giấy phép G5 Advanced
- Giấy phép SF-RTK hoặc Radio RTK
- TruSet (làm đất)
- John Deere Operations Center trên trình duyệt web tương thích
- Operations Center Mobile trên thiết bị Android hoặc Apple tương thích đã được cập nhật lên phần mềm mới nhất.
- Phần mềm được phê duyệt cho hoạt động Tự vận hành

# Vận hành - Truy cập màn hiển thị từ xa

## Truy cập màn hình từ xa



Truy cập màn hình từ xa

PC684075—UN—06OCT25

Ứng dụng Truy cập màn hiển thị từ xa (RDA) cho phép cả truy cập màn hiển thị từ xa và điều khiển màn hiển thị từ xa.

### Truy cập màn hình từ xa (RDA)

RDA cho phép người dùng từ xa **xem màn hiển thị của máy** theo thời gian thực, cung cấp thông tin chuyên sâu có giá trị về các hoạt động mà không cần phải hiện diện.

### Điều khiển màn hiển thị từ xa (RDC)

RDC tiên tiến hơn bằng cách cho phép người dùng **tương tác trực tiếp với màn hiển thị**—điều chỉnh cài đặt, điều hướng trang, theo dõi cập nhật trực tiếp và thực hiện xử lý sự cố theo thời gian thực.

### Điều hướng đến Truy cập màn hiển thị từ xa (RDA)

1. Chọn Menu.
2. Chọn tab Ứng dụng.
3. Chọn ứng dụng RDA.

### Sử dụng Truy cập màn hiển thị từ xa (RDA)

Từ một máy tính hoặc một thiết bị di động, đăng nhập vào JDLINK.com hoặc MyJohnDeere.com và chọn máy mong muốn. Bắt đầu phiên Truy cập màn hình từ xa để bắt đầu xem màn hình từ xa.

Khi đã kết nối, hình ảnh của màn hình được gửi qua cáp Ethernet đến modem JDLINK của máy. Bằng cách sử dụng kết nối di động, thông tin từ modem JDLINK được gửi đến hệ thống mạng giao tiếp của John Deere, cho phép màn hình hiển thị được xem trên JDLINK.com hoặc MyJohnDeere.com.

Từ một vị trí ở xa, người vận hành trong cabin có thể được hỗ trợ thiết lập màn hình, tối ưu hóa màn hình và khắc phục sự cố.

RY24MV1,1760031346047-83-20OCT25

## Các bước để khởi tạo Truy cập màn hiển thị từ xa cho Điều khiển màn hiển thị từ xa

### Sử dụng Truy cập màn hiển thị từ xa (RDA) và Điều khiển màn hiển thị từ xa (RDC) từ thiết bị di động:

1. Từ thiết bị di động, mở Operations Center dành cho di động.



Nút RDA Operations Center dành cho di động

PC693496—UN—21NOV25

2. Bắt đầu phiên Truy cập màn hiển thị từ xa bằng cách chọn nút RDA. Màn hiển thị của cabin sẽ xuất hiện viền xanh dương để cho biết phiên RDA.



Phiên xem

APY80337—UN—10FEB23

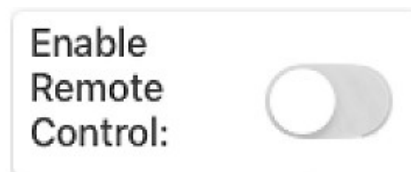
**GHI CHÚ:** Biểu tượng này xuất hiện trên màn hiển thị ở thanh trạng thái giúp cho biết phiên xem.



Thanh trạng thái

PC582194—UN—30AUG23

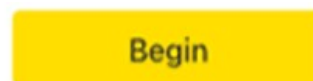
3. Khởi tạo phiên Điều khiển màn hiển thị từ xa bằng cách chọn nút Bật điều khiển từ xa.



Công tắc Bật điều khiển từ xa

APY80338—UN—10FEB23

4. Đọc và xác nhận lời nhắc vận hành Điều khiển màn hiển thị từ xa bằng cách chọn nút Bắt đầu.



Nút Bắt đầu

APY80340—UN—10FEB23

Màn hiển thị của cabin sẽ có màu vàng để hiển thị phiên Điều khiển màn hiển thị từ xa.



APY80341—UN—10FEB23

Phiên Điều khiển màn hiển thị từ xa

**GHI CHÚ:** Biểu tượng này xuất hiện trên màn hiển thị ở thanh trạng thái giúp cho biết phiên Điều khiển màn hiển thị từ xa.



PC582195—UN—30AUG23

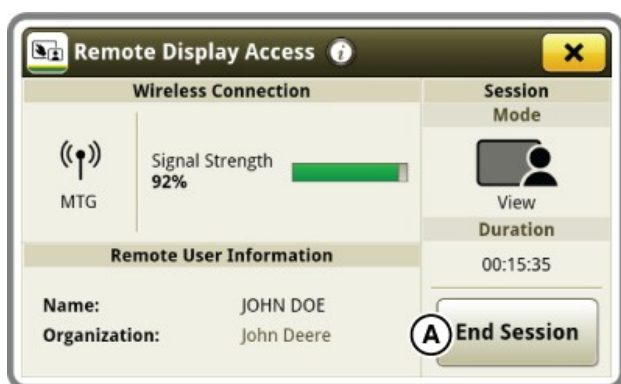
Thanh trạng thái

**GHI CHÚ:** Truy cập vào Trung tâm chẩn đoán sẽ bị giới hạn ở chế độ chỉ xem trong phiên RDC.

### Kết thúc phiên:

Truy cập màn hiển thị từ xa (RDA) sẽ kết thúc nếu người vận hành từ xa chọn nút Kết thúc phiên (A). Thao tác này sẽ kết thúc Truy cập màn hiển thị từ xa (RDA) và Điều khiển màn hiển thị từ xa (RDC).

Nút Kết thúc phiên sẽ được bật nếu phiên RDA đang hoạt động.



APY80342R—UN—30AUG23

Giao diện người dùng của Kết thúc phiên

### A—Nút Kết thúc phiên

ZIDXK1X,1759924147017-83-21NOV25

# Điều chỉnh và tối ưu hóa—Dẫn hướng AutoTrac

## Cài đặt rãnh tròn



Khoảng cách mũi tâm

PC20395—UN—08DEC14

**Khoảng cách tâm trục quay** — Khoảng cách từ tâm đường tròn đến vị trí hiện thời. Khoảng cách chỉ hiển thị đến 1609 m (5280 ft.). Bật để hiển thị nút trên sơ đồ hướng dẫn.

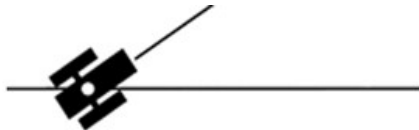
ct47125,1705349873076-83-15JAN24

## Tối ưu hóa lái

### Kiểm soát hiệu suất

Kiểm soát hiệu suất hiển thị lỗi hướng lái và lỗi tìm lộ trình. Nó được thiết kế nhằm hỗ trợ việc tinh chỉnh Cài đặt AutoTrac nâng cao. Lỗi hướng hành trình cho biết mối liên hệ giữa hướng máy và rãnh hiện tại. Lỗi rãnh hiển thị lỗi lệch rãnh của máy hoặc độ lệch so với rãnh hiện tại.

### Đồng hồ đo Lỗi hướng chuyển động



PC16972—UN—22MAY13

Lỗi hướng hành trình cho biết mối liên hệ giữa hướng máy và rãnh hiện tại. Lỗi hướng hành trình phải nằm trong khoảng  $\pm 1^\circ$ .

Có thể cần phải điều chỉnh nếu ở ngoài khoảng này.

### Đồng hồ đo Lỗi rãnh



PC16969—UN—22MAY13

Lỗi rãnh hiển thị lỗi lệch rãnh của máy hoặc độ lệch so với rãnh hiện tại. Giá trị biểu đồ đường cong cập nhật trực tiếp những thay đổi nhỏ nhất và lớn nhất của Lỗi hướng hành trình trong 10 giây cuối.

**GHI CHÚ:** Giá trị bộ điều khiển hệ thống lái dựa trên các cơ chế điều khiển lái của máy.

## Điều chỉnh lái tới



Lỗi tìm lộ trình

PC16969—UN—22MAY13



Biểu tượng cài đặt lái tới cao

PC28738—UN—25AUG22



Biểu tượng cài đặt lái tới thấp

PC28739—UN—25AUG22

## Tìm lộ trình độ nhạy của đường

Xác định cách AutoTrac phản ứng mạnh với lỗi lệch rãnh.

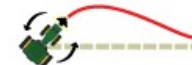
- Cài đặt cao hơn: Kết quả là có phản ứng mạnh hơn với lỗi lệch rãnh của máy.
- Cài đặt thấp hơn: Kết quả là có phản ứng giảm đi so với lỗi lệch rãnh của máy.

## Dẫn hướng chuyển động



Dẫn hướng lái cao

PC28740—UN—25AUG22



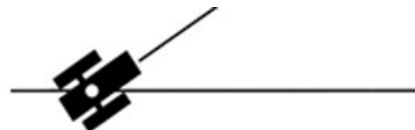
Dẫn hướng lái thấp

PC28741—UN—25AUG22

Xác định ảnh hưởng của độ lệch hướng (độ quay của máy) lên hiệu suất tìm lộ trình. Dẫn hướng hành trình hoạt động như một tham số hướng về trước và có thể dùng để giảm thiểu việc lái quá. Điều chỉnh lớn có thể gây ra hiệu suất kém.

- Cài đặt cao hơn: Đem lại phản ứng mạnh hơn với vận tốc quay trở.
- Cài đặt thấp hơn: Dẫn đến phản ứng kém hơn với vận tốc quay trở.

## Hướng lái có độ nhạy cảm với đường



Lỗi hướng lái

PC16972—UN—22MAY13



Hướng lái có độ nhạy cảm với đường cao

PC28742—UN—25AUG22



PC28743—UN—25AUG22  
Hướng lái có độ nhạy cảm với đường thấp

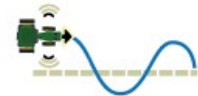
Determines how aggressively AutoTrac responds to heading errors.

- Cài đặt cao hơn: Dẫn đến phản ứng mạnh hơn với lỗi hướng hành trình của máy.
- Cài đặt thấp hơn: Dẫn đến phản ứng kém hơn với lỗi hướng hành trình của máy.

### Tốc độ phản hồi lái



PC28744—UN—25AUG22  
Độ phản ứng hướng lái cao



PC28745—UN—25AUG22  
Độ phản ứng hướng lái thấp

Điều chỉnh mức hướng lái của máy để duy trì hiệu suất tìm lộ trình. Tăng phản ứng hướng lái thường mang lại hiệu suất tìm lộ trình tốt hơn.

- Cài đặt cao hơn: Mang lại hiệu suất tìm lộ trình tốt hơn nhưng cũng có thể làm rung bánh xe hoặc chuyển động giật.
- Cài đặt thấp hơn: Giảm được việc bánh xe bị rung nhưng cũng có thể khiến cho hiệu suất tìm lộ trình kém.

### Độ nhạy tiếp cận



PC28746—UN—25AUG22  
Độ nhạy tiếp cận cao



PC28747—UN—25AUG22  
Độ nhạy tiếp cận thấp

Xác định máy tiếp cận lộ trình linh hoạt ra sao. Cài đặt này chỉ ảnh hưởng đến hiệu suất khi nhận rãnh.

- Cài đặt cao hơn: Cho việc tiếp cận đường mạnh mẽ hơn.
- Cài đặt thấp hơn: Cho việc tiếp cận đường êm hơn.

### Độ nhạy đường cong



PC28748—UN—25AUG22  
Độ nhạy đường cong cao



PC28749—UN—25AUG22  
Độ nhạy đường cong thấp

Xác định AutoTrac phản ứng với đường cong trong lộ trình linh hoạt ra sao. Cài đặt này chỉ ảnh hưởng đến hiệu suất của hướng dẫn lộ trình đường cong.

- Cài đặt cao hơn: Quay máy với bán kính nhỏ hơn (gắt hơn) ở đường cong.
- Cài đặt thấp hơn: Quay máy với bán kính lớn hơn (rộng hơn) quanh đường cong.

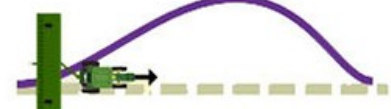
### Hệ thống lái dụng cụ

**QUAN TRỌNG:** Phải đo tâm quay của dụng cụ để chức năng dẫn hướng dụng cụ hoạt động được chính xác. Xem hướng dẫn Đo tâm quay trong phần Trợ giúp trên màn hình để có thể đo tâm quay chính xác. Đo tâm quay không chính xác có thể dẫn đến hoạt động không hiệu quả hoặc làm hỏng dụng cụ.

### Tìm lộ trình độ nhạy của đường



PC28750—UN—25AUG22  
Theo dõi độ nhạy đường thẳng cao

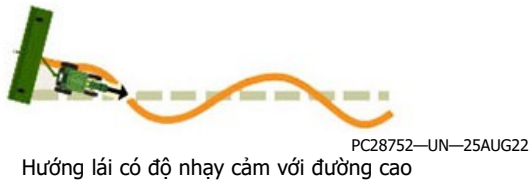


PC28751—UN—25AUG22  
Theo dõi độ nhạy đường thẳng thấp

Xác định cách AutoTrac phản ứng mạnh với lỗi lệch rãnh.

- Cài đặt cao hơn: Kết quả là phản hồi nhanh hơn với lỗi lệch rãnh của dụng cụ.
- Cài đặt thấp hơn: Kết quả là phản hồi chậm hơn với lỗi lệch rãnh của dụng cụ.

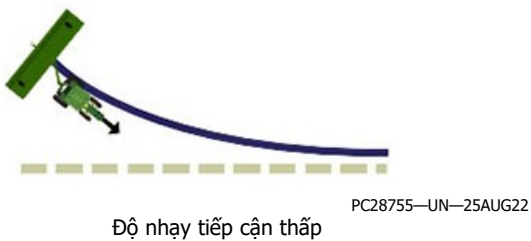
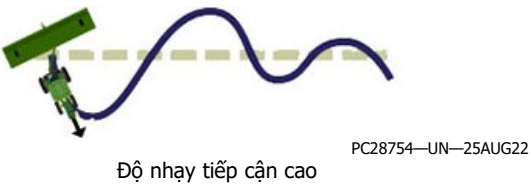
### Hướng lái có độ nhạy cảm với đường



Xác định AutoTrac phản ứng mạnh với các Lỗi hướng hành trình ra sao.

- Cài đặt cao hơn: Kết quả là phản hồi nhanh hơn với lỗi hành trình của dụng cụ.
- Cài đặt thấp hơn: Kết quả là phản hồi chậm hơn với lỗi hành trình của dụng cụ.

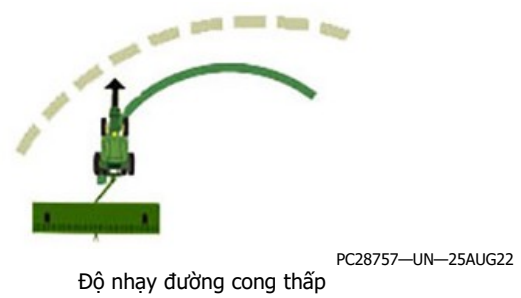
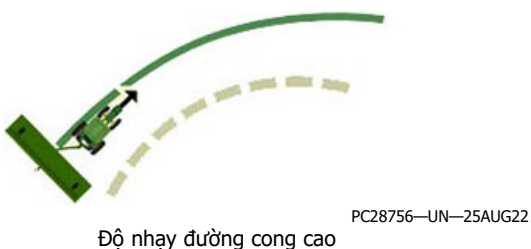
### Độ nhạy tiếp cận



Xác định tốc độ nhận rãnh của máy. Cài đặt này chỉ ảnh hưởng đến hiệu suất khi nhận rãnh.

- Cài đặt cao hơn: Cho việc tiếp cận đường mạnh mẽ hơn.
- Cài đặt thấp hơn: Cho việc tiếp cận đường êm hơn.

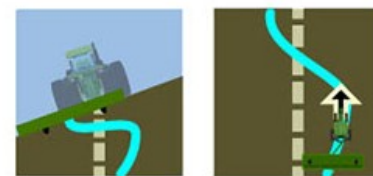
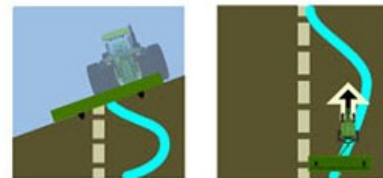
### Độ nhạy đường cong



Xác định AutoTrac phản ứng với đường cong trong lộ trình linh hoạt ra sao. Cài đặt này chỉ ảnh hưởng đến hiệu suất của hướng dẫn lộ trình đường cong.

- Cài đặt cao hơn: Quay máy với bán kính nhỏ hơn (gắt hơn) ở đường cong.
- Cài đặt thấp hơn: Quay máy với bán kính lớn hơn (rộng hơn) quanh đường cong.

### Độ nhạy nghiêng

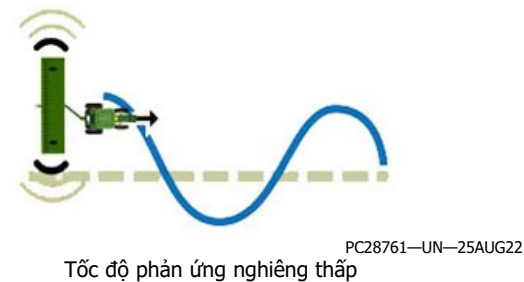
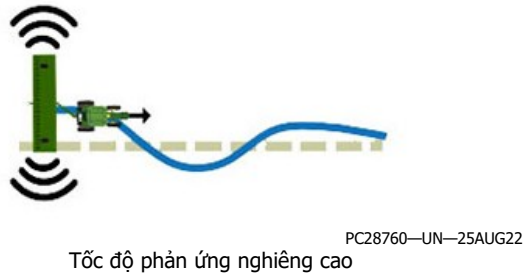


**GHI CHÚ:** Có thể cần phải điều chỉnh cài đặt này khi thay đổi tình trạng đất.

Xác định AutoTrac phản ứng nhanh như thế nào với thay đổi độ dốc. Một giá trị quá cao và máy kéo lái dụng cụ lên dốc. Một giá trị quá thấp và máy kéo lái dụng cụ xuống dốc.

- Cài đặt cao hơn: Máy chạy ở tốc độ cao hơn trên dốc để bù cho dụng cụ có độ hãm nhỏ hơn khi trượt xuống dốc.
- Cài đặt thấp hơn: Máy chạy ở tốc độ thấp hơn trên dốc để bù cho dụng cụ có độ hãm lớn hơn khi trượt xuống dốc.

### Tốc độ phản ứng nghiêng

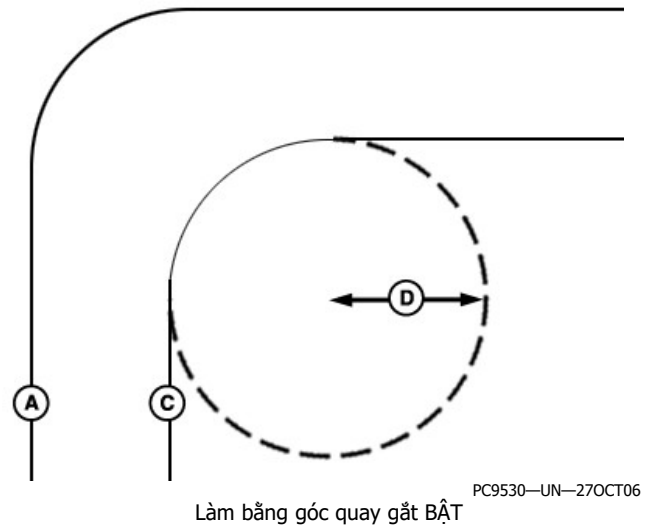
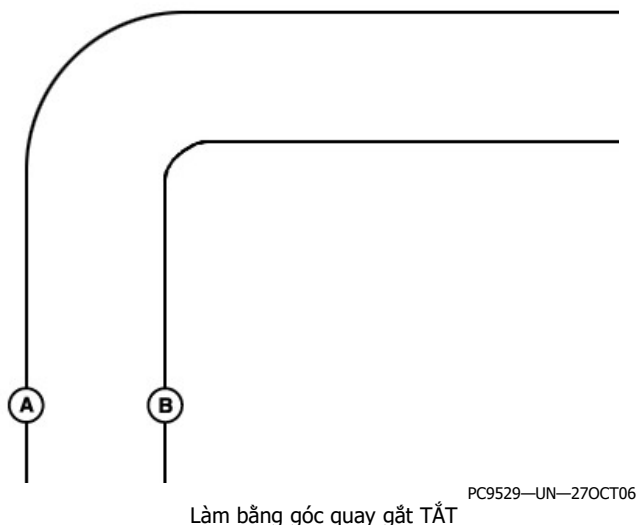


Xác định tốc độ phản hồi của AutoTrac khi thay đổi độ dốc.

- Cài đặt cao hơn: Kết quả là phản hồi nhanh hơn khi thay đổi độ dốc.
- Cài đặt thấp hơn: Kết quả là phản hồi chậm hơn khi thay đổi độ dốc.

ct47125,1705349873280-83-15JAN24

## Cài đặt rãnh đường cong



**A—Hành trình trước**  
**B—Hành trình kế tiếp—Làm bằng góc rẽ gắt TẮT**  
**C—Hành trình kế tiếp—Làm bằng góc rẽ gắt BẬT**  
**D—Bán kính rẽ trên mặt đất**

**Cân bằng góc cua gấp** — Khi được kích hoạt, hệ thống sẽ tự động làm êm đường truyền tại khúc cua quá gấp.

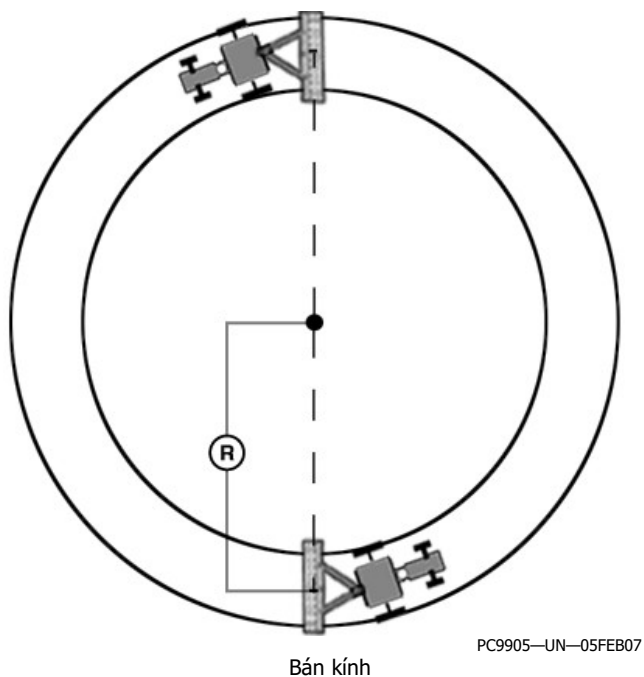
**Cơ chế kích hoạt ghi đường cong** — Có thể kích hoạt ghi rãnh đường cong thích ứng theo ba cách: Ghi thủ công, chế độ AutoTrac và chế độ Trạng thái làm việc.

**GHI CHÚ:** Nên dừng ghi nếu cần thay đổi hướng. Ghi khi đang lùi có thể dẫn đến việc tạo đường dẫn hướng kém.

1. **Ghi thủ công:** Quá trình ghi chỉ bắt đầu khi người vận hành nhấn nút ghi. Không sử dụng bộ kích hoạt tự động trong chế độ này.
2. **Chế độ AutoTrac:** Tự động bắt đầu ghi khi AutoTrac được gài vào một đường dự kiến, và sau đó ngừng khi ngắt AutoTrac. Người vận hành vẫn có thể sử dụng nút ghi để khởi động hoặc dừng ghi theo cách thủ công khi ở chế độ này.
3. **Chế độ Trạng thái làm việc:** Bản ghi được liên kết với trạng thái "Bản ghi công việc". Khi bật "Bản ghi công việc" và đang thực hiện công việc, quá trình ghi đường cong thích ứng sẽ bắt đầu. Quá trình sẽ tự động dừng khi "Bản ghi công việc" tắt.

**Phần mở rộng đã ghi đường cong AB** — Có thể thêm phần mở rộng đường thẳng vào đầu hoặc cuối một đường cong AB. Phần mở rộng được tạo khoảng 90 m (300 ft). Thiết lập góc quay BẮT không thêm phần mở rộng vào đường cong AB đã ghi trước đó.

**GHI CHÚ:** Có thể cần phải tắt phần mở rộng để ngăn không cho các đường giao nhau. Nếu các đường giao nhau, có thể không tạo được các đường cong còn lại.



**R—Bán kính rẽ của thiết bị**

**Bán kính rẽ trên đất của thiết bị** – Bán kính rẽ nhỏ nhất mà thiết bị có thể rẽ trên mặt đất.

Nếu bán kính rẽ trên mặt đất của thiết bị lớn thì sẽ giúp rẽ mượt mà hơn. Nếu bán kính rẽ trên mặt đất của thiết bị nhỏ thì sẽ giúp rẽ nhanh hơn. Giá trị này cũng được sử dụng đối với những máy không có sẵn thiết bị.

*GHI CHÚ: Đảm bảo rằng bán kính rẽ trên mặt đất của dụng cụ được đặt ở giá trị phù hợp với kích cỡ của dụng cụ được sử dụng.*

ZIDXK1X,1749562485257-83-25JUN25

# Điều chỉnh và tối ưu hóa—Điều khiển vùng làm việc

## Cài đặt nâng cao



Biểu tượng cài đặt

PC15305—UN—19MAR13

Chọn biểu tượng cài đặt phía trên ứng dụng Điều khiển đoạn cần để đặt cấu hình cài đặt nâng cao.

### Canh tác liên tục

Sử dụng tính năng làm đất liên tục để giữ dụng cụ làm đất trên mặt đất khi đi qua vùng bao phủ trước đó. Cách này được sử dụng nhằm không để lại các rãnh lõp trên vùng bao phủ trước đó. Tính năng này chỉ khả dụng khi dùng dụng cụ làm đất có khả năng Điều khiển đoạn cần.

### Chẩn đoán bản đồ

Chẩn đoán bản đồ hiển thị chức năng dự đoán Điều khiển vùng. Giá trị dự đoán sẽ chuyển sang màu trắng khi các vùng được lệnh tắt và chuyển sang màu cam khi các vùng được lệnh bật.

Để đảm bảo độ chính xác tốt nhất, hãy duy trì tốc độ và hướng không đổi khi vào và ra khỏi khu vực chuyển tiếp nơi Điều khiển đoạn cần bật hoặc tắt các đoạn cần. Việc thay đổi tốc độ hoặc hướng giữa thời điểm hình ảnh phía trước cắt qua khu vực chuyển tiếp và thời điểm điểm làm việc cắt qua khu vực chuyển tiếp có thể gây ra những khoảng trống không mong muốn hoặc phân nổi chông trong phần bao phủ. Sử dụng chẩn đoán bản đồ để xác minh rằng cửa sổ dự đoán ổn định khi máy đang lái ở tốc độ và hướng không đổi.

*GHI CHÚ: Ở tốc độ chậm và với thời gian trễ cơ học rất thấp, nhìn phía trước có thể rất gần hoặc trùng với thanh điểm làm việc màu xanh lá cây.*

ct47125,1705352799828-83-15JAN24

- Lái cùng tốc độ trong khi rẽ và chạy hành trình trên cánh đồng.
- Lái xe vuông góc với mũi đất hoặc càng gần góc 90 độ càng tốt.
- Khi mong muốn chông chéo thêm, điều chỉnh cài đặt sau khi hoàn thành Tinh chỉnh hiệu suất.

Sử dụng Trung tâm trợ giúp trên màn hình để xem hướng dẫn tinh chỉnh hiệu suất.

ct47125,1705352828421-83-15JAN24

## Tinh chỉnh hiệu suất

Tinh chỉnh hiệu suất được sử dụng để sửa số lần bỏ qua và chông chéo cho sản phẩm được áp dụng trên mặt đất. Nó sử dụng khoảng cách và tốc độ để điều chỉnh cài đặt độ trễ cơ học.

Đảm bảo các yếu tố sau là chính xác trước khi thử Tinh chỉnh hiệu suất:

- Độ chính xác GPS.
- Cài đặt Cấu hình máy và Cấu hình dụng cụ.
- Người vận hành phải lái máy với tốc độ ổn định khi vào hoặc ra khỏi vùng phủ sóng.

Khi cố gắng Điều chỉnh hiệu suất, phải đảm bảo những điều sau:

# Xử lý sự cố—Màn hiển thị

## Trung tâm chẩn đoán



Trung tâm chẩn đoán

PC28791—UN—29AUG22

Trung tâm chẩn đoán mang đến các công cụ chẩn đoán tiên tiến cho các hệ thống được kết nối với màn hình. Chọn một trong các thẻ để biết thêm thông tin.

### Chẩn đoán hệ thống

- Xem thông tin chẩn đoán về máy, thiết bị và ứng dụng màn hình.

### Thông báo của máy

- Xem thông báo và thông tin máy.

### Chẩn đoán Bộ điều khiển

- Truy cập địa chỉ chẩn đoán, mã chẩn đoán sự cố và thông tin cụ thể cho từng thiết bị được kết nối.

### Mã sự cố

- Xem tất cả mã chẩn đoán sự cố đã lưu hoặc kích hoạt.

### Thông tin Bus CAN

- Xem thông tin chẩn đoán cho từng cổng CAN.

### Thông tin Bus CCD

- Xem thông tin chẩn đoán cho từng bus CCD.

### Hệ thống mạng

- Xem thông số chẩn đoán modem JLink.

### Chia sẻ

- Xem ứng dụng Chia sẻ và thông tin chẩn đoán truyền dữ liệu.

### Thông tin BUS của Ethernet

- Xem vấn đề chẩn đoán kết nối đối với tất cả bộ điều khiển trên hệ thống mạng Ethernet.

### Điều hướng Trung tâm chẩn đoán

1. Chọn Menu.
2. Chọn tab Hệ thống.
3. Chọn ứng dụng Trung tâm chẩn đoán.

## Chẩn đoán hệ thống

Xem thông tin chẩn đoán về máy, thiết bị và ứng dụng màn hình.

Chẩn đoán hệ thống có những thông tin sau:

### Phần cứng màn hình

Xem kết quả chẩn đoán về bộ xử lý, màn hình hoặc hiển thị.

### Tình trạng AutoTrac

Xem các thông số chẩn đoán ảnh hưởng đến hiệu suất của AutoTrac.

### Trình hướng dẫn chẩn đoán dẫn hướng

Khắc phục sự cố cho các sự cố AutoTrac phổ biến trên các máy tương thích AT2.

### Chọn Hệ thống máy

Chọn một hệ thống máy để xem chi tiết về hệ thống đó. Hầu hết các hệ thống đều cung cấp các thông tin sau:

#### Tab chung

Tab tổng quát cho biết hệ thống có dữ liệu hiệu chuẩn hợp lệ hay không và cũng được dùng để trao đổi thông tin trạng thái của hệ thống khác.

#### Tab Chỉ số công tắc

Tab Kết quả xê dịch cho biết trạng thái của các lượt xê dịch được phát hiện mà hệ thống sử dụng để điều khiển chức năng của máy.

#### Điều khiển màn hiển thị từ xa

Xem các giá trị chẩn đoán nếu phần mềm, phiên bản hoặc giao diện ảo có thể hoạt động với Phiên điều khiển màn hiển thị từ xa.

#### Tab Chỉ số cảm biến

Tab Kết quả cảm biến cho biết các giá trị được báo cáo bởi các cảm biến được phát hiện mà hệ thống sử dụng làm thông tin đầu vào.

#### Tab Kết quả đầu ra

Tab Kết quả đầu ra cho biết giá trị đầu ra được điều khiển và thực tế đối với đầu ra của hệ thống được chọn.

### Thông tin Bus CCD

Tab thông tin Bus CCD hiển thị trạng thái giao tiếp giữa các bộ điều khiển trên Bus CCD. Bus CCD của máy kết nối các bộ điều khiển như động cơ, thủy lực và truyền động.



PC28794—UN—29AUG22

A—Đèn báo màu xanh lục, phạm vi bình thường  
B—Đèn báo màu vàng, ngoài phạm vi

Một số giá trị hiển thị một chấm màu xanh lục hoặc một chấm màu vàng với một dấu chấm than. Tùy theo cấu hình máy và dụng cụ, màu vàng có thể xuất hiện.

- Đèn báo màu xanh lục (A) — Giá trị thuộc phạm vi bình thường.
- Đèn báo màu vàng (B) — Giá trị ngoài phạm vi.

### Chẩn đoán Bộ điều khiển

Chẩn đoán bộ điều khiển hiển thị thông tin sau cho các thiết bị điều khiển được kết nối với bus CAN.

#### Thiết bị

- Mỗi thiết bị trong danh sách được xác định bởi ID thiết bị, địa chỉ CAN, và vị trí mạng CAN.

#### Mã

- Mã nhận dạng nếu thiết bị có mã chẩn đoán sự cố.

#### Số lượng thông báo

- Tất cả thiết bị điều khiển kết nối với màn hình được hiển thị. Sử dụng nút số không ở cuối trang để đặt lại số lượng thông báo cho tất cả bộ điều khiển.

### Xem và sắp xếp

Chọn nút bên cạnh nút **Xem theo** để thay đổi cách hiển thị các thiết bị điều khiển. Các hiển thị bao gồm:

#### Tất cả các bộ điều khiển

- Tất cả thiết bị điều khiển kết nối tới màn hình đều được hiển thị.

#### Bộ điều khiển BUS của Ethernet

- Chỉ có thiết bị điều khiển có kết nối Ethernet là được hiển thị.

#### Bộ điều khiển BUS của dụng cụ

- Chỉ có thiết bị điều khiển trên bus CAN dụng cụ là được hiển thị.

#### Bộ điều khiển BUS của máy

- Chỉ có thiết bị điều khiển trên bus CAN máy là được hiển thị.

#### Bộ điều khiển có DTC đang hoạt động

- Hiển thị các thiết bị có DTC đang hoạt động.

#### Bộ điều khiển không hoạt động

- Hiển thị thiết bị đã hoạt động trong quá khứ nhưng hiện không hoạt động

Chọn nút cạnh **Sắp xếp theo** để sắp xếp danh sách theo những bộ lọc này:

#### Thiết bị

- Sắp xếp danh sách theo ID thiết bị.

#### Đã thấy lần cuối

- Danh sách được sắp xếp theo thiết bị điều khiển đã liên lạc gần đây nhất với màn hiển thị.

### Thông tin chẩn đoán

Chọn một thiết bị điều khiển trong danh sách để xem thông tin chi tiết.

**GHI CHÚ:** Màn hình sẽ được thiết lập ở chế độ chẩn đoán khi một thiết bị điều khiển được chọn. Chế độ chẩn đoán bị xóa khi đóng trang thiết bị điều khiển.

Tùy thuộc vào loại thiết bị điều khiển, thông tin chẩn đoán sẽ được hiển thị trong tab Địa chỉ chẩn đoán hoặc tab Chỉ số.

### Địa chỉ chẩn đoán

**QUAN TRỌNG:** Thay đổi thiết lập trong Địa chỉ chẩn đoán có thể gây hư hại đến máy kéo hoặc bộ điều khiển thiết bị. Làm theo hướng dẫn, và sử dụng cảnh báo khi thay đổi giá trị địa chỉ.

Thiết bị điều khiển có địa chỉ lưu trữ giá trị cho các cài đặt khác nhau. Mỗi địa chỉ được xác định bởi số và kiểu địa chỉ. Các địa chỉ dữ liệu chỉ có thể được xem (ví dụ, thông tin phiên bản phần mềm) trong khi các địa chỉ Nhập dữ liệu có thể được chỉnh sửa (ví dụ, thiết lập hiệu chỉnh).

### Số đọc

**QUAN TRỌNG:** Việc thay đổi cài đặt Chỉ số có thể gây hư hại cho máy hoặc thiết bị điều khiển dụng cụ. Làm theo hướng dẫn và cẩn trọng khi thay đổi giá trị địa chỉ.

Thiết bị điều khiển có các chỉ số lưu trữ giá trị cho các cài đặt khác nhau. Mỗi chỉ số được xác định bằng một số và tên. Chọn một chỉ số để hiển thị cửa sổ bật lên có chi tiết về chỉ số. Nếu có thể sửa giá trị thì trường giá trị sẽ có màu trắng. Nếu giá trị là chỉ đọc thì trường giá trị sẽ có màu xám.

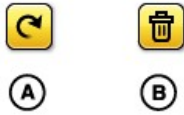
### Các mã lỗi chẩn đoán

Các mã hiện tại và đã lưu cho thiết bị điều khiển đã chọn sẽ hiển thị. Chọn một mã từ danh sách để xem chi tiết mã.

### Thông tin bộ điều khiển

Thông tin bộ điều khiển hiển thị các thông số kỹ thuật chi tiết và thông tin nhận dạng từ thiết bị điều khiển. Thông tin này rất có ích cho chẩn đoán ISOBUS.

## Các mã lỗi chẩn đoán



**A—Nút Làm mới**  
**B—Nút Xóa mã**

PC28792—UN—29AUG22

Thẻ Mã chẩn đoán sự cố hiển thị tất cả các mã hiện hành và mã được lưu đã từng xuất hiện trên hệ thống.

Chọn nút Làm mới (A) để xóa, sau đó truy xuất lại tất cả các mã.

Chọn nút Xóa mã (B) để xóa toàn bộ mã trên màn hình.

### Xem và sắp xếp



Dạng mã

PC28793—UN—29AUG22

**A—Cảnh báo dừng lại**  
**B—Cảnh báo sửa chữa**  
**C—Cảnh báo thông tin**

Chọn nút bên cạnh nút **Xem theo** để thay đổi cách hiển thị các mã. Các hiển thị bao gồm:

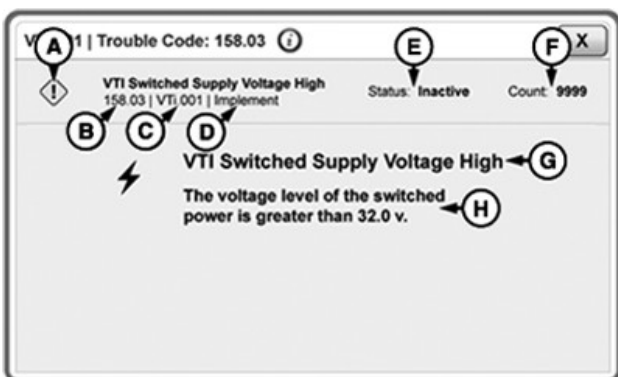
#### Mã

- Xem theo "Mã" liệt kê tất cả các mã trên màn hình. Loại mã (A—C), Chi tiết, Trạng thái và Số lượng đều được hiển thị. Chọn một mã từ danh sách để xem Chi tiết mã.

#### Thiết bị

- Xem theo "Thiết bị" liệt kê tất cả bộ điều khiển trên Bus CAN. ID thiết bị, Hệ thống CAN, và thiết bị có mã tất cả đều được hiển thị. Chọn một bộ điều khiển trong danh sách để xem Mã thiết bị.

## Chi tiết mã



Chi tiết mã

PC15334—UN—09JUL13

**A—Dạng Mã chẩn đoán sự cố**  
**B—Số Mã chẩn đoán sự cố**  
**C—ID thiết bị**  
**D—Hệ thống Bus CAN**  
**E—Trạng thái mã**  
**F—Số lượng**  
**G—Mã lỗi Chẩn đoán**  
**H—Mô tả Mã chẩn đoán sự cố**

Chọn một mã lỗi chẩn đoán để xem chi tiết mã.

## Thông tin Bus CAN

Thẻ thông tin Bus CAN hiển thị tình trạng giao tiếp giữa các bộ điều khiển trên Bus CAN. Bus CAN máy kết nối các bộ điều khiển như động cơ, hệ thống thủy lực, và hệ thống truyền động. Bus CAN dụng cụ kết nối các bộ điều khiển như bộ thu StarFire, màn hình ISOBUS thứ hai và các dụng cụ ISOBUS.



PC28794—UN—29AUG22

**A—Đèn báo màu xanh lục, phạm vi bình thường**  
**B—Đèn báo màu vàng, ngoài phạm vi**

Một số giá trị hiển thị một chấm màu xanh lục hoặc một chấm màu vàng với một dấu chấm than. Tùy theo cấu hình máy và dụng cụ, màu vàng có thể xuất hiện.

- Đèn báo màu xanh lục (A) — Giá trị thuộc phạm vi bình thường.
- Đèn báo màu vàng (B) — Giá trị ngoài phạm vi.

## Giá trị Bus CAN

### Tình trạng mạng

#### Đang hoạt động

- Hệ thống đang làm việc như mong muốn. Ngoài màn hình, ít nhất một bộ điều khiển được kết nối và giao tiếp trên Bus CAN.

#### Không hoạt động

- Màn hình không giao tiếp với bất kỳ bộ điều khiển nào khác trên Bus CAN. Nếu màn hình là bộ điều khiển duy nhất trên Bus CAN, tổng số thông báo sẽ tăng, nhưng tình trạng hệ thống là không hoạt động.

## Tổng số thông báo

Tổng số thông báo là số các thông báo được gửi thông qua Bus CAN. Khi máy chạy, giá trị này sẽ tăng lên liên tục do luôn có các thông báo được gửi trên Bus CAN.

## Điện áp CAN cao và điện áp CAN thấp

Điện áp cực đại là điện áp trung bình cao nhất xuất hiện từ lần khởi động nguội gần nhất. Các số đo điện áp được tính trung bình theo mỗi giây. Điện áp cao cực đại CAN

và điện áp thấp cực đại CAN thông thường nằm trong phạm vi từ 1,8 và 3,3 Vôn.

**GHI CHÚ:** Màn hình sẽ thực hiện khởi động nguội nếu nó đã không hoạt động trong 48 giờ, nếu nguồn không chuyển mạch của nó bị ngắt kết nối hoặc đã trải qua 20 lần khởi động nóng.

### Sử dụng Bus

Thông tin trên Bus CAN được gửi trong các thông báo gửi giữa các bộ điều khiển. Bus CAN dụng cụ của John Deere vận hành ở tốc độ Baud là 250 kbd, nghĩa là nó có thể chuyển công suất lên tới đa 256.000 lần/giây để truyền thông báo. Đây là mức sử dụng BUS 100%.

Nếu bộ điều khiển, chẳng hạn như dụng cụ, không hoạt động như mong đợi, mức sử dụng BUS từ 45% trở lên có thể là nguyên nhân của sự cố. Một số bộ điều khiển có thể không gửi và nhận được tất cả thông báo cần thiết do tải BUS cao.

**GHI CHÚ:** Một số dụng cụ ISOBUS sẽ không hoạt động với tải BUS cao hơn 25%.

Bộ thu StarFire đang làm việc gây ra một lượng tải Bus khoảng 5—7%.

Tháo dụng cụ hoặc máy thu GPS có thể giảm mức sử dụng BUS.

### Tốc độ truyền

Tốc độ truyền cho thấy Bus làm việc nhanh như thế nào. ISOBUS và Bus thiết bị John Deere đang chạy với tốc độ truyền là 250 kbd. Bất kỳ bộ điều khiển nào kết nối với hệ thống này phải làm việc ở tốc độ 250 kbs, nếu không nó sẽ không vận hành đúng.

### Tình trạng Bus CAN và Tổng số lỗi

Có thể xảy ra bốn tình trạng Bus CAN:

- Hoạt động – Bus CAN đang chạy mà không có vấn đề gì.
- Thụ động – Đã xảy ra các lỗi thụ động.
- Cảnh báo – Đã xảy ra lỗi cảnh báo Bus.
- Tắt – Đã xảy ra lỗi Tắt Bus.

Nếu một trong các lỗi này xảy ra, màn hình sẽ ghi lại số lần xảy ra.

#### Tổng lỗi thụ động

- Nếu giá trị đếm được lớn hơn 0, bộ điều khiển trên Bus CAN không nhận được tất cả các thông báo. Thông tin quan trọng có thể bị mất. Điều này nhiều khả năng là do tình trạng sử dụng Bus CAN cao.

#### Số cảnh báo bus

- Nếu giá trị đếm được lớn hơn 0, một bộ điều khiển trên Bus CAN có vấn đề.

#### Số lần tắt bus

- Nếu giá trị đếm được lớn hơn 0, một bộ điều khiển trên Bus CAN có vấn đề. Bộ điều khiển này đã không nhận được một số thông báo và sẽ không nhận được thông báo nữa. Thông tin quan trọng đã bị mất. Điều này xảy ra phần lớn là do liên quan đến mức sử dụng Bus CAN cao.

#### Tổng lỗi chạy quá mức

- Tổng lỗi chạy quá mức cho biết các ứng dụng hoặc bộ điều khiển trên Bus CAN nhận được thông báo nhanh hơn khả năng xử lý của chúng. Điều này sẽ dẫn đến việc bị mất các thông báo và hệ thống bị hỏng. Điều này xảy ra phần lớn là do liên quan đến mức sử dụng Bus CAN cao.

### Hệ thống mạng

Tab hệ thống mạng hiển thị thông số chẩn đoán cho modem JDLINK, kết nối hệ thống mạng và SIM do khách hàng sở hữu.

Modem JDLINK là một trong các bộ phận chính cho phép các giải pháp viễn tin của John Deere, như JDLINK, Service ADVISOR Từ xa và Truy cập màn hình từ xa John Deere (RDA).

Modem JDLINK chứa phần mềm cơ sở, một dạng modem di động, và thiết bị SIM. Bộ phận này gửi và nhận dữ liệu và thông báo thông qua hệ thống mạng di động.

RA yêu cầu kết nối di động liên tục với chức năng. JDLINK không yêu cầu kết nối di động liên tục do modem JDLINK có thể lưu trữ lên đến 1000 giờ dữ liệu.

### Thông tin BUS của Ethernet

Thông tin BUS của Ethernet hiển thị vấn đề chẩn đoán kết nối với tất cả các bộ điều khiển trong hệ thống mạng Ethernet.

**GHI CHÚ:** Màn hiển thị G5 chỉ hỗ trợ các cổng phần cứng ETH100-1 và ETH100-2.

Những mục được hiển thị trong thông tin BUS của Ethernet

- *Trạng thái link của Ethernet* – Hiển thị trạng thái mở hoặc tắt của hệ thống mạng Ethernet.
- *Địa chỉ Internet* – Hiển thị địa chỉ IP tĩnh hoặc địa chỉ IP được gán cho màn hình.
- *Các gói đã truyền* – Số lượng các gói đã được truyền kể từ khi màn hình được bật nguồn.
- *Các gói đã nhận* – Số lượng các gói đã nhận được kể từ khi màn hình được bật nguồn.
- *Gói bị lỗi* – Số lượng gói bị hỏng hoặc có định dạng không đúng đã nhận được kể từ khi màn hình được bật nguồn.
- *Gói bị mất* – Số lượng gói bị mất trước khi đến được địa điểm.

- **Tốc độ** – Tốc độ của hệ thống mạng Ethernet được kết nối.
- **Số thiết bị đã kết nối** – Số lượng bộ điều khiển có địa chỉ IP mà màn hiển thị thấy được trên hệ thống mạng.
- **Ngắt kết nối** – Số lượng ngắt kết nối kể từ khi màn hình được bật nguồn.

### Ấn Trung tâm chẩn đoán



Ấn Trung tâm chẩn đoán

PC15331—UN—08JUL13

bộ điều khiển được chọn. Chọn Ấn trung tâm chẩn đoán để thu nhỏ ứng dụng và quay lại trang chính.

Nút ấn này rất hữu dụng để truy cập một phần khác của màn hình trong quá trình điều chỉnh. Để quay trở lại trang chẩn đoán tương tự, chọn ứng dụng Trung tâm chẩn đoán từ menu.

*GHI CHÚ: Không nên để màn hình ở chế độ chẩn đoán, vì nó có thể gây ảnh hưởng xấu đến hiệu quả vận hành.*

Thoát khỏi chế độ Chẩn đoán bằng cách đóng lại trang bộ điều khiển.

ch177nn,1737363316123-83-20OCT25

Màn hình sẽ được thiết lập ở chế độ chẩn đoán khi một

## Phục hồi hệ thống



PC620654—UN—14MAY24

### A—Mã PIN phục hồi

Chức năng Phục hồi hệ thống cố gắng bảo vệ và có thể lưu các dữ liệu của người dùng. Chức năng Phục hồi hệ thống sẽ bắt đầu khi hệ thống phát hiện xung đột có thể làm các chức năng mong muốn bị lỗi.

Khi màn hiển thị lần đầu tiên vào phục hồi hệ thống, bộ

hẹn giờ 30 giây sẽ bắt đầu trên màn hình để tiến hành phục hồi hệ thống. Để tiến hành phục hồi hệ thống, hãy liên hệ với đại lý của John Deere và cung cấp mã PIN phục hồi (A).

Việc để cho bộ hẹn giờ hết thời gian sẽ đưa màn hiển thị

trở lại hoạt động bình thường. Nếu màn hình này vẫn tiếp tục xuất hiện, hãy liên hệ với đại lý của John Deere và cung cấp mã PIN phục hồi (A).

ZID XK1X, 1770631650933-83-09FEB26

---

# Xử lý sự cố—AutoTrac

## Thông báo đã nhả AutoTrac

**Thông báo đã nhả AutoTrac** – Mỗi lần AutoTrac được nhả ra, có hai âm báo, sau đó là một cảnh báo giải thích

lý do nhả. Cũng có thông điệp hiển thị để giải thích tại sao AutoTrac đã không gài. Thông báo nhả ra hiển thị trong 7 giây và sau đó sẽ biến mất.

| Thông báo đã nhả AutoTrac |                                                                 |
|---------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| Mã                        | Thông báo                                                       |
| 702752,00                 | Chưa kiểm tra gì cả                                             |
| 702752,01                 | Đã di chuyển bánh lái                                           |
| 702752,02                 | Tốc độ bánh xe quá chậm                                         |
| 702752,03                 | Tốc độ bánh xe quá nhanh                                        |
| 702752,04                 | Số không hợp lệ                                                 |
| 702752,05                 | Đã thay đổi số rãnh                                             |
| 702752,06                 | Không có GPS tần số kép                                         |
| 702752,07                 | SSU có DTC hoạt động                                            |
| 702752,08                 | Lần chuyển tiếp gần đây đã được thực hiện                       |
| 702752,09                 | Thông báo GSD kém                                               |
| 702752,10                 | Không có Parallel Tracking                                      |
| 702752,11                 | Không có thẻ khóa                                               |
| 702752,12                 | Lỗi hướng hành trình quá rộng                                   |
| 702752,13                 | Lỗi lệch rãnh quá rộng                                          |
| 702752,14                 | Công tắc ghế đang mở                                            |
| 702752,15                 | Nhiệt độ dầu quá thấp                                           |
| 702752,16                 | Không có TCM                                                    |
| 702752,17                 | Mã kích hoạt không hợp lệ                                       |
| 702752,18                 | Van điều khiển chế độ chẩn đoán                                 |
| 702752,19                 | Công tắc đầu liên hợp tắt                                       |
| 702752,20                 | Công tắc đường/đồng kết hợp bật                                 |
| 702752,21                 | Điện áp không ổn định                                           |
| 702752,22                 | AutoTrac kích hoạt ở chế độ lùi quá lâu                         |
| 702752,23                 | AutoTrac kích hoạt dưới ngưỡng tốc độ thấp quá lâu              |
| 702752,24                 | Độ cong quá cao                                                 |
| 702752,25                 | Máy không di chuyển theo hướng tiến                             |
| 702752,26                 | Dòng ELX thấp (Tắt)                                             |
| 702752,27                 | Dữ liệu bánh răng kém                                           |
| 702752,28                 | Dữ liệu công tắc phục hồi kém                                   |
| 702752,29                 | Thông báo công tắc chính không hợp lệ                           |
| 702752,30                 | Công tắc dẫn hướng hàng/AutoTrac SPFH Tắt                       |
| 702752,31                 | Công tắc dừng khẩn cấp SPFH bật                                 |
| 702752,32                 | AutoTrac chưa được kích hoạt                                    |
| 702752,33                 | Đang nhận đường thẳng                                           |
| 702752,34                 | Theo dõi trên đường thẳng                                       |
| 702752,35                 | Hướng không xác định                                            |
| 702752,36                 | Chuyển đến GPS quá rộng                                         |
| 702752,37                 | Ra khỏi luồng                                                   |
| 702752,38                 | Cảm biến xuống dốc hết thời gian                                |
| 702752,39                 | Trình tự thông báo bị lỗi                                       |
| 702752,40                 | Máy không thể đạt được độ cong của rãnh đã đặt lệnh             |
| 702752,41                 | Tốc độ máy theo GPS không khớp với tốc độ máy dựa trên bánh lái |
| 702752,42                 | Độ cong hiện tại không khớp                                     |
| 702752,43                 | Máy đang đổ                                                     |
| 702752,44                 | Thông báo lệnh trợ lái hết thời gian                            |
| 702752,45                 | Thông báo trạng thái lái hỗ trợ hết thời gian                   |
| 702752,46                 | Dữ liệu công tắc ghế bị lỗi                                     |
| 702752,47                 | Dữ liệu VIN bị lỗi                                              |

|           |                                                       |
|-----------|-------------------------------------------------------|
| 702752,48 | Dữ liệu khoảng cách hai cầu bị lỗi                    |
| 702752,49 | Thông báo thông tin TCM hết thời gian                 |
| 702752,50 | Hết thời gian chờ thông báo tự động điều khiển máy    |
| 702752,51 | Thông báo tỷ lệ chênh/lấn của máy đã hết thời gian    |
| 702752,52 | Thông báo tốc độ/hướng dựa trên bánh xe hết thời gian |
| 702752,53 | Dữ liệu rãnh hết thời gian                            |
| 702752,54 | Lỗi không xác định của bộ điều khiển hệ thống lái     |
| 702752,55 | Nhiệt độ của AutoTrac Universal nằm ngoài phạm vi     |
| 702752,56 | AutoTrac hoạt động ở chế độ lái bốn bánh quá lâu      |
| 702752,57 | Máy ở chế độ lái cơ cấu nâng                          |
| 702752,58 | Không được phép ủy quyền                              |
| 702752,62 | Được bảo lưu                                          |
| 702752,63 | Không hành động                                       |

ct47125,1705350329514-83-05MAY25

## Xử lý sự cố

**GHI CHÚ:** AutoTrac được tinh chỉnh để vận hành tốt ở hầu hết mọi điều kiện của cánh đồng khi sử dụng các loại dụng cụ khác nhau. Với các điều kiện bất thường, Cài đặt nâng cao cho phép người vận hành tinh chỉnh hệ thống theo điều kiện của cánh đồng và dụng cụ cụ thể. Điều chỉnh độ nhạy cấu lái phải được thử nghiệm trước khi dùng các bước trong các tình huống sau.

Kiểm tra và khắc phục sự cố trước khi tinh chỉnh. Thực hiện các kiểm tra và hiệu chỉnh cơ khí cần thiết thông qua máy kết hợp. Nếu không thực hiện bước này, có thể xảy ra lỗi ở máy hoặc người vận hành sẽ mất thời gian khi tinh chỉnh một hệ thống không thể tinh chỉnh.

**Bánh xe rung quá mức:** Hiệu suất chung của AutoTrac có thể chấp nhận được, nhưng các bánh xe rung qua lại nhanh.

**Chuyển động hình chữ S quá mạnh:** Có thể thấy được chuyển động qua lại liên tục khi quan sát qua mũi trước của máy. Có chuyển động, nhưng lỗi lệch lộ trình hiển thị trên màn hình (khoảng cách so với đường A–B) thường tương đối nhỏ.

**Chuyển động chữ S chậm chạp:** Hiệu suất của AutoTrac có vẻ ì khi cố gắng đi theo đường và di chuyển lệch một cách chậm chạp sang hai bên.

**Tiếp cận đường chậm chạp:** AutoTrac có vẻ ì trong lúc tiếp cận đường. Máy kéo vẫn nằm lệch một bên trong một thời gian dài trước khi đạt được vị trí thẳng hàng.

**Tiếp cận đường quá mạnh:** AutoTrac vượt quá đường dẫn và tiếp tục bù trừ quá mức trong quá trình tiếp cận cho ra một dạng chữ S gắt, tần số cao.

**Tìm lộ trình bên ngoài đường cong:** AutoTrac ì trong lộ trình đường cong, gây ra di chuyển dạng chữ S chậm, lệch lạc so với đường mong muốn. Đường này thường tìm lộ trình bên ngoài hành trình mong muốn.

**Tìm lộ trình bên trong đường cong:** AutoTrac thể hiện sự hiệu chỉnh tần số cao và nhanh trong Chế độ lộ trình đường cong, gây ra dạng di chuyển chữ S gắt, hoặc tìm lộ trình bên trong hành trình mong muốn.

**GHI CHÚ:** Để biết cách xử lý sự cố, tham khảo các tập tin trợ giúp trên màn hình.

## Tinh chỉnh chung

Đề nghị về điều chỉnh:

- Độ nhạy lái Cài ở 70 trước khi thực hiện các điều chỉnh khác. Điều chỉnh theo gia số là 10.
- Tìm lộ trình độ nhạy của đường: Điều chỉnh theo gia số là 20.
- Hướng lái độ nhạy đường: Điều chỉnh theo gia số là 10.
- Dẫn hướng lái: Điều chỉnh theo gia số là 10.
- Mức phản ứng cấu lái: Điều chỉnh theo gia số là 10.
- Độ nhạy tiếp cận: Điều chỉnh theo gia số là 20.
- Độ nhạy đường cong: Điều chỉnh theo gia số là 20.

Một giá trị cho một lần: Thử điều chỉnh cài đặt trong điều kiện của cánh đồng đang có vấn đề khi AutoTrac đang kích hoạt bằng cách thực hiện các bước sau:

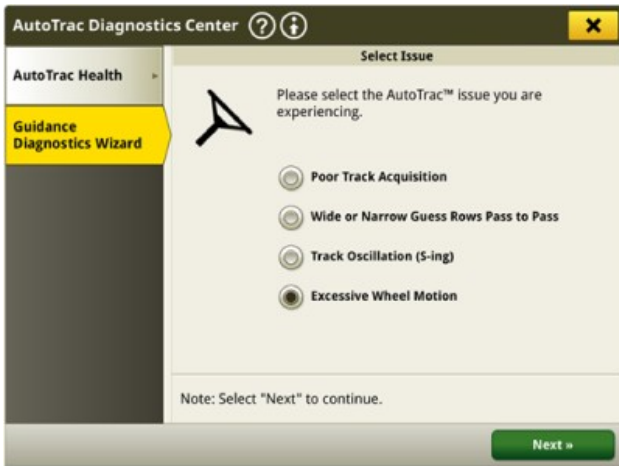
1. Bắt đầu bằng cài đặt mặc định của nhà máy. Giá trị Độ nhạy lái có liên quan đến giá trị trên tab Xem dẫn hướng. Cố gắng dùng một giá trị cho cài đặt này sao cho tương tự với điều kiện đang hoạt động (70 với bê tông, 100 với hầu hết các điều kiện và 120 với đất xốp). Có thể vẫn cần phải điều chỉnh con số này ngoài cài đặt đề nghị.
2. Khi AutoTrac đang kích hoạt trong điều kiện có sự cố (như tốc độ, mặt đất hoặc cài đặt lốp), tăng hay giảm Hướng độ nhạy của đường theo hệ số 10.
3. Nếu thay đổi Hướng độ nhạy của đường không có tác dụng với sự cố đang xử lý, cài lại thông số Hướng độ

nhảy của đường. Tăng hoặc giảm Dẫn hướng chuyển động tương tự như bước trước đó.

4. Nếu các bước trước không có hiệu quả, cài lại Dẫn hướng chuyển động và tăng hoặc giảm Tốc độ phản hồi hướng lái theo cách tương tự như các bước trước.

Kết hợp các cài đặt: Nếu quy trình trên không mang lại hiệu suất thỏa đáng và khi người vận hành đã quen thuộc với việc các thông số thay đổi hiệu suất AutoTrac ra sao, thử kết hợp các thông số khác khi AutoTrac đang kích hoạt.

### Trình hướng dẫn chẩn đoán dẫn hướng



PC689866—UN—26SEP25

Tab Trình hướng dẫn chẩn đoán dẫn hướng

Trình hướng dẫn chẩn đoán dẫn hướng hướng dẫn cách xử lý sự cố từng bước đối với các sự cố dẫn hướng thường gặp.

**GHI CHÚ:** Trình hướng dẫn Chẩn đoán dẫn hướng chỉ có ở các máy có cấu hình hệ thống AutoTrac AT2.  
Thông tin này có sẵn trên trang Tình trạng AutoTrac trong phần Hệ thống AutoTrac → Chế độ AutoTrac.

Chọn nút radio tương ứng với sự cố bạn đang gặp phải:

- Tiếp nhận rãnh dẫn hướng kém – máy đi lệch về một bên đường dẫn hướng trong một thời gian dài trước khi đi thẳng hàng, hoặc máy đi vượt quá đường dẫn hướng và tiếp tục bù quá mức trong quá trình tiếp nhận.
- Các luống ước chừng rộng/hẹp giữa các hành trình – khoảng cách giữa các hành trình không đồng đều, nhưng độ lệch khoảng cách này được giữ nguyên suốt cả hành trình, dẫn đến độ lệch không đổi cho toàn bộ hành trình.
- S-ing – có thể thấy được chuyển động qua lại liên tục khi quan sát qua mũi trước của máy.
- Bánh xe rung quá mức – hiệu suất chung của AutoTrac có thể chấp nhận được, nhưng các bánh xe rung qua lại nhanh.

ct47125,1705350329386-83-01OCT25

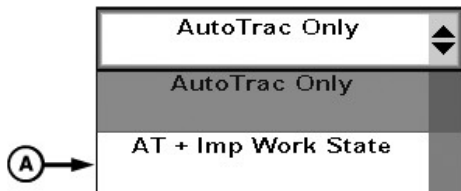
# Xử lý sự cố—AutoTrac Turn Automation

## Xử lý sự cố với Dẫn hướng dụng cụ đang hoạt động

### Dẫn hướng dụng cụ đang hoạt động

Để phòng ngừa dụng cụ bị dẫn lái khi rẽ ở cuối đường trong lúc đang chạy Dẫn hướng dụng cụ đang hoạt động và Tự động rẽ AutoTrac, hãy điều chỉnh các cài đặt sau đây:

#### Bộ điều khiển ứng dụng 1100 (UCC1)

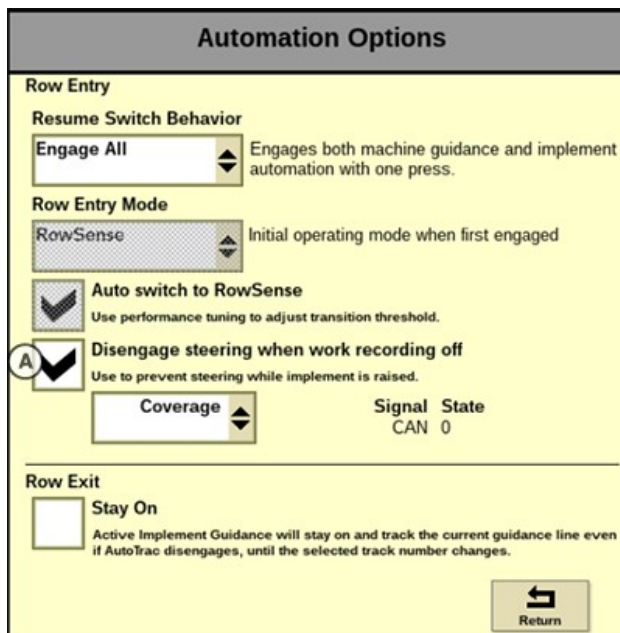


PC27869—UN—28FEB20

#### A—AT + Trạng thái làm việc của dụng cụ

1. Chọn Bộ điều khiển ứng dụng 1100 trong ứng dụng ISOBUS VT.
2. Chọn nút Thiết lập lái dụng cụ. hoặc nút Thiết lập di chuyển dụng cụ.
3. Lựa chọn "AT + Trạng thái làm việc dụng cụ" (A) từ danh mục số xuống trong thiết lập Yêu cầu để giải.

#### Bộ điều khiển ứng dụng 1100 (UCC2 S.N. PCXL01C201000—)



PC28809—UN—20SEP22

#### A—Hộp kiểm Tắt dẫn lái

1. Chọn Bộ điều khiển ứng dụng 1100 trong ứng dụng ISOBUS VT.
2. Lựa chọn phím chức năng Dẫn hướng dụng cụ đang hoạt động.
3. Lựa chọn Tùy chọn tự động ở tab Thiết lập.

4. Lựa chọn hộp "Tắt dẫn lái khi bản ghi công việc đang tắt" (A).

ct47125,1705351301467-83-24SEP25

# Bảo dưỡng—Hiệu chuẩn

## Bảo dưỡng và Hiệu chuẩn



Bảo dưỡng và Chuẩn định

PC28795—UN—29AUG22

Ứng dụng Bảo dưỡng và chuẩn định cho phép người vận hành thiết lập các khoảng bảo dưỡng và tiến hành chuẩn định trên các bộ phận của máy.

### Điều hướng đến Bảo dưỡng và Chuẩn định

1. Chọn Trình đơn.
2. Chọn Tab thiết lập máy kéo.
3. Chọn ứng dụng Bảo dưỡng và chuẩn định.

ch177nn,1661764883601-83-29AUG22

## Kiểm tra bảo dưỡng

**GHI CHÚ:** Tính khả dụng về tính năng kiểm tra bảo dưỡng tùy thuộc vào quyền chọn mua.

Tiến hành kiểm tra bảo dưỡng máy trên mặt đất bằng phẳng với động cơ đã tắt. Để biết thông số đọc chính xác, chờ ít nhất 40 phút sau khi tắt động cơ trước khi kiểm tra mức nhiên liệu.

Đèn sáng cho biết trạng thái điểm kiểm tra bảo dưỡng máy.

- Đèn xanh — mức nhiên liệu bình thường
- Đèn đỏ — mức nhiên liệu cao hoặc thấp

Có sẵn các điểm kiểm tra sau đây:



A



B

PC17385—UN—15MAY14

**A—Mức dầu động cơ**  
**B—Mức nước làm mát động cơ**

- Mức dầu động cơ (A)
- Mức môi chất làm mát động cơ (B)

DX,PC,MAINT,SERVCHECK-83-07APR17

## Khoảng bảo dưỡng

Các khoảng bảo dưỡng là các lời nhắc khi nào cần thực hiện bảo dưỡng định kỳ trên máy.

Chọn nút thêm khoảng bảo dưỡng để tạo khoảng bảo

dưỡng mới. Có thể thêm số khoảng bảo dưỡng không hạn chế.

Khi một khoảng bảo dưỡng được tạo ra, nó sẽ được thêm vào danh sách và được hiển thị với tên gọi, thời gian đã trôi qua, và thời lượng của khoảng bảo dưỡng.

- Người điều khiển chọn tên để xác định khoảng bảo dưỡng cụ thể.
- Đã trôi qua chỉ số giờ kể từ khi khoảng bảo dưỡng được cài đặt lại.
- Khoảng là số giờ giữa mỗi lần bảo dưỡng.

Các khoảng bảo dưỡng được sắp xếp từ khoảng có thời lượng ngắn nhất tới khoảng có thời lượng dài nhất. Sau đó các khoảng này được sắp xếp theo tên, theo trình tự chữ-số, với ưu tiên dành cho chữ số.

Hai mươi giờ trước khi tới hạn khoảng bảo dưỡng, hệ thống sẽ thông báo người vận hành rằng máy sắp cần bảo dưỡng. Ngay khi thông báo được tiếp nhận, hệ thống sẽ thông báo về bảo dưỡng sắp tới cho người vận hành mỗi khi máy khởi động lại cho đến khi khoảng bảo dưỡng được thiết lập lại.

DX,PC,MAINT,SERVINTERVAL-83-23DEC15

## Hiệu chỉnh

Sử dụng ứng dụng này để thực hiện chuẩn định độ trượt bánh và chuẩn định radar.

### Chuẩn định radar



Chuẩn định radar

PC23946—UN—22MAR17

Cần hiệu chuẩn thiết bị radar khi lắp đặt lần đầu tiên trên máy hoặc khi có sự chênh lệch giữa tốc độ radar và tốc độ thực tế trên mặt đất trong lúc vận hành không tải trên bề mặt cứng.

**GHI CHÚ:** Trong điều kiện có gió thổi, các thành phần chuyển động như lá cây, bụi hoặc sỏi có thể khiến tốc độ của radar bị sai lệch.

### Chuẩn định độ trượt của bánh



Chuẩn định độ trượt bánh

PC23947—UN—22MAR17

Hiệu chỉnh độ trượt của bánh khi có sự không trùng khớp giữa tốc độ của radar và tốc độ của bánh xe trong lúc vận hành không tải trên bề mặt cứng.

Thực hiện Hiệu chỉnh khi đang lái với một máy không tải trên mặt phẳng cứng, khô, và sạch.

*GHI CHÚ: Chuẩn định độ trượt bánh xe chỉ thực hiện được trên một thiết bị radar được kết nối và được chuẩn định.*

*Đảm bảo tốc độ radar phải chính xác trước khi thực hiện hiệu chỉnh độ trượt của bánh.*

---

AL70325,0000465-83-18DEC17

# Bảo dưỡng—Bảo trì

## Vệ sinh màn hình

**QUAN TRỌNG:** Luôn vệ sinh màn hình khi tắt nguồn. Vệ sinh màn hình khi đang vận hành có thể làm việc chọn nút không đúng.

Để vệ sinh màn hình, tắt nguồn và lau sạch màn hình bằng vải mềm được phun sạch bằng chất tẩy rửa gốc không có amoniac, như chất tẩy rửa đa năng hoặc rửa kính John Deere.

DX,PC,CLEAN,DISP-83-21OCT16

## Cài đặt lại dữ liệu gốc



Thiết lập Trình quản lý tập tin

PC20398—UN—09DEC14

Chọn Cài đặt ở trên cùng ứng dụng Trình quản lý tập để mở Đặt lại dữ liệu gốc.

Tiến hành Cài lại dữ liệu gốc khi chuyển một màn hình giữa các người dùng. Quy trình này sẽ loại bỏ tất cả dữ liệu người dùng khỏi màn hình và không thể hoàn tác. Dữ liệu người dùng bao gồm dữ liệu thiết lập và tài liệu, thông tin dẫn hướng, tổng số và bố cục trang chạy tùy chỉnh. Cài đặt giấy phép, ngôn ngữ và vùng sẽ không được đặt lại. Cần phải khởi động lại sau khi cài đặt lại.

Nên tiến hành cài lại dữ liệu gốc trên CommandCenter G5 trước khi bán máy.

Nên tiến hành Cài lại dữ liệu gốc trên Màn hình đa năng G5 trước khi bán màn hình.

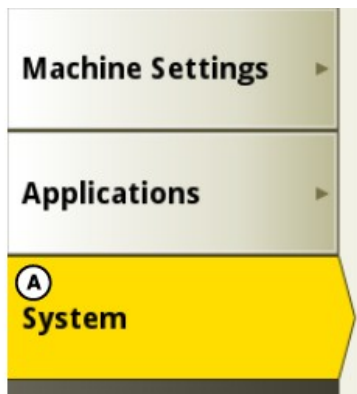
1. Chọn Menu.



Trình đơn

PC28961—UN—24APR23

2. Chọn tab Hệ thống.



Tab Hệ thống

PC28821—UN—21SEP22

3. Chọn Trình quản lý tệp.



Trình quản lý tệp

PC28785—UN—29AUG22

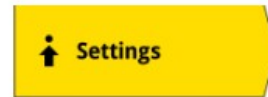
4. Chọn Cài đặt.



Cài đặt

PC28970—UN—24APR23

5. Chọn tab Cài đặt.



Thẻ Cài đặt

PC29090—UN—08MAY23

6. Chọn Bắt đầu cài lại dữ liệu gốc.



PC29091—UN—08MAY23

7. Làm theo lời nhắc trên màn hình.

ch177nn,1660729958790-83-15OCT25

# Danh mục

| <b>A</b>                                       |               |
|------------------------------------------------|---------------|
| An toàn                                        |               |
| Bảo dưỡng an toàn, thực hiện.....              | 02A-2         |
| Biển báo an toàn                               |               |
| An toàn khi vận hành tự động.....              | 02B-1         |
| Máy kéo, vận hành an toàn.....                 | 02A-3         |
| Thông tin an toàn                              |               |
| Khoảng cách thích hợp khi vận hành tự động ... | 02A-7         |
| Lái máy trong quá trình vận hành tự động .     | 02A-7         |
| An toàn, Thanh tìp cùn và tay nạm              |               |
| Sử dụng thang tìp cùn và tay nạm cho ung ..... | 02A-2         |
| An toàn, Tránh chất lỏng có áp suất cao        |               |
| Tránh đầu cao áp.....                          | 02A-6         |
| Ảnh chụp màn hình .....                        | 04D-5         |
| AutoTrac                                       |               |
| Bật .....                                      | 04H-15        |
| Biểu đồ tròn trạng thái.....                   | 04H-13        |
| Công tắc khôi phục.....                        | 04H-15        |
| Gài .....                                      | 04H-15        |
| Kích hoạt lại trên hành trình kế tiếp.....     | 04H-16        |
| Màn hình hoạt động.....                        | 04H-22        |
| Nhả, tắt.....                                  | 04H-22        |
| Tắt .....                                      | 04H-22        |
| Thông báo đã nhả.....                          | 04H-19, 06B-1 |
| Trình dự báo rẽ.....                           | 04H-18        |

| <b>B</b>                                           |        |
|----------------------------------------------------|--------|
| Bảo dưỡng và Hiệu chuẩn .....                      | 07A-1  |
| Bộ phận hệ thống                                   |        |
| Công tắc đi trên đường và công tắc khôi phục ..... | 04H-12 |
| Bộ thu GPS .....                                   | 04G-1  |
| Bộ thu StarFire .....                              | 04G-1  |

| <b>C</b>                                     |        |
|----------------------------------------------|--------|
| Cài đặt                                      |        |
| Dẫn hướng.....                               | 04H-23 |
| Dẫn hướng chính .....                        | 04H-23 |
| Cài đặt cổng COM .....                       | 04B-10 |
| Cài đặt dải đèn .....                        | 04H-13 |
| Cài đặt rãnh đường cong .....                | 05A-4  |
| Cài đặt rãnh tròn .....                      | 05A-1  |
| Cập nhật                                     |        |
| Cài đặt .....                                | 04E-2  |
| Khôi phục.....                               | 04E-2  |
| Lượng tải .....                              | 04E-2  |
| Phần mềm .....                               | 04E-2  |
| CommandCenter                                |        |
| Model màn hiển thị.....                      | 04A-1  |
| Công tắc đi trên đường và công tắc khôi phục | 04H-12 |
| Công tắc khôi phục.....                      | 04H-15 |
| Cờ.....                                      | 04C-15 |

| <b>D</b>                          |               |
|-----------------------------------|---------------|
| Dẫn hướng                         |               |
| AutoPath .....                    | 04H-7         |
| Chi tiết bản đồ AutoPath.....     | 04H-13        |
| AutoTrac                          |               |
| Bật .....                         | 04H-15        |
| Biểu đồ tròn trạng thái.....      | 04H-13        |
| Công tắc khôi phục.....           | 04H-15        |
| Gài .....                         | 04H-15        |
| Tắt .....                         | 04H-22        |
| Thông báo đã nhả.....             | 04H-19, 06B-1 |
| Bộ rãnh .....                     | 04H-12        |
| Cài đặt                           |               |
| Bộ điều khiển chính Bật/Tắt ..... | 04H-23        |
| Rãnh đường cong .....             | 05A-4         |
| Rãnh tròn .....                   | 05A-1         |
| Rãnh xê dịch.....                 | 04H-10        |
| Thanh ánh sáng .....              | 04H-13        |
| Tín hiệu theo dõi .....           | 04H-23        |
| Trình dự báo rẽ.....              | 04H-18        |
| Đường cong AB                     |               |
| Đường thẳng .....                 | 04H-23        |
| Vật cản.....                      | 04H-23        |
| Đường cong thích ứng              |               |
| Đường thẳng .....                 | 04H-24        |
| Vật cản.....                      | 04H-18        |
| Hoán đổi rãnh .....               | 04H-12        |
| Khoảng cách hai rãnh.....         | 04H-12        |
| Tạo rãnh .....                    | 04H-14        |
| Tìm Rãnh .....                    | 04H-14        |
| Tốc độ tối đa .....               | 04H-16        |
| Tốc độ tối thiểu .....            | 04H-16        |
| Tối ưu hóa lái.....               | 05A-1         |
| Xử lý sự cố .....                 | 06B-2         |

| <b>Đ</b>             |        |
|----------------------|--------|
| Đường cong AB        |        |
| Cài đặt .....        | 05A-4  |
| Đường thẳng .....    | 04H-23 |
| Vật cản .....        | 04H-23 |
| Đường cong thích ứng |        |
| Cài đặt .....        | 05A-4  |
| Đường thẳng .....    | 04H-24 |
| Vật cản .....        | 04H-18 |

| <b>H</b>                        |       |
|---------------------------------|-------|
| Hiểu biết các từ tín hiệu ..... | 02A-1 |
| Hiệu chỉnh                      |       |
| Độ trượt bánh .....             | 07A-1 |
| Ra-đa .....                     | 07A-1 |
| Hiệu chỉnh độ trượt bánh .....  | 07A-1 |
| Hiệu chỉnh radar.....           | 07A-1 |

| <b>I</b>        |       |
|-----------------|-------|
| ISOBUS VT ..... | 04F-1 |

## Danh mục

### K

|                            |        |
|----------------------------|--------|
| Khả năng tương thích ..... | 04J-2  |
| Khoảng bảo dưỡng .....     | 07A-1  |
| Khoảng cách hai rãnh ..... | 04H-12 |
| Kiểm tra bảo dưỡng .....   | 07A-1  |

### L

|                   |   |
|-------------------|---|
| Lời nói đầu ..... | 2 |
|-------------------|---|

### M

|                                           |        |
|-------------------------------------------|--------|
| Màn hình điện tử, sử dụng đúng cách ..... | 02A-2  |
| Màn hình hoạt động .....                  | 04H-22 |
| Màn hình làm việc .....                   | 04C-18 |
| Đang ghi .....                            | 04C-19 |
| Máy kéo, vận hành an toàn .....           | 02A-3  |

### N

|                                      |        |
|--------------------------------------|--------|
| Nhà, tắt                             |        |
| AutoTrac .....                       | 04H-22 |
| Nhãn an toàn, không có văn bản ..... | 02C-1  |
| Nhãn, an toàn không có văn bản ..... | 02C-1  |

### Ô

|                                      |       |
|--------------------------------------|-------|
| Ổ đĩa USB                            |       |
| Phương pháp thực hiện tốt nhất ..... | 04D-5 |
| Yêu cầu .....                        | 04D-5 |

### P

|                              |       |
|------------------------------|-------|
| Phần mềm                     |       |
| Cài đặt .....                | 04E-2 |
| Cập nhật .....               | 04E-2 |
| Khôi phục .....              | 04E-2 |
| Lượng tải .....              | 04E-2 |
| Phiên bản .....              | 04E-2 |
| Phím chức năng lỗi tắt ..... | 04A-3 |

### R

|                    |        |
|--------------------|--------|
| Rãnh tròn          |        |
| Cài đặt .....      | 05A-1  |
| Rãnh xê dịch ..... | 04H-10 |

### T

|                             |        |
|-----------------------------|--------|
| Tác vụ ISOBUS .....         | 04C-17 |
| Tạo Rãnh dẫn hướng .....    | 04H-14 |
| Thiết lập công việc .....   | 04C-16 |
| Thương hiệu .....           | 2      |
| Tìm Rãnh dẫn hướng .....    | 04H-14 |
| Tín hiệu theo dõi .....     | 04H-23 |
| Trạng thái máy .....        | 07A-1  |
| Trang vận hành .....        | 04A-2  |
| Trình dự báo rẽ .....       | 04H-18 |
| AutoTrac .....              | 04H-18 |
| Trình đơn .....             | 04A-2  |
| Trình quản lý Cài đặt ..... | 04C-22 |

### Trình quản lý tệp

|                              |       |
|------------------------------|-------|
| Xuất                         |       |
| Ảnh chụp màn hình .....      | 04D-5 |
| Trợ giúp trên màn hình ..... | 04A-3 |
| Trung tâm trạng thái .....   | 04A-3 |

### Ư

### Ứng dụng

|                               |        |
|-------------------------------|--------|
| Bảo dưỡng và Hiệu chuẩn ..... | 07A-1  |
| Bộ thu StarFire .....         | 04G-1  |
| ISOBUS VT .....               | 04F-1  |
| Màn hình làm việc .....       | 04C-18 |
| Trình quản lý Cài đặt .....   | 04C-22 |
| Trung tâm chẩn đoán .....     | 06A-1  |
| Video .....                   | 04C-20 |

### V

### Vận hành

|                                                                             |        |
|-----------------------------------------------------------------------------|--------|
| Thiết lập cánh đồng                                                         |        |
| Chọn cánh đồng .....                                                        | 04C-3  |
| Thiết lập .....                                                             | 04C-5  |
| Xem và điều khiển truy cập từ xa (RA)                                       |        |
| Các bước để khởi tạo Truy cập màn hiển thị từ xa cho Điều khiển từ xa ..... | 04N-1  |
| Video .....                                                                 | 04C-20 |

### X

### Xử lý sự cố

|                 |       |
|-----------------|-------|
| Dẫn hướng ..... | 06B-2 |
|-----------------|-------|